

Tên sách: Trường Sơn-Miền ký ức-Tập 2

Nhà xuất bản: Quân đội Nhân dân

Năm xuất bản: 2009

Tổ chức bản thảo:

BAN LIÊN LẠC CỰU CHIẾN BINH BỘ ĐỘI TRƯỜNG SƠN

- Thiếu tướng VÕ SỞ
- Đại tá BÙI THẾ TÂM
- Thiếu tướng HOÀNG ANH TUẤN
- Đại tá NGUYỄN DUY TƯỜNG

TRÊN TUYẾN TRỌNG ĐIỂM ATP

Đại tá HOÀNG TRÁ

Nguyên Binh trạm trưởng Binh trạm 14

Nguyên Sư đoàn trưởng Sư đoàn ô tô 571

Ngày 31 tháng 10 năm 1968, đế quốc Mỹ tuyên bố ngừng ném bom miền Bắc sau gần 4 năm tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất; không quân Mỹ dồn lực lượng đánh phá tuyến chi viện chiến lược 559 Tây Trường Sơn.

Ngày 5 tháng 1 năm 1968, Mỹ gây ra tập đoàn trọng điểm của chữ A - ngầm Ta Lê - đèo Phu La Nhích trên đường 20A Quyết thắng (mặt danh trọng điểm

ATP). Mỗi ngày đêm 25-30 lần tốp, 65-70 lần chiếc máy bay B.52 đến đánh phá, máy bay trinh sát vòng lượn, gọi cường kích đến đánh sát thương lực lượng khôi phục giao thông vận tải của ta. Ngày nối đêm, đêm nối ngày trên “ATP” rực lửa thiêu cháy mọi sinh vật, tưởng chừng con chuột cũng không chạy thoát.

Các lực lượng công binh Trường Sơn được điều động, tăng cường cho tuyến trọng điểm, hỗ trợ cho Tiểu đoàn 33, Binh trạm 32 bị thương vong khá nhiều. Các đội máy ủi của hai binh trạm 32, 14 hợp lực cố sức khôi phục giao thông, bị tổn thất gần một nửa phương tiện, đường 20A vẫn tắc nghẽn. Binh trạm 14 phải tổ chức gửi công những hàng khẩn cấp vào tuyến trong.

Lúc này, tôi bị thương, vết mổ vẫn chưa lành. Nằm trong nhà hầm chỉ huy theo dõi tình hình, tôi xem lại cuốn sổ ghi chép hoạt động của địch mà đồng chí Tham mưu phó tác chiến chuyển tới:

- Ngày 5 tháng 11 năm 1968:

0h 15’3 tốp, 9 chiếc B.52 đánh Phu La Nhích1 - 1h 30’1 chiếc C130 thả pháo sáng Ta Lê - Phu La Nhích2h2 tốp, 6 chiếc B52 đánh Ta Lê2 - 3h2 chiếc C130 thả pháo sáng Phu La Nhích – Ta Lê3h 15’3 tốp, 9 chiếc B52 đánh Ta Lê – Phu La Nhích3h 30’1 chiếc C130 thả pháo sáng4h2 tốp 4 chiếc F4 đánh cua chữ A4h 30’ – 5h1 chiếc C130 thả pháo sáng ATP5h 30’3 tốp 9 chiếc B52 đánh Ta Lê – Phu La Nhích6h 30’2 tốp 5 chiếc F4 đánh km 857h 15’1 tốp 2 chiếc F4 đánh Ta Lê7h 30’ - 8h 30’2 chiếc OV10 trinh sát ATP9h2 tốp 4 chiếc F4 đánh Ta Lê9h 10’ – 10h2 chiếc OV10 trinh sát ATP11h1 tốp 3 chiếc F4 đánh km 80-8511h 15’ – 12h2 chiếc OV10 trinh sát ATP13h1 tốp 2 chiếc F4 đánh cua chữ A13h 15’ – 14h2 chiếc OV10 trinh sát km 76-8614h 15’1 tốp 2 chiếc F4 đánh km 84-8515h 15’1 chiếc OV10 trinh sát km 86-8715h 45’1 tốp 2 chiếc F4 đánh km 8316h1 chiếc OV10 trinh sát

km 82-8716h 30'1 tốp 2 chiếc F4 đánh của chữ A17h1 chiếc OV10 trinh sát Ta Lê17h 30'2 tốp 3 chiếc B52 đánh Phu La Nhích19h – 20h2 chiếc C130 thả pháo sáng ATP20h 30'2 tốp 6 chiếc B52 đánh Ta Lê – của chữ A21h1 chiếc C130 thả pháo sáng T-P22h2 tốp F4 đánh của chữ A22h 30'1 chiếc C130 thả pháo sáng23h 40'3 tốp 9 chiếc B52 đánh Phu La Nhích – Ta Lê...

Đặt quyển sổ xuống, tôi nhẩm tính: Cường độ đánh phá tăng hơn 2 lần so với trọng điểm của chữ A - Ta Lê đầu mùa khô trước. Đã 5 ngày đêm cường độ đánh không giảm, chỉ thay đổi quy luật thời gian.

Mùa khô 1967-1968, chúng mở trọng điểm dốc của 68 - Ta Lê 105 ngày đêm; mùa mưa 1968 trọng điểm Trà Ang - Xuân Sơn 150 ngày đêm; liệu rằng, ở liên hoàn ATP nó sẽ duy trì cường độ đánh phá này được bao nhiêu ngày đêm?

Trọng điểm nào chúng cũng chọn địa hình hiểm yếu; Liên hoàn ATP đặc biệt hiểm trở, mười cây số đèo cao, dốc lớn, sông sâu, rộng. Ngầm Ta Lê và của chữ A không đáng sợ, vì đã có đường và ngầm 20B hỗ trợ cho 20A. Gai góc nhất là đoạn đỉnh đèo Phu La Nhích dài 3 kilômét (Km 85-88 đường 20A), đường độc đạo men theo sườn núi dựng đứng, taluy dương cao, taluy âm sâu hàng nghìn mét, xe trượt bánh lăn xuống vực chỉ còn là xác vụn.

Công binh có thể đào hầm mai phục giữa trọng điểm nhưng cao xạ 37 ly không cho phép đánh gần, đánh xa ít hiệu quả...

Suy tư còn miên man chưa giải được thì Binh trạm phó Cầu và Chính ủy Việt Phương về.

Hai anh em đến bên giường và ân cần hỏi tôi:

- Sức khỏe anh thế nào rồi?

Tôi định ngồi dậy, Việt Phương ngăn lại...

Tôi nói:

- Sức khỏe đỡ dần, nhưng vết mổ bị nhiễm trùng. Bác sĩ Huệ vừa mắng y sĩ Vinh không làm tròn nhiệm vụ chăm sóc thủ trưởng hậu mổ... Cô ấy đứng khóc sục sùi, tôi đã minh oan cho cô ấy... Thôi, chuyện vặt cho qua, bây giờ hai anh kể chuyện họp ở Bộ Tư lệnh 500 cho nghe đi!

Anh Việt Phương kể: “Cuộc họp do Thiếu tướng Nguyễn Đôn, Tổng tham mưu phó kiêm Tư lệnh 500; Thiếu tướng Lê Quang Đạo - Phó chủ nhiệm Tổng cục Chính trị kiêm Chính ủy 500 chủ trì. Có các đồng chí trong Bộ Tư lệnh, cùng thủ trưởng cơ quan tham mưu, chính trị hậu cần, trưởng ban 67 Bộ Giao thông vận tải (lãnh đạo thanh niên xung phong bảo đảm giao thông tuyến 500); Binh trạm 14 có anh Cầu và tôi dự. Bộ Tư lệnh 500 đã điều động tôi trở lại làm Chính ủy Binh trạm 14 thay anh Đào Mạnh Thúc mới về binh trạm chưa quen người quen việc, trong lúc anh đang ốm, giải pháp tình thế ấy mà”.

Tôi vui mừng khó tả khi nghe đến đó nên ngắt lời anh Việt Phương: Anh nói thật đấy chứ?

Anh Việt Phương nói tiếp: “Bộ Tư lệnh 500 chủ trương không thể “húc đầu” vào sắt thép, phải tìm ra biện pháp hữu hiệu. Trước mắt Binh trạm 14 tiếp tục gửi thồ, đưa những mặt hàng thiết yếu cho Đoàn 559. Tập trung lực lượng mở đường vòng tránh, xa trọng điểm; phối hợp với Binh trạm 32, Đoàn 559 mở đoạn nối tiếp Nam Ta Lê ra đường 20A. Bộ Tư lệnh tăng cường cho Binh trạm 14 hai tiểu đoàn 336, 302 đi B dừng lại, cùng với lực lượng của binh trạm mở đường 20C, do binh trạm phó cầu đường chỉ huy. Chính ủy binh trạm trực tiếp làm công tác chính trị lãnh đạo. Đồng chí tư lệnh nói dứt khoát phải mở xong đường 20C trước tháng 1 năm 1969.

Nhìn bản đồ hướng tuyến bình độ xít vào nhau, anh Cầu đã hình dung hàng loạt khó khăn, công việc phải làm trong khoảng thời gian hẹp đó. Anh nói:

- Vừa khảo sát, thiết kế, chuẩn bị vật tư công cụ, tổ chức triển khai lực lượng thi công một con đường khoảng 28km, trên địa hình rừng núi hiểm trở, chưa có chuẩn bị trước, với lực lượng một trung đoàn thiếu, trong thời gian bốn mươi ngày, thì không thể xong được. Nhưng trước yêu cầu đòi hỏi của chiến trường, phải thi hành mệnh lệnh với bất kỳ cường độ nào, giá nào. Binh trạm 14 quyết tâm hoàn thành đúng hạn; yêu cầu cơ quan Bộ Tư lệnh giúp đỡ kịp thời.

Nghe anh Cầu trình bày, đồng chí Tư lệnh Nguyễn Đôn nở nụ cười hể hả, bắt tay Cầu rung mạnh: “Các đồng chí phải nhớ nguyên tắc tuyệt đối giữ bí mật hướng tuyến, đặc biệt là đoạn vượt sông Ta Lê. Khi mở xong phải có lệnh bằng giấy của Bộ tham mưu mới được sử dụng. Cũng phải suy tính đến biện pháp chuyển tải qua sông, nếu đường ngầm không thể đảm bảo bí mật khi xe qua”. Tư lệnh nhấn mạnh cần làm phương án chuyển tải bán cơ giới bằng cáp treo, kéo hàng qua sông, hoặc bằng cách nào đó?... “Nhưng không được để lộ con đường 20C mới mở, vì để lộ kẻ địch mở trọng điểm mới ngay, lại tắc... Bộ Giao thông đã hứa cử kỹ sư vào, giúp ta phương tiện chuyển tải

bằng dây cáp lớn...”.

Nghe anh Việt Phương kể lại nội dung cuộc họp, tôi rất phấn khởi khi thấy tư tưởng chỉ đạo của Bộ Tư lệnh 500 và các đơn vị phối hợp đã phần nào định hướng cho chúng tôi cách thức giải tỏa trọng điểm. Tôi nói với anh Việt Phương và anh Cầu:

- Đúng, chúng ta phải mở ngay một con đường vòng xa trọng điểm. Làm xong ta bí mật dồn toàn bộ xe vận tải, binh khí kỹ thuật, xe kéo pháo... của toàn tuyến 559 đang nằm chờ, nhập tuyến vào các chiến trường. Nếu phải áp dụng chuyển tải, thì tăng, pháo, binh khí kỹ thuật tự hành phải tìm biện pháp giải quyết... Thôi, để đấy tính sau. Bây giờ hai anh em đi ăn cơm, nghỉ trưa, còn bao nhiêu công việc phải triển khai chiều nay cho kịp tối đi mở đường; còn tôi cũng phải vào đội điều trị ít hôm nữa, theo yêu cầu của bác sĩ đội trưởng Nguyễn Văn Lân.

2

Ngày tối hôm đó, cán bộ tham mưu, chính trị, hậu cần... tất cả cơ quan chỉ huy sở tiền phương binh trạm lên hai chiếc xe tải, cùng chiếc xe con đi đút vuông rồi chỉ huy sở cơ bản (Cổ Giang) lên phân trạm C. Sau khi giao nhiệm vụ cho thượng úy Nguyễn Khoa, tiểu đoàn trưởng 335 và thượng úy Quách Bận, tiểu đoàn trưởng 336, chúng tôi lại dự cuộc họp cán bộ từ trung đội trưởng trở lên của hai tiểu đoàn, để chỉ đạo chấn chỉnh tổ chức biên chế từng phân đội cho phù hợp với tổ chức thi công dây chuyền. Sau đó, đồng chí Cầu lại dẫn cán bộ đến từng khu vực để thị sát, giao nhiệm vụ tại thực địa. Kế hoạch thi công ứng dụng theo trình tự đặc biệt: làm đường vận tải chiến lược quân sự làm gấp trong chiến tranh; các công việc: thị sát, khảo sát, duyệt tuyến, chuẩn bị vật tư công cụ, thi công phải tiến hành đồng thời.

Hôm sau, Binh trạm phó Cầu lại vượt sông sang phía Nam để xác định vị trí tiếp nối đường ngầm bắc - nam Ta Lê và hợp đồng với Binh trạm 32, mở đoạn bờ nam Ta Lê.

Tuy đã mệt, nhưng anh Cầu không chịu nghỉ khi công việc chưa đến đâu đến đâu. Tuy vậy, vẫn còn bao nhiêu việc bề bộn chưa thể yên tâm. Máy húc, xe Ben chưa được bổ sung, thuốc nổ, lương thực, hỏa cụ còn quá ít... nhưng không được phép chờ đợi, vẫn cứ phải làm. Biết chiến thuật “vừa chạy vừa xếp hàng” quả thật khó khăn, bao nhiêu trở ngại sẽ diễn ra... nhưng chiến tranh, kẻ địch chẳng đợi ta. Song mối lo lớn nhất là tìm cho ra điểm thọc qua dãy núi Ca Phung ở chỗ nào, khiến cho Cầu trần trọc mãi.

Sau ba ngày đi khảo sát thực địa, chúng tôi trở lại trạm chỉ huy bắc Ta Lê vào lúc đứng bóng. Cậu Tánh đứng đón chúng tôi ở chân dốc, nói:

- Chào thủ trưởng! Tánh cười: - Các thủ trưởng mệt rồi, em mang cả hai ba lô cho hai thủ trưởng.

Tôi nắm chặt bàn tay Tánh, nói:

- Cảm ơn, tốt nhất cậu về trước chuẩn bị cho tụi mình ít nước uống, sau đó cho bữa cơm, đói lắm rồi.

- Báo cáo, đã sẵn sàng cả rồi ạ.

- Thế hả, tinh thần chủ động quá đi thôi...

Trung úy, kỹ sư Phạm Thọ lặng lẽ trải bản đồ rồi vuốt vuốt cho phẳng. Đường 20A vẽ chì đỏ, các điểm dịch đánh tặc đánh dấu ký hiệu màu đen, đường 20C vẽ chì đỏ cắt khúc, điểm đầu tách khỏi đường 20A ở Km 74, vòng xuống hạ lưu cách ngầm 20A Ta Lê khoảng 8 kilômét và nhập vào đường 20 ở Km 105, dài khoảng 28 kilômét. Thọ mở tiếp tập bản vẽ đã tính cụ thể khối lượng đất đá, hạ cây của từng cây số. Riêng đoạn uốn khúc dưới chân núi Ca Phung, cắt lừng chừng tỉnh Ta Xét 1.211 mét, vượt đỉnh Ca Phung và vượt sông Ta Lê thì chưa tính toán được, bởi vì chưa tìm ra điểm chọc thùng bức thành đá và đoạn trống trải dài khi làm ngầm vượt sông Ta Lê, điều mà Bộ Tư lệnh 500 đặc biệt lưu ý...

Sau khi uống xong ngụm nước, Cầu thông thả nói:

- Dải Ca Phung đá xanh xen kẽ đất sỏi, nó chặn ngang trục đường định mở; với những bình độ này, không hy vọng làm dưới một vạn khối trên một kilômét.

Cầu rút thuốc lô-ga-rít kiểm tra, rồi nói tiếp:

- Tôi nhầm tính, nếu mỗi cây số làm sáu mét khối, vị chi hai nghìn bảy trăm công trên một cây số. Như vậy, muốn làm xong một cây số, trong bốn mươi ngày, phải có chín mươi đến một trăm người, mười cây số cần có chín trăm đến một nghìn người, chưa kể hai mươi cây số còn lại dù khối lượng đất, đá, chặt cây ít hơn. Thế mà quân số ta chỉ có non nghìn người kể cả gián tiếp, chỉ huy, phục vụ... Thời gian bốn mươi ngày thật khó mà làm xong. Cậu Thọ thấy thế nào? - Nói xong, Cầu cầm điệu cày châm lửa.

- Báo cáo... Thọ ngần ngừ một chút... theo ý tôi tính toán thế này chưa sát ạ.

Cầu đang hút thuốc缭绕 dừng lại, mở to mắt nhìn Thọ...

Tôi nhìn thấy một thoáng ngần ngại trên gương mặt người kỹ sư trẻ.

Chính ủy cười, nói xen vào:

- Đây là cuộc trao đổi dân chủ kỹ thuật... Đề nghị Thọ cứ nói thật hết ý mình đi.

Thọ nói tiếp:

- Tôi nghĩ dự kiến chưa sát vì lẽ chúng ta mới chỉ đi được một số đoạn chính, còn vẫn dựa theo bản đồ mà tính. Bản đồ này do Pháp sản xuất, chưa được tu chỉnh. Các nhà đồ bản phần lớn đều quan sát theo phương pháp đo đạc điển hình từng hệ thống núi. Trong thực tế các dãy Phu La Nhích, Co Rai, San Cao... đã mở đường 20 trên thực địa đều khác xa với bản đồ. Anh em khảo sát của ta trình độ khá, nhưng chưa nhờ được những ông già người địa phương sống lâu năm làm nghề săn bắn ở đây giúp đỡ, cho nên chưa tìm được những khe hở trong dãy núi, mà ta có thể luồn lách được đấy thôi..., còn có thể tìm ra lối đi ít khối lượng hơn.

Đã hết cách thuyết phục cấp lãnh đạo Ban 67. Chúng tôi đến gặp Đội 25 thanh niên xung phong, trước là thăm hỏi, sau gợi ý xem sao? Dù sao cách đây chưa đầy tháng họ còn trực thuộc binh trạm. Chu Đức Châu, đội trưởng niềm nở đón chúng tôi, tay bắt mặt mừng. Sau khi trò chuyện, chúng tôi đưa thẳng vấn đề ra bàn...

Châu nói:

- Chúng em với Binh trạm 14 đâu phải người dưng, đã là đồng đội cùng trên tuyến đường 20 bốn năm nay. Lúc trực thuộc, phối thuộc, phối hợp với binh trạm, trước sau nhiệm vụ chúng em chỉ có: mở đường bảo đảm giao thông cho Binh trạm 14, vận tải chi viện miền Nam... Chúng em sẵn sàng chi viện hai máy ủi C100 và một trung đội đi cùng, lên chi viện mở đường 20C - “Thật là một con người dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm và có việc làm tình nghĩa” - Tôi thầm nghĩ.

Từ hôm đó, trên đường 20C dấy lên phong trào thi đua: “Tiến gấp về miền Nam thân yêu”. Từng đại đội tính chặng đường đã đi của đơn vị mình bằng khối lượng đất đá quy ước. Các đại đội xe, kho, thanh niên xung phong, pháo cao xạ tới tấp gửi thư, quà tặng đến chúc đội quân “mở đường mà đi”, vượt mức về đích sớm nhất.

Thủ trưởng binh trạm treo giải thưởng một chiếc đài bán dẫn Li Đô và bộ loa cho đại đội nào cầm cờ tới đích (tượng trưng) thành phố mang tên Người.

Suốt ngày đêm, trên con đường đang mở, bám theo sườn núi, chân lèn, suối cạn, dưới rừng cây rậm rịt, không khí trở nên sôi động lạ thường. Chỗ nào cũng rực cờ, băng rôn, biểu ngữ cổ động... Mỗi chiến sĩ dán lên mũ lời hứa, mỗi tiểu đội chằng khẫu hiệu hành động ở nơi thi công..., các bản thống kê thành tích kỷ lục viết lên giấy xanh đỏ dán khắp nơi, những quyết tâm thư của tiểu đội, đại đội, tiểu đoàn tới tấp gửi lên cấp trên trực tiếp.

Thật là, số lượng chỉ cho ta khả năng về sức mạnh, còn tinh thần mới đảm bảo cho khả năng ấy nhân lên...

3

Đội phẫu thuật điều trị 52, ở hang chân lèn đá cạnh suối, cách trọng điểm Trà Ang 500 mét. Sáu tháng qua, ngày nào cũng có thương binh từ các trọng điểm Trà Ang, Khe Diêm, Xuân Sơn... đưa đến cứu chữa.

Vừa mới được hưởng không khí thanh bình năm ngày địch ngừng bắn miền Bắc. Hôm nay, lại hồi hã kẻ khiêng người vác dụng cụ, thuốc men, ra xe ô tô di chuyển vào Khe Tum để tiếp nhận thương binh từ trọng điểm ATP gửi về.

Số thương binh cũ trả về đơn vị hoặc chuyển ra tuyến sau điều trị tiếp. Tôi được bác sĩ đội trưởng cùng các y sinh chăm sóc đặc biệt, bốn ngày hôm nay cũng lên xe con về cơ quan binh trạm ở Cổ Giang.

Trần Thiết (tham mưu phó) nói nhỏ với tôi:

- Phái đoàn cụ Đinh Đức Thiện - Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần đang họp với thủ trưởng và cơ quan binh trạm. Cụ Đinh đang “quạt” cái tội chủ quan, mất cảnh giác, để xe cộ, hàng hóa nghênh ngang trên bến bãi Khương Hà, Cù Lạc...

- Tôi biết tính cách ông ấy: nóng công việc, nhưng rất thương cán bộ, cấp dưới. Lúc cụ đang nóng, để cụ nói cho hả, ta hãy chăm chú nghe, phụ họa, thỉnh thoảng mỉm cười hoặc nhận lỗi... đợi lúc bình tâm thì báo cáo, “cụ” chịu nghe và quyết đoán công việc triệt để đạt lý, thấu tình người.

Tôi đang nói với Thiết thì bác sĩ Huệ, chủ nhiệm quân y binh trạm vào. Huệ nói:

- Sức khỏe thủ trưởng suy nhược, với trách nhiệm chuyên môn, tôi yêu cầu thủ trưởng ra tuyến sau điều dưỡng một thời gian...

Tôi nói:

- Trong con người tôi đang có hai cái muốn: đi ra sau điều trị an dưỡng, hoặc lên Ta Lê với đồng đội. Để tôi suy tính và gặp cụ Đình xem sao, rồi sẽ quyết định sau.

Chiều hôm ấy, tôi xuất hiện bất ngờ, cụ Đình bắt tay tôi rung rung mừng vui như cha con lâu ngày mới gặp...

Ông nói:

- Tao nghe nói mày đi điều trị, sao về đây?... Trông mày yếu lắm, hãy về Hà Nội điều trị, an dưỡng một thời gian, thăm vợ con, rồi hãy vào. Công việc đã có Việt Phương tạm thay.

Tôi nói:

- Cảm ơn anh đã thương tôi, Bộ Tư lệnh 500 cũng có ý kiến như anh. Nhưng để tôi suy tính... Hay là anh cho tôi về với mẹ tôi ở Võ Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình để mẹ bồi dưỡng sức khỏe cho sớm trở lại với đơn vị... Mẹ tôi ở một mình với em dâu tôi, chồng nó đang ở mặt trận Vĩnh Linh, Quảng Trị.

- Thế ông cụ đâu?

- Bố tôi bị giặc Pháp bắt, rồi bắn bởi tội làm Việt Minh - cộng sản. Khổ thân mẹ, mất chồng lúc bốn mươi tuổi, một mình nuôi con, lớn lên đi đánh giặc, hai đứa chết, hai đứa đi xa... thân mẹ già yếu, hết giặc Pháp giam cầm vì tội “để chồng con làm Việt Minh, cộng sản”; đến khi cải cách ruộng đất quy sai thành phần... Rồi giặc Mỹ lại đến ném bom triệt hạ nhà cửa thôn Hà, bà bị tội chứa giấu xe trước lúc qua phà Quán Hàu. Mẹ cùng dân làng phải sống chui lủi ở cồn cát trắng chang chang nắng trưa Quảng Bình.

*

Một hồi chuông điện thoại đổ dồn trong đêm khuya nghe càng rõ. Tôi nhòm người dậy đã thấy Cầu với lấy ông nghe đặt vào tai, một tay vịn to chiếc đèn bão. - Báo cáo anh, nghe rõ... vâng, vâng... anh lướt nhanh ngòi bút trên giấy. Vâng, tôi nghe rõ - Báo cáo anh, chúng tôi quyết tâm thông đường như Bộ Tư lệnh quy định. - Còn đường ngầm vượt sông, chỗ này rộng 82 mét, chưa làm theo điện Bộ tham mưu... - Cầu lắng nghe rồi nói: - Báo cáo tư lệnh, cho phép tôi được nói nhận thức của công tác nghiệp vụ; đã làm đường mà không vận tải cơ giới lớn thì vô nghĩa... - Vâng, vâng, tôi luôn nhớ là sĩ quan chỉ huy công binh trên tuyến chi viện chiến lược ạ!... - Nhưng nếu không có xe vượt sông, mà tổ chức chuyển tải, thì sẽ sử dụng bao nhiêu nhân lực mới đưa đủ hàng trăm tấn hàng một đêm?... Còn mặt bằng ở hai bờ sông để xây kho, lán, giấu xe hạ hàng đóng gói lại... sẽ giải quyết ra sao? - Vâng, chúng tôi đã tính phải phát quang bốn ngàn mét vuông và làm năm cây số

đường ra vào dã chiến, tránh ùn tắc. Còn phải có bãi tập kết cho xe, nơi ăn nghỉ cho lái xe, rồi nấu nướng ăn... lúc đó lửa khói bốc lên, đường kín trở thành hồ.

Tiếng nói trong máy bơm cao hẫng lên, vọng cả ra ngoài: “Nói như đồng chí có nghĩa là không chuẩn bị chuyển tải rồi? Không chấp hành mệnh lệnh phải không?”.

Da mặt Cầu căng lên, mồ hôi trán lấm tấm... Chờ cho người ở đầu dây bên kia bớt nổi nóng, anh mới trình bày từ tốn:

- Báo cáo tư lệnh, từ khi vào lính, bây giờ đã hai thứ tóc, tôi chưa bao giờ không lại nói có. Đơn vị đã tốn hơn trăm công để hạ cây, phát bãi, dựng cột, làm đường... nhưng đến bây giờ vẫn chưa nhận được dây cáp, tời của Bộ tham mưu gửi vào theo hợp đồng. - Vâng, vâng, tôi đã phát hết cây con dưới rừng già, dựng kho lán, xong cũng chỉ nhận được dưới hai mươi xe thôi.

Tiếng máy lại vang to:

- Điều này đồng chí không quên chứ? Hiện nay, đường là một thứ vũ khí. Khi nào sử dụng đường 20C phải có lệnh của Bộ Tư lệnh 500.

- Báo cáo, rõ. Tuy lúc này chưa cho thông “ngầm”, nhưng cho biết khi nào được phép làm đường ngầm vượt sông để chuẩn bị vật liệu, chỉ riêng đá học chỉ ít nghìn khối.

Tiếng nói trong máy có vẻ bức bối:

- Tinh thần chủ động thì tốt, nhưng các đồng chí lại tỏ ra không tích cực thực hiện kế hoạch chuyển tải bằng cáp.

- Báo cáo tư lệnh, những việc cần làm chúng tôi đã làm cả rồi, xin cử người vào kiểm tra. Nhưng với tư cách người trên tuyến vận tải chiến lược, tôi kiến nghị phải làm ngầm cho xe vượt sông, chứ không phải để chuyển tải cò con.

Tiếng nói bên kia vọng lại:

- Đâu có đơn giản vậy. Nếu cho xe vượt sông bị lộ “ngầm”, địch đánh lại tắc như ngầm 20A, cua chữ A - Phu La Nhích...

- Báo cáo tư lệnh tôi nghĩ thế nào thì cũng phải thông ngầm mới vận tải lớn và tăng, pháo, binh khí kỹ thuật mới vào chiến trường đánh lớn được chứ!

Tiếng nói trong máy cắt ngang lời Cầu:

- Chứng tỏ đồng chí không chấp hành mệnh lệnh chuyển tải. Nếu con đường 20C bị lộ, địch đánh xuống, đồng chí là người chịu trách nhiệm trước tiên.

Nghe cuộc đối thoại, tôi không hiểu vì sao lại hình thành chủ trương chuyển

tải vững chắc đến thế? Hễ động đến, vấp phải đánh phá ác liệt của địch thì tâm lý chuyển tải ló ra. Nghe đâu loáng thoáng ông Hoàng Anh đang đi vào, nghiên cứu lập lại đường dây “thống nhất” trở lại gùi, thồ, vận tải thô sơ... như thế thì cứu đói cũng không xong, chứ nói gì phục vụ đánh to, thắng lớn.

Chúng tôi đang “trên đe dưới búa”. Bộ Tư lệnh 500 kiên quyết đòi sẵn sàng chuyển tải; Bộ Tư lệnh 559 thì kiên quyết phải làm ngầm thông xe. Hôm qua Tư lệnh Đoàn 559 Đồng Sỹ Nguyên đã gọi điện thoại đặt thẳng vấn đề: Nếu Binh trạm 14 không làm ngầm, tôi cho Binh trạm 32 làm. Tuyến 559 không tổ chức lực lượng nhận chuyển tải bờ nam Ta Lê đâu!... Một tình thế khó xử... Không có chuyện động cơ gì ở đây, mà là hai cách nhìn... thật ra chân lý đã được kiểm nghiệm trên đường 20 rồi. Làm gì có con đường bí mật tuyệt đối vĩnh viễn, khi địch ra sức trinh sát bằng kỹ thuật điện tử hiện đại. Chỉ có thể yêu cầu kéo dài thời gian che mắt địch được bao lâu thôi và tranh thủ vận chuyển lớn nhất trong thời gian con đường mới mở chưa bị lộ, dù là ngắn nhất.

4

- Alô, tổng đài! Cho tôi nói chuyện với 601...

Nghe đầu máy bên kia tiếng khịt... khịt, tôi biết đó là Tư lệnh Đồng Sỹ Nguyên.

- Chào anh, anh khỏe chứ?

- Vâng, vẫn khỏe, nghe nói cậu ra tuyến sau điều trị sao vào nhanh thế?

- Tôi chỉ về thăm mẹ ở Võ Ninh. Mẹ tôi bồi dưỡng cho được năm hôm. Hàng ngày bà con đến thăm kể chuyện: “Xe chưa qua nhà không tiếc, đường chưa thông không tiếc máu xương”..., sốt cả ruột, năm không yên, tôi vội lên đây...!

- Đã nắm tình hình binh trạm chưa?

- Dạ, rồi ạ. Xin ý kiến anh, Binh trạm 14 nên làm như thế nào nữa để sớm đưa hàng vào cho 559.

Ngừng một lát mới nghe tiếng anh:

- Thế cậu đã xin ý kiến Bộ Tư lệnh 500 chưa?

- Rồi ạ. Nhưng anh biết đấy: trọng điểm ATP nằm giữa địa giới Binh trạm 14 Bộ Tư lệnh 500 với Binh trạm 32 Bộ Tư lệnh 559. Địch chỉ có một, thống nhất chỉ huy. Còn ta hai binh trạm, hai bộ tư lệnh cùng chỉ huy một trọng điểm, “lắm cha con khó lấy chồng”. Hiện tại ý kiến của hai bộ tư lệnh khác nhau về giải tỏa trọng điểm. Đó là điều khó cho chúng tôi, đề nghị anh cho chỉ thị. Tôi biết cách chấp hành mệnh lệnh của cấp trên trực tiếp (Bộ Tư lệnh 500); đồng thời chấp hành chỉ thị của cấp trên gián tiếp, mà anh là Phó chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần kiêm Tư lệnh 559, hơn nữa cách đây mấy tháng anh là thủ trưởng trực tiếp của tôi...

- Thế cậu muốn gì ở mình thì nói đi.

Tôi nói tiếp:

- Việc mở đường vu hồi 20C gần một tháng nữa mới thông, không thể ngồi đợi... Bên ấy đã có anh Phương và anh Cầu chỉ huy thi hành mệnh lệnh Bộ Tư lệnh 500. Tôi đề nghị có sự phối hợp Binh trạm 32, 14 khôi phục đường và ngầm 20A, 20B, đánh địch mà đi; nghi binh thu hút địch về phía thượng lưu ngầm 20B. Tôi sẽ trực tiếp chỉ huy vận chuyển mũi này.

Anh Nguyễn nói: Tôi đồng ý, sẽ chỉ thị cho Binh trạm 32 phối hợp hành động. Cậu gặp anh Đại, anh Ngữ, thủ trưởng Binh trạm 32 bàn bạc thực hiện, có gì khó khăn báo cáo mình chỉ viện...

Vừa đặt máy xuống, tiếng chuông lại đổ dồn. Tôi nhắc máy:

- Chào binh trạm trưởng... Anh đã khỏe rồi ư? Sao lên nhanh vậy?
- Tạm khỏe, ai lại nằm yên, để các anh lo lắng việc thế.
- Các anh cứ lo việc mở đường, tôi không qua đó đâu...
- Bộ Tư lệnh chỉ thị khôi phục đường 20A ạ?
- Vâng, chiến trường kêu cứu, không thể ngồi chờ đường 20C thông.
- Phải chấp nhận mở đường máu mà vận chuyển như Trà Ang... không thể lùi mãi anh ạ. Hơn nữa có vận chuyển qua ATP mới thu hút địch vào đây, tạo thuận lợi cho bên ấy mở đường C. Đề nghị các anh cho cậu Thọ về đây giúp tôi có được không?
- Tôi sẽ trao đổi với anh Cầu. Theo tôi thì được - Việt Phương nói.

Sáng nay giao ban, tham mưu vận chuyển báo cáo: Xe Binh trạm 12 nhập hàng tổng kho A là 100 xe; xe Tiểu đoàn 781 vận chuyển A lên B là 80 xe; hàng ở tổng kho A đầy ắp, hết chỗ chứa. Bộ Tư lệnh chỉ thị kể từ ngày 1 tháng 12, Binh trạm 12 giao hàng cho Binh trạm 14 ở U Bò, còn Binh trạm 14 giao hàng cho Binh trạm 12 ở tổng kho K4 Lùm Bùm...

Tham mưu tác chiến báo cáo: có tin “kỹ thuật”, kẻ địch đã tung thám báo biệt kích xuống vùng Ta Lê.

Chúng sử dụng bọn “mũ nồi xanh” huấn luyện cho phi mọ, có thể dùng những tên người địa phương thuộc đường, để lẩn tránh ta. Máy vô tuyến 2W của ta đã bắt được làn sóng lạ. Máy bay trinh sát 15 lần chiếc đánh phá; B.52 - 15 lần tốp, 35 lần chiếc; cường kích 10 lần tốp, 20 lần chiếc.

Bộ Tư lệnh phòng không 367 đã chỉ thị cho Trung đoàn cao xạ 224 lên đánh khu vực bắc Ta Lê, Trung đoàn tên lửa 238 đưa một tiểu đoàn lên phân trạm C đánh B.52 ở ATP; lập chỉ huy sở phòng không tiền phương bên cạnh chỉ huy sở binh trạm để phối hợp chiến đấu bảo vệ vận tải vượt khẩu.

Qua trao đổi bàn bạc, Binh trạm trưởng hạ quyết tâm giao nhiệm vụ: Đồng chí Đoàn (Binh trạm phó tác chiến), sử dụng Đại đội 16 bộ binh phối hợp với công binh tại chỗ, tổ chức lùng sục truy quét bọn thám báo biệt kích ra khỏi địa bàn khu C. Hợp đồng với Trung đoàn trưởng Trung đoàn 224 bố trí ba tiểu đoàn cao xạ 37, 57 ly cùng đại đội 12,7 ly, 14,5 ly của binh trạm tập trung đánh bảo vệ của chữ A, ngầm 20A, 20B bắc Ta Lê. Hợp đồng với Binh trạm 32 cho tiểu đoàn cao xạ 37, 57 và 100 ly đánh bảo vệ đèo Phu La Nhích. Đối tượng tác chiến chủ yếu hạ máy bay trinh sát và cường kích, ít ra cũng buộc chúng phải bay cao, trinh sát, đánh phá ít hiệu quả. Chú ý bố trí trận địa tránh đường bay của B.52 rải thảm Phu La Nhích - Ta Lê... Phối hợp với Trung đoàn 238 giúp họ mở đường đưa tiểu đoàn tên lửa vào bố trí ở đỉnh đồi Km 67 như đã hợp đồng để đánh B.52.

Đồng chí Thiết, Tham mưu phó vận chuyển tổ chức di chuyển Tiểu đoàn xe 781 lên đóng ở U Bò - Khe Tum và Ka Roòng, chuẩn bị mọi mặt cho Tiểu

đoàn 781 sẵn sàng vận tải, vượt qua ATP giao hàng cho Binh trạm 32 ở kho K4 Lùm Bùm, mở rộng kho phân trạm B thành tổng kho, đủ sức tiếp nhận hai tiểu đoàn xe, xếp, dỡ hàng cùng một lúc.

Đồng chí Thọ, Tham mưu phó cầu đường, sử dụng một đại đội của Tiểu đoàn 335 và một máy ủi, phối hợp với Tiểu đoàn 33 Binh trạm 32 khôi phục giao thông, sử dụng một tiểu đội làm nhiệm vụ nghi binh thu hút địch...

Còn hai tham mưu phó tác chiến giao liên (Ngọc và Thám) giúp cho việc tổ chức chỉ huy di chuyển chỉ huy sở binh trạm lên phân trạm C, nhanh chóng thiết lập hệ thống thông tin để chỉ huy sở binh trạm chỉ huy trực tiếp, kịp thời đến các đơn vị trực thuộc, phối thuộc, phối hợp chiến đấu, vận chuyển trên liên hoàn trọng điểm.

Tất cả mọi việc phải hoàn thành gấp cho kịp ngày N mở đột phá khẩu qua ATP.

5

Cuộc họp tan, tôi xuống đường, các đồng chí đi cùng ngồi sẵn trên xe. Thượng sĩ Phạm Vũ Điền lái chiếc xe con lao nhanh trên con đường 20, qua tỉnh lộ 2 gập ghềnh, hai tay tôi nắm chặt thanh vịn, cổ chịu xóc và động viên Điền cứ phóng, để kịp gặp anh Phùng Thế Tài trước 14 giờ. Xe dừng trước sân cơ quan huyện đội Bố Trạch, tôi thấy ông Phùng Thế Tài - Tổng tham mưu phó đang đi đi, lại lại trước hàng hiên có vẻ sốt ruột...

Tôi bước đến trước mặt, đứng nghiêm báo cáo:

- Tôi, Hoàng Trá, Binh trạm trưởng Binh trạm 14 có mặt.

Đồng chí Tài và đồng chí Phí Triệu Hàm - Cục phó tác chiến theo dõi vận tải lần lượt bắt tay tôi và mời vào phòng họp.

Tôi thúc đồng chí Vinh, trợ lý tác chiến binh trạm treo sơ đồ trọng điểm ATP lên bảng đen.

Đồng chí Phùng Thế Tài nói:

- Các tư lệnh chiến trường tới tập điện khẩn ra Bộ kêu đói gạo, đói đạn... dù vào mùa khô vận tải chiến lược đã một tháng. Tuyến chi viện chiến lược bị chặn đứng ở hai cửa khẩu Ta Lê - Phu La Nhích và Xiêng Phan - Mụ Giạ... Giao ban tổng hành dinh “Tổng tư lệnh” sốt ruột đứng ngồi không yên nên cử

tôi và anh Hàm vào đây... Các đồng chí báo cáo cho tôi nghe tình hình, xem có cách gì và bao giờ thông đường vận chuyển.

Tôi chỉ lên bản sơ đồ báo cáo tình hình và quyết tâm kế hoạch giải tỏa trọng điểm tiến hành vận chuyển của binh trạm...

Đồng chí Tài tai lắng nghe, chân bước nhẹ đi lại, suy nghĩ đăm chiêu, thỉnh thoảng vỗ tay lên trán trông chừng suy nghĩ mung lung lắm...

Đột nhiên, ông ngồi xuống, giơ tay cắt ngang lời tôi. Ông nói:

- Nghe đồng chí trình bày, tôi đã hình dung được: địch đã chọn được địa hình đặc biệt hiểm yếu để ngăn chặn ta; cường độ đánh phá ác liệt, mật độ dày đặc khép kín thời gian và không gian, trên trọng điểm ATP như chúng nói: “Con chuột không chạy thoát”. Nếu là kế hoạch thuần túy tác chiến tiến công, phòng ngự tiêu diệt địch thì tôi đã nghe tỉ mỉ và tham gia ý kiến với các đồng chí. Còn kế hoạch: “Đánh địch mà đi, mở đường mà vận chuyển”, thú thật tôi không biết và không có kinh nghiệm hơn các đồng chí ở binh trạm... Đồng chí chỉ cho tôi biết bao giờ mới thông đường, vận tải được? Và có đề nghị gì với Bộ Tổng tham mưu, để tôi về báo cáo với anh Văn chỉ viện cho các đồng chí sớm thông đường - vận chuyển, có vậy thôi...

Tôi đứng dậy, nói quả quyết:

- Hai Binh trạm 32, 14 và Trung đoàn 224 cao xạ đã triển khai lực lượng, cao xạ và công binh chiếm lĩnh trận địa, đào công sự trên liên hoàn trọng điểm... Sau năm ngày đêm sẽ khôi phục thông đường cho Tiểu đoàn xe 781 của Binh

trạm 14 vận chuyển qua trọng điểm ATP; đồng thời mở đợt thi đua đợt kích thông đường 20C trước ngày 31 tháng 12. Lúc đó, hàng nghìn xe, pháo, binh khí kỹ thuật tự hành sẽ bí mật vượt qua. Sau khi phá thế độc đạo Phu La Nhích, chúng tôi thực hiện vừa đánh địch, vừa tránh địch mà đi, vận chuyển cả ba trục đường 20A, 20B và 20C để bù lại cho những ngày đầu mùa khô bị tắc.

Đề nghị Bộ Tổng tăng cường cho hai máy ủi C100, hai chiếc xe Ben; nếu được cho thêm một đoàn quân đi B tạm dừng lại một tháng, chi viện mở đường 20C sẽ thông sớm hơn.

Ông Tài nói:

- Tốt rồi! Bộ Tổng yên tâm chờ đợi... Tôi sẽ báo cáo đầy đủ với anh Văn. Bộ Tổng tham mưu sẽ chi viện trực tiếp cho Binh trạm 14 theo yêu cầu của đồng chí.

Ông đứng dậy bắt tay tôi và nói:

- Tình hình nhiệm vụ đang khẩn trương, đồng chí về cho kịp triển khai công việc!

Tôi về đến chỉ huy sở binh trạm đã hai mươi một giờ. Đồng chí Thọ trải bản đồ lên bàn. Ban chỉ huy binh trạm chụm đầu nghe anh Thọ báo cáo:

- Tiểu đoàn công binh 33 Binh trạm 32 do tiểu đoàn trưởng Đỗ Xuân Diễm chỉ huy, đã bố trí hai đại đội, hai máy ủi, ba xe Ben ở các hang đá lớn 34, 35, 82, 86... các hầm chữ A, trú ẩn, mai phục dọc đường từ Phu La Nhích về ngầm 20A, 20R, cua chữ A...

- Tiểu đoàn 335 Binh trạm 14 bố trí một đại đội, một máy ủi, hai xe Ben ở các hang, hầm từ Km 68 đường 20A, đường 20B đến ngầm 20B. Địch đánh xa, ta đánh gần, sau năm phút địch thôi đánh, chiến sĩ công binh đã có mặt để san lấp hố bom, rút về hầm trú ẩn trước năm phút khi địch đánh tiếp đợt khác (theo quy luật).

- Quyết tâm của công binh: Sau năm ngày đêm san lấp xong khoảng hai vạn khối đất đá, trả lại mặt đường cũ. Từ đó trở đi ban ngày địch cường kích đánh phá đường đến đâu, ta san lấp luôn, không để tồn đọng qua đêm.

Ban đêm, sau đợt B.52 đánh ba mươi đến sáu mươi phút, máy ủi và công binh sẽ thông đường cho xe qua trước lúc B.52 đến đánh đợt khác.

Tiếp đó, đồng chí Đoàn báo cáo: - Trung đoàn 224 đang triển khai trận địa, quyết tâm đánh bại máy bay trinh sát, không cho chúng bay thấp trên trọng điểm; đánh cho máy bay cường kích không “ôm bom đặt giữa tim đường” như Tư lệnh Đồng Sĩ Nguyên nói; còn B.52 để đẩy chờ tên lửa và không quân...

Tôi nói:

- Thôi, việc đánh địch, khôi phục giao thông, vận tải vượt qua trọng điểm,

bốn năm qua quân ta dày dạn kinh nghiệm, có thể nói là thiện chiến. Bây giờ, đồng chí Thọ báo cáo kế hoạch nghi binh thu hút địch.

Anh Thọ chỉ lên bản đồ nói: - Khu vực hạ lưu thì rộng, dễ làm đường, nhưng gần hướng mở đường 20C. Đề nghị làm đường ngầm giả nghi binh thu hút địch về phía thượng lưu, chỗ này cách ngầm 20B khoảng 1km đường chim bay. Đoạn này đường vượt sông lộ rõ, địch dễ bị lừa.

Nghe anh Thọ báo cáo, tôi chấp nhận phương án đã vạch ra và hỏi: - Thế các anh định giao cho đơn vị nào đảm nhiệm?

- Đề nghị điều một tiểu đội của Đại đội 3 Tiểu đoàn 335, vốn thông thạo địa hình vùng này...

6

Kế hoạch đã được thống nhất, chúng tôi khẩn trương triển khai các phân đội công binh, xe, máy thay phiên trực chiến trên ATP hai mươi bốn trên hai mươi bốn giờ. Cứ sau một đợt giao chiến dữ dội của cao xạ với máy bay trinh sát, cường kích, tiếng bom đạn vừa dứt, bụi mù trời, đã nghe tiếng bộc phá nổ, tiếng cuốc xẻng công binh tới tấp, sột soạt san lấp. Rồi tiếng rè rè rú ga của máy ủi C100 hì hục đẩy các khối đất đá lớn trên đường xuống vực, trả lại mặt đường. Những chiếc xe Ben chở đầy đá hộc chạy bon bon trút xuống ngầm 20A, 20B... Tất cả đều “nhANH như sóc, mạnh như hổ” với cường độ lao động đặc biệt để tranh cướp thời gian với kẻ thù.

Tiếng súng lệnh cho cao xạ vào cấp một; đồng thời là tiếng động cho công binh, xe máy rút về hầm trú ẩn, trả lại trận địa cho máy bay và cao xạ... Không gian trở lại im lặng, một sự im ắng, nóng bức lạ lùng và như báo hiệu cơn giông tố lại sắp kéo đến trên tuyến.

Cứ như vậy đã diễn ra ba ngày, ba đêm, công binh đã san lấp một vạn mét khối đất đá trên đèo, dưới ngầm, nhờ có sự yểm trợ của Trung đoàn 224 và Tiểu đoàn 14 cao xạ. Còn hơn một vạn khối nữa mới thông đường, ngầm, chưa kể hàng ngày địch vẫn đánh bổ sung thêm khối lượng...

Công binh, cao xạ căng thẳng, mỗi mệt, thương vong đã nhiều...

Địch phát hiện ta mở đột phá khẩu khôi phục giao thông, vận chuyển qua Ta Lê - Phu La Nhích. Chúng tăng cường độ đánh phá, B.52 tăng ném bom rải thảm lên 16 lần tốp, 48 lần chiếc/đêm.

Tinh thần quyết thắng của công binh và cao xạ có phần chùng xuống...

Sáng nay, chỉ huy sở binh trạm nhận tin vui: Bộ Tổng tham mưu chỉ viện cho Binh trạm 14 hai máy ủi C100 và ba xe Ben; binh trạm cử lái xe ra cảng Gianh nhận.

Bộ Tổng đã ra lệnh cho Trung đoàn bộ binh 32 đi “B” dừng lại một tháng tăng viện cho Binh trạm 14 làm đường để rút ngắn thời gian thông đường 20C. Thủ trưởng binh trạm gặp Trung đoàn 32 đang ở Thanh Sơn, Bồ Trạch, Quảng Bình hợp đồng giao nhiệm vụ cụ thể.

Tôi vừa bàn xong với cơ quan tham mưu triển khai công việc, tiếp nhận lực lượng phương tiện của Bộ Tổng tham mưu tăng viện.

Đồng chí Trưởng ban hành chính vào báo cáo:

- Thủ trưởng có khách.

- Ai vậy?

- Đồng chí Tư lệnh Phòng không - Không quân.

Tôi bước vội đến phòng khách... Đồng chí Lê Văn Tri siết chặt tay tôi:

- Nom cậu quen quen...

- Vâng, ông anh đồng hương quen em thì có, còn em quen sao được thầy giáo quân sự “nhanh như sóc, mạnh như hổ” dạy chúng em ở trường quân chính Lê Trực - Đồng Hới năm 1946; người chỉ huy có tiếng ở Trung đoàn 18 Quảng Bình thời đánh Pháp... Câu chuyện rôm rả của hai thầy trò cũng là đồng hương sau hai mươi năm mới gặp lại, làm tôi quên bằng người ngồi cạnh cùng đi. Anh ta đứng dậy tự giới thiệu:

- Tôi, Nguyễn Văn Hội, Trung đoàn trưởng 238 tên lửa, Tham mưu phó Sư đoàn 367 phòng không.

Tôi đứng dậy xin lỗi và đến bắt tay...

- Thôi, vào việc nhé - Anh Tri nói: Giôn-xơn tuy sắp ra khỏi Nhà trắng, nhưng vẫn không chịu lùi bước trong việc vận động thông qua ngân sách 30 tỷ đôla viện trợ cho miền Nam năm 1969. Từ tàu sân bay hạm đội 7 rồi căn cứ không quân chiến lược Cò Rạt và Utapao của Mỹ; căn cứ không quân chiến lược Lào, Miên, Thái Lan của Mỹ đều vây quanh con đường Hồ Chí Minh, sắp tới Ních-Xơn sẽ cho áp dụng vũ khí cải tiến kỹ thuật điện tử để hủy diệt ngăn chặn tuyến vận tải chi viện chiến lược. Trước mắt tập trung lực lượng, sử dụng B.52 ngăn chặn cửa khẩu: Đường 20 và 12 ở Ta Lê - Phu La Ních và Cổng Trời đèo Mụ Giạ - Xiêng Phan. Bộ Tổng chỉ thị cho tôi vào đây nghiên cứu đưa tên lửa và máy bay của ta vào bảo vệ vượt khẩu... Đồng chí cho tôi biết tình hình.

Tôi báo cáo văn tắt tình hình: - Ba ngày mở đợt phá ATP, bộ đội cao xạ 35,

37 của Trung đoàn 224 Sư đoàn 367, Tiểu đoàn 14 Binh trạm 32 và Đại đội 16 súng máy 12,7 ly, 14,5 ly Binh trạm 14 đã cơ động, len lỏi trên các sườn đồi, đỉnh núi, bí mật bất ngờ đánh trả máy bay trinh sát, cường kích. Tuy chưa rơi, nhưng buộc chúng phải bay cao, không đủ bình tĩnh “ôm bom đặt giữa tim đường” và sát thương ta, thời gian vòng lượn trinh sát, đánh phá giảm.

Nhờ đó công binh, xe Ben, máy ủi có nhiều thời gian san lấp hố bom, đường, ngầm.

Nếu ban đêm ta có tên lửa hoặc máy bay xuất kích đánh B.52, dù chưa rơi, nhưng sẽ làm cho chúng giảm mật độ đánh phá, chắc chắn ba ngày nữa sẽ thông đường. Còn nếu cứ để cho B.52 tự do hoành hành thì dù có thông đường, không còn thời gian cho xe vượt qua.

Suy nghĩ một lát, anh Hội nói quả quyết:

- Tôi sẽ ra lệnh cho tiểu đoàn tên lửa: đêm nay, chậm nhất là đêm mai “phụt” B.52, để Binh trạm trưởng thực hiện lời hứa...

Cuộc họp hợp đồng tác chiến nhanh chóng kết thúc.

Anh Lê Văn Tri, Tư lệnh Quân chủng Phòng không - Không quân vội vã chia tay và nói nhỏ với tôi: “Lúc nào Mic 21 xuất kích, tớ điện cho cậu biết, nhớ giữ bí mật”.

7

Chỉ huy sở binh trạm nhận và truyền tin “kỹ thuật”: Máy bay B.52 đã cất cánh ở sân bay Utapao lúc 18 giờ; lệnh cho trạm chỉ huy công binh, cao xạ trên trọng điểm.

Sau 5 phút, các ngọn đèn dầu trong hầm phụt tắt.

Một loạt... hai loạt... ba loạt như sấm rền, đất động. Tổng đài điện thoại 40 cửa xè xè dồn dập đổ. Cô Chanh hai tay thoăn thoắt cắm, rút phích, miệng liên tục thưa máy, gọi số:

- Alô K82 đâu? - Có đây - Nói chuyện với 03.

- Alô 20 đâu? - Có tôi - Nói chuyện với 04.

Tôi bật máy khuếch đại để nghe các máy trực ban đàm thoại... Alô, B.52 đánh đâu đấy? - Ngầm 20A - về của chữ A... Quân ta an toàn, máy ủi, công binh đã xuất kích...

- Alô! Anh Ngọc (tham mưu phó tác chiến) đó phải không? - Vâng, tôi đây. Nghị (trợ lý tác chiến) báo cáo: Các tổ trinh sát phát hiện ở dãy núi mép sông Ta Lê, có dấu người nằm, mới đi chừng một, hai ngày. - Nhiều hay ít? Đầu nằm ở hai ổ có từ tám đến mười tên. - Chúng thuộc loại nào? - Nó để lại nhiều tàn thuốc lá bằng tẩu, có cả mẫu thuốc lá ngoại. Phán đoán là biệt kích

người dân tộc; có chỉ huy Mỹ hoặc ngụy miền Nam. - Nó đi hướng nào? - Đã thấy dấu chân giày và giấy kẹo ở cách chỗ cũ độ năm trăm mét về phía hạ lưu ngầm 20A. - Các anh đã làm gì rồi? - Đại đội bộ binh 16 đang lùng sục tại nam Ta Lê; phối hợp các tổ chuyên gia dân vận để phong tỏa chúng. Nghe đến đây, tôi nói xen vào máy: Anh Ngọc ơi! - Có tôi. - Đồng chí báo cáo cho anh Cầu biết và nói với anh ấy rằng: Binh trạm trưởng yêu cầu anh chỉ thị cho hai tiểu đoàn 335, 336 công binh, cho ít tổ lùng sục khu vực họ đang mở đường, chú ý khu vực mở ngầm 20C.

Lại một việc đáng lo lắng, tôi nghĩ: “Mục đích hoạt động của Mỹ ở chiến tuyến này là dùng không quân ngăn chặn chi viện của miền Bắc vào nam Đông Dương... Vì sao chúng lại sử dụng bọn biệt kích thám báo? Chắc chủ yếu là tìm con đường mới mở, kho hàng, bãi giấu xe, trận địa cao xạ... để chỉ điểm cho máy bay hủy diệt. Không quét sạch bọn này, ta chẳng yên”. Tôi suy nghĩ mung lung tìm kế sách...

Nghe tổng trực ban truyền tin kỹ thuật máy bay B.52 xuất kích ở sân bay Cò Rạt lúc 23 giờ, chỉ huy sở binh trạm trở lại nhận nhiệm vụ truyền tin, theo dõi, xử lý tình huống tác chiến, cầu đường, quân y...

Đài quan sát báo cáo: B.52 đánh đợt 2 ở đèo Phu La Nhích...

Trực ban phòng không báo cáo: Trung đoàn 238 đã phóng hai quả tên lửa, chưa xóa được mục tiêu.

Trực ban cầu đường báo cáo: Công binh an toàn, ba quả trúng đường, còn lại rơi trên núi, dưới vực. Máy húc và chiến sĩ đã lên mặt đường san lấp; xe Ben hai chiếc đổ đá xuống ngầm “B”.

Tôi mời êkíp trực ban hội ý.

Đồng chí Đoàn (binh trạm phó tác chiến) nói:

- Tuy B.52 chưa rời nhưng dù sao đã bị đánh cảnh cáo... Có thể chúng sẽ tạm dừng ném bom ít hôm để trinh sát tìm trận địa tên lửa.

Thọ nói:

- Nếu đúng thế là thời cơ cho ta thông đường, ngầm...

Tôi nêu quyết tâm và giao nhiệm vụ: hai đêm nữa xe Tiểu đoàn 781 vượt khẩu. Tham mưu cầu đường, tác chiến, phòng không, vận chuyển chuẩn bị kế hoạch, sáng mai giao ban báo cáo...

Trở về chiều, đỉnh U Bò mây mù dày đặc. Tiểu đoàn xe 781 đang lúi lũi công hàng đến vị trí tập kết xuất phát vượt liên hoàn trọng điểm ATP.

Tiểu đoàn trưởng Võ Quốc Khánh cho hai đại đội 1 và 15 mai phục đầu đường 20B; Đại đội 6 và Đại đội 10 ở Km 73-74 đường 20A sẵn sàng chờ lệnh.

Mười tám... mười chín giờ rồi B.52 vẫn chưa đánh đợt 1 như thường lệ. Nó tạm dừng hay thay đổi quy luật thời gian?... - Nếu tạm dừng chắc chắn công binh sẽ thông đường theo hạn định...

Hai mươi một giờ, Đỗ Xuân Diễn - Tiểu đoàn trưởng 33 báo cáo đèo Phu La Nhích đã thông, ngầm 20A hai mươi phút nữa cũng thông xe.

Chỉ huy sở binh trạm dẫn đo... cho Tiểu đoàn 781 xuất phát hay đợi qua thời điểm B.52 đánh đợt 2 theo quy luật?

Hai mươi hai giờ, Võ Quốc Khánh nhận lệnh: Cho một đại đội xuất kích đi thử đường 20A và thăm dò địch... Xe Đại đội 10 qua cửa chữ A. Vượt ngầm 20A, xe đầu đã le lói trong ánh đèn rùa chớp giạt chân đèo.

Đột nhiên, pháo sáng rực ở đỉnh Phu La Nhích, cả đại đội xe tắt đèn dừng tại chỗ.

Pháo sáng vừa tắt, ba loạt bom nổ trên đỉnh đèo... Không gian im lặng, mọi người chờ đợi tín hiệu... Ba phát súng nổ (báo hiệu tắc đường), chiếc xe ủi rì rầm guồng bánh xích leo lên hầm, bò lên đèo. Các chiến sĩ công binh rời khỏi hầm, hối hả vác xẻng chạy đến nơi bom nổ... Tiếng bộc phá nổ ùng ục rồi im lặng. Những cánh tay thoăn thoắt lười xẻng lướt trên mặt đường. Tiếng nổ máy ủi lúc to, lúc nhỏ trên đèo vọng về. Cán bộ, chiến sĩ C10 thì thầm... chờ đợi cái gì sẽ đến với họ...

Hai phát súng hiệu lệnh thông đường. Ánh đèn lấp loé, Đại đội 10 đang vượt đèo, Đại đội 15 vượt ngầm 20B.

Bỗng nhiên, những chùm lửa đỏ từ các sườn núi bay lên. Tiếng máy bay AD6 vòng lượn tung ra các chùm pháo sáng; tiếng rít của phản lực bổ nhào xuống rải những chấm sáng le lói trên đèo; hàng nghìn mũi tên đỏ rực lao lên. Cả bầu chúng nó đang bu tới... Tiếng bom nổ trên đèo; những ánh đèn vụt tắt; máy bay gầm rú rà sát bắn như vãi đạn hai mươi ly.

Tại trạm chỉ huy ở Km 74, Khánh nhận điện cho ba xe chạy nghi binh hút địch về phía cua chữ A. Đồng chí Uyển, tiểu đội trưởng chạy trước, theo sau hai xe cùng tiểu đội, ba luồng ánh sáng cách nhau 100 mét chạy lên cua chữ A; lúc bật đèn “pha” chạy nhanh; lúc đèn “tai” chạy vừa; bật đèn “rùa” chạy chậm; đứng lại tắt đèn ở nơi “tử giác”; rồi lại chạy, tốc độ luôn thay đổi; lúc chạy lúc dừng, lúc ẩn lúc hiện, trên con đường núi “úp bát” nhiều cua chữ A, làm mờ cho lũ giặc lái Hoa Kỳ lờn lộn, săn đuổi, bắn như xối đạn; lưới lửa cao xạ của Trung đoàn 224 phóng lên rừng rực, pháo hoa nổ lụp bụp trên không như cổ động viên trên sân bóng, cầu thủ thêm hăng. Uyển đã bị thương nhưng không rời tay lái...

Lúc này ở đèo Phu La Nhích đã ngớt tiếng bom đạn, thương binh đã được đưa vào hang đá 34 cấp cứu, Tiểu đoàn trưởng Đỗ Xuân Diễn cho mở đường tránh ba xe hỏng để xe Đại đội 10 vượt qua đi vào phía trong. Hai đại đội 15 và 6 tiếp tục vượt gầm, lên đèo, xuống đèo, vào K4 Lùm Bùm.

Ba giờ sáng B.52 lại đánh đèo; Đại đội 1 quay lại phân trạm C giấu xong xe thì trời vừa rạng sáng.

Tin ba đại đội xe Tiểu đoàn 781 vượt qua ATP - trận mở đầu mùa khô 1968-1969 đã lấy lại lòng tin cho cán bộ, chiến sĩ trên đường 20 Quyết thắng.

8

Cuộc chiến đấu ở ATP diễn ra quyết liệt hai mươi bốn trên hai mươi bốn tiếng đã trải qua hai tuần nay.

Sau hai quả tên lửa bắn, B.52 tạm dừng được hai đêm, công binh thông đường, ba đại đội xe Tiểu đoàn 781 qua. Tên lửa di chuyển để bảo tồn lực lượng; B.52 tiếp tục đánh lại, mỗi đêm ba bốn lần. Công binh, cao xạ, xe vận tải tiếp tục từng phút, từng giờ đổ mồ hôi và máu, mỗi đêm thông đường một vài giờ, cho vài chục xe qua ATP...

- Đêm hôm đó:

18 giờ 10 phút: B.52 đánh một đợt ở ngầm - đèo.

19 giờ: hai tốp F4 đánh Phu La Nhích.

20 giờ 10 phút: hai phản lực đánh của chữ A.

22 giờ: thông đường cho 40 xe qua...

Lại có tin “kỹ thuật” B.52 cất cánh ở Cò Rạt lúc 23 giờ. Chỉ huy sở binh trạm đang theo dõi tình huống mới sắp xảy ra...

Đài quan sát báo cáo về: hai F100, máy bay gây nhiễu dọn đường cho B.52 đã qua Phu La Nhích - Ta Lê...

Chiếc B.52 thứ nhất đã rải bom ở Phu La Nhích...; không thấy chiếc thứ hai, thứ ba rải bom tiếp như thường lệ...

Chúng tôi phán đoán... Tên lửa phóng lên ư?

Lúc chiều, chỉ huy sở phòng không báo chưa chuẩn bị xong kia mà?... Hay là “én bạc” đã xuất kích?

Dù sao, bây giờ cũng là thời cơ tốt, đơn đốc công binh kiểm tra giao thông cho Đại đội 1 Tiểu đoàn 781 qua nốt... Đến 2 giờ sáng, qua điện thoại, anh Lê Văn Tri thông báo cho tôi biết: Hai “én bạc” ta xuất kích đến Ta Lê vòng lượn, chưa kịp đánh thì phải quay về (vì điều kiện kỹ thuật không cho phép). Còn hai chiếc B.52 thứ hai, thứ ba của Mỹ chưa kịp ném bom, phải quay lại.

B.52 trạm chán không quân ta, chúng dừng lại hai đêm, rồi đánh tiếp...

Cao xạ các tầm cỡ của ta vẫn đánh mạnh ban ngày, nhất là sau khi hạ chiếc OV10, máy bay trinh sát cường kích không dám vòng lượn lâu, bay thấp như trước. Tên lửa và máy bay ta xuất kích đánh B.52 ban đêm, mật độ B.52 đánh giảm. Các tổ nghi binh ban ngày sẵn sàng từng lạng bọc phá, nổ tung bụi mù lên trời, kéo OV10 đến ném pháo hiệu hút địch vào nơi giả..., chia lửa cho công binh khôi phục đường ban ngày. Ban đêm, các đồng cũi lửa, đèn pha

chiếu lên ở ngầm giả, trận địa giả... làm cho máy bay Mỹ rối loạn mục tiêu, bom đạn giội vào cả nơi núi rừng hoang dã.

Địch đánh, cao xạ đánh trả, công binh san lấp, xe ta tiếp tục luồn lách qua ATP.

Đảng ủy binh trạm chủ trương: Dồn sức mở đợt tổng công kích thông đường 20C trước hạn định 5 ngày nhân lúc địch bị thu hút vào đường 20A.

Hai Bộ Tư lệnh 500 và 559 tiếp tục thương thuyết vấn đề thông ngầm hay chuyển tải?...

Bộ Tư lệnh 559 kiên trì ý kiến: chuyển tải không phải là biện pháp chi viện chiến lược. Làm đường chỉ để vận tải cơ giới, dù chỉ năm ngày rồi tắc, cũng bằng mấy trăm ngày chuyển tải.

Bộ Tư lệnh 500 đặt vấn đề thực hiện chỉ thị của Quân ủy Trung ương phải bảo đảm an toàn tuyến vượt khẩu này...

Bộ Tư lệnh 599 cũng đưa ra ý kiến hay là bàn giao khu vực vượt khẩu cho Đoàn 559 chịu trách nhiệm thắng, bại...

Bộ Tư lệnh 500 nói rằng: Bàn giao cho Đoàn 559 thì dễ, nhưng giao dễ làm lộ bí mật con đường 20C, lãng phí bao nhiêu công sức của chiến sĩ hơn một tháng nay...

Chính vì lẽ đó mà mất một tuần đường 20C chưa thông; chuyển tải chưa chuẩn bị xong; ngầm chưa được làm; con đường bí mật; vu hồi cứ nằm đợi; trong lúc đó trên ATP, mồ hôi và máu chiến sĩ tiếp tục chảy ngày, đêm cho từng chiếc xe vượt qua.

Đồng chí tổng trực ban hốt hải chạy vào báo cáo: Có sự thay đổi tổ chức, cán bộ lãnh đạo: ông Đình đã vào Đoàn 500; Thiếu tướng Nguyễn Đôn và Lê Quang Đạo ra Hà Nội; ông Hồng Kỳ, quyền Tư lệnh và Chính ủy 500, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của ông Đình, Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần. Trước mắt, Quân ủy Trung ương giao quyền cho Bộ Tư lệnh 559 thống nhất chỉ huy khu vực vượt khẩu. Như vậy thì bờ bắc, bờ nam Ta Lê đều do Bộ Tư lệnh 559 quyết định...

Chuông điện thoại reo cắt ngang câu chuyện. Tôi cầm máy nghe bên kia tiếng “khịt, khịt”, tôi biết là anh Đồng Sỹ Nguyên - Tư lệnh 559:

- Báo cáo anh, có tôi.

- Nghe rõ không?

- Rõ.

- Làm ngầm 20C đi thôi. Ngày 15 tháng 12 phải thông xe, tôi đã nói với đồng chí Ngử, Binh trạm trưởng 32, thông đường bờ nam đến mép ngầm 20C, cậu bảo Cầu gập Ngử để phối hợp hành động cụ thể...

Bỏ máy điện thoại xuống, tôi viết vội thư cho anh Phương và anh Cầu, giao cho đồng chí Thọ cầm, dặn thêm mấy điều và giục đi ngay.

Chiếc xe con phóng hết tốc độ, đến trạm chỉ huy thì dừng lại. Thọ bật mạnh cửa xe nhảy xuống chạy leo lên sườn núi vào nhà chỉ huy:

- Báo cáo Chính ủy có thư.

Đợi hai ông đọc xong thư, Thọ nói thêm những điều tôi dặn...

Cầu nhìn Thọ:

- Nội dung công việc mới cậu biết cả rồi, bây giờ cậu gọi điện thoại cho tiểu đoàn trưởng và các đại đội trưởng tới đây.

Thọ quay điện thoại gọi các nơi. Cầu nhẩm tính lại công việc làm ngầm. Quyết định sử dụng hai đại đội lát ngầm, đóng cọc kè, hai đại đội chuyển đá xuống chân ngầm. Nước đã cạn dần, chủ yếu lấp xong ba cái vực.

Quách Bận, Tiểu đoàn trưởng 336 và các đại đội trưởng đến; Thọ hướng dẫn gọn mấy quy trình kỹ thuật chủ yếu phải chú trọng. Các cán bộ phần khởi nhận nhiệm vụ ra về...

Khi trời vừa hừng sáng, tiếng xẻng, cuốc, ki, chạc, đòn gánh chạm nhau loảng xoảng. Một ngày mới lại bắt đầu náo nhiệt...

Khúc sông làm ngầm ưu điểm có lòng sông sỏi lẫn đá cứng, bằng phẳng, lưu tốc 0,5 mét/giây. Nếu sử dụng hết tháng tư chỉ tôn cao 10 centimét ở chỗ cạn, chủ yếu lấp ba vực sâu, cần có khoảng tám trăm mét khối đá hộc ban đầu, sau sẽ bổ sung mở rộng tôn cao. Hiện tại đội 8 đã chuẩn bị hơn tám trăm mét khối. Trước mắt cả 4 đại đội tập trung chuyển đá, lát ngầm chỉ kịp thông xe ngày 15 tháng 12.

Suốt hai ngày đêm dồn dập, khẩn trương, người khiêng, người vác đá lấp sông làm ngầm; cán bộ tiểu đoàn, đại đội đều có mặt ở ngầm để chỉ huy liên tục.

9

Đêm nay, trên ATP bom vẫn rơi, đạn vẫn nổ, đường tắc lại thông, xe lại qua, các tổ nghi binh hút địch có hiệu quả...

Trong chỉ huy sở binh trạm, không khí vui vẻ hẳn lên, không lúc nào ngớt đàm thoại của các máy trực ban, theo dõi tình hình...

Binh trạm phó Cầu ngời buồng trực ban chỉ huy giao thông. Đường 20C bắt đầu vào cuộc chiến...

- A lô! A lô! Trạm 20C đâu?
- Ai đấy?
- Tòng đây?
- Đến lúc này anh đã nhận được mấy đoàn?
- Báo cáo, tám đoàn.
- Chuẩn bị đón sáu đoàn sắp vào đấy nhé.

...

- A lô! A lô! K56 đấy phải không?... Ba tiểu đoàn xe sẵn sàng chưa?
- Báo cáo, đã sẵn sàng.

- Cho xuất phát vào tập kết đường C.

...

Trực ban vận chuyển gọi máy K41:

- Đoàn T đã sẵn sàng chưa?

- Rồi ạ.

- Tổng số có thay đổi không?

- Có hai xe “pan” điện, tổ kỹ thuật ta đang sửa giúp. Tổng số đi là: “Hà Nội - An Châu - I Tờ - Ba Vì - Ô Môn - Nam Định”. Công trường xa cho đi sau đội hình, không được lộn xộn như hôm vào khu tập kết đấy...

- Rồi.

...

Đến 4 giờ sáng, các đoàn đã lọt vào đường kín 20C tập kết đợi lệnh.

Năm giờ sáng, tôi đã đến trạm chỉ huy giao thông bắc ngầm 20C. Cầu giao nhiệm vụ trực chỉ huy cho Thọ, xuống đường gặp binh trạm trưởng.

Chúng tôi gặp nhau niềm vui khó tả...

Bốn mươi ngày đêm chỉ gặp nhau trên máy điện thoại, nay giáp mặt nhau.

Tôi nói với Cầu:

- Anh ở lại chỉ huy, tôi theo xe đi kiểm tra đường và hợp đồng với Binh trạm 32: thống nhất chỉ huy đảm bảo giao thông cho xe ta vào trả hàng K4 Lùm Bùm, theo lệnh mới...

Đúng sáu giờ sáng, lệnh xuất phát. Xe có binh trạm trưởng ngồi, dẫn đầu đội hình vượt ngầm 20C. Những tiểu đoàn xe vận tải mang đầy hàng, ngụy trang kín lá, từng chiếc một thận trọng vượt ngầm Ta Lê, rì rầm đi vào phía Nam, giữa ban ngày trên con đường kín mới mở. Đoàn xe chở khí tài công binh cồng kềnh bám đuôi xe vận tải, loang loáng vượt qua các trạm chỉ huy giao thông. Những đoàn xe pháo kèn cồng, các pháo thủ ngồi trên thùng xe mâm pháo, lung lay cành lá ngụy trang, liếc nhìn, mỉm cười, gật đầu đáp lại những bàn tay vẫy tiễn của anh chị em công binh bên đường. Tất cả hối hả bám đuôi nhau tiến lên phía trước.

Giữa trưa, mặt trời đổ lửa dữ dội trên đèo Phu La Nhích - Ta Lê đến cua chữ A trụi đoạn đường hàng chục cây số, chỉ còn lại màu đất đá xám xịt và những gốc cây cháy dở...

Máy bay vẫn gầm thét, tiếng súng cao xạ, tiếng bộc phá công binh tiếp tục nổ, thực hiện mệnh lệnh: “Đánh địch mà đi” trên đường 20A.

Tranh thủ lúc địch chưa phát hiện, trên con đường 20C dưới tán rừng già, dưới giàn lá phong lan... ngụy trang qua đoạn rừng thưa, đồi trống, các đoàn xe nhập tuyến, rì rầm đi suốt ngày đêm...

Mặt trời xuống núi, các đoàn xe chưa qua hết đường 20C, có lệnh dừng lại, nghỉ tại chỗ, ngày hôm sau đi tiếp, để giữ bí mật con đường.

Đêm đến, lực lượng công binh, cao xạ và một đại đội xe vận tải của Tiểu đoàn 781 thay phiên nhau vượt qua liên hoàn trọng điểm, cố ý để lại vết xe lằn. Họ chấp nhận sự hy sinh vì nhiệm vụ hút địch, để đảm bảo thắng lợi an toàn cho mấy nghìn xe chạy ngày đêm trên đường 20C vào tuyến 559...

*

Phó chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần kiêm Tư lệnh Đoàn 559 đi thăm các đơn vị giải tỏa cửa khẩu ATP, cũng đến thăm Binh trạm 14 đúng lúc binh trạm đang họp sơ kết một tháng vận chuyển, sau khi đường 20C thông, giải tỏa liên hoàn trọng điểm của chữ A - Ta Lê - Phu La Nhích, thực hiện “vừa tránh địch mà đi, vừa đánh địch mà đi”...

Ông Nguyễn vui cười hỏi chúng tôi:

- Các đồng chí thống kê và vận chuyển bảo đảm xe nhập tuyến được bao nhiêu rồi?

- Báo cáo: Đảm bảo cho xe Đoàn 559 nhập tuyến và xe pháo, đặc chủng của các đơn vị vào chiến trường là 3.520 xe các loại, quy thành khối lượng khoảng 39.000 tấn.

Ông nhìn chúng tôi cười thành tiếng:

- Nếu các cậu lui cui chuyển tải thì đến đời thiên tử nào cũng chẳng được thế...

Chúng tôi bật cười với lối nói so sánh mộc mạc khôi hài, nhưng rất quen thuộc của ông.

Tôi lấy tình đồng hương, nói thật lòng:

- Báo cáo với anh, những ngày đó như nước sôi lửa bỏng. Tôi không thông một chút nào mà không sao phát biểu ra được, cứ lẳng lẳng mà làm, không nói ra là hơn hết...

Ông mỉm cười, rồi nói:

- Mình thông cảm với các cậu lúc đó... cách giải quyết thế là đúng. Vẫn chấp hành chỉ thị của cấp trên trực tiếp; vừa chuẩn bị sẵn sàng để đáp ứng đòi hỏi tình thế mới, mệnh lệnh mới. Trong một tổ chức, điều tai hại nhất là sự lỏng

lẻo về kỷ luật.

Đột nhiên, ông chuyển hướng câu chuyện, nhìn qua Chính ủy Nguyễn Việt Phương và nói:

- Đồng chí có điện của Tổng cục Hậu cần (qua Đoàn 559), điều vào làm Cục phó Cục vận chuyển Đoàn 559 đấy. Ý kiến đồng chí thế nào?

- Báo cáo, ở đây không có chỗ muốn cho cá nhân, tùy tổ chức quyết định, chỉ có yêu cầu nhỏ: cho về thăm vợ con mấy ngày, trước lúc đến công tác nơi ác liệt không kém tuyến vượt khẩu.

- Rất tốt, cậu về thăm chị và các cháu đi.

Ông quay sang tôi nói giọng hể hả:

- Binh trạm trưởng bố trí xe con cho chính ủy về thăm nhà rồi đưa luôn vào đoàn chu đáo nhé.

Tôi hơi ngập ngừng hỏi lại:

- Chúng tôi làm việc rất ăn ý...

Ông Nguyễn nói:

- Tôi biết, chính vì sự thống nhất chặt chẽ mà binh trạm các đồng chí giành thắng lợi. Nhưng yêu cầu của sự vật là phải phát triển, đồng chí muốn dừng lại à? Đồng chí Bùi Thế Tâm nguyên Trưởng phòng Tuyên huấn Bộ Tư lệnh 500 sẽ về làm Chính ủy Binh trạm 14 thay đồng chí Việt Phương. Như vậy được chứ?

Tôi với anh Việt Phương đưa mắt nhìn nhau. Hai người cùng không nói gì thêm nữa. Việc gì chẳng có cái “độ” của nó, kể cả thực hiện quyền dân chủ ngôn luận.

10

Đầu mùa khô năm nào cũng vậy, tuyến vận tải vượt khẩu đường 20 gặp khó khăn gần như bất khả kháng.

Bởi lẽ, đường từ Đông sang Tây Trường Sơn lắm dốc, nhiều cua, suối sông chia cắt.

Tháng mười, mười một, mười hai là cuối mùa mưa đầu mùa khô tỉnh Khăm Muộn, giữa mùa mưa Quảng Bình, nước mưa là kẻ thù của đường vận tải quân sự làm gập...

Biết địch sẽ đánh phá ác liệt cửa khẩu đầu mùa khô, nhưng khó biết nó ngăn chặn ở đoạn nào?... Thủ đoạn, vũ khí gì?...

Đầu mùa khô năm 1968-1969, chúng tôi bị bất ngờ: địch chọn cua chữ A - ngầm Ta Lê - đèo Phu La Nhích đường 20, mười cây số địa hình hiểm yếu nhất trong 125km đường 20. Tập trung lực lượng đánh phá với cường độ lớn hơn hai lần mùa khô trước, vào lúc trời còn mưa, ngầm Ta Lê còn cao, lưu tốc lớn.

Hai bộ tư lệnh đã ném vào đây bốn trung đoàn vận tải, cao xạ, bộ binh... ngoài ra còn có tên lửa và không quân chi viện. Phải mất bốn mươi ngày mới triển khai xong thể trận, giải tỏa liên hoàn trọng điểm ATP.

Đến giữa mùa khô Trường Sơn, mỗi ngày đêm có mười bốn tiếng sương mù, mười tiếng nắng, bốn tháng không có giọt mưa rơi, đường bụi mù, nước sông khô cạn, bướm bay lên đá, trời đất trở lại ủng hộ chúng tôi.

Tiểu đoàn xe 781 Bình trạm 14 công hàng từ U Bò đi Lùm Bùm; Tiểu đoàn xe 52 và 102 Bình trạm 32 về ăn hàng phân trạm C chạy vào đường 9 - Nam Lào. Đoạn đường kín tranh thủ chạy ngày, đoạn trống, qua trọng điểm chạy đêm và lẩn sáng, lẩn chiều (chạy trước sương mù)... Dồn dập tin về: phá kỷ lục vượt cung tăng chuyển...

Công binh, thanh niên xung phong cất cao tiếng hát, mở rộng, nâng cấp là nhả mặt đường, nâng bánh xe lăn. Địch đánh ngày coi như không đánh, đánh đêm chỉ tắc theo giờ không thể tắc cả đêm.

Các trạm chỉ huy giao thông với khẩu hiệu hành động: “Tắc đường không để tắc xe”.

Đường, gầm 20A tắc thì cho chạy đường, gầm 20B, 20C; đường gầm 20B tắc, bẻ ghi chạy vào 20C..., lách qua, vòng lại, nhanh như sóc.

Các bộ phận kho thi đua bốc xếp phá kỷ lục 12 tấn/người/đêm của nữ chiến sĩ Phạm Thị Kiều, giải phóng xe nhanh (một tiểu đoàn xe không quá một tiếng đồng hồ).

Chiến sĩ cao xạ Trung đoàn 224... ngày đêm trên mâm pháo “Nhắm thẳng quân thù mà bắn”..., bắn nữa đi anh, như pháo hoa nở rộ trên đỉnh Trường Sơn, chào mừng xe vận tải vượt cung, tăng chuyển.

Địch đã biết thất bại ngăn chặn cửa khẩu chữ A - Ta Lê - Phu La Nhích. Máy bay hai thân lại lồng lộn, dòm ngó vùng thung lũng xanh San Cô, lần theo vết lá khô chạy dài trên rừng xanh để tìm con đường vòng qua cửa khẩu, theo tín hiệu máy bay OV10 chỉ điểm, những chiếc cường kích đến ném bom phát quang, bom cháy... con đường 20C lộ ra từng đoạn, từ Km 74 đường 20A qua vùng kho phân trạm C, đi về phía hạ lưu ngầm 20A Ta Lê, rồi cuối cùng chúng cũng tìm ra được ngầm 20C. B.52 và cường kích ném bom bừa bãi vào kho hàng, đường và ngầm 20C; chỉ huy sở binh trạm, chỉ huy sở Trung đoàn 224 cũng dính bom...

Biết trước việc này sẽ xảy ra sớm hoặc muộn, sau khi thông đường 20C, Tiểu đoàn 335 ở lại bảo đảm giao thông; còn Tiểu đoàn 336 đi mở đường và ngầm 20Đ, ở hạ lưu 20C.

Tháng 2 năm 1969, chúng đánh đường, ngầm 20C tắc, xe vận tải chạy qua đường ngầm 20Đ.

Đến lúc này, cửa khẩu đường 20 như rắn có 4 đầu: A-B-C-D, chúng không sao đánh nổi.

Hơn thế nữa, toàn tuyến 559 xe đã chạy trăm ngả, nghìn nơi: từ Tây Trường Sơn về Đông Trường Sơn, A Sầu, A Lưới, Thừa Thiên, Bến Giàng; Quảng Nam, Kon Tum, B3, Quân khu 5, miền Đông Nam Bộ; vào các chiến trường Hạ Lào, đông bắc Cam-pu-chia... hàng trăm con đường, hàng nghìn cây số, nhấp nhô lúc tỏ lúc mờ, báo hiệu những đòn sấm sét sắp giáng xuống đầu Mỹ-ngụy...

Theo vết bánh xe lăn của Đoàn 559, buộc chúng phải bám theo săn đuổi, ngăn chặn.

Mật độ đánh cửa khẩu giảm dần và tăng dần vào phía Nam. Chúng không thể đánh hết “trận đồ bát quái xuyên rừng rậm”.

Đoàn 500 và Đoàn 559 hoàn thành vượt mức kế hoạch vận tải mùa khô 1968-1969 sớm.

Đoàn 500 giải thể. Các binh trạm 12, 14 nằm trên tuyến các trục vượt khẩu từ Đông sang Tây Trường Sơn đều sáp nhập vào Đoàn 559. Tin truyền đi rất nhanh. Cán bộ đã có nhiều năm kinh nghiệm chiến đấu - vận chuyển trên tuyến đều hoan nghênh, coi đó là một quyết định sửa sai thành đúng để chiến thắng sự ngăn chặn của địch trên đoạn yết hầu tuyến vận tải chiến lược. Vì ở vùng tiếp giáp tuyến phía sau với tuyến phía trước, nơi địch đánh phá ác liệt, địa hình hiểm yếu, thời tiết khắc nghiệt, thường nảy sinh tình huống phải xử lý quyết đoán thật nhanh chóng, thích hợp, không thể chần chừ, bàn bạc thường không thống nhất giữa hai tuyến.

Tư lệnh Đoàn 559 là người rất năng động về mặt tổ chức cán bộ. Khi nhận các binh trạm, ông không quan tâm nhiều đến nội dung có thứ gì? Bao nhiêu? Mà chủ yếu tìm hiểu về tổ chức - cán bộ, tạo sự thống nhất nhận thức và tác phong hành động là ưu tiên hàng đầu...

Trừ bộ phận ở lại trên tuyến làm nhiệm vụ mùa mưa, còn lại xe, pháo, cán bộ, chiến sĩ Binh trạm 14 chúng tôi theo Đoàn 559 ra Nga Sơn (Thanh Hóa) dự tổng kết, tập huấn, chấn chỉnh tổ chức biên chế, bổ sung quân số, vũ khí, xe cộ, trang bị phương tiện... chuẩn bị cho mùa khô vận chuyển 1969-1970 sắp

đến!

LẬT CÁNH SANG ĐÔNG TRƯỜNG SƠN¹

Đại tá PHAN HỮU ĐẠI

Chính ủy Sư đoàn ô tô 571

Phó chính ủy Bộ Tư lệnh khu vực 470

Tháng 9 năm 1970, tôi được bổ nhiệm làm Phó chính ủy Bộ Tư lệnh 470. Đang chuẩn bị lên đường về đơn vị mới thì được lệnh dừng lại, lên Bộ Tư lệnh 559 nhận nhiệm vụ khác.

Khi gặp Thường vụ Đảng ủy, Bộ Tư lệnh, anh Nguyên nói với tôi rằng tình hình vận chuyển cơ giới ở khu vực của Bộ Tư lệnh 470 quy mô không lớn. Trong đó đã có Tư lệnh trưởng Nguyễn An, Tư lệnh phó Hoàng Anh Vũ, Chính ủy Bùi Đức Tạm, Phó chính ủy Vũ Quang Bình. Các binh trạm phía ngoài địch đánh phá rất ác liệt, nhất là các binh trạm cửa khẩu ở Tây Trường Sơn, địch vẫn dùng chiến thuật “thắt cổ họng”... Chiến trường đòi hỏi khối lượng rất lớn và cấp bách. Vấn đề đặt ra lúc này là phải phân tán, dàn mỏng sự đánh phá của địch và rút ngắn cự ly đẩy hàng tới chiến trường. Vì vậy sau khi được Quân ủy Trung ương nhất trí, Đảng ủy và Bộ Tư lệnh Đoàn 559 quyết định mở thêm một cửa khẩu ở phía Đông Trường Sơn và chuyển tuyến gửi đồ hàng trở thành tuyến vận chuyển cơ giới từ Chà Lì thọc xuống Bản Đông, nối với đường từ Bản Đông qua Dốc Thơm vào Mường Noong, La Hạp. Tuyến này được mở sẽ tăng hiệu quả vận chuyển và tiết kiệm lực lượng với cấp số nhân so với hướng Tây Trường Sơn. Đây là một quyết tâm táo bạo và có ý nghĩa to lớn. Đảng ủy và Bộ Tư lệnh đã quyết định điều đồng chí về làm Cục phó Cục Chính trị, nhưng trước mắt giúp Bộ Tư lệnh nghiên cứu, tổ chức triển khai thực hiện quyết tâm này.

Các anh cũng thông báo cho tôi biết hiện ở Chà Lì đã có một binh trạm làm nhiệm vụ vận chuyển đường sông mà chủ yếu là thả hàng xuống sông cho trôi theo dòng nước chảy từ Chà Lì vào Thà Khố. Ở đó đã có ban chỉ huy binh trạm do anh Đồng làm binh trạm trưởng, anh Để làm chính ủy. Tôi thấy nhiệm vụ Bộ Tư lệnh giao cho vượt quá sức mình nhưng hứa quyết tâm thực hiện bằng sự nỗ lực cao nhất. Thực ra lúc này tôi có về làm việc tại cơ quan Cục Chính trị cũng chẳng cần thiết lắm vì ở đây có khá nhiều cán bộ chủ trì: anh Lê Xy làm Cục trưởng, anh Linh Anh, anh Võ Sở, anh Trần Xuân Trường² làm Cục phó. Tôi về lán nằm suy nghĩ về nhiệm vụ mới với sự lo lắng, vì tôi khá quen thuộc địa hình ở khu vực này hồi đi kiểm tra các đơn vị gùi thồ đầu năm 1966. Từ dốc Dân Chủ ở độ cao 1.000 mét đổ xuống Chà Lì theo đường chim bay chỉ khoảng 500 mét, nhưng đường đi uốn khúc kéo dài đến 1,5 kilômét. Một khu vực chỉ thấy núi cao trập trùng. Chà Lì vốn là một bản nhỏ nằm tựa vào một dải rừng núi trùng điệp kéo dài men sông Sê Bông Hiêng. Từ Chà Lì vào Bản Đông dài khoảng 70 kilômét. Rời khỏi Chà Lì băng qua một bãi cát trắng là phải vượt ngay sông Sê Bông Hiêng nước sâu và chảy xiết, lại gặp ngay dãy núi đá tai mèo dài hai kilômét, đi bộ phải mất nửa ngày, rồi tiếp tục đi men những dãy đồi kéo dài mấy chục kilômét đến bản Tà Ha, sau đó vượt qua cánh đồng Mường Trừng đầy lau lách và nhỏ hẹp, tiếp đó lại phải vượt qua các điểm cao 500, 300 rồi mới đến được Cha Ki. Và từ Cha Ki đi Bản Đông dài khoảng ba kilômét là có bình độ thoải thoải mà thôi. Địa hình Đông Trường Sơn trống trải, rừng thưa, ngắt ra từng nhóm. Từ năm 1965 ta mở rộng đường mòn này thành tuyến thồ xe đạp nên có thể dựa vào đó mà cải tạo thành tuyến đường ô tô. Ngặt nỗi nó lại nằm trong lãnh thổ chính quyền Sài Gòn kiểm soát và sát vị trí đóng quân của chúng như Khe Sanh, Động Toàn, Động Tri, vì vậy rất dễ bị bộ binh địch uy hiếp, và không quân địch đánh phá với cường độ cao.

1. Trích hồi ký: Trường Sơn ngày ấy, Nxb Quân đội nhân dân - Hà Nội, 1994.

2. Đồng chí Trần Xuân Trường sau là Trung tướng, Giám đốc Học viện Chính trị.

Ngày hôm sau, tôi xin Bộ Tư lệnh mấy cán bộ rồi đi thẳng về Chà Lì, nơi đóng quân của binh trạm vận chuyển đường sông - Binh trạm 27. Đến đây, tôi thấy các đồng chí tổ chức một tiểu đoàn đường sông, bố trí theo từng cung dọc sông Sê Bông Hiêng, từ Chà Lì đến Thà Khống với độ dài 60 kilômét. Hàng ngày các bao gạo, muối, thực phẩm khô được bọc trong các túi nilông với khối lượng khoảng vài chục tấn được thả xuống sông.

Các bao nổi lênh bênh, lững lờ trôi. Trên mặt sông đâu đâu cũng thấy bao bì. Bao giạt vào bờ, dân bản rủ nhau ra lấy; bao mắc vào cành cây, đàn chuột nghiễm nhiên “mở tiệc liên hoan” thoải mái; bao chìm xuống dòng sông do cành cây chọc thủng... Binh trạm 27 tuy có sốt ruột về những tổn thất trong thả trôi sông, nhưng dù sao mỗi đêm ở Thà Khống quân ta vớt được năm, mười tấn là phần khởi rồi. Vì vậy, các đồng chí chỉ huy vẫn phải tạm bằng lòng với phương thức vận chuyển này và e ngại mở đường vận chuyển cơ giới, vì vấn đề quá hóc búa. Binh trạm có 10 xe vận tải chở gạo từ dốc Dân Chủ ra sông mà cũng thiếu chỗ đậu xe, hướng chỉ tổ chức vận chuyển cơ giới cần tới hàng trăm xe thì lấy đâu làm bãi xe trú đậu... Tôi truyền đạt chủ trương mở đường và tổ chức vận chuyển cơ giới ở Đông Trường Sơn cho Thường vụ Đảng ủy Binh trạm 27, nhưng chỉ nhận được sự hưởng ứng dè dặt. Chỉ có anh Vận - Binh trạm phó tỏ thái độ tán thưởng. Vì vậy, sáng hôm sau tôi đề nghị anh hướng dẫn tôi đi thăm một số khu vực tại cửa khẩu. Địa hình thiên nhiên quả là phức tạp, nhưng với quan điểm cải tạo, tôi thấy lộ ra những khả năng thực hiện được quyết tâm của trên. Tôi quay về sở chỉ huy cơ bản của binh trạm gọi điện báo cáo với Tư lệnh Đồng Sỹ Nguyên. Anh Nguyên vừa cầm máy đã hỏi ngay:

- Anh Đại đã đi thị sát thực địa chưa?

- Báo cáo, mới nhìn khái quát.

- Anh đánh giá vấn đề như thế nào, nếu tổ chức vận chuyển cơ giới lớn?

- Báo cáo, vấn đề lớn nhất nhưng khó khăn nhất là tìm cho ra hoặc bằng cách nào đó tạo cho được các bãi đậu xe, chí ít cũng đủ đứng chân cho một tiểu đoàn. Tôi tin rằng sẽ có đáp số, nhưng phải đi trực tiếp vài hôm nữa. Vấn đề lớn thứ hai là phải kiến thiết khu vực vượt khẩu với thể trận tương đối vững chắc, vấn đề này có khó khăn nhưng chắc rồi cũng tìm được lối thoát. Vài hôm nữa xin báo cáo lại với Bộ Tư lệnh toàn bộ phương án.

- Quyết tâm của Đảng ủy và Bộ Tư lệnh anh đã rõ. Nhưng thực hiện được quyết tâm là cả một chuỗi khó khăn. Lúc này đòi hỏi phải có sự táo bạo, quyết đoán và tập trung quyền quyết định mới làm được. Thường vụ và Bộ Tư lệnh đã quyết định giao cho anh là Cục phó Chính trị trực tiếp làm Binh trạm trưởng kiêm Chính ủy Binh trạm 27 để anh có đủ thẩm quyền quyết định mọi việc và sử dụng lực lượng của binh trạm. Anh Đồng, Binh trạm trưởng, anh Để - Chính ủy sẽ làm phó cho anh.

Tôi hơi bất ngờ về quyết định này và chưa sẵn sàng chấp nhận nên có ý kiến:

- Đề nghị Thường vụ Đảng ủy và Bộ Tư lệnh cứ để tôi làm đặc phái viên vì thay đổi như vậy sợ không tiện.

- Bộ Tư lệnh đã cân nhắc kỹ, anh không ngại gì cả, vì anh là Cục phó Chính trị, là cấp trên của các anh ấy rồi. Anh đã nắm chắc quyết tâm và tư tưởng chỉ đạo của Thường vụ Đảng ủy và Bộ Tư lệnh rồi, nên phải cầm cờ mà phất. Bộ Tư lệnh sẽ có quyết định chính thức đưa xuống.

Chúng tôi bỏ máy.

Đến chiều, Ban chỉ huy Binh trạm 27 nhận được quyết định chính thức bằng giấy tờ điều tôi làm Binh trạm trưởng kiêm Chính ủy và chỉ định tôi làm Bí thư Đảng ủy binh trạm. Thế là tôi thực sự “vào cuộc” và đứng trước một nhiệm vụ hết sức nặng nề và khó khăn. Tuy nhiên tôi tin vào khả năng của tập thể lãnh đạo và của quần chúng, nên trong cách làm việc ít có sự do dự.

Tôi bàn với Thường vụ Đảng ủy và Ban chỉ huy binh trạm phải tập trung sức nghiên cứu giải quyết cho được hai vấn đề có tính tiên quyết để vận chuyển cơ giới, đó là bàn đạp đứng chân cho các đội hình xe, bao gồm kho tàng, bến bãi; đồng thời ưu tiên thiết kế thể trận vượt khẩu của đội hình vận tải quy mô lớn, chủ động đối phó với sự đánh phá bằng siêu pháo đài bay B.52. Được các anh hoàn toàn nhất trí, suốt một tuần, tôi và các anh Vận, anh Tấn - Binh trạm phó, anh Quỳnh, Tham mưu trưởng vận chuyển cùng một số cán bộ cơ quan cơm đùm, cơm nắm leo hết đồi này qua đồi khác, lội hết suối này qua suối khác để khảo sát thực địa tìm giải đáp cho bài toán có nhiều ẩn số này. Nhiều anh em vừa đi vừa lắc đầu, càng đi càng chán nản. Bụng đói meo, tất cả rủ nhau ngồi nghỉ trên bãi cát bờ sông Sê Băng Hiêng để ăn trưa. Riêng tôi nhờ có đôi ủng Liên Xô nên đi đứng vẫn tỏ ra xông xáo. Thấy một chiếc ô tô vận tải của binh trạm đang giấu mình dưới một lùm cây bên con suối, tôi chạy đến, thấy con suối vừa rộng, vừa phẳng, vừa nông, bỗng nảy ra ý nghĩ cải tạo lòng suối làm chỗ đứng chân cho đội hình xe nếu được sẽ lý tưởng biết chừng nào. Tôi quay lại ăn cơm với anh em, rồi rủ nhau đi điều tra con suối. Càng đi tôi càng phấn khởi, suối rộng tới hai làn xe, đáy suối là đá pha cát, nước suối sâu lấp xấp, chỗ cao tới mắt cá chân, chỗ sâu đến đầu gối, bờ suối hai bên đều cao tựa hai bức thành. Tôi sững quá nói với anh em: “Bãi xe ở đây chứ ở đâu nữa”. Anh Vận và anh Tấn vừa cười vừa nói:

- Làm sao mà thành bãi xe?

Tôi trả lời với giọng nghiêm túc và hơi căng:

- Tất nhiên là phải cải tạo! Chúng ta cứ đi tiếp xem sao.

Thế là chúng tôi cứ ngược dòng suối đi. Đi được ba kilômét, sắp đến đầu nguồn thì thấy có đơn vị đóng quân. Té ra đó là sở chỉ huy của Binh trạm 27. Giở bản đồ ra xem mới biết con suối này gọi là suối Cô Pút. Khi tôi giải thích, các đồng chí nghe ra đều phấn khởi, khẳng định với nhau rằng nhất định con suối này sẽ là bàn đạp đứng chân cho một đại đội xe.

Ngày hôm sau chúng tôi đi về hướng suối Vĩnh Linh. Suối này còn dài và rộng hơn nhiều so với suối hôm trước, thỉnh thoảng lại có bãi đá rộng nằm giữa ngã ba suối được các cây to che kín đáo. Ở đây có thể đứng chân một tiểu đoàn xe.

Mọi người hăm hở rủ nhau đi về phía suối Chà Lì, tìm thêm được chỗ đứng chân cho vài đại đội xe nữa. Như vậy sau khi cải tạo, Binh trạm 27 đã có những khu đủ chỗ đứng chân cho một đến hai tiểu đoàn xe. Nó không phải là bãi rừng mà là bãi suối. Quả là một bất ngờ, bất ngờ với cả ta và chắc chắn cũng sẽ bất ngờ với địch.

Về tới sở chỉ huy binh trạm, tôi báo cáo ngay ý đồ này với thường vụ và ban chỉ huy. Một số anh em có vẻ ngờ ngàng và hoài nghi, một số im lặng. Có tiếng xì xầm của một số anh em trong cơ quan: “Các ông này to gan thật!”.

Tôi gọi điện thoại báo cáo với Bộ Tư lệnh. Bên kia đầu máy, anh Nguyễn hỏi:

- Kết quả đến đâu rồi? Bộ Tư lệnh đang sốt ruột chờ báo cáo của các anh.

- Báo cáo anh, đã tìm ra bàn đạp đứng chân cho một tiểu đoàn xe.

Anh Nguyên hơi ngạc nhiên, vì anh đã xuống binh trạm vài lần, biết khá rõ về tính phức tạp của địa hình khu vực này nên chỉ đặt mức cho tôi tìm bàn đạp đứng chân cho một đại đội xe. Anh hỏi:

- Tìm được ở đâu?

- Ở lòng suối ạ.

- Lòng suối?

- Vâng, lòng suối Cô Pút, suối Vĩnh Linh, suối Chà Lì. Ba suối đổ ra sông Sê Bông Hiêng, cự ly hàng ngang cách nhau khoảng 500 - 1.000 mét, một thế xuất kích khá đẹp nhưng phải cải tạo, tốn nhiều thuốc nổ và công lao động.

- Tốn bao nhiêu cũng chấp nhận. Thôi được, ngày mai tôi sẽ xuống cùng anh đi thị sát lại để thống nhất quyết tâm và biện pháp.

Ngày hôm sau anh Nguyên xuống binh trạm cùng tôi đi xem các suối. Xem xong anh nói: Thực hiện được phương án này, địch lại bất ngờ mới. Anh hứa

sẽ thỏa mãn những yêu cầu về lực lượng và phương tiện để cải tạo các suối này. Thế là một chiến dịch làm bàn đạp được mở màn. Các đơn vị kho, giao liên, binh trạm bộ đều được điều ra nhận từng đoạn suối, cùng với đại đội công binh lao động suốt ngày đêm. Chỉ trong vòng mười ngày, các con suối đã biến thành những con “đường hầm” ô tô, những bãi đậu xe có một không hai trên khu vực Trường Sơn. Nhiệm vụ tiên quyết nhất, gay cấp nhất đã được xử lý xong. Vào thời điểm này, tuyến đường từ Chà Lì đi Bản Đông do Tiểu đoàn 161 và Tiểu đoàn 25 phụ trách mở từ mấy tháng trước cũng được hoàn thành. Nhận được tin này Bộ Tư lệnh điều ngay một tiểu đoàn xe do đồng chí Trạch làm tiểu đoàn trưởng, đồng chí Vị làm chính trị viên xuống cho binh trạm. Nhìn đội hình xe núp kín dưới suối, anh em vô cùng phấn khởi.

Anh Nguyên gọi điện cho tôi hỏi:

- Đã có thể tổ chức vận chuyển được chưa?

- Báo cáo, xét về yếu tố cầu đường, kho tàng và bãi xe tập kết thì đã có thể vận chuyển được, nhưng yếu tố đánh địch bảo vệ cầu đường và đội hình xe thì chưa đủ. Chưa nói đến địch phát hiện được sự hoạt động vận chuyển cơ giới của ta mà mở trọng điểm đánh phá ngay tại cửa khẩu thì có khả năng bị tắc vì thế trận cầu đường còn rất mỏng manh, nhất là khu vực vượt khẩu.

- Tôi hiểu ý anh. Tôi sẽ điều thêm cho anh một Tiểu đoàn cao xạ 37 ly và một Tiểu đoàn 14,5 ly. Anh triển khai toàn bộ mạng thông tin và các trạm điều chỉnh giao thông nội nhật ngày mai cho xong. Còn pháo ba ngày nữa sẽ vào trận địa rồi cho tiến hành ra quân vận chuyển. Vì tình hình hết sức bức bách, chiến trường đang giục.

- Tôi xin chấp hành, nhưng sau này tôi sẽ đề nghị với anh một số vấn đề mà tôi cho là có tính chất sinh tử.

- Anh cứ nói cho tôi nghe bây giờ cũng được.

- Báo cáo anh, từ khu vực Chà Lì vượt sông Sê Bông Hiêng rồi trèo dốc của “tay áo” sẽ là cái túi lửa. Nó hiểm yếu không khác gì trọng điểm của chữ A - Ta Lê - Phu La Nhích bên Tây Trường Sơn. Địch đánh bom bằng máy bay phản lực thông thường đã là mối đe dọa lớn. Nếu địch đánh phá bằng máy bay B.52, sẽ giống như tình hình ở cửa khẩu của chữ A - Ta Lê - Phu La Nhích bên Tây Trường Sơn năm trước.

- Tôi đã nghĩ đến điều đó, nhưng muốn anh hoàn thành bước một đã.

- Anh cho triển khai bước hai luôn, chúng tôi sẽ tập trung sức tổ chức vận chuyển, vừa xây dựng các trục vượt khẩu, phá cái thế độc đạo ác nghiệt này.

- Vậy thì anh cứ đề xuất những vấn đề cụ thể. Tôi sẽ ủng hộ anh.

Là người đã từng vật lộn với cửa khẩu của chữ A - Ta Lê phía Tây Trường Sơn, biết rõ phải làm những gì và phải làm thế nào để giành được thế chủ động từ đầu thì mới đỡ tổn xương máu và giữ được mạch máu giao thông, tôi trả lời:

- Báo cáo anh, tôi đề nghị Bộ Tư lệnh cho mở thêm hai tuyến vượt khẩu nữa.

Một tuyến ở phía sau đồn biên giới Cù Bai, một ở phía Đông của “tay áo” chạy vòng sau dãy lèn đá Bơrai.

- Anh định bao giờ thì xong?

- Tôi định một tháng phải xong. Nhưng nếu lấy thời gian là yêu cầu số một thì đề nghị anh thỏa mãn về lực lượng và phương tiện cho binh trạm.

- Tôi ủng hộ anh về quyết tâm này. Tôi sẽ điều ngay cho anh Trung đoàn 98 do anh Yêm¹ làm Trung đoàn trưởng, anh Tô Đa Mạn² làm Trung đoàn phó, anh Chía làm Chính ủy, anh Tùng làm Phó chính ủy. Anh sẽ giao nhiệm vụ cụ thể cho các anh ấy. Ngày mai các anh ấy sẽ đến gặp anh. Cần bao nhiêu bộc phá và máy húc, Bộ Tư lệnh sẽ thỏa mãn cho các anh.

1. Anh Yêm sau là Cục phó công binh, hy sinh năm 1972 ở Trường Sơn.

2. Anh Mạn sau này là Thiếu tướng, Phó chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần.

Tôi thấy sung sướng và nhẹ nhõm. Làm việc mà được trên tin, dưới ủng hộ thì không gì yên tâm bằng. Hôm sau anh Yêm đến gặp tôi, hai anh em chụm đầu trên chiếc bản đồ tìm khu vực kín, bình độ thoải và thống nhất mở một đường từ dốc Dân Chủ chạy ra đồn biên phòng Cù Bai vượt sông Sê Bông Hiêng rồi luồn vào rừng phía Tây của “tay áo” chạy xuống Bắc bản Tà Ha, chiều dài khoảng 15 kilômét. Chúng tôi đặt cho nó cái tên đường F. Anh Yêm nhắm tính rồi hạ quyết tâm một tháng xong với điều kiện cần bao nhiêu bộc phá phải có bấy nhiêu và ít nhất tăng thêm hai máy húc. Tôi đồng ý ngay vì biết đằng sau mình có chỗ dựa rất vững chắc, đó là Tư lệnh trưởng Bộ Tư lệnh Trường Sơn.

Hai hôm sau, người, máy ùn ùn kéo đến tập kết nhảy cóc trên tuyến sắp thi công. Từng đoàn khảo sát len lỏi trong rừng, hai chân đầy máu do vất vả, mặt mày xây xát do dây gai cào xước. Khảo sát đến đâu, thi công đến đấy.

Cả khu rừng chim kêu vượn hót đã nhường cho cảnh sống động của đoàn người “xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước”. Mọi việc mở đường vượt khẩu đã được giải quyết. Chúng tôi hoàn toàn yên tâm khi có đồng chí Yêm và đồng chí Chia đôn đốc thực hiện.

Tôi và anh Tấn, Binh trạm phó phụ trách công binh xoay trần tìm tuyến hướng Đông. Hướng này trống trải, lại phải men theo dãy lèn đá nên khó khăn nhiều bề. Địch sẽ phát hiện và đánh gục ngay khi ta đang mở, nhưng cũng có cách đối phó là tác nghiệp ban đêm, sáng sớm và chiều tối, đồng thời phải chuẩn bị hầm hào trước. Song dãy lèn đá đã gây chùn lòng một số anh em, bởi có một tảng đá khổng lồ chắn ngang lối mở đường, không tránh chỗ khác được. Chúng tôi báo cáo với Bộ Tư lệnh về khó khăn này. Anh Nguyên nói: “Nếu cần mấy tấn bộc phá để đánh sập nó, các anh cứ làm, có đủ bộc phá cho các anh”. Tôi biết Bộ Tư lệnh theo đuổi quyết tâm này một cách mãnh liệt, vì hoàn thành tuyến vận chuyển cơ giới Đông Trường Sơn sẽ tạo ra một mũi khoan xuyên nhanh, mạnh và sâu, đẩy vào chiến trường khối lượng vật chất lớn. Chúng tôi yên tâm và bắt tay ngay vào chiến dịch mở tuyến vượt khẩu thứ ba. Với sự cân nhắc kỹ lưỡng, chúng tôi yêu cầu Bộ Tư lệnh tăng thêm hai đại đội công binh và hai máy xúc. Mới đề nghị chiều hôm nay thì sáng hôm sau đã thấy ô tô chở không phải hai đại đội mà là một tiểu đoàn thanh niên xung phong tới và ngay chiều hôm đó hai máy xúc cũng có mặt. Như vậy, mọi việc đã được sắp đặt và tổ chức tiến hành. Quân ta tác nghiệp cả đêm lẫn ngày với tốc độ thi công chóng mặt. Mới có 10 ngày mà đường đã kéo dài được bảy kilômét. Địch nghĩ thấy hoạt động của ta nên đã tiến hành những chuyển bay trinh sát. Ngày nào cũng có một vài trận bom. Trong anh em, có nhiều người dao động. Thanh niên xung phong kêu ốm ngày càng nhiều. Tôi và anh Tấn bàn nhau phải thay phiên ra mặt đường để giữ vững tinh thần bộ đội. Có hôm hai chúng tôi cùng ra đường và cùng chịu những

trận bom sấm sét.

Một hôm quân ta đang tác nghiệp, bỗng có máy bay xăm xăm lao tới. Tám quả bom không trúng đường mà trúng núi. Đất, đá đổ xuống ào ào. Cái hốc nhỏ bên lèn đã cứu chúng tôi. Còn anh chị em được hầm che chở nên điểm danh đủ mặt. Chúng tôi thở phào mừng rỡ.

Nhưng mối đe dọa còn ở phía trước. Từ hôm khởi công đến nay, chúng tôi đã tìm mọi biện pháp để tiết kiệm tối đa xương máu, nhưng ngày nào cũng có thương vong. Chúng tôi phải tăng cường máy húc để nhanh chóng dứt điểm. Và ngày thứ 20 thì đường đã được nối thông. Đường này được đặt tên là đường C. Anh Yêm thông báo cho chúng tôi vài ngày nữa xin mời binh trạm nghiệm thu và liên hoan thắng lợi mở thông đường.

Giấc mơ đã trở thành hiện thực! Chưa bao giờ ta lại chủ động mở được ba đường vượt qua một cửa khẩu! Nói sao hết niềm sung sướng và hạnh phúc của chúng tôi khi biết chắc một ngày gần đây địch sẽ mở những cuộc giới bom xuống khu vực này vô cùng ác liệt, vô cùng tàn khốc, nhưng chắc chắn chúng khó lòng ngăn chặn bước đi của chúng ta. Đứng trước hàng quân, tôi đã chào mừng thắng lợi và biết ơn những cán bộ, chiến sĩ đã lăn lộn trong cuộc chiến đấu mở đường, biết ơn Bộ Tư lệnh Đoàn 559 đã nhạy cảm, thường xuyên chấp cánh cho chúng tôi.

Vận chuyển lớn đã có thể bắt đầu. Chúng tôi chuyển trọng tâm sang lập kế hoạch tổ chức hiệp đồng chiến đấu bảo đảm vượt khẩu cũng như vượt các trọng điểm của các đội hình xe. Một mạng thông tin được thiết kế với yêu cầu không được để mất liên lạc quá 15 phút. Pháo được bố trí tập trung đảm bảo đánh áp đảo những loại máy bay trinh sát và phản lực cường kích. Công binh được phân bố lực lượng đảm bảo tình huống nào cũng không để đường tắc quá một giờ. Các đoàn xe phải được đảm bảo kỹ thuật, có đủ lái chính, lái

phụ, có khả năng làm chủ tốc độ, biết ứng phó với mọi tình huống, biết mật tập vượt trọng điểm một cách dũng mãnh. Sở chỉ huy cơ bản, sở chỉ huy tiền phương và các trạm điều chỉnh giao thông được hình thành một hệ thống thông suốt đảm bảo chỉ huy chuyên ngành và chỉ huy hiệp đồng nhịp nhàng ăn khớp. Mọi việc coi như chuẩn bị xong. Thời gian này bọn địch đã tăng cường trinh sát, nhưng mức độ đánh phá vừa phải. Chúng tôi nghĩ rằng bọn chúng đang bị hút vào hướng Tây Trường Sơn, vì vậy cần chớp thời cơ đẩy nhanh quy mô và tốc độ vận chuyển.

Tiểu đoàn xe 62 đã dàn hàng dọc trên hai suối Vĩnh Linh và Cô Pút. Tất cả mọi lực lượng được động viên ra quân đánh thẳng trận đầu.

Năm giờ chiều, khi nắng hoàng hôn yếu ớt vương lại những vệt sáng lơ mơ trên những đỉnh non cao, hai chiếc máy bay trinh sát quay đầu về căn cứ của chúng.

Binh trạm ra lệnh cho xuất kích đội hình xe. Tám mươi chiếc xe ba cầu (Zin 157) như trong đường hầm chui ra theo thứ tự hành quân trên các hướng vượt khẩu đã chỉ định, rầm rộ lao nhanh. Khi toàn đội hình đã qua hết cửa khẩu, máy bay trinh sát mò tới. Pháo ta được lệnh không nổ súng để chúng tự do bay lượn lâu hơn trên cửa khẩu nhằm giữ chân chúng lại cho xe ta hành tiến. Đêm nay địch bị bất ngờ nên đội hình xe đã tới đích an toàn. Hai hôm sau, hình như phát hiện được sự hoạt động vận chuyển cơ giới của ta nên chúng bắt đầu mở các cuộc tập kích vào đèo 300, đèo 500 và đặc biệt cửa khẩu tại cửa “tay áo”. Tất cả mọi hoạt động đánh phá của địch chưa vượt quá dự kiến của chúng tôi, vì vậy địch cứ đánh, ta cứ đối phó và xe cứ đi. Tổn thất thương vong có, nhưng chưa nhiều.

Đến bây giờ thì chúng tôi không sợ tắc cửa khẩu mà sợ tắc ở đèo 300, đèo 500 vì ở đó địa hình chỉ cho phép mở được một đoạn đường tránh. Tôi nghĩ

ngay đến việc làm thêm một tuyến mới từ Chà Lì men theo sông Sê Bông Hiêng đi về phía Tây nối vào Bản Cọ, giáp tuyến Binh trạm 9 kéo xuống Thà Khổng. Tôi báo cáo với Thường vụ Đảng ủy binh trạm và Tư lệnh Đồng Sỹ Nguyên. Tư lệnh hỏi lại đường có dễ làm không; nếu địa hình phức tạp mất quá nhiều thời gian, tổn quá nhiều lực lượng thì phải tính lại cho kỹ. Tôi biết anh lo lắng như vậy là phải, nhưng tôi đã đi bộ trên đường mòn này mấy lần nên biết rõ khả năng làm nhanh và không cần nhiều lực lượng. Tôi báo cáo với Bộ Tư lệnh sự cần thiết phải làm đường này để có thể vu hồi khi địch thít chặt đoạn đèo 300 và 500, đồng thời cam đoan với Bộ Tư lệnh chỉ trong vòng nửa tháng có thể xong nếu được tăng cường một đại đội công binh. Có lẽ anh Nguyên tin vào khả năng tính toán và quyết tâm của chúng tôi nên đã đồng ý. Anh Tấn, binh trạm phó công binh đặc trách chỉ huy mở đoạn đường này, “vớ” được một đại đội công binh người Nghệ An nên mặt mày hớn hở. Anh nói với tôi rằng “được quân Nghệ An như được vàng”. Vì anh đồng hương với tôi nên đùa tếu: với đám quân “cá gỗ” “gan lì cóc tía” thì nửa tháng là ngon thôi! Chúng tôi nhìn nhau, tùm tùm cười tâm đắc. Quả thật, nửa tháng sau, một nhánh đường từ Chà Lì đi Bản Cọ được nối thông. Thế trận vượt khẩu càng thêm vững chắc, thế trận lật cánh vu hồi đã thành hiện thực.

Tuyến đường phía Đông Trường Sơn đã thọc sâu vào đường số 9 nối thông với các nhánh đường ngang của tuyến phía Tây Trường Sơn tạo thành một mạng giao thông liên hoàn Đông, Tây hỗ trợ. Mỹ - ngụy đã lâm vào tình trạng bị động đối phó với tuyến đường chi viện chiến lược thiên la địa võng này. Chúng đang đứng trước khó khăn khi lựa chọn đánh đúng “điểm huyết” của đường Trường Sơn. Nhưng đâu là điểm huyết? Cửa khẩu Xiêng Phan, cửa khẩu của chữ A - Ta Lê - Phu La Nhích, cửa khẩu Pha Bông Nứa phía Tây Trường Sơn hay cửa khẩu Chà Lì phía Đông Trường Sơn? Rải lực lượng không quân đánh đồng loạt cả bốn cửa khẩu và các trọng điểm tung thâm, chúng sẽ không đủ để chặn đứng ta lại. Nếu tập trung không quân dứt điểm hủy diệt một cửa khẩu thì càng không giải quyết được vấn đề. Mỹ đành phải lựa chọn một phương án là đánh đồng loạt toàn bộ cửa khẩu, nhưng ưu tiên diệt tuyến Đông Trường Sơn - vì tuyến này như mũi mác chọc vào hông chúng.

Sau một tháng địch trinh sát, chụp ảnh, rải các phương tiện trinh sát điện tử, nắm được những lượng thông tin về tình hình hoạt động của binh trạm, chúng mở chiến dịch đánh phá ồ ạt, đánh Bản Đông, đánh đèo 300 và đèo 500, đánh cánh đồng Mường Trường, đánh các tuyến vượt khẩu Chà Lì. Trên tuyến đường Binh trạm 27, hàng ngày có đến mấy trăm lượt máy bay ném bom đánh phá. Pháo ta đánh trả quyết liệt, diệt nhiều máy bay, công binh xông ra, rút vào tranh chấp với địch “một tắc không đi, một ly không rời”. Trục đường của Binh trạm 27 biến dạng. Tại các trọng điểm, đất đá dồn lại thành đồng tầng tầng, lớp lớp. Hàng nghìn hố bom cắt đứt từng đoạn mặt đường. Núi bị bặt, bị phá rừng tạo nên cảnh hoang tàn rùng rợn. Nhưng thế cầu đường của binh trạm khá vững, khả năng ta nắm bắt quy luật đánh phá của địch khá nhanh và sắc, nên đêm đêm xe ta vẫn đưa vào tới đích hàng trăm tấn hàng. Như vậy ở hướng Đông Trường Sơn địch vẫn không bịt nổi cửa khẩu mà còn bị cầm chân một lực lượng không quân khá lớn, nới lỏng một phần sự đánh phá hướng Tây Trường Sơn, tạo điều kiện cho các binh trạm trên hướng đó hoàn thành nhiệm vụ một cách thắng lợi.

Tôi nghĩ đến mấy ý kiến của Đại tướng Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp nói trước Hội nghị Tổng kết vận chuyển chi viện chiến lược mùa khô 1968-1969 của Đoàn 559 tại Sầm Sơn, rằng Mỹ giàu nhưng không mạnh vì vấp phải một cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện của một dân tộc với ý chí “Không có gì quý hơn độc lập tự do”, rằng sức mạnh của Mỹ chỉ có hạn, đánh nơi này phải bỏ nơi khác, đánh mạnh chỗ này sẽ đánh yếu chỗ khác, nếu nắm được quy luật hoạt động của chúng, biết tránh và biết đánh, nhất định ta sẽ thắng chúng; rằng sự lãnh đạo của Đảng ủy và chỉ huy Bộ Tư lệnh 559 và các cấp binh trạm là táo bạo, sáng tạo, đúng đắn, tinh thần chiến đấu của bộ đội 559 là anh dũng tuyệt vời đến mức ta khó hiểu nổi làm sao địch đánh phá ác liệt, liên tục trên các cửa khẩu như vậy mà hàng mấy chục tiểu đoàn ô tô vận tải vẫn vượt được Trường Sơn vào tới các chiến trường... Tôi sung sướng và tự hào được đứng trong Đoàn 559, đoàn quân đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, xứng đáng với sự biểu dương của vị Tổng Tư lệnh - người Anh Cả lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam.

*

Biết không thể dùng không quân để chặn tuyến đường vận chuyển Trường Sơn của ta, đồng thời muốn gỡ thế bị động trên chiến trường miền Nam và giành một số thắng lợi về quân sự để có tiếng nói trọng lượng trên bàn Hội nghị Pa-ri về Việt Nam, Mỹ âm mưu mở cuộc hành quân đại quy mô mang tên Lam Sơn 719 lên đường số 9 - Nam Lào nhằm dùng bộ binh cắt đứt toàn bộ khu trung tuyến của tuyến đường Trường Sơn, bóp chết “dạ dày” Quân giải phóng miền Nam và ngăn chặn sự xâm nhập của quân “Bắc Việt”, đồng thời tạo bàn đạp tấn công vùng Nam Khu 4 cũ, đẩy ta vào thế bị động. Tháng 1 năm 1971, chúng tôi được Bộ Tư lệnh 559 thông báo như vậy và được giao nhiệm vụ chuẩn bị sẵn sàng đối phó, đồng thời vừa vận chuyển chiến lược, vừa vận chuyển phục vụ chiến dịch; trước mắt phải vận chuyển lót sẵn lương thực, đạn dược chờ quân ta hành quân tới là có điều kiện triển khai tác chiến ngay.

Ít hôm sau lại nhận được điện trên thông báo Mỹ-ngụy đã huy động 3 vạn quân, trên 1.000 xe tăng và thiết giáp, 700 máy bay chiến đấu và trực thăng, 300 khẩu pháo đang gấp rút triển khai đội hình hành quân. Trung tướng ngụy quyền Hoàng Xuân Lãm cùng với hai cố vấn quân sự cao cấp Mỹ trực tiếp chỉ huy chiến dịch này. Trung tướng Dư Quốc Đống đích thân chỉ huy sư đoàn dù ngụy.

Thật oái ăm! Bọn Mỹ đã không đại dột liều mạng mang quân lên vùng rừng núi bí hiểm này mà trút toàn bộ gánh nặng lên đầu bọn ngụy Sài Gòn để thực hiện một sứ mệnh đầy mạo hiểm. Tuy nhiên Mỹ sẽ yểm trợ bằng không quân tới mức tối đa.

Từ đầu tháng 1, địch bắt đầu mở cuộc không tập bằng máy bay B.52 vào khu vực cửa khẩu Chà Lì, cày nát đèo cua “tay áo” và khu vực lân cận. Trong tung thâm từng phi đội thay nhau giội bom xuống đèo 300, đèo 500, ngã ba Bản Đông. Cuộc chiến đấu giữa ta và địch vô cùng ác liệt. Pháo tầm trung

của ta bị vô hiệu hóa trước các phi đội máy bay B.52. Thương vong đột nhiên lên cao, có những trường hợp hy sinh đau đớn, bị địch đánh sập miệng hang phải dùng thuốc nổ mở cửa nhưng không cứu được người. Có trường hợp xe bị lật nhào xuống vực hàng chục chiếc một lúc, có hôm cả tiểu đội công binh bị xóa sổ gọn. Nhưng bộ đội vẫn giữ vững ý chí chiến đấu. Chính trị viên phó đại đội công binh Nguyễn Bá Tòng¹ xông pha lửa đạn ôm bộc phá chạy lên đỉnh đèo đánh hất chiếc xe đang cháy để giải phóng đoàn xe 20 chiếc còn bị máy bay săn đuổi. Anh bị trọng thương vẫn ở lại động viên chiến sĩ bám giữ tuyến đường cho xe qua. Trung đội trưởng Nguyễn Văn Thân² 10 lần bom nổ gần, khi bị sức ép, khi bị thương, lúc bị đất đá chôn vùi, khi được bới lên, anh vẫn tiếp tục tìm bom nổ chậm để đánh dấu. Hình ảnh đó gây trong tôi một ấn tượng rất mạnh. Trong cuộc chiến đấu không cân sức, tưởng chừng kẻ địch sẽ nuốt chửng chúng ta, nhưng chỉ trong vòng ba ngày quân ta đã trở lại trạng thái bình thường sau khi rút ra được quy luật đánh phá của chúng.

1, 2. Đồng chí Nguyễn Bá Tòng (sau này là Phó tư lệnh Binh đoàn 12) và Nguyễn Văn Thân còn lập nhiều thành tích khác, sau này được Nhà nước tuyên dương Anh hùng lực lượng vũ trang vào năm 1972.

Ngày 5 tháng 1 năm 1971, đồng chí Hồng Sơn, Phó tư lệnh Mặt trận B.701 trên đường ra trận đã vào Binh trạm 27 gặp tôi để phổ biến tình hình và nhiệm vụ. Trên chiếc bản đồ trải rộng, đồng chí nói cho tôi biết những tin kỹ thuật ta nhận được là địch đang ráo riết tổ chức mở cuộc hành quân đại quy mô vào khu vực đường số 9 - Nam Lào, phối hợp với bọn ngụy Lào đánh thốc từ phía Tây xuống nhằm chiếm đóng và kiểm soát hoàn toàn đường số 9. Đồng chí chỉ vào những vị trí khoanh tròn màu xanh trên bản đồ dự kiến địch đổ bộ bằng trực thăng xuống trong đó có cao điểm Cô Bốc, Phu Cốc, 540, 550, 650, 655 ở phía Nam đường số 9; cao điểm 456, 453, 500 - Làng Sen, Làng Hồ...; ở phía Bắc đường số 9 và các mũi tiến công của các đơn vị thiết giáp lên Bản Đông - Sê Pôn.

Đồng chí yêu cầu Binh trạm 27 đảm nhiệm nhiệm vụ chỉ huy các lực lượng

tăng, pháo và các phương tiện cơ giới khác của chiến dịch vượt khẩu với tỷ lệ tổn thất thấp nhất, đồng thời vận chuyển vũ khí đạn dược, lương thực, thực phẩm đảm bảo cho chiến dịch quy mô lớn và dài ngày.

Khi nghe tiếng bom B.52 đang ào ào đổ xuống cửa khẩu làm rung giật cả hầm chỉ huy, nét mặt trở nên tư lự, đồng chí hỏi lại tôi:

- Dịch đánh như vậy, khả năng binh trạm đến đâu?

- Tất nhiên là rất ác liệt và phức tạp, nhưng chúng tôi muốn biết số lượng tăng pháo của chiến dịch là bao nhiêu?

- Có thể mấy trăm. Sẽ có cán bộ tham mưu làm việc cụ thể với anh.

- Và số lượng cơ sở vật chất bảo đảm cho chiến dịch là bao nhiêu?

- Sẽ rất lớn, nhiều ngàn tấn. Việc này có cơ quan hậu cần sẽ làm việc cụ thể.

- Báo cáo Phó tư lệnh, chúng tôi sẽ cố gắng với mức cao nhất, nhưng không phải mọi việc tùy thuộc ở ta mà còn cả ở địch. Chúng tôi đang chuẩn bị đối phó với tình huống ngặt nghèo nhất. Đồng chí cứ yên tâm.

Câu nói kết thúc của tôi hình như làm cho đồng chí phấn khởi và chuyển sang

câu chuyện tâm tình:

- Anh Đại hình như quê ở Nghệ An?

- Sao đồng chí biết?

- Vì tôi nghe tiếng năng nạng của người xứ Nghệ đã quen.

- Vâng, tôi ở xã Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

- Hóa ra anh cùng quê với cụ Hồ Phi Huyền² - tác giả cuốn Nhân đạo quyền hành ấy mà. Anh có quen cụ Hồ Phi Huyền không?

- Có. Cụ là bố vợ nhà văn Đặng Thai Mai. Tôi quen biết cụ vì cụ giảng giúp cho tôi những danh từ khó hiểu trong các tác phẩm triết học phương Tây hồi tôi mới tập nghiên cứu trước Cách mạng tháng Tám. Nhưng đồng chí có quan hệ gì với cụ Hồ Phi Huyền?

- Bố vợ tôi là rể của cụ mà.

- Ai vậy?

- Đặng Thai Mai.

- Vậy đồng chí là cháu rể làng Quỳnh chúng tôi. Hay quá.

1. Mặt trận cánh Đông đường 9 – Nam Lào.

2. Cụ Hồ Phi Huyền là tác giả cuốn sách “Nhân đạo quyền hành”.

Chúng tôi kết thúc câu chuyện khi mâm cơm được dọn ra với đĩa măng xào, một ít mắm tôm và dưa hành còn lại sau Tết. Bữa cơm thanh đạm, thân mật đã xong, đồng chí khấn trương chia tay tôi. Sắp bước khỏi hầm chỉ huy, đồng chí quay lại vừa cười vừa nói:

- Bọn chúng mình như lính mới, vào đây chỉ biết dựa vào cậu. Hiện giờ đường dây điện thoại của chiến dịch chưa triển khai kịp, các cậu vẫn phải cho bọn tớ bám vào và nhớ là phải cho ưu tiên đấy.

- Đồng chí đừng lo. Tất cả cho thắng lợi của chiến dịch mà.

Tôi cử hai cảnh vệ dẫn đường, đưa đồng chí về sở chỉ huy của mặt trận đóng ở phía Tây Mường Trượng trong một khu rừng già, cách sở chỉ huy binh trạm 15 kilômét theo đường chim bay.

Ngày hôm sau tôi lại được tiếp thượng tá Lê Đình Truy, chính ủy Sư đoàn tên lửa phòng không 367. Đồng chí vào hiệp đồng với chúng tôi giúp đỡ đặt một

bộ phóng tên lửa SAM.2 tại dốc Dân Chủ, sau lưng chúng tôi khoảng một kilômét. Tôi vừa mừng vừa lo. Mừng vì tên lửa vào mà diệt được máy bay B.52 thì còn gì sung sướng bằng. Lo vì với địa hình phức tạp, liệu tên lửa của ta có diệt được B.52 không, hay chúng lại đánh vào tên lửa thì binh trạm bị vạ lây.

Trong những ngày này, tăng, pháo của ta đã kéo rít trên đường số 16, ùn ùn kéo vào đứng sắp thành hàng dọc trong lòng suối Chà Lì chờ lệnh của binh trạm để vượt khẩu.

Nghe tiếng bom của siêu pháo đài bay B.52 liên tục kéo rền, chớp giạt làm rung chuyển cả khu vực Chà Lì, anh em trong đơn vị tăng, pháo bồn chồn lo lắng. Chúng tôi phải mời cán bộ chỉ huy từng phân đội vào sở chỉ huy để giải thích chiến thuật vượt khẩu, kỷ luật hành tiến, và yêu cầu anh em chấp hành triệt để mệnh lệnh của binh trạm, như vậy sẽ đảm bảo an toàn. Được giải thích và động viên, anh em yên tâm và hứa sẽ quán triệt cho từng chiến sĩ.

Có lẽ đây là thời điểm máy bay B.52 đánh dữ dội nhất - vì không phải chỉ ngăn chặn vận chuyển mà ngăn chặn cả cuộc hành quân của các lực lượng binh khí kỹ thuật của ta vào chiến trường. Tuy nhiên chúng tôi vẫn bình tâm và tin tưởng sẽ đưa lực lượng tăng pháo vào với tổn thất ít nhất, vì chúng tôi đã có thể trận được chuẩn bị khá chu đáo.

Cho đến bây giờ thì tôi mới nhận ra ý đồ thiết lập cửa khẩu và tuyến vận chuyển cơ giới hướng Đông Trường Sơn của trên không phải đóng khung trong giác độ vận chuyển. Cách nhìn xa có tầm chiến lược đã chứng minh được ý nghĩa lớn lao của nó. Chúng ta thử giả thiết, nếu cửa khẩu này chưa được mở thì việc đối phó với cuộc hành quân đại quy mô này của địch sẽ ra sao?

Ngày 5 tháng 2 năm 1971, toàn bộ lực lượng binh trạm từ cơ quan đến đơn vị đều tập trung vào việc chỉ huy và bảo đảm tăng, pháo, xe bọc thép... vượt khẩu, đồng thời chỉ huy cả lực lượng vận tải để đảm bảo nhu cầu cho chiến dịch. Một lúc làm hai nhiệm vụ trong điều kiện địch đánh phá quyết liệt như vậy quả là một áp lực nặng nề với binh trạm.

Trong thời gian này, chúng tôi nóng lòng chờ tên lửa vút lên diệt máy bay B.52 của địch. Nhưng chờ mãi vẫn thấy im hơi lặng tiếng. Tôi gọi điện thoại cho anh Truy yêu cầu các anh phóng cho một quả tên lửa, ít nhất cũng làm cho chúng hoảng, phải nhả cửa khẩu dăm ngày đêm, nhưng anh Truy giải thích là cần đánh chắc, thắng chắc.

Ngày 6 tháng 2 năm 1971, chúng tôi quyết định cho vượt khẩu 20 tăng, 10 pháo và 50 xe ô tô vận tải. Tất cả các phương tiện phải tiếp cận tới hạn cho phép sát cửa khẩu, trên những hướng nhất định mà chúng tôi dự đoán xác suất an toàn cao.

Bảy giờ tối, loạt bom B.52 trút vào hướng đường F, chỉ có ba quả trúng mép đường ở phía Nam, có khả năng sau 15 phút ta sẽ khắc phục xong. Chúng tôi ra lệnh cho các đoàn cơ giới xuất kích trên hướng đó.

Ai đứng ở cửa khẩu lúc này mới thấy một bức tranh lạ lùng: máy bay B.52 cứ rải thảm, pháo, tăng, ô tô của ta cứ đi. Trên trời thì âm âm máy bay, dưới đất thì âm âm bom nổ lẫn với tiếng rú của xe xích. Huyền não, ác liệt và hào hùng, không cách gì vẽ nổi bức tranh kì diệu đó.

Chỉ trong vòng năm đêm, mấy trăm xe vừa tăng, vừa pháo cao xạ, pháo mặt

đất, xe bọc thép, pháo tự hành đã vượt qua cửa khẩu, nằm gọn trong các khu tập kết của chiến dịch. Chỉ có một khẩu pháo bị đánh gãy còng. Năm đêm liên dịch đã thực hiện 200 lần chiếc B.52 giội bom xuống cửa khẩu với hàng trăm tấn bom mà ta đưa vào chiến trường được khối lượng xe pháo như vậy quả là một kỳ công. Đồng chí Cao Văn Khánh¹, Tư lệnh mặt trận đêm nào cũng gọi điện thoại cho tôi hỏi về tình hình vượt khẩu của tăng, pháo. Nhiều lúc tôi phải đề nghị đồng chí chờ cho tôi chỉ huy xong đợt vượt khẩu. Và cứ mỗi khi tôi báo cáo số lượng đã vượt qua an toàn thì đồng chí lại buột miệng nói: “Tuyệt quá! Cảm ơn Binh trạm 27”. Kết thúc đợt vượt cuối cùng đồng chí gọi điện cho tôi và nói:

- Binh trạm 27 đã hoàn thành nhiệm vụ một cách xuất sắc. Dịch đánh như thế mà tăng pháo vào được như thế là lý tưởng. Các đồng chí đã tạo điều kiện để bước vào chiến dịch một cách thuận lợi. Hoan hô Binh trạm 27! Bộ Tư lệnh Mặt trận nhiệt liệt biểu dương các đồng chí và sẽ đề nghị khen thưởng.

Chiều ngày 7 tháng 2, hàng trăm lượt máy bay B.52, máy bay phản lực F4, F5 ném bom quyết liệt cả cửa khẩu, cả tung thâm, không những trên đường vận chuyển mà cả trong các khu đồi núi. Các cuộc oanh kích kéo dài suốt cả đêm. Chúng tôi đoán có thể dịch đang dọn đường cho cuộc đổ bộ, liền ra lệnh cho các đơn vị bộ binh, pháo cao xạ, công binh, kho, giao liên của binh trạm sẵn sàng chiến đấu, chú ý tiếp cận nơi địch đã ném bom.

Tám giờ sáng ngày 8 tháng 2, các đài quan sát của binh trạm báo cáo có hàng đàn máy bay trực thăng không đếm xuể đang bay về phía Tây Bắc đường số 9 trên khu vực tam giác Cô Bốc - Làng Sen - Bản Đông. Bộ Tư lệnh 559 thông báo địch đã bắt đầu mở cuộc tiến công, Binh trạm 27 phải kiên quyết đánh trả.

1. Đồng chí Cao Văn Khánh sau này được phong quân hàm Trung tướng làm

Tổng Tham mưu phó Quân đội nhân dân Việt Nam.

Bộ Tư lệnh Mặt trận cũng gọi điện thông báo và yêu cầu binh trạm chiến đấu với mọi vũ khí có trong tay. Chúng tôi khẳng định là địch đã bắt đầu chiến dịch tấn công thực sự, do đó ra lệnh ngay cho từng đơn vị tập trung đánh máy bay trực thăng của địch. Khoảng 8 giờ 30 phút, cả khu vực Nam, Bắc đường số 9, bầu trời như chao đảo với sự nhào lộn gầm rít của máy bay phản lực. Sự quay cuồng và tiếng nổ bành bạch của cả đàn trực thăng rồi tiếng bom nổ, tiếng đạn bay, và lũ lượt từng đàn dù lơ lửng trên không hình thành một chiến địa khổng lồ hiện đại. Các cỡ đạn dưới đất bắn lên như mưa. Tiểu đoàn cao xạ 14 do đồng chí Chiêm trực tiếp chỉ huy báo cáo về binh trạm đã hạ được một chiếc, bắn bị thương chiếc khác. Chủ nhiệm kho Làng Sen báo cáo có một chiếc trực thăng hạ xuống lòng chảo gần đèo 500, anh em giữ kho đã tập trung súng CKC chúc nòng xuống diệt luôn tại chỗ. Các đại đội công binh báo cáo anh em vác súng CKC đuổi theo trực thăng hết đồi này qua đồi khác, đã bắn cháy hai chiếc. Tin thắng lợi dồn dập bay về binh trạm. Cơ quan chính trị liên tục gọi dây nói thông báo các nơi. Cho đến chiều chúng tôi nhận được tin cuộc chiến đấu ngày đầu, toàn binh trạm đã bắn rơi 17 trực thăng và hai F4.

Bộ Tư lệnh 559 và Bộ Tư lệnh Mặt trận đánh điện biểu dương. Đồng chí Cao Văn Khánh với tiếng nói nhỏ nhẹ có vẻ là nhà chính trị hơn là nhà quân sự đã gọi điện khen ngợi cán bộ, chiến sĩ binh trạm đánh giỏi và động viên chúng tôi tiếp tục lập công.

Mặt trời vàng nhạt, tắt dần sau những dãy núi xám mờ. Lúc này máy bay B.52 vẫn còn đánh cửa khẩu, nhưng khoảng cách thưa dần. Chúng tôi hối hả cho đoàn xe vận tải xuất kích vượt khẩu chuyển hàng tới khu vực chiến dịch. Các bộ đàm của binh trạm bắt đầu làm việc. Đồng chí Ngôn - tiểu đoàn trưởng thông tin báo cho tôi là đã bắt được tần số bộ đàm của địch. Tôi cảm nghe, thấy bọn chúng đang hốt hoảng chửi nhau. Đứa kêu thiếu nước, đứa thì la không có hầm sẽ chết hết. Có thằng chửi cả chỉ huy đưa con bỏ chợ. Một

cảnh hỗn loạn, bị quan tràn ngập trong bọn chúng. Đến 18 giờ 30 phút, tôi mở nghe đài BBC của Luân Đôn. Họ đưa tin cuộc tấn công của Mỹ - ngày ngày đầu: nào là quân đội Cộng hòa đã tập trung 35.000 quân, 50 chiếc máy bay B.52, 1.000 máy bay phản lực oanh kích và máy bay lên thẳng, 1.200 xe tăng, xe bọc thép và pháo tự hành mở cuộc hành quân Lam Sơn 719; nào là ông Thiệu mắc sai lầm kéo quân đến khu vực rừng núi mà Việt cộng đã chờ sẵn; nào là lưới lửa phòng không của Việt cộng dày đặc chưa từng thấy; nào là quân đội Cộng hòa đang ngồi trên các ốc đảo chưa nổi liên lạc được với nhau... Như vậy là đã rõ.

Tối hôm đó địch nới lỏng cửa khẩu, tập trung không quân đánh vào những khu vực nghi có quân ta bố trí. Từ Chà Lì đến đường số 9 chớp sáng liên hồi, lúc chỗ này, lúc nơi kia, tiếp theo những tiếng nổ ầm ầm như sấm sét, kéo dài suốt đêm.

Sáng hôm sau, trực thăng của chúng cho đổ bộ tiếp một số quân và thả đồ tiếp tế. Hai thiết đoàn từ Lao Bảo tiến về Bản Đông bị quân ta tiêu hao một bộ phận.

Bộ chỉ huy chiến dịch do đồng chí Lê Trọng Tấn, Phó Tổng tham mưu trưởng làm Tư lệnh trưởng, đồng chí Lê Quang Đạo, Phó chủ nhiệm Tổng cục Chính trị làm Chính ủy ra lệnh mở màn chiến dịch phản công trên toàn bộ các hướng.

1. Máy vô tuyến 2 oát nói chuyện cự ly gần thường dùng sau khi trận đánh đã khai hỏa.

Mặt trận phía Tây do Tư lệnh 559 chỉ huy đã tiêu diệt các cánh quân của

ngụy quân Lào, chặn đứng và tiêu diệt một bộ phận của thiết đoàn 1 tại Sê Pôn, buộc số còn lại tháo chạy về Bản Đông, đồng thời một số bộ binh của chúng chạy về núi “yên ngựa” và điểm cao 723. Còn ngụy Lào thì chạy giạt về Đồng Hến.

Ở mặt trận phía Đông do Tư lệnh trưởng Cao Văn Khánh chỉ huy, các lực lượng bộ binh, xe tăng, xe bọc thép, pháo mặt đất, pháo tự hành... tổ chức cuộc phản công trên mọi hướng diệt nhiều xe tăng, xe bọc thép M.113 của địch, đồng thời đã sử dụng Trung đoàn 64 có pháo binh mặt đất và cao xạ yểm hộ đánh thọc lên đồi “không tên”. Ở đây cuộc chiến đấu giáp lá cà diễn ra vô cùng ác liệt suốt cả đêm. Ngày cuối cùng ta đã diệt được đại bộ phận sinh lực địch, bắt sống đại tá lữ đoàn trưởng Nguyễn Văn Thọ, kết thúc đợt 1 chiến dịch phản công.

Riêng trong đợt này, có khoảng một trung đội ngụy chạy giạt vào kho của binh trạm tại Làng Sen, bị đơn vị kho bao vây tiêu diệt.

Tôi đề nghị anh Bào - Binh trạm phó tác chiến tổng hợp tình hình chiến đấu của binh trạm. Anh giở sổ xem từng cột rồi nói:

- Quân của binh trạm chiến đấu giỏi, diệt 150 lính bộ binh, bắt sống 10 tên khác có 1 sĩ quan thiếu úy, bắn rơi 24 trực thăng và 2 chiếc F4. Riêng khu vực cửa khẩu và đèo 300, đèo 500 địch đã sử dụng 500 lần chiếc B.52, hai nghìn lần chiếc máy bay ném bom phản lực, 100 lần chiếc trinh sát suốt đêm ngày, 500 đợt ném bom tọa độ, 30 lần chiếc máy bay AC.130 bắn đạn 40 ly, số bom bi không đếm xuể. Số bom trúng đường 500 quả. Ta bị thương 50 đồng chí và hy sinh 20 đồng chí. Cơ quan Chính trị đọc thông báo của Bộ Tư lệnh cho biết ngày đầu bộ đội Trường Sơn hạ 50 máy bay, tiêu diệt trên 200 tên địch.

Chúng tôi trong ban chỉ huy thống nhất nhận định Binh trạm 27 đã làm được ba việc lớn trong chiến dịch này: một là, chỉ huy vượt khẩu toàn bộ binh khí kỹ thuật của mặt trận một cách thắng lợi; hai là, đảm bảo đầy đủ lương thực đạn dược; ba là, tham gia góp phần chặn đứng và làm rối loạn cuộc tấn công của địch trong giờ đầu, ngày đầu, diệt được một số sinh lực của chúng, góp phần xứng đáng vào thắng lợi chung. Tất cả thành quả vượt ngoài dự kiến của binh trạm.

Đợt 1 chiến dịch phản công của ta vừa kết thúc, tôi nhận được điện mời họp của đồng chí Đinh Đức Thiện, Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần. Cuộc họp tại một địa điểm ở Bắc đường 16. Đến dự có các binh trạm trưởng thuộc Bộ Tư lệnh tiền phương Tổng cục Hậu cần. Chỉ có tôi và đồng chí Nguyễn Văn Lạn - Binh trạm trưởng Binh trạm 9 là cán bộ của Bộ Tư lệnh Trường Sơn, trực tiếp phục vụ chiến dịch Đường 9 - Nam Lào nên được mời họp. Tôi chưa bao giờ làm việc với đồng chí Đinh Đức Thiện. Ở cuộc triển lãm của Tổng cục Hậu cần tổ chức tại Viện quân y 108 năm 1956 mà tôi là một trong những cán bộ phụ trách, thấy đồng chí đang xem chiếc ô tô du lịch “Chiến thắng” do ta “sản xuất”, tôi đề nghị đồng chí cho ý kiến nhận xét. Đồng chí nói ngay rằng chiếc xe của các anh nhìn “lắc cắc” lắm. Tôi phản ánh ý kiến ấy với đồng chí Nguyễn Thanh Bình¹ Phó chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần, đồng chí Bình cười. Tôi cũng bật cười. Sau này tôi thường nghe anh em nói đồng chí Thiện có tính cương trực, thẳng thắn, không sợ ai trong quân đội ngoài Đại tướng Võ Nguyên Giáp và Đại tướng Văn Tiến Dũng. Và cũng nghe một số anh làm việc gần với đồng chí thường kể về đồng chí như kể chuyện tiểu lâm. Tôi được nghe anh Ngọc “thọt”² kể rằng anh bị đồng chí Đinh Đức Thiện tước quân hàm hồi vào kiểm tra tuyến đường Trường Sơn vì tiểu đoàn của anh bị địch đánh cháy 20 xe ở cửa chữ S trên đường 9. Nhưng Ngọc rất cứng đầu, gỡ ngay quân hàm thiếu tá trao lại cho đồng chí Thiện và nói: “Lần sau có thể tôi sẽ mang đầu về nộp cho đồng chí”. Đồng chí Đinh Đức Thiện nhìn thẳng vào Ngọc mà hỏi:

- Anh nói như vậy là thế nào?

- Tôi muốn nói như vậy là vì xe tôi đi không có ai bảo vệ³, xe cháy chứ người rồi cũng chết.

Nghe ra có lý, biết mình nóng vô lối nên đồng chí làm lạnh và giao lại quân hàm cho Ngọc. Sau này khi kể lại chuyện này cho nhau nghe, ai cũng khen Ngọc quả là con người dũng cảm và đồng chí Thiện cũng rất phục thiện.

Lần này trực tiếp làm việc với đồng chí Đình⁴, tôi mới được thấy đồng chí nóng thật, nóng quá! Nhưng cũng chỉ nóng với tùy người. Đồng chí chăm chú nghe tôi và anh Lạn báo cáo tình hình phục vụ mặt trận. Đồng chí còn chủ động, ôn tồn hỏi chúng tôi có đề nghị gì không.

1. Đồng chí Nguyễn Thanh Bình, sau này là ủy viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng.
2. Đồng chí Ngọc là thiếu tá đoàn trưởng đoàn xe 101, bị thương thọt một chân, đã hy sinh ở chiến trường.
3. Lúc đó chưa có pháo vào bảo vệ vận chuyển.
4. Đình là tên gọi thân mật của đồng chí Đình Đức Thiện.

Tôi yêu cầu đồng chí giải quyết mấy vấn đề: Một là, thương binh rất nhiều, đường xấu, địch đánh mạnh, xe phải chạy nhanh rất xóc, thương binh đau đớn kêu rên, vì vậy đề nghị thủ trưởng cho xin vài trăm chiếc đệm hơi. Hai là, máy bay AC.130 đã chuyển thủ đoạn đánh đạn 40 ly, mảnh văng rất xa, lái xe bị thương vong nhiều, đề nghị thủ trưởng cho xin 100 bộ áo giáp, mũ sắt. Chưa kịp trình bày đến vấn đề thứ ba đã thấy đồng chí nổi khùng lên, đôi mắt nhìn sòng sọc vào hai cán bộ của Bộ Tham mưu Tổng cục Hậu cần rồi quở trách rằng bọn các anh là lũ quan liêu, dối trên lừa dưới, chuyện trò báo cáo láo, rằng tôi phải lặn lội sang đất nước người ta xin được hàng nghìn mũ sắt, áo giáp, hàng vạn đệm hơi, vậy các anh để ở đâu? Tôi nói cho các anh biết, hãy lột sao bỏ xuống rồi vào chiến trường, đừng có hòng mà về Hà Nội. Nhìn thấy hai anh ngồi im không nói một câu, tôi cảm thấy hơi lạ. Sau này mới biết khi đồng chí Đình nổi nóng thì cái thuật đối phó như vậy là thượng sách nhất, yên ổn nhất. Thú thực, đây là lần đầu tiên gặp trường hợp như vậy nên tôi ngạc nhiên và quyết định không yêu cầu gì thêm nữa, vì sợ không may đồng chí lại tiếp tục nổi nóng giáng bức tức xuống đầu cán bộ giúp việc thì thật không hay.

Thấy tôi im lặng, đồng chí hỏi tiếp:

- Đồng chí cần gì nữa cứ đề đạt.

Tôi quyết định chấm dứt nên trả lời:

- Báo cáo thủ trưởng, chỉ đề nghị từng ấy thôi ạ.

Sau khi chúng tôi không còn ý kiến gì nữa, anh Đinh ôn tồn nói với chúng tôi mấy điểm: Một là, phải bằng mọi cách bảo đảm đầy đủ cơ sở vật chất cho chiến dịch, cần gì cứ báo cáo thẳng với Tổng cục, tôi sẽ chi viện kịp thời. Hai là, toàn bộ số xe hiện có của binh trạm chỉ để phục vụ cho chiến dịch, tạm ngừng vận chuyển chiến lược. Nhiệm vụ đó các binh trạm phía Tây Trường Sơn sẽ làm.

Tôi trả lời ngay:

- Báo cáo thủ trưởng, lệnh của Bộ Tư lệnh 559 là vẫn phải vận chuyển chiến lược và phục vụ chiến dịch.

- Anh cứ làm theo mệnh lệnh của tôi. Tối nay tôi sẽ gọi điện cho anh Nguyễn biết chủ trương này.

Đến chiều cuộc họp kết thúc, đồng chí mời tôi và anh Lạn ăn cơm. Khi chúng tôi xin phép ra về, đồng chí vỗ vào vai hai chúng tôi dặn dò đi đường phải cẩn thận, vì còn phải vào làm việc. Tình cảm của đồng chí đã để lại trong tôi một ấn tượng tốt đẹp.

Về sau trong nhiều cuộc tiếp xúc, tôi càng thấy đồng chí là một người có tài, cương trực, giàu tình cảm, có lòng thương chiến sĩ khi đang chiến đấu, nhưng tính nóng thì không sửa được. Có lần đồng chí nói toạc ra rằng cho anh em ăn no hôm nay để chiến đấu vì ngày mai liệu anh em có còn sống nữa không mà tiếc. Khi đánh giá công tích của các đơn vị, đồng chí cũng có những ý kiến công bằng. Đồng chí thường nói khi cần mở một chiến dịch hay một trận đánh thì cấp trên thường nói hậu cần giữ vai trò quyết định. Đánh hay không đánh trước hết phải hỏi hậu cần có đảm bảo được cơ sở vật chất kỹ thuật hay không. Nhưng khi đánh thắng, tổng kết chiến dịch thì thường ít nói đến hậu cần, công lao thường quy cho tham mưu, chính trị. Anh em nghe đồng chí phân tích vấn đề này thường gật gù tán thưởng.

Đến khoảng 10 giờ đêm hôm đó, khi về đến sở chỉ huy binh trạm, tôi gọi điện thoại ngay báo cáo với Bộ Tư lệnh 559 về nội dung nhiệm vụ mà Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần giao, trong đó có ý kiến tạm ngừng vận chuyển chiến lược để tập trung dồn sức phục vụ chiến dịch. Anh Nguyễn ôn tồn nói với tôi:

- Anh Đình lo cho hướng chiến dịch lúc này là phải. Nhưng đồng chí cần chi viện cho hướng anh Lạn để tiếp tục đưa hàng vào chiến trường. Nếu tôi tăng cường cho đồng chí một đại đội xe, liệu có làm được không?

- Báo cáo anh, nếu được như vậy tôi hứa sẽ làm tốt cả hai nhiệm vụ vừa vận chuyển chiến dịch, vừa vận chuyển chiến lược.

Hai ngày sau, binh trạm nhận một lúc hai đại đội xe Zin 157 mới toanh. Một đại đội do đồng chí Đinh Đức Thiện cho, một đại đội do Bộ Tư lệnh 559 cấp. Thế là trong tay chúng tôi có một lực lượng vận tải khá hùng hậu.

Ba ngày sau, tôi lại nhận được điện của Bộ chỉ huy chiến dịch triệu tập để phổ biến quyết tâm mở đợt 2 của chiến dịch và giao nhiệm vụ cho Binh trạm 27. Tôi đi xe suốt đêm, đến bảy giờ sáng thì vào tới Bộ chỉ huy đóng tại phía Bắc đường số 16 bên dãy lèn đá. Tư lệnh Lê Trọng Tấn và Chính ủy Lê Quang Đạo chủ trì hội nghị. Tôi nhận ra có cả đồng chí Lương Nhân, Phó chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần, đồng chí Doãn Tuế, Chủ nhiệm pháo binh mặt đất, đồng chí Hoàng Văn Khánh, Chủ nhiệm pháo phòng không, đồng chí Ngô Thành Vân, Chủ nhiệm chính trị... Tôi đã được trực tiếp nghe đồng chí Lê Quang Đạo nói chuyện trong nhiều cuộc họp, thấy đồng chí vốn là một cán bộ rất điềm đạm, khi trình bày một vấn đề thường lập luận chặt chẽ, vừa có tính chiến đấu vừa có sức thuyết phục. Vào cuộc họp này, đồng chí nói vắn tắt mấy lời khai mạc rồi nhường lời cho đồng chí Lê Trọng Tấn.

Tư lệnh Lê Trọng Tấn đáng người không có gì đặc biệt, mặt hơi gầy, không oai vệ như nhiều cấp tướng khác; cách nói giản dị, chân chất nhưng rất chắc chắn. Đồng chí thay mặt Bộ chỉ huy sơ kết những nét chủ yếu về diễn biến tình hình và kết quả chiến đấu đợt 1 chiến dịch. Trong lúc biểu dương những đơn vị chủ lực cơ động của Bộ, đồng chí đã khen ngợi và nhấn mạnh đến vai trò lực lượng tại chỗ của các binh trạm thuộc Đoàn 559. Đồng chí nói nhờ có lực lượng tại chỗ nên đã chuẩn bị tốt chiến trường, ém sẵn đầy đủ cơ sở vật chất, đặc biệt đã cầm chân và tiêu hao nhiều lực lượng của địch, làm rối loạn chúng ngay từ phút đầu... Sau đó đồng chí phổ biến quyết tâm mở đợt 2 chiến dịch, là đợt có ý nghĩa quyết định đập tan cuộc hành quân Lam Sơn 719. Dừng lại một lúc, đồng chí chậm rãi nhấn mạnh nhiệm vụ từng hướng và các mục tiêu của địch phải tiêu diệt... Sau khi đánh giá tương quan lực lượng, đồng chí nắm tay lại, đặt trên bàn rồi nói:

- Chúng ta quyết đánh bại địch trong đợt 2 chiến dịch phản công này, song vấn đề chủ yếu hiện nay không phải là cách đánh, vì nó đã được giải quyết một cách đúng đắn. Vấn đề là ở chỗ có bảo đảm cơ sở vật chất một cách đầy đủ cho chiến dịch trong đợt 2 này không. Nếu không bảo đảm được thì không đánh được, đó là chân lý đơn giản.

Tôi thấy đồng chí quan tâm và nhấn mạnh vấn đề này là có lý, vì từ mấy ngày nay máy bay B.52 liên tục giội bom xuống cửa khẩu. Ngay đang lúc ngồi họp vẫn nghe tiếng bom ầm ầm từng đợt ở phía cửa khẩu Chà Lì, ai cũng lo vận chuyển bị chặn đứng.

Rồi đồng chí kết luận: thời cơ tốt nhất là ngày mai sẽ mở màn đợt 2 phản công chiến dịch. Ngày đầu phải đảm bảo 1.000 tấn đạn dược và lương thực, nhất là đạn Đ.741 phải có 2.000 quả, những ngày sau phải bảo đảm 300-500 tấn một ngày. Bây giờ chờ Binh trạm trưởng Binh trạm 27 phát biểu quyết tâm.

1. Đạn Đ.74 là đạn pháo mặt đất cỡ 122 ly.

Có lẽ những người dự cuộc họp đều thấy lúc này khâu vận chuyển có ý nghĩa quyết định cho việc triển khai đợt 2 chiến dịch và thông cảm với khó khăn của Binh trạm 27 nên chăm chú nhìn vào thái độ của tôi, chờ đợi một sự trả lời. Tôi phát biểu:

- Báo cáo với Bộ chỉ huy, tôi đã nhận thức được ý nghĩa trọng đại của đợt 2 chiến dịch và xin thực hiện mệnh lệnh của Bộ chỉ huy, nhưng xin kiến nghị vấn đề như sau:

Một là, chi viện cho chúng tôi hai chiếc thuyền sắt K61 để chuyển tải qua sông, phòng nước sông Sê Bông dâng lên khi có gió mùa Đông Bắc bất ngờ.

Hai là, ra lệnh cho các đơn vị pháo thu gom đạn Đ.74 còn bỏ lại ở các trận địa cũ để sử dụng ngay trong những phút đầu mở màn chiến dịch.

Ba là, giờ G1 là năm giờ sáng, như vậy sẽ kéo căng lực lượng không quân, tạo điều kiện cho binh trạm hoàn thành nhiệm vụ.

Đồng chí Lê Trọng Tấn mỉm cười:

- Đồng ý. Binh trạm trưởng 27 muốn chúng ta kéo căng địch ra để có điều kiện vận chuyển vượt khẩu. Bộ chỉ huy đã có những quyết định phù hợp với yêu cầu của đồng chí. Bốn giờ sáng mai sẽ có thuyền sắt cho đồng chí ở điểm vượt sông Sê Bông, về đạn pháo Đ.74, đồng chí Doãn Tuế điện ngay cho các đơn vị gom lại, không được bỏ sót một viên. Đồng chí Binh trạm trưởng đã yên tâm chưa? Nhưng phải nhớ kỹ số lượng và thời gian.

Ăn cơm xong, tôi chia tay với đồng chí Lương Nhân và Ngô Vi Thiện - Chủ nhiệm hậu cần Mặt trận B.70, nhưng không lên xe về ngay đơn vị vì sợ triển khai bị chậm, không kịp thời gian. Tôi đến cơ quan tác chiến của Bộ chỉ huy chiến dịch nhờ máy điện thoại gọi về Binh trạm để chỉ đạo ngay. Rất may, vừa gọi điện thoại đã gặp Phó chính ủy Binh trạm Phùng Hữu Đức. Tôi yêu cầu anh báo cáo ngay với Thường vụ và Ban chỉ huy mấy việc:

- Huy động cho được 140 xe của Tiểu đoàn 62 và Tiểu đoàn 965 ngay đêm nay xếp được 500 tấn hàng theo kế hoạch của hậu cần mặt trận, trong đó có 2.000 quả đạn Đ.70, chậm nhất năm giờ sáng mai phải vượt khẩu hết.

- Chở đá rải ngầm để phòng nước sông lên to.

- Động viên tinh thần mọi người xông lên phía trước vì thắng lợi của chiến dịch. Ngay trong đêm, tôi sẽ về thông báo cụ thể.

Anh Để chỉ hỏi một câu:

- Tiểu đoàn 62 đến 12 giờ đêm mới về thì sao?

- Thì cho bốc hàng ngay, chạy cả ban ngày, cứ thế mà làm nhé.

Nói xong tôi bỏ máy ra xe, chạy một mạch đến 24 giờ mới về tới binh trạm. Khi tới suối Vĩnh Linh đã thấy đội hình xe của Tiểu đoàn 965 nối dài dưới sự chỉ huy của Tiểu đoàn trưởng Ngô Quảng. Tôi động viên đồng chí Ngô Quảng cố gắng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong chuyến vận chuyển này.

1. Giờ G là giờ quy định nổ súng.

Về tới sở chỉ huy, tôi đến ngay phòng trực chiến, đã thấy tất cả các trực ban

vận chuyển, cầu đường, tác chiến, chính trị, hậu cần đều có mặt đầy đủ bên các máy điện thoại trong các ngách hầm riêng. Các đồng chí trong ban chỉ huy vẫn còn chờ tôi tại bàn giao ban. Tôi cảm thấy hình như có cái “giác quan thứ sáu” nào đấy đã giúp các đồng chí đoán biết việc trọng đại sắp xảy ra. Anh Bào nhanh nhẩu hỏi ngay:

- Có chuyện gì mới không anh?

- Bộ chỉ huy chiến dịch quyết định năm giờ sáng mai sẽ nổ súng mở màn đợt 2 chiến dịch. Binh trạm phải vận chuyển ngay ngày đầu 1.000 tấn, những ngày sau từ 300 - 500 tấn. Chúng ta sẽ huy động hết mọi xe chạy cả tối nay, cả ngày mai mới đủ số lượng và kịp thời gian.

Anh Quỳnh thắc mắc:

- Chạy ban ngày, địch phát hiện sẽ đánh cháy hết!

- Không, năm giờ sáng mai, chiến dịch nổ súng sẽ kéo máy bay về khu vực đường số 9, sức ép của địch sẽ giảm hẳn. Trời lại có sương mù, nên ta có điều kiện hoạt động cả ban ngày.

Lúc này máy bay B.52 đang đánh vào tuyến đường của “tay áo”. Theo phương án, các đoàn xe đã áp sát ngầm Sân Bằng Hiêng, cách điểm rơi của các loạt bom 200 mét. Công binh báo cáo cả ba đường vượt khẩu số bom rơi trúng 10 quả, 15 phút sẽ khắc phục xong. Tôi thống nhất với các anh ra lệnh cho Tiểu đoàn xe 965 vượt khẩu trên hai tuyến, còn một tuyến dành cho Tiểu đoàn 62 quay về. Anh Bào điện cho các đơn vị pháo đánh trả máy bay quyết

liệt, chỉ viện tối đa cho các đoàn xe. Anh Tấn thúc các đơn vị công binh sẵn sàng ứng cứu. Anh Để và anh Thụ trực tiếp động viên lái xe.

Các đoàn xe của ta ào ào vượt khẩu. Chiếc nào bị hỏng gạt sang một bên, và chỉ trong vòng hai tiếng đồng hồ, các đoàn xe đã lọt vào khu vực Mường Trường. Các đội dân công hỏa tuyến các chiến binh, các pháo thủ và chiến sĩ hậu cần chiến dịch hướng dẫn xe về các trận địa để hạ hàng. Trên trời có tiếng động cơ máy bay AC.130 và tiếp đó pháo sáng được thả ra làm sáng rực khu vực Mường Trường. Pháo cao xạ tầm cao của chiến dịch đánh trả quyết liệt. Trả hàng xong, đoàn xe binh trạm mở hết tốc độ vượt pháo sáng quay về của “tay áo”.

Từ nửa đêm cho đến ba giờ sáng, cả hai Tiểu đoàn xe 965 và 62 đã về tới binh trạm và được điều thẳng vào các cụm kho.

Binh trạm phải huy động toàn bộ lực lượng cơ quan, cảnh vệ cùng với các đơn vị kho bốc dỡ suốt đêm. Còn lái xe ăn tạm miếng lương khô rồi tranh thủ ngủ ngời trong buồng lái.

Năm giờ sáng, các đội hình xe gồm 140 chiếc lại được tập kết trên bãi hướng vượt khẩu. Đợi cho chiếc máy bay AC.130 quay đầu về căn cứ, binh trạm ra lệnh cho xe vượt. Lúc này vừa đúng 5 giờ 30 phút.

Khi các đoàn xe đang vượt sông thì đã nghe tiếng pháo cỡ lớn nổ ùng ùng, dồn dập hết đợt này đến đợt khác.

Anh em trực chiến reo lên: “Giờ G đã bắt đầu!”. Vì được quán triệt các tình

huống nên anh em lái xe bình tĩnh vượt khẩu trong sương mù dày đặc. Các đội hình xe nối đuôi nhau rừng rừng ra trận.

Một khoảng không gian rộng lớn cả Bắc lẫn Nam đường số 9 đầy máy bay trực thăng, máy bay cánh quạt, máy bay phản lực, máy bay trinh sát và cả máy bay hạng nặng AC.130 quần đảo, đánh phá dữ dội trên nhiều điểm. Chốc chốc siêu pháo đài bay B.52 lại rải thảm vào các khu rừng. Ta đánh trả quyết liệt. Một vùng rừng núi bao la đâu đâu cũng thấy máy bay, chiếc vòng xoáy, chiếc bổ nhào, tiếng pháo ta, tiếng pháo địch, tiếng bom nổ ầm ầm, tiếng gầm của xe tăng và xe bọc thép, chỗ này khói xanh, chỗ kia khói xám, chỗ có đám cháy, lửa khói bốc cao.

Tin tức của các đài quan sát binh trạm tới tấp bay về. Khi báo cáo ta đã tiêu diệt địch ở Làng Sen, ở Cu Bốc. Khi báo cáo ta và địch đang quần nhau ở đèo 500, đèo 650...

Các trạm điều chỉnh giao thông cho biết, chín giờ sáng các đoàn xe của binh trạm đã tới khu tập kết, dỡ hàng xong và đang quay về. Không quân địch còn vây quanh bảo vệ các điểm chốt của bộ binh chúng và đang tìm chủ lực của ta để giội bom, nên tạm thời bỏ lơ đánh phá khâu tiếp tế.

Ba giờ chiều đoàn xe đã về tới binh trạm. Thời cơ thuận lợi, binh trạm chủ trương đổi lái và tiếp tục cho xe chạy cả ngày lẫn đêm.

Lúc này chiến trường đầy ắp hàng. Chúng tôi phải lập thêm một kho dự trữ ở Tà Ha. Một ngày, rồi hai ngày, năm ngày, một tuần, quân ta và quân địch pháo đấu pháo, tăng chọi tăng, bộ binh quần nhau trên từng điểm cao. Tận dụng thời cơ, binh trạm tung hết lực lượng xe, chạy đêm, chạy ngày hoàn

thành xuất sắc nhiệm vụ trên mọi hướng với khối lượng cao chưa từng thấy, thỏa mãn nhu cầu cho chiến dịch...

Tin từ Bộ Tư lệnh Mặt trận loan báo: Ta đã đại phá Bản Đông.

Đồng chí Cao Văn Khánh gọi đây nói cho tôi ra lệnh tổ chức đội hình xe chở bộ binh và đạn dược, lương thực truy kích địch. Ngay lập tức, tôi và đồng chí Vĩ chỉ huy một đội hình 30 xe mở hết tốc độ chạy vào Bản Đông. Máy bay đuổi dượt trên đầu nhưng pháo ta kiềm chế kịch liệt, một số xe bị đánh cháy, nhiều đồng chí bị hy sinh. Đến 2 giờ chiều đoàn xe đến ngã ba Bản Đông rồi rẽ về hướng Hướng Hóa. Chạy được hơn một kilômét thì xe không thể tiến được nữa vì tăng của địch bỏ lại chắn hằn lối đi. Trước mắt chúng tôi hàng trăm xe tăng địch nằm la liệt, chiếc thì quay ngang chắn đường, chiếc chúi đầu xuống vực, chiếc ghềch đầu lên cồn đất, nhiều chiếc máy vẫn còn nổ ầm ầm. Hai chiếc trực thăng nằm kềnh giữa ngã ba bản Đông, không có giặc lái. Đoàn xe chúng tôi đành quay trở lại giấu trong khu rừng le ở Cha Ky. Nơi đây xác xe bọc thép M.113 của địch cũng nằm la liệt trên đồi, dưới suối; trông đủ biết bọn chúng hoảng hốt đến mức nào.

Tôi gọi điện báo cáo với đồng chí Tư lệnh trưởng Cao Văn Khánh rằng đội hình xe của binh trạm không thể vượt chướng ngại để truy kích địch được vì đường bị phá và xe tăng địch chắn ngang lối.

Đồng chí Cao Văn Khánh ôn tồn nói với tôi:

- Như vậy là các đồng chí đã chấp hành nghiêm mệnh lệnh; địch rút chạy tán loạn, bỏ lại hầu hết tăng, pháo và xe bọc thép kể cả máy bay trực thăng, như vậy đội hình xe ta bị chướng ngại chặn lại cũng không có ảnh hưởng gì đến

kết quả chung. Một lần nữa Bộ Tư lệnh Mặt trận nhiệt liệt biểu dương tinh thần chiến đấu dũng cảm của cán bộ, chiến sĩ Binh trạm 27, đã hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ chiến đấu và phục vụ chiến đấu trong chiến dịch phản công này.

*

Tối hôm đó tôi ở lại sở chỉ huy tiền phương của binh trạm. Ngồi dưới hầm nghe bom B.52 gọi liên tục, khi gần, khi xa. Khói bụi thường xuyên bốc vào hầm. Thỉnh thoảng lại có những trận bom làm chấn động nắp hầm. Tôi bị lên cơn sốt rét, nhưng trong đầu vẫn phán đoán đêm nay địch chủ yếu tập trung diệt sở chỉ huy mặt trận và các nơi đóng quân của chiến dịch, vì vậy các hầm sở chỉ huy tiền phương ở gần đường tuyến chắc chúng tạm lờ đi. Núi rừng hôm nay bị xáo động mạnh, hổ, báo, nai chạy bỏ ra đường, tình cờ một chú báo con lao vào hầm chúng tôi. Cậu Vượng cần vụ là một thanh niên khỏe mạnh, nhanh như cắt dùng đôi bàn tay chặn lấy cổ con báo, mặc cho nó lấy chân cào cấu vào tay; cậu Thanh - chiến sĩ thông tin dùng báng súng phang mạnh vào đầu con báo; cậu Nhân chiến sĩ cảnh vệ dùng dao găm chọc thẳng vào tim, con báo tắt thở. Anh em bàn nhau làm thịt dưới hầm. Thấy thế tôi cũng vui lây. Thế là mỗi người một tay, kẻ lấy củi, người nhóm bếp. Trên thì máy bay cứ việc đánh phá, dưới hầm thì anh em cứ lột da pha thịt, thui thui nướng nướng. Khói bốc lên luẩn quẩn trong hầm thở không được. Ai nấy nước mắt trào quanh. Thịt nướng thơm phức, anh em khen ngon chưa từng thấy. Tôi thử một miếng thấy đắng ngắt, nhưng rất phấn khởi vì trong cảnh bom đạn, chiến sĩ ta vẫn rất lạc quan.

Sáng sớm, có tiếng chuông điện thoại. Tôi cầm máy nghe thấy tiếng nói của anh Phùng Hữu Để. Anh Để cho biết ngoài Hà Nội muốn gặp tôi. Trong chốc lát tôi nghe tiếng nói của một người xứ Nghệ. Anh tự giới thiệu là Đạm, cán bộ tham mưu Tổng cục Hậu cần. Tôi cảm thấy lo lo, vì sợ có tai họa gì ở hậu phương liền hỏi ngay:

- Có chuyện gì đến với tôi vậy anh?

Anh cười vui vẻ và nói:

- Tôi xin thông báo cho anh một tin vui, ở nhà chị đã sinh một cháu, mẹ tròn con vuông.

- Xin cảm ơn anh đã quan tâm đến gia đình của chúng tôi.

- Không có gì, trách nhiệm của chúng tôi đối với người ở chiến trường mà.

Tôi đã có hai cháu gái, thực tình rất muốn có con trai, tuy vậy vẫn không dám hỏi thẳng mà chỉ đặt một câu hỏi chung chung.

- Cháu khỏe không anh?

- Hoàng tử của anh khỏe lắm.

Như nửa tin, nửa ngờ, tôi hỏi lại:

- Anh nói gì tôi nghe chưa rõ.

- Chị sinh cháu trai, cháu rất khỏe. Anh nghe rõ chưa.

- Tôi nghe rõ, xin cảm ơn anh. Cho tôi gửi lời thăm anh em trong cơ quan Tổng cục và báo cho nhà tôi biết tôi vẫn khỏe.

Thế là đích xác vợ tôi đẻ con trai rồi! Tôi mừng quá, toát cả mồ hôi trán. Mặc dù cơn sốt vừa dứt mà người cứ run lên, vì vừa vui chiến thắng, vừa vui có đứa con trai duy nhất của mình. Hai hàm răng của tôi cứ đánh vào nhau canh cách mà vẫn rung lên được mấy câu hát “tử” từ hồi kháng chiến chống Pháp “Bao chiến sĩ anh hùng, lạnh lùng vùng gươm ra sa trường”. Mọi người cùng vui, cười ha hả. Tôi hỏi Vượng bây giờ nên đặt tên gì cho cháu. Vượng đáp:

- Phải đặt cho cháu một cái tên thật đặc biệt là Phan Đại Phá Bản Đông, để làm kỷ niệm.

- Tên đàn ông chỉ có ba từ, ở đây những năm từ nghe lòng thòng quá.

Cậu Thanh chêm vào:

- Hay đặt là Phan Đường 9 - Nam Lào có được không thủ trưởng?

- Thì cũng lòng thông như cậu Vượng. Tớ đặt cho cháu tên Phan Trường Sơn có được không? Tên này cốt là để kỷ niệm những năm tháng chiến đấu trên dải Trường Sơn hùng vĩ và với cái tên đó, tớ ước mong con mình sẽ giữ được dòng máu cách mạng, nối gót cha ông.

Vượng, Thanh, Nhân nhất trí.

Cậu Vượng chưa chịu kết thúc câu chuyện, còn để thêm:

- Giá như sau mùa khô năm ngoái, “cụ” Nguyên không giục thủ trưởng tranh thủ về Hà Nội mấy ngày thì chắc gì đã có hoàng tử hôm nay.

- Thì chính cậu cũng muốn về nên giục tớ hăng hơn ai hết.

Thế là cả hai cười khì khì.

Chiến dịch Đường 9 - Nam Lào kết thúc. Mấy vạn quân Mỹ-ngụy bị đánh tan. Những mục tiêu của cuộc hành quân Lam Sơn 719 của Mỹ-ngụy bị đập nát. Chúng càng lún sâu vào thế bị động chiến lược.

Một tin vui: Bộ chỉ huy chiến dịch đã đề nghị tặng thưởng huân chương Quân công hạng nhì cho Binh trạm 27 vì đã lập công xuất sắc trong phục vụ chiến dịch.

Lúc này binh trạm đang đứng trước tình hình nhiệm vụ cực kỳ khó khăn. Quân số bị giảm sút do thương vong và sức khỏe của cán bộ, chiến sĩ sa sút nghiêm trọng. Kỹ thuật xe máy xuống cấp, hư hỏng nhiều. Nhiệm vụ trên giao vẫn nặng nề, vừa thu dọn chiến trường, vừa vận chuyển để chuẩn bị tiêu diệt cứ điểm Động Tri, Động Toàn, đập vỡ vỏ thép bảo vệ Đông Hà - Quảng Trị, vừa vận chuyển cho hướng chiến lược.

Trên toàn tuyến Trường Sơn, sau chiến dịch phản công Đường 9 - Nam Lào, địch đánh yếu đi vì chúng bị tổn thất và tiêu hao quá nhiều bom đạn.

Tuy nhiên, hướng Đông Trường Sơn sức ép của địch không giảm. Cửa khẩu, đèo 300, đèo 500, vẫn bị đánh phá tơi bời. Sở chỉ huy binh trạm cũng bị giới bom, nhiều đồng chí hy sinh. Đại đội 1 ô tô bị máy bay B.52 rải thảm xuống đội hình, tổn thất nặng. Chính trị viên Nguyễn Văn Bảng vẫn giữ vững ý chí chiến đấu của đơn vị. Anh luôn luôn xung phong đi với đội hình, được anh em tặng cái tên “tướng gan lì”.

Nhưng điều hiểm ác nhất là địch đã thay đổi thủ đoạn đánh phá, diệt đội hình xe bằng cách trang bị phương tiện trinh sát hồng ngoại và khuếch đại ánh sáng để phát hiện xe trong đêm, đồng thời trang bị súng liên thanh bốn mươi ly cho các máy bay AC.130 để tăng hiệu lực sát thương trên diện rộng. Như vậy trong đêm tối, dù xe ta có tắt đèn đi mò, và dù có ngụy trang kín đáo đến đâu cũng bị chúng phát hiện. Mỗi đêm ta cho xuất phát 100 xe thì chỉ vào tới đích 60-70 xe là cao nhất. Số còn lại không bị bắn cháy cũng bị bắn xẹp lốp nằm phơi giữa đường. Các tiểu đoàn xe phải mang theo hàng cân nhựa để vá sơm cả đêm, cả ngày cũng không kịp. Ngày hôm trước chưa khắc phục xong thì ngày hôm sau lại bị đánh hỏng tiếp. Hệ số kỹ thuật tụt nhanh, sức chiến đấu bị đe dọa.

Chúng tôi một mặt ra sức động viên chính trị, một mặt tăng cường công tác

chỉ huy, nhưng cơ bản vẫn chưa đối phó với địch có hiệu quả. Bộ Tư lệnh 559 rất sốt ruột. Tư lệnh điện cho tôi trực tiếp đi với một đội hình xe tăng tiến vào Tam Luông để nghiên cứu tình hình địch. Anh Lê Xy, Phó chính ủy Bộ Tư lệnh 559 cũng từ sở chỉ huy cơ bản đánh xe chạy theo đường Bản Cọ và hẹn gặp tôi ở Bản Đông để đánh giá tình hình và thống nhất cách đối phó.

Chiều hôm ấy, cơ quan tác chiến đưa cho tôi một áo giáp và một mũ sắt. Anh em trong cơ quan thấy tôi sa sút sức khỏe lại phải lên đường đi trong nguy hiểm nên tỏ ra ái ngại.

Tôi nhảy lên buồng lái xe đầu của Đại đội 1 và ra lệnh vượt khẩu theo trục giữa cho nhanh để thoát đợt giội bom B.52 sắp tới. Nhưng lúc này anh em lái xe lại không sợ vượt khẩu bằng sợ vượt cánh đồng Mường Trường. Nhiều anh em nói: “Đi vào cánh đồng Mường Trường như đi vào cửa tử”. Tôi rất chú ý đến tâm trạng đó. Vì vậy tôi thống nhất với cán bộ chỉ huy rằng khi đội hình xe đã đến Mường Trường thì mở hết tốc độ mà vượt, bất chấp mọi tình huống. Nếu bình tĩnh vững vàng cầm tay lái thì sau 15 phút là vượt qua vòng vây của địch; nếu có xe nào bị đánh cháy cứ kéo sang một bên cho xe khác vượt, lái xe xuống hầm chờ xử lý sau.

Đoàn xe chúng tôi đã vượt khẩu an toàn, nhưng trên xe không mấy ai lạc quan, vì đường còn xa, trước sau cũng gặp địch, không bị đánh chỗ này thì bị đánh chỗ khác. Quả thật, lúc đoàn xe lọt vào tung thâm Mường Trường, tôi đã nghe có tiếng máy bay AC.130 và liền đó là tiếng nổ lốp bốp, pháo sáng của địch đã xuất hiện. Trước mặt tôi là một hàng pháo sáng. Cánh đồng Mường Trường sáng đến rợn người. Đồng chí lái xe đề nghị tôi dừng lại để xuống hầm cho an toàn, tôi gạt ngay và nói: “Dừng lại xe sẽ bị cháy hết! Mở hết tốc độ mà chạy”, cả đoàn xe cứ thế bám nhau, bụi bốc lên dày đặc đến nỗi xe sau cũng khó nhìn thấy xe trước. Đám bụi kéo dài mấy kilômét đã hạn chế khả năng trinh sát của địch. Chúng bắt đầu đánh mò, chặn đầu, khóa đuôi với hy vọng diệt hết cả đoàn xe. Nhưng tất cả các loạt bom của chúng đều rơi chệch mục tiêu. Chúng lại xoay ra bắn đạn 40 ly xuống, một số xe bị thủng

lốp, lái xe nhảy xuống hầm, những chiếc còn lại cứ lao chạy. Khoảng 15 phút, đội hình xe đã chạy vào đám rừng thưa. Tôi ra lệnh dừng xe lại và giấu kín dưới các lùm cây to để tránh địch. Mất hút mục tiêu, địch bay vào Bản Đông để tìm kiếm, nhưng không gặp, lại xăm xăm bay ra Mường Truong. Đoàn xe của chúng tôi nổ máy tiến về phía trước. Lúc đến Bản Đông, đoàn xe vượt ngầm, còn tôi dừng lại bên hầm chỉ huy tiền phương để đợi anh Lê Xy. Một lát hai người gặp nhau. Chúng tôi thống nhất vượt ngầm tiến về Tam Luông để kiểm tra rồi quay lại sở chỉ huy tiền phương làm việc, cả đoàn ngồi trên chiếc xe com-măng-ca. Xe vừa ra giữa ngầm thì bị chết máy vì nước to và chảy xiết. Vừa lúc đó máy bay AC.130 lại đến trình sát ngầm. Chúng thả mấy chùm pháo sáng để soi. Vài anh em hoảng sợ toan bỏ xe chạy. Chúng tôi ra lệnh không ai được cử động, cứ bình tĩnh đứng yên, nếu chạy sẽ bị lộ. Máy bay lượn mấy vòng không thấy gì bèn bay về phía Thà Khống.

Chúng tôi hò nhau đẩy xe. Đẩy được một lúc, xe vượt qua chỗ sâu, thế là thoát nạn. Lau khô nển, lái xe khởi động nổ máy tiếp tục chạy vào Tam Luông, rồi lại quay về sở chỉ huy tiền phương. Chúng tôi dừng lại để làm việc.

Sau khi phân tích âm mưu thủ đoạn mới của địch, chúng tôi thống nhất với nhau mấy biện pháp cơ bản:

Một là, phải nâng chất lượng đường, đảm bảo tốc độ xe 20 kilômét/giờ.

Hai là, tăng cường pháo cao xạ cỡ lớn 57 ly ở cánh đồng Mường Truong để hất địch lên cao và đẩy chúng ra xa.

Ba là, tổ chức các khu vực tạm dừng cách nhau 15-20 kilômét, thực hiện

chiến thuật vận chuyển theo cung cực ngắn để rút bớt thời gian chạy trên đường.

Bốn là, đẩy mạnh nghi binh bằng nhiều hình thức, đưa công tác nghi binh thành một nhiệm vụ lớn.

Cuối cùng là công tác động viên tinh thần quyết chiến và quyết thắng.

Ngày hôm sau, những vấn đề trên được quán triệt trong cán bộ và được triển khai tổ chức thực hiện. Các cán bộ binh trạm được phái đi tốc chiến từng khu vực. Anh Bào, Binh trạm phó tác chiến bám trụ khu Mường Trường, anh Tấn, Binh trạm phó cầu đường bám trụ khu đèo 500. Anh Hoan, Binh trạm phó vận chuyển bám trụ khu Bản Đông. Anh Để và anh Thụ, Phó chính ủy bám các đoàn xe. Nhiều cán bộ khác được phái đi tăng cường cho các trạm chỉ huy giao thông. Cả binh trạm bám vào mặt đường, tổ chức lại thế trận vận chuyển, cố xoay chuyển lại tình hình. Cuộc vật lộn giữa ta và địch diễn ra quyết liệt. Hai bên cố tìm hiểu nắm bắt quy luật hoạt động của nhau nhằm đẩy đối phương vào thế bị động và thất bại.

Trong cuộc thử thách này, thắng lợi sẽ thuộc về bên nào có tầm cao về ý chí, trí tuệ, biết sử dụng sức mạnh tổng hợp, biết tránh chỗ mạnh và khoét sâu chỗ yếu của đối phương.

Trong vòng hai ngày chúng tôi đã điều chỉnh xong lực lượng, bố trí lại thế trận mới và đạt được những bất ngờ mới, thực hiện được một số chuyển vận chuyển thành công.

Đồng chí Tư lệnh trưởng Bộ Tư lệnh Trường Sơn¹ gọi điện thoại hỏi tôi:

- Những biện pháp đối phó của các anh hiệu quả đến mức nào và có thể kéo dài đến bao lâu?

- Báo cáo Tư lệnh, có hiệu quả nhưng vẫn nằm trong tình thế rất phức tạp. Trước sau địch cũng phát hiện được cách vận chuyển của ta. Giỏi lắm ta cũng chỉ giữ bí mật được mười, mười lăm ngày.

- Vậy sau đó các anh sẽ xử lý như thế nào?

- Báo cáo Tư lệnh, kẻ thù số một của chúng ta vẫn là máy bay AC.130 hoạt động với bán kính rộng và thời gian lâu, lại được trang bị phương tiện hồng ngoại và khuếch đại ánh sáng mờ, nếu không diệt được nó hoặc hất nó lên cao, đẩy nó ra xa tuyến đường thì vẫn còn bị đe dọa lớn.

- Trước mắt, Bộ Tư lệnh sẽ tăng thêm pháo cho các anh, nhưng chúng ta có thể phải thực hiện một phương án khác là vừa chạy ngày, vừa chạy đêm. Phải nắm vững quy luật địch và phải có gan mới thực hiện nổi phương án này.

- Chúng tôi hoàn toàn nhất trí với ý kiến chỉ đạo của Tư lệnh. Tuy nhiên, đây là vấn đề rất mới, lại phải có thời gian chuẩn bị, nhất là khâu nguy trang đường trống thành đường kín. Khối lượng công việc khổng lồ này phải huy động mọi lực lượng tham gia và phải mất thời gian hàng tháng vì đường Bình trạm 27 phụ trách chủ yếu là đường trống.

- Đồng ý. Các anh bàn với nhau cho kỹ, rồi báo cáo quyết tâm lên Bộ Tư lệnh.

1. Tháng 7 năm 1970 Bộ Tư lệnh 559 đổi tên gọi thành Bộ Tư lệnh Trường Sơn.

Đã có những cơn mưa đầu mùa. Trên bầu trời những đám mây đen đuổi nhau tầng cao, tầng thấp chằng khấp tuyến đường. Máy bay hạng nặng AC.130

hoạt động yếu ớt vì mất khả năng trinh sát bởi các màn mây che khuất.

Nhưng tình hình đó cũng không giúp ích gì cho chúng tôi, vì mùa mưa đã tới, xe không chạy được nên vận chuyển của binh trạm đành tạm kết thúc khi chỉ tiêu nhiệm vụ chưa hoàn thành. Nhưng thực tình mà nói, cũng may mà mùa mưa lại rơi vào thời điểm toàn bộ lực lượng của binh trạm dường như bị kiệt sức do tổn thất thương vong và đau ốm quá nhiều nên ta có điều kiện rảnh tay hồi phục sức chiến đấu và củng cố thêm thể trận.

Một lần nữa tôi lại bị cơn sốt rét ác tính đe dọa tính mệnh. Khi anh Để báo cáo lên Bộ Tư lệnh, các anh có ý định chuyển ngay tôi ra hậu phương. Nhưng tôi đang ở trong trạng thái hôn mê. Các bác sĩ đề nghị tạm để lại điều trị bước đầu cho qua cơn hiểm nghèo và hòa ký ninh với huyết thanh truyền thẳng vào mạch máu giúp tôi dần dần tỉnh lại. Hy vọng để tại chỗ sẽ được cứu sống, nên khi nghe đồng chí Phùng Hữu Để truyền đạt ý kiến của trên định cho tôi ra Bắc điều trị, tôi không đồng ý vì lo rằng có khi chưa kịp đến bệnh viện đã tử vong trên đường. Nằm trên giường bệnh, nghĩ lại những việc mà binh trạm đã làm, tôi cảm thấy tự hào, không chút ân hận.

Đồng chí tư lệnh đi gần nửa ngày đường vừa xuống để nắm tình hình vừa thăm tôi. Đồng chí nắm chặt tay tôi và nói chân thành:

- Bọn mình rất thông cảm với cậu, thông cảm với anh em. Vì độc lập tự do, chúng ta phải hy sinh. Mùa này chúng ta đã làm thêm được nhiều việc lớn là mở được tuyến đường vận chuyển Đông Trường Sơn, tạo thế trận cho chiến dịch Đường số 9 - Nam Lào, tham gia chiến dịch và phục vụ chiến dịch một cách thắng lợi, đồng thời tạo ra một thế mới buộc địch phải dàn mỏng lực lượng trên toàn tuyến Đông và Tây Trường Sơn. Công lao Binh trạm 27 rất to lớn.

Câu nói của Tư lệnh làm tái hiện trong tôi “cuốn phim” dài về các trận chiến đấu vô cùng gian khổ, ác liệt của cán bộ, chiến sĩ đầy dũng cảm và mưu trí của Binh trạm 27, đã thực hiện được quyết tâm cực kỳ chính xác. Lật cánh sang Đông Trường Sơn, phá tan âm mưu địch muốn chặn đứng sự chi viện chiến lược của ta cho các chiến trường miền Nam trên đường Hồ Chí Minh.

NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG TRƯỜNG SƠNThiếu tướng PHAN KHẮC HY

Nguyên Phó tư lệnh Bộ Tư lệnh 559

Bộ đội Trường Sơn

VÀO TRƯỜNG SƠN

Trước khi vào nhận công tác tại Bộ Tư lệnh 559, tôi được đồng chí Lê Quang Đạo thay mặt Quân ủy Trung ương và Tổng cục Chính trị gặp, giao nhiệm vụ và căn dặn:

- Để đánh bại chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, phải giải quyết hai vấn đề mấu chốt: phá âm mưu bình định và diệt chủ lực quân nguy.

- Để phục vụ hai nhiệm vụ trên, khâu vận chuyển chi viện cho chiến trường càng có ý nghĩa quyết định.

Đồng chí cũng nhắc tôi những công việc cần phải làm tốt, đó là: đẩy mạnh vận chuyển chi viện, vận chuyển nhiều phương thức; xây dựng căn cứ địa, hậu cần tại chỗ; làm tốt nhiệm vụ quốc tế; gắn nhiệm vụ tác chiến với xây dựng.

Đồng chí chân tình nhận xét những ưu điểm và nhược điểm của tôi, động viên tôi cố gắng phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ.

Được cấp trên nói rõ tầm quan trọng của nhiệm vụ mới và động viên, tôi phấn khởi chuẩn bị lên đường.

Những cuộc họp chia tay với các đồng chí trong Quân chủng Phòng không - Không quân, nơi tôi gắn bó nhiều năm, từ ngày đầu xây dựng cho đến khi ra quân đánh thắng trận đầu của các binh chủng và cùng quân dân miền Bắc đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, tình cảm biết bao quyến luyến. Cục Chính trị tặng tôi bức ảnh chụp với Bác Hồ ngày mùng 1 Tết năm 1967, lúc Bác đến thăm và chúc Tết Trung đoàn không quân 921.

Tôi được nghỉ phép 5 ngày, kết hợp đưa vợ con về thăm quê nội, quê ngoại. Vợ tôi chuẩn bị chu đáo mọi thứ cần thiết cho tôi đi vào chiến trường, như gửi mọi yêu thương vào đó.

Vào đến Quảng Bình, nơi tôi được sinh ra và hoạt động trong Cách mạng tháng Tám, rồi kháng chiến chống Pháp, gia đình tôi được các đồng chí lãnh đạo đón tiếp như đón người thân về nhà.

Quảng Bình trong chiến tranh vừa là tiền tuyến, vừa là hậu phương trực tiếp của chiến trường, là nơi tập kết và xuất phát tiến công của bộ đội Trường Sơn với 4 cửa khẩu: đường 12, đường 20, đường 16, đường 18. Nhân dân Quảng Bình với khẩu hiệu: “Xe chưa qua, nhà không tiếc” đã đóng góp sức người, sức của và cả xương máu cho nhiệm vụ chi viện cách mạng miền Nam.

Ở lại Quảng Bình vài ngày, ngày 6 tháng 7 năm 1971 tôi vào Đoàn 559. Tôi cho cháu Công, con trai đầu đang học lớp 9 đi cùng cho cháu biết Trường Sơn. Hôm đó trời mưa bão, xe lội ngầm lội suối như ca nô. Đến trạm đón của cơ quan Đoàn bộ ở cây số 3 đường 18, nước suối to, anh em phục vụ không đưa bát, chiếu, nước uống đến được, chúng tôi phải đốt củi sưởi, đun nước uống, tự thu xếp chỗ ngủ. Cháu Công cũng học tập các chú cách mắc võng, che bát, mắc màn của bộ đội Trường Sơn.

Đêm đầu tiên đến Trường Sơn, tôi không ngủ được. Rừng khuya thanh vắng, nước suối rì rào, cảm thấy nhớ vợ con da diết. Tôi soi đèn pin, viết vào nhật ký:

“Những ngày các con cùng mẹ tiễn ba đi công tác, các con biết những sự tích trên các chặng đường đi qua. Diệp biết quê mẹ, được tắm sông tắm biển, Thúy được cô Linh khen ham biết, ham làm. Công đi Trường Sơn, ngủ võng, ăn rau rừng, đóng vai bộ đội. Xa các con càng nhớ và mong các con khôn ngoan, tiến bộ.

Với mẹ Lan, mọi việc ở nhà mẹ sẽ đảm đương để ba yên tâm lên đường. Các con càng phải ngoan để mẹ vui”.

Sáng hôm sau, trời tạnh mưa, chúng tôi được đưa vào nhà khách. Đến đây được các anh Hoàng Thế Thiện, Nguyễn Quang Bích và một số đồng chí bên Phòng không - Không quân vào đây từ trước ra đón, tay bắt mặt mừng! Tôi thấy rõ: do vị trí chiến lược của đường Trường Sơn, cấp trên đã tăng cường vào đây nhiều cán bộ.

Cháu Công thích thú với cảnh núi rừng Trường Sơn, cùng chú Tiến đi tìm hoa lan rừng. Ngày hôm sau tôi cho cháu ra cùng chú Tiến, lái xe của Quân chủng Phòng không - Không quân trở ra Hà Nội.

Chiều ngày 7 tháng 7 tôi dự cuộc họp của Bộ Tư lệnh, nghe đồng chí Nguyễn Chúc, Cục trưởng Cục Vận tải vừa đi khảo sát khu vực Bạc trở về báo cáo.

Vấn đề nổi bật qua thí điểm xe chạy ngày ở Binh trạm 38: trong tháng 5 chỉ bị cháy 11 xe (5 xe giấu bị lộ, 2 xe hỏng ở trọng điểm, 4 xe không nguy trang). Còn chạy đêm tháng 3 bị đánh mất 29 xe, tháng 4 mất 36 xe. Rút kinh nghiệm qua hoạt động của binh trạm: tận dụng quy luật hoạt động của địch, nghi binh, nguy trang, tổ chức chỉ huy chặt chẽ, bảo đảm kỹ thuật, bảo đảm đường sá tốt, kết quả năng suất tăng hơn, xe ít bị đánh, sức khỏe lái xe được nâng lên.

Qua bước đầu nghe tình hình công việc của Đoàn 559, tôi cảm nhận nhiều công việc đang chờ đợi mình, phải chuẩn bị nhiều mặt cho cuộc chiến đấu tới. Việc đầu tiên là tìm hiểu nắm tình hình. Bộ Tư lệnh bố trí lịch cho các cơ quan làm việc với tôi để tôi nắm tình hình cán bộ, tổ chức biên chế; rồi tình hình cầu đường, lực lượng vận tải ô tô, đường ống, đường sông, v.v...

Qua đây, tôi cũng được biết, từ Bộ Tư lệnh đến các cơ quan đang khẩn trương triển khai một khối lượng công việc đồ sộ chuẩn bị cho mùa khô 1971-1972. Bộ Tư lệnh phải thông qua kế hoạch cụ thể từng mặt: kế hoạch cầu đường, kế hoạch vận chuyển, kế hoạch tác chiến, kế hoạch bảo đảm các mặt hậu cần, kỹ thuật, quân y, thông tin liên lạc, tổ chức biên chế, bố trí cán bộ, công tác đảng và công tác chính trị.

Một vấn đề mới về tổ chức lực lượng mà Bộ Tư lệnh và Đảng ủy 559 đề nghị với Đảng ủy quân sự Trung ương và Bộ Quốc phòng là để đưa quy mô vận chuyển chiến lược lên trình độ cao hơn, đề nghị bỏ hình thức một tuyến dài, mà tổ chức các khu vực vận tải hiệp đồng binh chủng. Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng phê chuẩn: ngoài Bộ Tư lệnh khu vực 470 đã có, Đoàn 559 được tổ chức các khu vực 471, 472, 473 và Bộ Tư lệnh hậu cứ 571.

Tôi được Bộ Quốc phòng quyết định làm Chính ủy Bộ Tư lệnh 470, nhưng vào tuyến, dựa trên tình hình thực tế, cấp trên lại điều sang làm Chính ủy 471. Bộ Tư lệnh 471 phụ trách khu vực Đông và Hạ Lào gồm cao nguyên Bô Lô Ven, tỉnh Tà Ven Oọc, từ sông Bạc vào sông Sê Ca Mán, tổng chiều dài các tuyến phụ trách là 2.133 kilômét. Tổ chức khu vực gồm các binh trạm 35, 36, 38, 46, 47.

Ngày 12 tháng 7 năm 1971, Đảng ủy 559 họp thông qua kế hoạch vận chuyển mùa khô 1971-1972, tôi được mời tham dự. Trong cuộc họp, đồng chí Nguyễn Lang - Phó tư lệnh báo cáo kết quả làm việc với Bộ về nhiệm vụ của Đoàn. Lần đầu tiên tôi được thấy những con số, những địa danh nói lên quy mô, nhiệm vụ của Đoàn 559:

- Khối lượng vận chuyển 37.000 - 40.000 tấn, hướng chủ yếu B2 (gồm cả kế hoạch K), hướng quan trọng là B3.

- Khối lượng bảo đảm để đạt mục tiêu: trên 70.000 tấn.

- Lực lượng hành quân qua tuyến: 150.000 người, có 50.000 đến 60.000 người đi ra.

- Tổng quân số biên chế: 70.000 người, không kể thanh niên xung phong và dân công hỏa tuyến.

- Khối lượng, thời gian, địa điểm giao cho các chiến trường...

- Các điểm vượt: đường 9, La Hạp, Bắc Bạc, Chà văn, Sê Ca Mán.

Qua ý kiến thảo luận của Đảng ủy, Tư lệnh Đồng Sĩ Nguyên kết luận:

“Nhiệm vụ của 559 ảnh hưởng trực tiếp đến quyết tâm của Bộ Chính trị, tạo một bước ngoặt mới của cách mạng Việt Nam. Sau thắng lợi Đường 9, Tây Nguyên, miền Đông Nam Bộ, nếu khối lượng vận chuyển cho chiến trường đạt được sẽ tạo bước chuyển biến rất lớn trên chiến trường.

Trong kế hoạch, ngoài chỉ tiêu dự kiến, phải có dự trữ cho bước đột biến. Để thực hiện được nhiệm vụ, công tác chuẩn bị có ý nghĩa quyết định. Chuẩn bị toàn diện, nhưng có trọng điểm”.

Tối 14 tháng 7 đồng chí Tư lệnh Đồng Sĩ Nguyên gặp riêng tôi tâm sự. Đồng chí trao đổi với tôi những băn khoăn, suy nghĩ và định hướng cho tôi biện pháp thực hiện nhiệm vụ. Anh nói: Vấn đề quan trọng nhất là làm sao tập hợp được cán bộ. Đoàn kết được cán bộ là bảo đảm 80% thắng lợi. Phải hiểu tâm tư nguyện vọng của cán bộ, biết được ưu nhược điểm của họ để bồi dưỡng và sử dụng đúng. Đồng thời, phải nhạy bén nắm vững tình hình địch và thực tế chiến trường, xoay chuyển kịp với diễn biến tình hình. Nếu bảo thủ, ngại khó, thiếu linh hoạt thì hồi không kịp. Trong công tác vận chuyển chiến lược,

những kinh nghiệm rút ra cần nắm vững là: cầu đường phải luôn đi trước một bước; phải nắm vững lực lượng vận tải ô tô, lực lượng xung kích thực hiện nhiệm vụ; chuẩn bị tốt căn cứ bàn đạp, triển khai lực lượng tác chiến, thế trận đã sẵn sàng chủ động mới bảo đảm tấn công của bộ đội lái xe. Phải nắm vững nghệ thuật quân sự để chỉ đạo, chỉ huy vận tải quân sự trong chiến tranh, đồng thời phải nắm vững địa hình và thời tiết.

Đó là những bài học đầu tiên tôi tiếp thu được để vận dụng vào công tác sau này của mình.

Ngày 13 tháng 8 năm 1971, Bộ Tư lệnh triệu tập hội nghị quân chính. Dự họp có đồng chí Lê Quang Đạo, đại diện Quân ủy Trung ương, đồng chí Đinh Đức Thiện - Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần, đồng chí Tường Lân và đồng chí Nam Hải - Thứ trưởng Bộ Giao thông vận tải, đồng chí Lê Văn Try - Phó tư lệnh Quân chủng Phòng không - Không quân. Các đồng chí thủ trưởng các cục của Bộ Tổng tham mưu, Tổng cục Chính trị, Tổng cục Hậu cần, các đồng chí Tư lệnh công binh, Tư lệnh thông tin; đồng chí Nguyễn Tư Thoan - Bí thư Tỉnh ủy tỉnh Quảng Bình, đồng chí Hồ Sĩ Thản - Bí thư Đặc khu Vĩnh Linh, các nhà văn, nhà báo Trung ương và quân đội, các trưởng đoàn văn công Trường Sơn, các tỉnh Trị Thiên, Quảng Bình, Ninh Bình, Hà Tây, Hà Nội, Hải Phòng, Hà Bắc, Thái Bình, Quảng Ninh dự khai mạc.

Hội nghị thể hiện sức mạnh và quyết tâm của quân dân cả nước đối với nhiệm vụ của Đoàn 559 trước thời cơ mới.

Sau hội nghị quân chính, một không khí thi đua sôi nổi trong tất cả các đơn vị chuẩn bị cho mùa khô tới. Bộ Tư lệnh phân công cùng nhau đi kiểm tra các đơn vị. Tôi được đồng chí Đồng Sĩ Nguyên giao nhiệm vụ theo dõi việc quán triệt trong các đơn vị ô tô vận tải.

Ngày 2 tháng 9 năm 1971, sau khi nghe tôi báo cáo tình hình công tác chuẩn bị ở các đơn vị, đồng chí Đồng Sỹ Nguyên thông báo và hỏi ý kiến tôi: Cấp trên quyết định chuyển anh sang công tác quân sự và làm Phó tư lệnh giúp tôi. Anh có ý kiến gì?

Tôi hơi ngạc nhiên, nhưng cảm thấy cấp trên đánh giá khả năng và tín nhiệm mình nên mới có quyết định như vậy. Vốn luôn sẵn sàng nhận bất cứ nhiệm vụ gì cấp trên và cách mạng giao cho, tôi trả lời anh Nguyên: “Tôi hứa sẽ làm tốt nhiệm vụ được phân công”.

Sau khi trao đổi công việc, anh Nguyên nhận định: Năm nay địch sẽ đánh phá công tác chuẩn bị của ta sớm hơn, có nhiều thủ đoạn mới hơn. Khâu chuẩn bị lực lượng xe và chuẩn bị vượt khẩu là trọng tâm. Anh phân công tôi đi kiểm tra công tác chuẩn bị ở Binh trạm 12, nơi sẽ tổ chức lực lượng nhập tuyến sớm, vì cự ly vào chiến trường xa.

Trước khi đi Binh trạm 12, tôi phải bàn giao một số công việc cho Bộ Tư lệnh 471, ghé Binh trạm 14 nghe kinh nghiệm vượt khẩu đường 20 của Binh trạm 14 theo gợi ý của anh Nguyên.

Ngày 21 tháng 9 năm 1971 tôi đến Binh trạm 12, làm việc với Đảng ủy và Ban chỉ huy Binh trạm, nắm tình hình chuẩn bị cầu đường, lực lượng xe, kho, phương án tác chiến phòng không, đảm bảo kỹ thuật, tổ chức chỉ huy, bảo đảm thông tin, quân y, hậu cần.

Ngày 26 tháng 9 năm 1971, tôi cùng đồng chí Khúc Trường Thành - Binh trạm trưởng, đồng chí Quyền, chính trị viên Tiểu đoàn 2 công binh đi kiểm

tra trọng điểm Xiêng Phan, nơi núi đá hiểm trở, địch thường tập trung đánh phá ác liệt nhất trên địa phận Bình trạm 12.

Chúng tôi quan sát địa thế, xem các vị trí tập kết lực lượng, hệ thống công sự nguy trang, kiểm tra các phương án đánh và phòng tránh của các lực lượng. Nhìn hệ thống núi đá bị đánh tơi bời, không còn một mảng xanh nào còn sót lại, có ngọn núi bị cụt đầu, đá biến thành bụi dưới sức ép và sức nóng của bom đạn, lòng tôi đau thắt...

Đúng như dự đoán của Bộ Tư lệnh, địch đã tích cực hoạt động phá thế chuẩn bị của ta. Chúng cho máy bay OV10 thay nhau trinh sát liên tục trên tuyến. Máy bay cường kích đánh phá xăm soi những nơi nghi ta tập kết lực lượng.

Trong lúc chúng tôi đi bộ quan sát khu vực, thì máy bay F4 của Mỹ thả bom vào khu vực giấu xe. May mắn, chiếc xe con của chúng tôi chỉ bay mất bạt, máy móc và thùng xe không việc gì.

Khảo sát xong chúng tôi chuẩn bị ra về. Lúc 17 giờ 30, các đồng chí công binh kiểm tra đường đến báo cáo với chúng tôi: địch có rải 1 quả bom trúng đường, bom khoan sâu xuống đất nhưng không nổ. Anh em cho xe phóng từ những bom vẫn không nổ. Anh em kết luận là bom nổ chậm và đã cắm cây đánh dấu.

Tôi và đồng chí Khúc Trường Thành quyết định nhanh chóng vượt qua, thường bom nổ chậm chưa nổ ngay sau khi vừa bị ném xuống. Chúng tôi cùng đồng chí Quyền, chiến sĩ cảnh vệ lên xe và dặn đồng chí Bản, lái xe vượt nhanh qua bom nổ chậm. Nhưng không ngờ đó là quả bom từ trường loại mới, Mỹ cải tiến lần thứ ba (Model 3), ngòi nổ hẹn giờ khi tắt, khi mở.

Lúc công binh cho xe phóng từ đi qua ngòi nổ ở dạng tắt, lúc xe chúng tôi chạy qua, ngòi nổ mở nên bị kích nổ. Tôi nghe một tiếng nổ rất xa rồi bất tỉnh. Anh em cấp cứu đưa về bệnh trạm bộ. Qua sơ cứu của quân y bệnh trạm, tôi tỉnh lại và ngồi dậy được. Anh em kể lại tình trạng của chúng tôi khi bị bom từ trường: xe bị hất tung lên cao và lật úp xuống mặt đường. Đồng chí Quyền và chiến sĩ cảnh vệ bị hất tung ra xa 15m. Tôi, đồng chí Khúc Trường Thành và đồng chí Bản lái xe bị kẹt nằm trong xe. Đồng chí Bản nhờ lọt vào giữa cần lái và thùng xe nên bị thương nhẹ. Đồng chí Khúc Trường Thành bị cửa xe đè gãy tay nhưng còn tỉnh táo chỉ huy anh em cứu hộ. Đầu tôi bị đập vào kính chắn gió phía trước, ghế xe đè lên lưng máu me đầy mặt và bất tỉnh. Mọi người tưởng tôi bị nặng nhất, nhưng không ngờ đồng chí Khúc Trường Thành được đưa về đến bệnh trạm bộ thì hy sinh vì bị chảy máu não.

Tôi thương tiếc đồng chí Thành vô cùng. Đồng chí là một cán bộ chỉ huy dũng cảm, tận tụy, có kinh nghiệm, được cán bộ, chiến sĩ quý mến. Nhà đồng chí ở gần nhà tôi ở khu tập thể Nam Đồng. Khi về gặp chị Thành tôi biết ăn nói sao đây. Nghĩ đến điều đó tôi ứa nước mắt. Chị Thành và các cháu sẽ đau đớn biết chừng nào! Đồng chí Quyền và chiến sĩ cảnh vệ được chuyển về tuyến sau điều trị. Đồng chí Bản lái xe sau một tuần ở bệnh xá, sức khỏe bình phục và trở về đơn vị.

Trước tình hình bệnh trạm trưởng hy sinh trong lúc nhiệm vụ sắp tới rất nặng nề, không tránh khỏi lo lắng trong anh em, tôi quyết định ở lại bệnh trạm bộ để bàn bạc công việc với Ban chỉ huy bệnh trạm.

Tin tức xấu lại dồn đến: đồng chí Nguyễn Hải Kinh, Bệnh trạm phó trên đường đi kiểm tra bộ đội, được tin Bệnh trạm trưởng hy sinh vội trở về cơ quan, trên đường về cũng bị bom từ trường như chúng tôi. Tiếp đến đồng chí Cường, đại đội trưởng xe phóng từ, sau khi rà bom không nổ, cho xe qua thì bị bom nổ. Hai đồng chí được đưa ngay về đội điều trị.

Một cải tiến kỹ thuật của Mỹ đã gây cho chúng ta những tổn thất. Tôi hội ý với đồng chí Hồ Quang Bình, Chính ủy, Bí thư Đảng ủy binh trạm triệu tập hội nghị Đảng ủy để bàn cách ổn định tình hình, tìm biện pháp đối phó với kỹ thuật mới của địch, động viên bộ đội vượt khó khăn, hoàn thành tốt công tác chuẩn bị cho mùa khô mà binh trạm mở đầu đột phá của toàn tuyến.

Bộ Tư lệnh 559 kịp thời điều động đồng chí Phạm Thái về làm Binh trạm trưởng, bổ sung Binh trạm phó và Chính trị viên tiểu đoàn công binh.

Tập thể Đảng ủy và Ban chỉ huy Binh trạm 12 đã thể hiện ý chí kiên cường và ý thức trách nhiệm cao, động viên khí thế của toàn Đảng bộ và toàn thể cán bộ, chiến sĩ trong binh trạm vượt qua thử thách, xúc tiến mọi công tác chuẩn bị cho mùa khô.

Tình hình binh trạm ổn định, ngày 4 tháng 10 tôi tạm biệt Binh trạm 12 trước sự lưu luyến của các đồng chí trong Ban chỉ huy và cơ quan binh trạm về điều trị ở Viện 59. Ngày 13 tháng 10 đồng chí Nguyễn điện nói tôi về Viện 108 kiểm tra và điều trị.

Ngày 14 tháng 10 tôi lên đường về Bệnh viện 108. Tin tức tôi bị thương chỉ được báo cáo về Tổng cục Chính trị, gia đình tôi không biết. Khi tôi vào Viện 108 có ghé qua nhà, vợ con tôi mới được biết.

Vợ tôi mừng chồng chết hụt, còn sống về với gia đình và đồng đội. Nhưng cũng từ đó một mối lo ngấm ngấm, dai dẳng luôn ám ảnh vợ tôi cho đến ngày kháng chiến thành công mới trút bỏ được. Đó là mối lo: “Xưa nay chinh chiến mấy ai về”.

Khi nằm viện tôi vẫn theo dõi tình hình Binh trạm 12. Tôi vui mừng được biết Binh trạm 12 đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ mở đầu mùa khô, đạt danh hiệu “Binh trạm vạn tấn”.

Tôi điều trị và an dưỡng đến đầu tháng 12 thì bình phục. Ngày 6 tháng 12 đồng chí Lê Quang Đạo gặp. Ngày 11 tháng 12 đồng chí Văn Tiến Dũng gặp. Các đồng chí giao nhiệm vụ và căn dặn những vấn đề mấu chốt Bộ Tư lệnh 559 phải thực hiện trong thời gian tới và động viên tôi tiếp tục nhiệm vụ.

Ngày 13 tháng 12 năm 1971, từ biệt vợ con và bạn bè, tôi trở lại Trường Sơn.

ĐI TIỀN PHƯƠNG 472, TÂY TRƯỜNG SƠN

Ngày 13 tháng 12 năm 1971 tôi vào đến chỉ huy sở, Bộ Tư lệnh 559. Các đồng chí trong Bộ Tư lệnh vui mừng bắt tay và hoan nghênh tôi sớm trở lại chiến trường. Trong các ngày 14 đến 17 tháng 12 tôi tranh thủ nắm tình hình. Các đồng chí cơ quan tham mưu cho tôi biết kết quả và kinh nghiệm chiến dịch vượt khẩu mang tên “chiến dịch Đồng Xoài” vừa kết thúc.

Nghệ thuật chiến dịch được vận dụng vào nhiệm vụ vận chuyển chi viện chiến lược là một sáng tạo trong lãnh đạo chỉ huy của Bộ Tư lệnh Trường Sơn. Tổ chức chiến dịch vận chuyển hiệp đồng binh chủng mới phát huy sức mạnh tổng hợp của các binh chủng chống chiến tranh “ngăn chặn” của địch có hiệu quả, hoàn thành nhiệm vụ trung tâm là vận chuyển chi viện chiến trường. Nhiệm vụ, mục tiêu của chiến dịch Đồng Xoài là đưa hàng và lực lượng nhập tuyến, vượt các cửa khẩu từ Đông sang Tây Trường Sơn.

Sau chiến dịch Đồng Xoài, cơ quan đang chuẩn bị kế hoạch chiến dịch tiếp

theo. Ngày 18 tháng 12, Bộ Tư lệnh họp thông qua kế hoạch chiến dịch vượt Sê Bông Hiêng và đặt tên là “chiến dịch Bình Giã”. Địa bàn và hướng chủ yếu của chiến dịch là từ các cửa khẩu Tây Trường Sơn đến Bạc. Lực lượng gồm có 4 binh trạm độc lập 12, 14, 15, 31; Trung đoàn bộ binh 29; Trung đoàn ô tô 13 và 3 tiểu đoàn ô tô độc lập, Trung đoàn 10 công binh, 3 trung đoàn cao xạ 591, 210, 250; 3 tiểu đoàn cao xạ 12, 88, 98, tiểu đoàn tên lửa 67, hai trung đoàn đường ống xăng dầu 592, 532. Lực lượng bảo đảm kỹ thuật, hậu cần, quân y, thông tin được tăng cường và tổ chức chu đáo.

Kế hoạch chiến dịch được Đảng ủy thông qua và Bộ Tư lệnh phân công thực hiện. Bộ Tư lệnh quyết định tổ chức Sở chỉ huy tiền phương ở hướng chủ yếu do tôi và Phó chính ủy Lê Xy phụ trách. Đồng chí Lê Xy lăn lộn nhiều với bộ đội vận tải nên có kinh nghiệm tổ chức vận tải và nắm vững cán bộ. Cơ quan sở chỉ huy tiền phương chủ yếu dựa vào cơ quan 472, có tăng cường một số cán bộ cơ quan Bộ Tư lệnh 559 xuống. Đảng ủy 559 quyết định thành lập Ban cán sự tiền phương gồm 3 đồng chí: Lê Xy - Bí thư, Phan Khắc Hy và Lê Đình Trung, Bí thư Đảng ủy 472 là ủy viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 1971 tôi, đồng chí Lê Xy cùng một số cán bộ cơ quan đi tiền phương đến Sở chỉ huy Bộ Tư lệnh 472. Từ ngày 23 đến 28 tháng 12 chúng tôi làm việc cùng Bộ Tư lệnh 472, nắm tình hình, cụ thể hóa kế hoạch chiến dịch và chuẩn bị triệu tập hội nghị quân chính. Bộ Tư lệnh 472 gồm các đồng chí: Ngô Huy Biên - Tư lệnh, Lê Đình Trung - Chính ủy, Đào Kim Sơn và Nguyễn Việt Phương - Phó tư lệnh, Phan Hữu Đại - Phó chính ủy.

Ngày 29 tháng 12, đồng chí Đặng Tính - Chính ủy, Bí thư Đảng ủy Đoàn 559 đến thông qua quyết tâm và kế hoạch của Ban cán sự. Hội nghị quân chính được tổ chức vào 2 ngày 30 và 31 tháng 12 nhằm quán triệt kế hoạch chiến dịch thông suốt đến cán bộ chủ chốt các binh trạm, Trung đoàn và cơ quan Bộ Tư lệnh 472. Mục tiêu quan trọng nhất của chiến dịch là đưa được khối lượng lớn hàng vượt đường 9 và Sê Bông Hiêng, tạo thuận lợi cho tuyến trước sớm có hàng đưa vào chiến trường và có dự trữ cho bước phát triển tiếp

theo. Để đạt mục tiêu nhiệm vụ, toàn lực lượng chiến dịch phải giải quyết tốt các vấn đề:

Tìm mọi cách đánh và phòng tránh có hiệu quả thủ đoạn của địch dùng AC.130 sẵn lòng diệt sinh lực vận chuyển của ta.

Mở nhanh và củng cố hệ thống đường kín bảo đảm cho xe chạy ngày với đội hình lớn, đi thẳng, bỏ cung để tăng hiệu suất vận chuyển.

Hai trung đoàn đường ống tranh thủ thời cơ, thi công nhanh đường ống đến Bạc, xây dựng các khu kho và trạm cấp phát phù hợp với cung độ và đội hình của bộ đội xe và các đoàn binh khí kỹ thuật.

Về công tác bảo đảm hành quân phải cải thiện các đoạn đường dốc, bắc cầu vượt sông suối, ngụy trang và công sự khu trú quân, đẩy mạnh tăng gia để cải thiện bữa ăn cho bộ đội hành quân, chăm sóc tốt thương bệnh binh.

Sau hội nghị quân chính, đồng chí Đặng Tính vào Bộ Tư lệnh 471. Tôi cùng đồng chí Lê Xy vào Bộ Tư lệnh 472 triển khai kế hoạch. Ngày 1 tháng 1 năm 1972 chiến dịch Bình Giã mở màn.

Phát hiện ta hoạt động tập trung quy mô lớn, địch huy động lực lượng đánh phá ác liệt, đặc biệt tập trung kiểm soát gắt gao khu vực đường 9 từ ngã ba Bản Đông đến Mường Phin, khống chế các điểm vượt sông Sê Băng Hiêng. Mới vào mùa khô, nên nước sông còn cao, ta phải đổ đá tôn ngầm, xe 1 cầu vượt qua khó khăn, phải tổ chức kích kéo nên tốc độ chậm, địch phát hiện đánh phá gây tổn thất. Đồng chí Phạm Diêu - Cục trưởng Cục Công binh

xuống hiện trường tổ chức khắc phục. Đồng chí hướng dẫn cho công binh kết bè nửa làm cầu nổi bắc qua đoạn sông hẹp nhất, ký hiệu là cầu FB, ban ngày nguy trang giấu cạnh bờ sông có nhiều cây cao, đêm đến kéo ra ghép vào hai mố cầu đã chuẩn bị sẵn. Ngày 4 tháng 1 năm 1972 tôi xuống kiểm tra, chứng kiến 102 xe qua cầu trong đêm nhanh chóng.

Khi nước sông cạn dần, công binh tôn tạo ba ngầm vượt N11, N12, N13, làm dàn nguy trang, bố trí lực lượng phòng không mạnh, ta vượt qua được lưới lửa ngăn chặn của địch. Trên trục đường kín (đường 24) đường còn ẩm ướt nên đội hình xe bị các đoạn trơn lầy chia cắt, tốc độ quá chậm.

Ngày 10 tháng 1 năm 1972 tôi đến Binh trạm 45 nắm tình hình xe đi thẳng, báo cáo về Bộ Tư lệnh những khó khăn gặp phải, sau đó đến làm việc với Binh trạm 34. Tư tưởng của các cán bộ chỉ huy Binh trạm quá ỷ lại vào đường kín, bỏ lỏng đường 128, khi đường kín bị tắc thì không xoay chuyển kịp. Tôi họp với Ban chỉ huy Binh trạm bàn biện pháp tổ chức bảo đảm đường 128, sử dụng cả hai đường 128 và 24, khi địch chặn đường này thì ta đi đường kia một đường đi chính, một đường nghi binh.

Các Binh trạm 33, 34, 39 gặp khó khăn, Bộ Tư lệnh 559 phải cử các đồng chí có năng lực và quyết tâm gồm: Nguyễn Việt Phương - Phó tư lệnh, Phan Hữu Đại - Phó chính ủy, Hoàng Trá - Tham mưu trưởng Bộ Tư lệnh 472 xuống trực tiếp làm Binh trạm trưởng. Binh trạm 32 chủ lực của Sư đoàn 472 có đồng chí Bùi Thế Tâm - Chính ủy Binh trạm 14 vào làm Binh trạm trưởng.

Ngày 18 đến 24 tháng 1 năm 1972, tôi xuống làm việc với đồng chí Nguyễn Tuấn - Trung đoàn trưởng Trung đoàn đường ống 532 và đồng chí Liễu Văn Thắng - Trung đoàn trưởng Trung đoàn 10 công binh về việc xúc tiến đẩy mạnh tốc độ xây dựng đường ống xuống Bạc, gấp rút tạo hai trục đường kín và biện pháp nguy trang các đoạn hở trên đường kín. Các đơn vị động viên bộ đội đẩy mạnh thi đua phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật tăng năng suất.

Để chuẩn bị cho việc vận chuyển quy mô lớn, Bộ Tư lệnh quyết định chuyển Đoàn 30 bảo đảm giao thông thành một binh trạm hoàn chỉnh, tạo mũi đột kích trên đường 24, kiến thiết và mở rộng khu bàn đạp KG4, D1, hợp lý hóa hệ thống đường ra vào kho và bố trí kho thuận tiện cho việc bốc xếp hàng hóa, giải phóng xe nhanh, chấn chỉnh công tác chỉ huy và bảo đảm giao thông. Tổ chức hội nghị chuyên đề về tác chiến phòng không, tập trung bàn biện pháp đối phó với AC.130 cả cách đánh, phòng tránh và nghi binh.

Ngày 25 tháng 1 năm 1972 Tư lệnh Đồng Sĩ Nguyên vào 472 thông báo ý định chuẩn bị kế hoạch Tổng công kích sau khi kết thúc chiến dịch Bình Giã, giao nhiệm vụ cho tôi vào Binh trạm 46 truyền đạt kế hoạch cho hai trung đoàn xe 11, 13 và hiệp đồng với 471. Ở khu vực các binh trạm 35, 37, 38 địch đánh phá ác liệt. Trong đợt địch đánh phá này đồng chí Nguyễn Tam Anh - Phó chính ủy 471 và đồng chí Trương Bình Khiêm - Binh trạm trưởng 37 hy sinh.

Ngày 30 tháng 1 năm 1972 tôi đến Binh trạm 46 làm việc với đồng chí Hồ Quang Trung - Phó tư lệnh 471 và đồng chí Phạm Đức Tâm - Binh trạm trưởng 46. Các đồng chí đang chỉ huy đơn vị tập trung lực lượng bảo đảm cho các đoàn xe vượt Bạc trong lúc mực nước ngầm còn cao, trong đó có đoàn xe của đồng chí Mười Bị hậu cần B2 đi thẳng từ Bắc vào Nam Bộ. Các đoàn xe đều vượt sông Bạc an toàn.

Ngày 4 tháng 2 tôi được lệnh ra ngay Binh trạm 45 gặp Tư lệnh Đồng Sĩ Nguyên. Đồng chí giao nhiệm vụ cho tôi kiêm Tư lệnh 472, đồng chí Ngô Huy Biên về cơ quan Bộ Tư lệnh. Sau khi trao đổi công việc với chúng tôi, đồng chí Tư lệnh trở về sở chỉ huy cơ bản. Ngày 6 tháng 2 thường vụ và Bộ Tư lệnh 472 họp sơ kết tháng và thông qua kế hoạch tháng 2 của chiến dịch.

Những ngày đầu triển khai chiến dịch thời tiết chưa thuận lợi, đường kín còn ẩm ướt nên chưa phát huy tác dụng, địch tập trung đánh phá gây cho ta khó khăn và tổn thất. Nhưng càng về sau thời tiết khô ráo, đường kín được hoàn thiện cả hai trục, lực lượng xe và tổ chức chỉ huy giao thông có kinh nghiệm chạy ngày, lực lượng phòng không kết hợp bảo vệ trọng điểm với cơ động bảo vệ đội hình xe, áp dụng rộng rãi biện pháp ngụy trang, nghi binh, duy trì một lực lượng chạy đêm trên trục đường hở, thu hút khá lớn bom đạn của địch. Các mặt bảo đảm kỹ thuật, đời sống bộ đội được cải thiện, hệ thống kho hàng giải phóng xe nhanh, hiệu suất vận chuyển tăng lên rõ rệt.

Cuối tháng 2 năm 1972 kết thúc chiến dịch Bình Giã, hoàn thành kế hoạch bảo đảm khối lượng hàng cho các chiến trường, tổ chức hành quân 55.000 người vào chiến trường, đặc biệt bảo đảm cho các đơn vị cấp trung đoàn và các đoàn binh khí kỹ thuật gồm pháo binh, cao xạ, xe tăng, tên lửa chống tăng, tên lửa A72 bắn máy bay vào tới chiến trường Nam Bộ, tăng sức mạnh cho chiến trường và gây bất ngờ cho địch.

Nắm vững ý định của trên và nhân đà thắng lợi của chiến dịch Bình Giã, Đảng ủy và Bộ Tư lệnh 559 quyết định mở đợt Tổng công kích trên toàn tuyến nhằm dứt điểm kế hoạch chi viện chiến lược, bảo đảm cho các chiến trường nhu cầu vật chất kỹ thuật và binh lực cho cuộc tiến công chiến lược năm 1972.

Ngày 20 tháng 2 năm 1972 Tư lệnh Đồng Sỹ Nguyên đến Sở chỉ huy 472 phổ biến nghị quyết về Tổng công kích và chỉ đạo triển khai kế hoạch của hướng chủ yếu. Nội dung kế hoạch Tổng công kích là huy động lực lượng hai trung đoàn xe cơ động, các tiểu đoàn xe độc lập và xe của các binh trạm tham gia Tổng công kích với đội hình tập trung, chạy ngày, vượt cung và chạy thẳng. Sử dụng hai trục đường kín và các tuyến đường ngang ra chiến trường, tổ chức nghi binh trên đường hờ. Phát huy pháo cao xạ 57, pháo 100 và tên lửa diệt AC.130, bố trí lực lượng phòng không bảo vệ trọng điểm và đội hình xe. Phân công cán bộ có kinh nghiệm và dũng cảm dẫn đầu đơn vị đột phá và chỉ huy các trọng điểm.

Với phương châm chỉ đạo và biện pháp đồng bộ, ta đẩy địch vào thế bất ngờ và bị động. Máy bay địch vẫn nhằm đánh vào các trọng điểm trên tuyến đường hờ và các khu vực nghi binh của ta. Bộ đội phòng không đánh trả quyết liệt, bắn rơi 28 máy bay của địch, có 3 chiếc trinh sát OV10 rơi tại chỗ. Ngày 14 tháng 3 năm 1972 đại đội cao xạ 57 ly thuộc Trung đoàn 591 bắn rơi tại chỗ một máy bay AC.130 ở ngã ba Máy Húc. Hai ngày 18, 19 tháng 3, Tiểu đoàn 26 bắn rơi tại chỗ 7 máy bay tại Thác Hài (địch cố cứu phi công nên bị bắn rơi nhiều).

Ngày 24 tháng 3 năm 1972 tôi cùng đồng chí Lê Xy họp với Bộ Tư lệnh 472 sơ kết đợt tổng công kích, hàng giao cho các chiến trường vượt rất cao so với kế hoạch, tổ chức hành quân giao cho chiến trường 95.000 cán bộ, chiến sĩ. Thế trận vận chuyển của ta vững vàng chủ động nhờ diệt được AC.130, lực lượng xe chạy ngày, đội hình lớn, vượt cung và chạy thẳng, tổn thất từ 20% giảm xuống còn 1,2%, hiệu suất vận chuyển tăng 2 đến 3 lần.

Ngày 25 tháng 3 năm 1972 Tư lệnh Đồng Sĩ Nguyên đến 472 truyền đạt kế hoạch chuẩn bị lớn phối hợp với chiến trường. Bàn kế hoạch xong, ngày 29 tháng 3 Tư lệnh cùng tôi xuống Tiểu đoàn xe 102 Binh trạm 32, đơn vị mũi nhọn trong đội hình tổng công kích để trực tiếp giao nhiệm vụ và động viên. Tối 29 tháng 3 Tiểu đoàn tên lửa 67 của Trung đoàn 275 bắn rơi tại chỗ một AC.130 tại khu vực Na Bo. Sáng 30 tháng 3, đồng chí Tư lệnh vượt sông Sê Bông Hiêng ban ngày vào giao nhiệm vụ cho Bộ Tư lệnh 471.

Ngày 30 tháng 3 năm 1972 cuộc tiến công chiến lược trên ba hướng đường 9 - Bắc Quảng Trị, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ mở màn. Hướng chủ yếu là đường 9 - Bắc Quảng Trị. Quán triệt lời kêu gọi của Ban Chấp hành Trung ương Đảng ngày 31 tháng 3: “Chiến dịch lịch sử năm 1972 đã bắt đầu. Trong cuộc đọ sức quyết liệt này giữa ta và địch, thắng lợi quân sự của ta trên chiến trường có tầm quyết định về chiến lược. Lúc này trách nhiệm của các lực lượng vũ trang rất nặng nề và vẻ vang”.

Bộ đội Trường Sơn tranh thủ thời cơ không quân địch bị thu hút vào mặt trận chính, đẩy Tổng công kích lên cao trào mới.

Ngày 4 tháng 4 tôi họp cán bộ 472 phổ biến tình hình, nêu rõ tầm quan trọng có ý nghĩa quyết định của cuộc tiến công chiến lược 1972, thấy rõ thời cơ đẩy

manh nhiệm vụ chi viện chiến lược, tạo thế và lực cho chiến trường giành thắng lợi quyết định.

Ngày 15 tháng 4 ta giải phóng thị xã Bình Long. Chiến dịch Đường 9 - Bắc Quảng Trị phát triển thuận lợi. Ngày 17 tháng 4 được Bộ Tư lệnh cho rút cơ quan tiền phương. Sau khi làm việc với các binh trạm 15, 31, 14, 32 giải quyết chân hàng, ngày 22 tháng 4 tôi về đến sở chỉ huy cơ bản, kết thúc nhiệm vụ tiền phương 472.

TUYẾN ĐÔNG ÁC LIỆT

Về đến cơ quan Bộ Tư lệnh 559 tôi thấy các đồng chí trong cơ quan đang chuẩn bị kế hoạch bảo đảm cho hướng Đông và đẩy mạnh Tổng công kích toàn tuyến.

Tại Mặt trận Đường 9 - Bắc Quảng Trị, bộ đội là đã tiêu diệt tập đoàn phòng ngự mạnh nhất của địch, diệt 8.000 tên, bắt trên 2.000 tên, phá hủy trên 2.000 xe các loại. Tuyến phía Tây địch sơ hở, ngày 26 tháng 4 năm 1972 Bộ Tư lệnh tổ chức một đội hình 7 tiểu đoàn xe đi thẳng vào chiến trường Nam Bộ và Tây Nguyên.

Ngày 26 tháng 4 năm 1972 Bộ Tư lệnh 559 họp thông qua kế hoạch. Nhận thấy nhiệm vụ của tuyến Đông sẽ khó khăn phức tạp, nên phân công tôi đi tiền phương khu vực 473. Bộ Tư lệnh 473 có nhiệm vụ chi viện cho cánh tây Mặt trận Đường 9, Thừa Thiên – Huế và bắc Khu 5.

Ngày 1 tháng 5 năm 1972 Quảng Trị được giải phóng. Ngày đó tôi đến Binh trạm 42 thuộc Bộ Tư lệnh 473 ở khu vực A Lưới, phía tây Huế. Binh trạm 42 do đồng chí Đỗ Hữu Tần làm Binh trạm trưởng, đồng chí Nguyễn Văn Toàn

làm Chính ủy. Tiền phương 473 ở đây do đồng chí Nguyễn Thế Bưu - Phó chính ủy phụ trách. Các đồng chí đó báo cáo với tôi tình hình. Địa thế của Binh trạm khá hiểm trở, đường qua thung lũng A Lưới nền đất yếu, những trận mưa đầu mùa gây trơn lầy nặng. Từ Km 77 đến Km 119 có đến 6.800 mét lầy lội, có cây số lầy đến 800 mét. Vượt dốc Đỏ qua đường 49 để đưa hàng đến căn cứ hậu cần B4 đường hẹp, đèo dốc quanh co, bên núi đá, bên vực sâu.

Quảng Trị bị quân ta chiếm, cố đô Huế bị uy hiếp nghiêm trọng nên địch tập trung đánh phá rất ác liệt. AC.130 quần đảo suốt đêm, B.52 ném bom tọa độ, có đêm 53 lần chiếc B.52 rải thảm xuống khu vực. Đường qua A Lưới như bị đào bới tung lên với nhiều hố bùn lầy. Lái xe, bộ đội công binh, bộ đội phòng không chiến đấu ở đây vô cùng gian khổ, ác liệt.

Thấy tình hình đường 49 khó khăn, cấp trên ra lệnh cho tôi phải tổ chức mở đường 71 qua Tam Dân đến 15 tháng 5 phải xong. Tôi đến Tam Dân trực tiếp gặp đồng chí Xường, cán bộ của Trung đoàn công binh 98 đang khảo sát đoạn đường này. Đồng chí báo cáo với tôi đã khảo sát đến Km 37. Khối lượng phải san ủi 43.400 mét khối đất, 59.139 mét khối đất lẫn đá, 27.568 mét khối đá, dự trù phải có 5.913 ngày công với 120 tấn bộc phá, làm tích cực cả ngày lẫn đêm đến 30 tháng 5 mới xong. Tôi báo cáo về Tư lệnh Đồng Sĩ Nguyên tình hình thực tế là như thế, đề nghị đồng chí vào kiểm tra tại chỗ.

Trên Mặt trận Đường 9 - Bắc Quảng Trị, địch vơ vét lực lượng cơ động chủ lực quân nguy cùng với sự chi viện bằng không quân và pháo hạm trên biển của Mỹ phản kích. Cuộc chiến đấu vô cùng anh dũng kiên cường của bộ đội ta chiếm giữ Thành Cổ Quảng Trị đang đòi hỏi sự chi viện kịp thời của hậu phương và tuyến chi viện Trường Sơn.

Trước tình hình chiến đấu gay go của Bộ Tư lệnh 473, ngày 1 tháng 6 năm

1972 Tư lệnh Đồng Sỹ Nguyên trực tiếp xuống nắm tình hình và chỉ đạo tại chỗ. Đồng chí đi khảo sát thực địa, góp ý cụ thể và cách khắc phục khó khăn, giải quyết các đề nghị của 473. Đồng chí bảo chuyển chỉ huy sở từ Ly Tôn ra gần đường 9 để nắm vững đầu mối trên chỉ huy cả hai hướng.

Nhận thấy đồng chí Lê Đình Sum sức khỏe giảm sút, đồng chí Tư lệnh quyết định tôi kiêm Tư lệnh 473 để đồng chí Sum về cơ quan. Bộ Tư lệnh 473 gồm có tôi là Tư lệnh, đồng chí Lê Nghĩa Sỹ - Chính ủy, đồng chí Võ Văn Quý - Phó tư lệnh, đồng chí Dương Đình Tạ - Tham mưu trưởng công binh, đồng chí Hoàng Thọ Đồng - Tham mưu trưởng tác chiến, đồng chí Phùng Hữu Để - Chủ nhiệm Chính trị, đồng chí Nguyễn Trọng - Chủ nhiệm Hậu cần. Được sự chỉ đạo của Tư lệnh, Đảng ủy và Bộ Tư lệnh 473 họp kiểm điểm tình hình, xác định quyết tâm và biện pháp khắc phục khó khăn. Căn cứ tình hình địch đánh phá và tình hình đường sá, Bộ Tư lệnh 473 quyết định bố trí lại cung độ giữa các binh trạm 27, 28, 41, 42, các binh trạm phía sau phải vươn tới, rút ngắn cung độ cho Binh trạm 41, 42. Tổ chức đội hình xe đi gọn từng trung đội, tăng cường lực lượng công binh chống lầy, khắc phục bom mìn, tổ chức xe kích kéo ở các trọng điểm. Bố trí Tiểu đoàn 4 cao xạ bảo vệ trọng điểm A Lưới, Tiểu đoàn 35 bảo vệ ngã ba đường 9, hiệp đồng với hậu cần B4 bảo đảm đường vào kho và giải phóng xe nhanh. Kiện toàn cán bộ và bổ sung lực lượng cho các đơn vị xe và công binh. Đề nghị Bộ Tư lệnh 559 cho 2 tiểu đoàn xe cơ động 101 và 64 đứng chân ở Hướng Hóa để rút ngắn cung độ, tăng cường công tác tư tưởng, cán bộ chỉ huy gương mẫu đi đầu những nơi khó khăn nguy hiểm.

Tình hình trên tuyến do 473 đảm nhiệm chuyển biến tốt, bộ đội công binh bảo đảm cầu đường thông suốt, lực lượng phòng không tác chiến có hiệu quả. Ngày 18 tháng 6 tên lửa A72 của B4 bắn rơi một AC.130 ở A Lưới. Ngày 7 tháng 7 Đại đội 2 Tiểu đoàn 35 bắn rơi tại chỗ 1 máy bay AD6, bắt sống giặc lái ở Hướng Hóa. Lực lượng vận tải bảo đảm giao hàng cho Mặt trận Đường 9 là 8.200 tấn, cho Mặt trận Thừa Thiên - Huế 3.700 tấn, góp phần quan trọng cho bộ đội ta giữ vững vùng giải phóng Quảng Trị. Tổ chức đưa đón an toàn các cán bộ cao cấp của Đảng, Chính phủ và Quân đội vào làm việc với Mặt trận B4 gồm các đồng chí: Trần Hữu Dực - Phó thủ tướng, Cao Văn Khánh -

Phó tổng tham mưu trưởng, Lê Chưởng, Lê Nam Thắng, Lưu Quý Kỳ.

Hoạt động cửa 473 đi vào thể ổn định, ngày 15 tháng 9 năm 1972 tôi được lệnh trở về Bộ Tư lệnh 559.

CUỘC CHIẾN Ở VÙNG “CÁN XOONG”

Trước đòn tiến công chiến lược của quân và dân ta trên khắp các chiến trường miền Nam, đế quốc Mỹ đơn phương ngừng đàm phán ở Hội nghị Pa-ri, đồng thời huy động lực lượng không quân, hải quân chi viện hỏa lực cho quân ngụy ở Mặt trận Đường 9 - Bắc Quảng Trị và tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai.

Mỹ tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai nhằm mục đích đánh phá tiềm lực hậu phương lớn của ta, cắt đứt tuyến chi viện cho miền Nam từ gốc làm suy yếu sức tấn công của ta trên chiến trường và làm nao núng quyết tâm của ta, buộc ta chấp nhận những điều kiện của chúng trên bàn đàm phán.

Trên mặt trận giao thông vận tải, chúng tập trung đánh phá hệ thống cầu đường sắt, đường bộ, kho tàng, tuyến đường ống xăng dầu, các điểm vượt sông. Chúng thả thủy lôi, bom từ trường, bom chò nổ hòng bịt các cửa sông, cảng biển. Ngày 8 tháng 5, Ních-Xơn tuyên bố phong tỏa cảng Hải Phòng. Đặc biệt, chúng tập trung lực lượng ngăn chặn đoạn hẹp nhất ở nam Quân khu 4 mà chúng gọi là vùng “cán xoong”. Công cuộc vận tải tiếp tế cho chiến trường gặp rất nhiều khó khăn.

Chính phủ thành lập Hội đồng chi viện và khôi phục Ban điều hành vận tải Trung ương để tập trung sức lực bảo đảm tốt giao thông vận tải, chi viện chiến trường. Để giải tỏa ách tắc tuyến nam Khu 4, Chính phủ quyết định

quân sự hóa hệ thống giao thông vận tải từ nam Hà Tĩnh vào Vĩnh Linh, giao cho Bộ Tư lệnh Trường Sơn thống nhất chỉ huy. Bộ Tư lệnh Trường Sơn lập tức chuyển Bộ Tư lệnh hậu cứ 571 thành Bộ Tư lệnh khu vực có nhiệm vụ chỉ huy hiệp đồng binh chủng bảo vệ giao thông thông suốt, vận tải phục vụ chiến dịch và tạo nguồn hàng cho tuyến chiến lược, phân công tôi trực tiếp làm Tư lệnh 571. Bộ Tư lệnh 571 gồm có tôi là Tư lệnh, đồng chí Bùi Đức Tạm - Phó chính ủy Bộ Tư lệnh Trường Sơn làm Chính ủy (đến tháng 10 năm 1971 đồng chí Lê Nghĩa Sỹ thay đồng chí Tạm), các đồng chí Nguyễn Đàm, Hoàng Huyềnh làm Phó tư lệnh, đồng chí Cao Tâm - Phó chính ủy.

Để kết hợp chặt chẽ với địa phương, Ban chỉ huy giao thông vận tải thống nhất được thành lập. Ban gồm đồng chí Trần Sự - ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Bình, Tỉnh đội trưởng làm Trưởng ban, tôi làm Phó ban và đồng chí Lại Văn Ly - Phó chủ tịch tỉnh Quảng Bình phụ trách giao thông vận tải làm ủy viên. Bộ Tư lệnh 571 chấn chỉnh tổ chức lực lượng cho phù hợp với tình hình mới. Tăng cường lực lượng cho Binh trạm 16 do đồng chí Nguyễn Tuy làm Binh trạm trưởng, đồng chí Phùng Hữu Để làm Chính ủy, phụ trách bắc sông Gianh, vượt sông Gianh giao hàng cho Binh trạm 26. Binh trạm 26 do đồng chí Nguyễn Tất Giới làm Binh trạm trưởng, đồng chí Nguyễn Dân làm Chính ủy, phụ trách nam sông Gianh chuyển hàng cho Binh trạm 19. Binh trạm 19 do đồng chí Nguyễn Văn Vận làm Binh trạm trưởng, đồng chí Ngô Khuân làm Chính ủy, phụ trách từ Đồng Hới, vượt sông Long Đại vào giao hàng cho Binh trạm 12 tại Mỹ Trung, Hồ Xá.

Ở các binh trạm cũng có đại diện địa phương tham gia Ban chỉ huy thống nhất. Bộ Tư lệnh Trường Sơn tăng cường cho Bộ Tư lệnh 571 hai trung đoàn cao xạ bảo vệ các trọng điểm phà Gianh, Xuân Sơn, Long Đại và hai trung đoàn công binh.

Tỉnh ủy, ủy ban nhân dân, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh và các ban ngành tỉnh Quảng Bình, từ đồng chí Bí thư tỉnh ủy Nguyễn Tư Thoan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cổ Kim Thành, Tỉnh đội trưởng Trần Sự, Phó chủ tịch Ủy ban

nhân dân tỉnh phụ trách giao thông vận tải Lại Văn Ly quan tâm đặc biệt đối với Đoàn 571. Các đồng chí coi nhiệm vụ bảo đảm giao thông vận tải chi viện chiến trường là nhiệm vụ trung tâm của toàn Đảng bộ và quân dân tỉnh Quảng Bình. Toàn thể nhân dân Quảng Bình đều trực tiếp tham gia mặt trận bảo đảm giao thông vận tải. Sau một trận địch ném bom lập tức có hàng trăm dân công đã được chuẩn bị sẵn, tham gia với bộ đội công binh và công nhân giao thông sửa chữa khôi phục cầu đường. Đồng bào sẵn sàng dỡ nhà của mình để lấy vật liệu khôi phục cầu đường. Khẩu hiệu “Xe chưa qua, nhà không tiếc” và câu ca “Nhà tan cửa nát cũng ừ! Quyết tâm đánh Mỹ cực chừ, sướng sau” thể hiện tinh thần quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ của nhân dân Quảng Bình. Địch đánh phá ác liệt tỉnh Quảng Bình vì chúng cho đây là nơi tập kết lực lượng của tuyến chi viện chiến lược, là nơi xung yếu nhất chúng có thể gây nhiều khó khăn cho ta.

Nhờ thế trận chống chiến tranh ngăn chặn của địch được bố trí khá vững chắc về chiến đấu, bảo đảm giao thông và tổ chức vận chuyển linh hoạt, cùng với sự phối hợp và ủng hộ hết lòng của quân dân nam Khu 4 và Quảng Bình, tuyến chi viện vùng “cán xoong” được khai thông.

Ngày 15 tháng 11 năm 1972 Tư lệnh Đồng Sỹ Nguyên đến làm việc với Bộ Tư lệnh 571 và Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Bình. Đồng chí mang theo trên 100 máy đẩy giao cho Sở giao thông vận tải Quảng Bình trang bị cho các hợp tác xã đường sông của các huyện Quảng Trạch, Bố Trạch, Quảng Ninh, Lệ Thủy tổ chức thành các tiểu đoàn vận tải đường sông được cơ giới hóa, vận chuyển lập chân hàng cho đường 20 và đường 16. Đồng chí giao nhiệm vụ cho Bộ Tư lệnh 571 vận chuyển cả đường 1, đường 12, đường 20 cùng với việc tăng cường đường sông, đưa khối lượng hàng lớn vào chiến trường và lập chân hàng cho tuyến trước.

Với sự nỗ lực vượt bậc của bộ đội 571 và quân dân Quảng Bình, Vĩnh Linh, Bộ Tư lệnh 571 đã vận chuyển trên một vạn tấn vật chất kỹ thuật cho chiến trường và lập chân hàng cho các binh trạm cửa khẩu.

HƯỚNG VỀ HÀ NỘI

Trước thất bại nặng nề trên khắp chiến trường miền Nam và việc ngăn chặn tuyến chi viện chiến lược không đạt được như ý đồ, ngày 18 tháng 12 năm 1972 đế quốc Mỹ đi nước cờ cuối cùng, đó là mở trận tập kích chiến lược bằng “siêu pháo đài bay” B.52 vào Hà Nội, Hải Phòng và một số nơi khác trên miền Bắc.

Ngày 19 tháng 12 Bộ Tư lệnh 571 tổ chức hội nghị sơ kết đợt vận chuyển đột kích. Mở đầu hội nghị, trực ban thông báo tin chiến thắng, ngay trận đầu tiên bộ đội Phòng không - Không quân cùng quân dân miền Bắc đã bắn rơi 3 máy bay B.52, có 2 chiếc rơi tại chỗ.

Hội nghị tràn ngập niềm phấn khởi. Trong hàng ngũ cán bộ 571 có nhiều đồng chí đã từng ở Quân chủng Phòng không - Không quân, nhiều đồng chí có gia đình hậu phương ở Hà Nội, Hải Phòng, nên trong niềm vui có xen lẫn lo âu. Nhưng toàn thể hội nghị biểu thị sự tin tưởng vào chiến thắng của quân dân Hà Nội, Hải Phòng, của Quân chủng Phòng không - Không quân. Mọi người thấy đây là cơ hội tốt để đẩy mạnh vận chuyển chi viện chiến trường khi không quân Mỹ đang tập trung vào Hà Nội, Hải Phòng. Kế hoạch vận chuyển với chỉ tiêu cao hơn được thông qua.

Kết thúc hội nghị, mọi người nhanh chóng ra về triển khai thực hiện kế hoạch. Một khí thế thi đua sôi nổi hướng về Hà Nội dấy lên trong khắp các đơn vị. Trên các trục đường, các dòng sông, từng đoàn xe, đoàn thuyền tiến về phía trước. Lực lượng công binh, dân công, kể cả đồng bào hai bên đường hối hả san lấp hố bom khôi phục mặt đường, bảo đảm giao thông thông suốt. Các đơn vị phòng không bảo vệ trọng điểm đánh trả địch quyết liệt. Khối lượng vận chuyển 10 ngày bằng cả tháng trước đó.

Trong một chuyến kiểm tra bộ đội trên đường, đến ngã ba Hoàn Lão tôi ghé thăm nhà em gái và dì ruột tôi ở ngay cạnh đường 1. Em rể tôi là xã đội trưởng đang ở vị trí trực chiến chỉ huy dân quân bắn máy bay bay thấp và báo động phòng không, em tôi đang cùng dân công sửa đường, các cháu nhỏ ngủ trong hầm chữ A kiên cố. Dì tôi đã trên 70 tuổi, được con cháu làm cho một hầm chữ A ngay cạnh chỗ bà ngồi bán hàng tạp hóa. Bao nhiêu lần địch thả bom bi, bom phá nhưng nhờ báo động, kịp thời xuống hầm nên được an toàn. Trước nhà em gái tôi là một hố bom sâu và rộng, nước mưa đọng lại như một cái ao, tấm phản gỗ gụ dùng làm vật ngăn còn cắm đầy viên bi. Dì tôi tỏ ra bình tĩnh chẳng lo sợ gì mà lo cho tôi đi lại trên đường dễ bị “ăn” bom đạn. Dì cho tôi đường sữa để bồi dưỡng sức khỏe.

Trong cuộc chiến đấu với đế quốc Mỹ hung bạo, nhân dân ta vững tin vào thắng lợi, không sợ Mỹ, ngoài lòng yêu nước, dám đánh địch còn biết cách tự vệ. Chúng ta thắng không quân Mỹ trên cả hai mặt trận đánh địch và phòng không nhân dân.

Ngày 23 tháng 12 năm 1972, tôi được Bộ Tư lệnh Trường Sơn mời về họp bàn kế hoạch tháng 1 năm 1973. Tư lệnh Đồng Sỹ Nguyên và Chính ủy Đặng Tính chủ trì hội nghị. Vào hội nghị, trực ban tác chiến thông báo tin chiến thắng vang dội của quân dân Hà Nội, Hải Phòng và một số nơi trên miền Bắc đã bắn rơi 15 máy bay B.52, có 8 chiếc rơi tại chỗ, 17 máy bay chiến thuật, 1 máy bay F.111 “cánh cụp cánh xòe” do tự vệ Hà Nội bắn hạ, tiêu diệt và bắt giặc lái.

Mở đầu hội nghị, đồng chí Tư lệnh phát biểu:

“Cuộc tiến công chiến lược trên toàn miền Nam năm 1972 đã giành thắng lợi

có ý nghĩa quyết định. Trước thất bại nặng nề, đế quốc Mỹ mở cuộc tập kích chiến lược bằng B.52 vào Hà Nội, Hải Phòng, trung tâm chính trị - kinh tế của miền Bắc, đầu não của cuộc kháng chiến, hòng uy hiếp nhân dân ta, buộc ta phải chấp nhận điều kiện của chúng. Nhưng mới mở màn chiến dịch, chúng đã thất bại khá nặng, báo hiệu chiến dịch của chúng không thể kéo dài và nhất định bị thất bại hoàn toàn. Thắng lợi này với thắng lợi trên chiến trường sẽ tạo ra bước ngoặt của cuộc chiến tranh, thời cơ mới có lợi cho ta.

Vì vậy kế hoạch tháng 1 năm 1973 là kế hoạch chuẩn bị cho bước đột biến, vừa hoàn thành chỉ tiêu tháng 1 năm 1973, vừa chuẩn bị cho bước nhảy vọt của tình hình. Ta phải khẩn trương chuẩn bị để đón thời cơ thắng lợi của cuộc chiến trên bầu trời Hà Nội, Hải Phòng”.

Quả đúng như dự đoán của Bộ Tư lệnh, sau 12 ngày đêm bị tổn thất không thể cứu vãn với 81 máy bay các loại bị hạ, trong đó có 34 máy bay B.52, 5 F.111, nhiều giặc lái bị tiêu diệt, ngày 30 tháng 12 năm 1972 Tổng thống Mỹ Ních-xơn tuyên bố ngừng ném bom miền Bắc và nối lại cuộc đàm phán ở Pa-ri. Sáng 30 tháng 12 năm 1972 Thông tấn xã Việt Nam phát đi bản thông báo chiến thắng oanh liệt của ta. Các đài và báo phương Tây đều đưa tin thất bại thảm hại của Mỹ và coi đây là một “Điện Biên Phủ trên không”.

Ngày 1 tháng 1 năm 1973 tôi được lệnh ra Hà Nội nhận nhiệm vụ mới. Trên đường đi nhìn từng đoàn người đoàn xe ngược xuôi hối hả, công nhân đang ra sức sửa chữa cầu đường, cánh đồng lúa xanh mơn mớn, các cháu học sinh tung tăng đến trường, lòng tôi cảm thấy hân hoan trước cảnh thanh bình của miền Bắc sau bao năm chiến tranh ác liệt.

Về đến Hà Nội trời vừa tối. Nhịp sống của Thủ đô trở lại bình thường dưới ánh đèn điện sáng trưng, về đến nhà, mẹ và vợ con tôi đã ở nơi sơ tán về đây đủ. Niềm vui lớn đến với tôi: đất nước chiến thắng, gia đình sum họp.

Sau khi làm việc với Thủ trưởng và cơ quan Bộ Quốc phòng, tôi đến thăm gia đình đồng chí Đặng Tính. Chị và các cháu đều khỏe và đang mong anh ra. Tôi báo với chị và các cháu là anh đang nắm tình hình chuẩn bị ra báo cáo với Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng, nên sẽ ra sau. Tôi đến thăm Bộ Tư lệnh Quân chủng Phòng không - Không quân. Đồng chí Lê Văn Try - Tư lệnh Quân chủng siết chặt tay tôi nói: “Anh Tính, anh Nguyên và các đồng chí trong Bộ Tư lệnh 559 cùng toàn thể bộ đội Trường Sơn đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chi viện cho chiến trường giành thắng lợi quyết định. Đảng ủy và Bộ Tư lệnh Quân chủng Phòng không - Không quân cùng toàn thể bộ đội Phòng không - Không quân đã anh dũng, mưu trí, sáng tạo đã cùng quân dân miền Bắc đánh thắng cuộc tập kích chiến lược bằng B.52 của đế quốc Mỹ, làm nên một “Điện Biên Phủ trên không”. Đế quốc Mỹ nhất định phải chấp nhận điều kiện của ta”.

Ngày 27 tháng 1 năm 1973 Hiệp định Pa-ri được ký kết. Mỹ cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của ta và rút quân về nước. Cùng ngày, trên 1.000 xe vận tải của bộ đội Trường Sơn với hàng hóa chất nặng trên xe, vượt sông Bến Hải vào Nam, mở đầu thực hiện kế hoạch thời cơ do chiến thắng “Điện Biên Phủ trên không” đem lại, phát triển thế và lực của tuyến chi viện chiến lược, chuẩn bị cho bước đột biến của cách mạng miền Nam: Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

NHỮNG NGƯỜI BẠN CUBA TRÊN TUYẾN TRƯỜNG SƠN – ĐƯỜNG HỒ CHÍ MINH RAUN VANDER VIVÓ

NHỮNG “NGƯỜI CHƠI BÓNG CHÀY” XUẤT HIỆN

Những người Cuba sang Hà Nội, theo đường Mạc Tư Khoa chia làm hai: Nhóm thứ nhất 3 người do đồng chí Chacon chỉ huy và nhóm sau do đồng chí Leon dẫn đầu ngày 8 tháng 8 năm 1974. Ngày 14, tất cả đều có mặt ở Thủ đô Hà Nội.

12 ngày trước đó, cuộc họp đầu tiên của chi bộ Đảng được thành lập ở trường Coca, trên cánh đồng Florida trước khi chuẩn bị sang Việt Nam, đã được tiến hành, Đoàn Thanh niên Cộng sản Cuba cũng được thành lập ngày 21 cùng tháng.

Một sự việc được phát hiện ra là tất cả những người ra đi đều là anh em bè bạn của chúng tôi, cùng chung tư tưởng và cũng là những người hay bông đùa. Khi chúng tôi gặp nhau ở khách sạn Kim Liên, những người mới đến cùng với những kỹ thuật viên (gia cầm, nông nghiệp) và các bác sĩ đã nhiều năm làm việc ở các đội quân khác nhau, tự giới thiệu với nhau về công việc, ngành nghề của mình, điều này không một ai biết trước ở Cuba. Chacon reo lên:

- Chúng tôi ấy à?... là những vận động viên bóng chày.

- Chắc các anh sang đây để huấn luyện những người Việt Nam? Một người đã hỏi lại chúng tôi với một giọng rất hóm hỉnh, và tất nhiên rất dễ đoán ra chúng tôi ở đây còn có mục đích khác.

- Đúng như vậy, người anh em ạ!

Và cũng từ đó, đội quân quốc tế Cuba có ba tên. Tên thứ nhất theo ngôn ngữ quân sự Cuba U.M.4539 mà các bạn Việt Nam gọi là A-74. Và cái tên mới xuất hiện tức thì, tất cả đều biết một cách kín đáo để không phải hỏi thêm nữa là “Những vận động viên bóng chày”.

Ủng hộ sự có mặt vui vẻ chia sẻ tất cả những nguy hiểm của những người làm công tác mở những con đường tiền tuyến, một nghị định thư với ngôn ngữ rất đơn giản đã được ký kết. Đó là một bản nghị định thư nữa trong nhiều bản mà Cuba đã ký với các nước có quan hệ hữu nghị anh em, bên lề những văn bản đó, một dòng chữ “tuyệt mật” so với tầm quan trọng trung thực của nó.

Lời giới thiệu tài liệu đó được đại úy Alejandro Mediavilla và đại tá Nguyễn Văn Đoan ở Hà Nội viết làm hai bản bằng tiếng Tây Ban Nha và tiếng Việt có cùng giá trị như nhau ngày 27 tháng 5 năm 1974. Nội dung như sau:

“Chính phủ cách mạng nước Cộng hòa Cuba và Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa mong muốn tăng cường sự hợp tác quân sự giữa nhân dân hai nước và cho rằng sự hợp tác đó sẽ thắt chặt thêm mối tình đoàn kết giữa nhân dân hai nước và đẩy mạnh cuộc chiến đấu chống lại các lực lượng đế quốc, chủ nghĩa thực dân mới và chủ nghĩa thực dân trên toàn thế giới, đã quyết định ký nghị định thư này”.

1. Trích: Raun Vandes Vivõ, Tối mật - Những người Cu Ba trên đường Hồ Chí Minh, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội - 2009.

Với tinh thần của nghị định thư đó, tất cả sẽ được thực hiện bắt đầu bằng nhóm xung kích do Chacon chỉ huy. Chacon tiến hành một công việc quan trọng là khảo sát và chuẩn bị các điều kiện bằng cách ghi trong nhật ký hàng ngày:

“Ngày 17 tháng 7, chúng tôi bắt đầu đi Quảng Trị vào lúc 8 giờ sáng. Cùng đi với chúng tôi có thiếu tá Liêu Văn Thăng - Phó chỉ huy công việc này ở Trường Sơn và phụ trách những người Việt Nam học ở Cuba, thiếu tá Mạo - Chính trị viên một trung đoàn của Mặt trận Dân tộc giải phóng, thiếu úy Hát của Cục Đối ngoại Bộ Quốc phòng và 1 đồng chí phiên dịch, 2 đồng chí lái xe.

“Sau hai ngày hành trình, chúng tôi đến thị xã Đồng Hới và được trung tá Trần Đình Cầu - Phó chỉ huy công binh của Quân khu 1 tiếp đón¹.

“Tối 19 tháng 7, chúng tôi tham dự một cuộc mít tinh chính trị do các đồng chí Cuba đang xây dựng bệnh viện Đồng Hới tổ chức, mà bệnh viện này được Tổng Tư lệnh Fidel tặng. Cuộc mít tinh này nhằm thắt chặt mọi quan hệ chính trị giữa thanh niên của Đồng Hới với thanh niên Cuba.

“12 giờ trưa ngày 20, chúng tôi đến bãi biển Vịnh Mốc. Đi cùng chúng tôi đến đó từ Hà Nội là đồng chí Cao và các bạn Việt Nam khác. Ở đó chúng tôi được đồng chí đặc phái viên của đồng chí chỉ huy hậu cần Quân khu 1 tiếp đón. Sau khi xin lỗi vì sự vắng mặt của đồng chí chỉ huy, đồng chí đặc phái viên đã thông báo cho chúng tôi biết là một vài điểm của chương trình đoàn chúng tôi sẽ tiếp tục ở Quảng Trị.

“4 giờ chiều, thật bất ngờ chúng tôi được Trung tướng Đồng Sỹ Nguyên tiếp

đón. Chúng tôi đã thông báo cho Trung tướng biết mục đích của đoàn chúng tôi và đồng chí Trung tướng đã trả lời là chúng tôi sẽ nhận được tất cả sự giúp đỡ của đồng chí.

“7 giờ sáng ngày 21, chúng tôi bắt đầu một cuộc họp kéo dài trọn một ngày, về phía Việt Nam có thượng tá Phạm Công Tiếp - phụ trách công binh của Quân khu 1, đồng chí Cầu - phó chỉ huy công binh, thiếu tá Thăng, thiếu tá Thọ, kỹ sư trưởng phụ trách công trình của ban lãnh đạo công binh và một số đồng chí khác đã tham dự.

“Đồng chí chỉ huy công binh đã trình bày một cách tỉ mỉ với chúng tôi về các công việc công binh - quân sự đang được tiến hành ở vùng đó. Chúng tôi phân tích đặc điểm và nhiệm vụ của các đơn vị sẽ đến thăm, đặc điểm của con đường Hồ Chí Minh và những công việc chuẩn bị ở những nơi sẽ đến thăm (trường học, công xưởng, lán trại sắp tới của những người Cuba, kho tàng, v.v...).

Đồng chí đó giới thiệu với chúng tôi những đặc điểm kỹ thuật và những thông số của thiết kế chính xác của đường số 9 và đường Hồ Chí Minh. Ngoài ra họ còn đưa ra khối lượng phải làm, những hạng mục công trình phải xây dựng, thiết bị hiện đại cũng như việc tổ chức lao động thành trung đoàn.

“Mọi người còn giới thiệu những vấn đề chính là: độ dốc ổn định, đi lại khó khăn trên các triền núi, việc cung cấp đá cho các máy nghiền khó khăn, ít kinh nghiệm trong việc lát đá, tiến độ chậm trong việc xây dựng cầu cống, không có phòng thí nghiệm kiểm tra, trình độ kỹ thuật của thanh niên rất thấp.

“Họ cũng cho chúng tôi biết chương trình đi thăm Quảng Trị kéo dài đến ngày 30 tháng 7 và sau đó giới thiệu cho chúng tôi đồ án con đường Hồ Chí Minh.

1. Có thể là mặt danh quân sự thời gian đó, không phải là Quân khu 1 hiện nay (BT).

“6 giờ sáng ngày 22, chúng tôi rời Vịnh Mốc đến vùng giải phóng Quảng Trị. Cùng đi với chúng tôi có trung tá Cầu, trung tá Diễn, thiếu tá Thăng, thiếu tá Thọ, một bác sĩ, một y tá và một số đồng chí khác.

“6 giờ 45 phút, chúng tôi vượt qua vĩ tuyến 17. Đoàn chúng tôi có vinh dự được qua các vùng giải phóng miền Nam Việt Nam. Đó là một cơ hội mà rất nhiều người cách mạng mong muốn.

“9 giờ sáng, chúng tôi bắt đầu vượt qua 20 kilômét đường số 9, một con đường do Mỹ xây dựng và cũng là nơi diễn ra những cuộc chiến đấu lớn mà giờ đây vẫn còn lại những dấu tích. 2 giờ chiều, chúng tôi thăm nơi để các vũ khí hạng nặng và trên đường về nơi trú quân, chúng tôi có dịp nhìn thấy một máy bay do thám của địch bị các đơn vị phòng không của Mặt trận Dân tộc giải phóng bắn rơi.

“Ngày 23, chúng tôi thăm nhà máy nhựa đường, máy nghiền đá và 1 trung đoàn làm nhiệm vụ rải đá.

“Cần phải nhấn mạnh rằng ở mỗi nơi chúng tôi đến thăm, các đồng chí chỉ huy đều bày tỏ lòng mong muốn nhận được những kinh nghiệm và sự giúp

đờ của chúng tôi cũng như những sự giảng giải tỉ mỉ về những chức năng của các hoạt động và những vấn đề chính. Ngoài ra ở mỗi nơi chúng tôi đến thăm đều có rất nhiều khẩu hiệu nói về tình đoàn kết giữa hai dân tộc Việt Nam và Cuba. Chúng tôi rất cảm động khi nhìn thấy trên chiếc mũ sắt của mỗi người chiến sĩ đều có một khẩu hiệu thể hiện tình anh em giữa chúng tôi.

“Buổi chiều, chúng tôi có vinh dự được đi thăm đồi 241, một căn cứ cũ của Mỹ, nơi diễn ra nhiều cuộc chiến đấu lớn, trước đây mới chỉ có được một đoàn đại biểu nước ngoài đến thăm, đó là đoàn đại biểu của Đảng và Chính phủ Cuba do đồng chí Thủ tướng, Tổng Tư lệnh Fidel Castro dẫn đầu. Chúng tôi được nghe đồng chí phụ trách các lực lượng du kích chỉ huy chiến dịch năm 1972 tường thuật lại những diễn biến của các cuộc chiến đấu xảy ra xung quanh căn cứ cho đến lúc Quân giải phóng chiếm được. Đồng chí sĩ quan này là người đã giới thiệu với đồng chí Tổng Tư lệnh tất cả những diễn biến của các cuộc chiến đấu. Sau đó chúng tôi đi sâu vào khu căn cứ, và nhận thấy rằng nó đã trở thành một đồng sắt vụn, nằm bên cạnh hàng rào “bất khả xâm phạm” Mặc Namara.

“Buổi tối chúng tôi được xem bộ phim tài liệu về chuyến đi thăm của Fidel ở vùng giải phóng miền Nam Việt Nam. Cuốn phim đã được các chiến sĩ Việt Nam xem đến hàng nghìn lần nhưng lúc nào cũng như là lần đầu.

“Buổi sáng, chúng tôi có thể nghe những tiếng ầm ầm của một trận chiến đấu kéo dài 45 phút. Tất cả các lực lượng xuất sắc xung quanh nơi chúng tôi trú quân đã được huy động. Sau đó chúng tôi được biết rằng, sau Hiệp định Pa-ri, đây là trận chiến đấu lớn nhất nổ ra giữa Mặt trận Dân tộc giải phóng và kẻ thù, kẻ chưa hề một ngày ngừng khiêu khích.

“Ngày 24, chúng tôi đi thăm cơ sở hậu cần cũ của Mỹ ở Ái Tử, được giải phóng ngày 30 tháng 4 năm 1972. Đây là một căn cứ lớn của Quân khu 1 và

hiện nay nằm cách địch 200 mét. Từ căn cứ này, chúng tôi có thể nhìn thấy cờ của địch bay trên các địa bàn chưa được giải phóng, cũng như các hoạt động của máy bay trực thăng. Chúng tôi đi vòng quanh khu căn cứ và được nghe tất cả những diễn biến của trận chiến đấu, nơi luôn luôn nổi lên yếu tố bất ngờ.

“12 giờ trưa, chúng tôi đi thăm một trung đoàn vận chuyển đất đá. Đó là trung đoàn xây dựng con đường Hồ Chí Minh. 12 kilômét đường đang được thi công và cần phải nhấn mạnh rằng tất cả những công việc làm bằng tay đã để lại cho chúng tôi một ấn tượng mạnh mẽ. Họ đã giải thích cho chúng tôi biết tất cả những công việc nặng nhọc của trung đoàn, các kế hoạch làm việc và đưa ra một số vấn đề chính là thiếu phụ tùng thay thế, thiết bị của nhiều nước khác nhau (Liên Xô, Trung Quốc), nổ mìn bằng tay thiếu sự kiểm tra về chất lượng, 76 công nhân điều khiển máy móc (3 người có trình độ tốt) các đồng chí chỉ huy không qua trường lớp nào, rất ít kinh nghiệm trong việc cơ giới hóa công việc.

“Ngày 25, chúng tôi đến thăm nhà khách của Chính phủ, nơi mà trước đây đồng chí Tổng Tư lệnh của chúng tôi và đoàn đại biểu Cuba đã nghỉ ở Quảng Trị. Mọi người chỉ cho chúng tôi nơi Fidel nghỉ và kể lại một số chuyện vui. Họ chỉ cho chúng tôi cái giường mà Fidel đã ngủ, cái giường mà người ta phải kéo dài trên 50 phân nữa vì những giường bình thường Fidel không nằm vừa. Và điều này thật thú vị, kể đến tất cả đều cười rộ lên.

“Buổi sáng hôm đó, chúng tôi đã nhìn thấy một chiếc máy bay do thám nữa của địch.

“2 giờ chiều chúng tôi trở về Vịnh Mốc nơi hôm trước chúng tôi trú quân.

“Ngày 26, chúng tôi được nghỉ hoàn toàn cả ngày. Buổi tối chúng tôi dự một bữa tiệc do Thiếu tướng Hoàng Thế Thiện - Chính ủy của bộ phận hậu phương, đại tá Nguyễn Lang - Chỉ huy phó bộ phận hậu phương và một số sĩ quan khác của Mặt trận Dân tộc giải phóng chiêu đãi. Trong buổi chiêu đãi này, rất có ý nghĩa về mặt chính trị, mọi người đã tưởng niệm đến những người anh hùng và liệt sĩ Moncada. Thiếu tướng Thiện và trưởng đoàn Cuba đã phát biểu ý kiến tỉ mỉ những diễn biến của trận tiến công pháo đài Moncada cũng như tầm quan trọng của nó cho việc phát triển sau này của cách mạng. Sau đó chúng tôi xem phim tài liệu Cuba.

“Ngày 27, từ 8 giờ sáng đến 10 giờ tối, chúng tôi họp với đồng chí chỉ huy công binh, Thượng tá Tiệp và các thành viên khác của ban lãnh đạo. Đoàn chúng tôi đưa ra một vài yêu cầu về các địa điểm đi thăm. Chúng tôi cũng đã phân tích với phía Việt Nam tất cả những vấn đề liên quan đến lớp học, cách tổ chức, khóa học, v.v... Chúng tôi trao lại bản đề án xây dựng xưởng cưa. Mọi người đưa ra cho chúng tôi số lượng học sinh cần thiết cho các khóa học. Tất cả là 614 người.

“194 lái xe sẽ bắt đầu học các lớp vào cuối tháng 12. Các xe vận tải tập trung ở Vinh Đức nơi có kho chứa phụ tùng thay thế.

“Địa điểm để xây dựng xưởng cưa còn đang được nghiên cứu.

“Từ ngày 1 đến ngày 10 tháng 10, các khóa học bắt đầu phải chia nhỏ ra.

“Chúng tôi sẽ đi thăm các phân xưởng, trường học và ký túc xá của những người Cuba và kho phụ tùng thay thế. Các đồng chí của Mặt trận Dân tộc giải phóng bảo đảm gửi thư và nhận thư cho chúng tôi ra Hà Nội và ngược lại.

“Nhóm chúng tôi sẽ có tên là A-74.

“Chúng tôi được thông báo là ở khu vực chúng tôi ở có một nhóm quân địch xâm nhập vào, vì vậy phải áp dụng một số biện pháp an ninh.

“6 giờ 30 phút ngày 28, chúng tôi bắt đầu đi đến các phân xưởng và trường học được khởi công xây dựng cách Vịnh Mốc 45 kilômét. Sau đó chúng tôi đến thăm nơi ăn ở của các chuyên gia Cuba cách trường và các công xưởng khoảng 4 kilômét. Các ngôi nhà của các chuyên gia Cuba có đầy đủ tiện nghi về ăn ở, vệ sinh và đã hoàn thành được 90% tiến độ thi công. Những ký túc xá này nằm cách con sông Bến Hải 2 kilômét về phía Nam, đánh dấu vĩ tuyến 17.

“Sau đó chúng tôi quay trở lại Vịnh Mốc. Tốc độ trung bình của cuộc hành trình là 20 kilômét một giờ.

“6 giờ sáng ngày 29, chúng tôi lên đường về Hà Nội. Trước khi đến Đồng Hới, chúng tôi thăm kho chứa các phụ tùng thay thế đang thời kỳ vận chuyển đất đá. Chúng tôi trao đổi một vài kinh nghiệm về xây dựng các văn phòng và việc tổ chức sắp đặt phụ tùng ở bên trong, v.v...

“Chúng tôi ăn trưa ở Đồng Hới và thăm nơi ở của các đồng chí Cuba. Khi ở Đồng Hới, chúng tôi nhận được một tin mừng là Trung tướng Đồng Sỹ Nguyên sẽ tiếp chúng tôi ở một địa điểm nghỉ ngơi, gần thị xã. Trung tướng Đồng Sỹ Nguyên đã tiếp chúng tôi lúc 8 giờ tối và nói rằng đồng chí đã biết tất cả những cái chúng tôi đã nghĩ và góp ý. Những điều góp ý này được coi là rất hữu ích và bằng mọi cách sẽ cố gắng bảo đảm tất cả khi các thiết bị

chuyển về.

“Kết quả của những việc làm là một đoạn dài của đường số 9 được sáp nhập vào con đường Hồ Chí Minh”.

Những dòng nhật ký của Chacon dừng ở đoạn này. Câu cuối cùng của anh đã in sâu vào lòng mọi người. Con đường mòn không tồn tại khi đường 9 là đường 9 - sản phẩm của kỹ thuật công binh quân sự Mỹ, được xây dựng không tiếc đôla và kỹ thuật nhằm mục đích là không bao giờ có con đường Hồ Chí Minh, và nếu như có, phải phong tỏa nó.

Trung tướng Đồng Sỹ Nguyên đề nghị những người Cuba hai việc: Thứ nhất là khôi phục lại toàn bộ khả năng của đường 9, biến nó thành đại lộ giải phóng và thứ hai là tiếp tục xây dựng con đường Hồ Chí Minh kéo dài đến cây số 90. Silva khẳng định: Đường 9 nối liền mật thiết với đường Hồ Chí Minh.

Những chuyên gia Cuba trong nhóm xung kích (ngoài Chacon và Silva còn có Orlando Prado) thông báo cho Trung tướng Đồng Sỹ Nguyên biết kết luận về những vấn đề đặt ra của phía Việt Nam:

1. Phương án xây dựng đường 9 là rất tốt, có đầy đủ các chi tiết. 20% con đường đều phải sửa chữa gấp.

2. Cần phải cung cấp thêm nguyên vật liệu cho các đồng chí bên xây dựng. Những cây cầu bị phá hủy không chấp nhận sự sửa chữa mà phải làm lại.

3. Có những ụ đất cần phải có những bức tường che chắn bảo đảm sự vững chãi của nó.

4. Lời nói suông (?) phải thay bằng một nguyên liệu có chất lượng tốt hơn.

5. Điều này có ý nghĩa là phải chú trọng hơn nơi cung cấp đá và nhà máy nhựa đường. Nơi lấy đá có rất ít, máy nghiền đá chỉ đạt 1 mét khối/giờ. Cho đá vào máy nghiền làm bằng tay, cần phải cơ giới hóa ngay khâu này.

6. Các chân máy nghiền làm bằng gỗ vì vậy sẽ không được lâu bền. Nhựa đường được nung chảy bằng củi trong 2 lò và trong 4 giờ mới đạt được 120°C.

7. Có một máy rải nhựa Liên Xô nhưng không được công nhân sử dụng.

8. Chất lượng của nhựa đường hỗn hợp là thấp.

Ngoài ra chúng tôi cũng đưa ra các ý kiến về việc tổ chức các khu chứa phụ tùng thay thế và các công trình xây dựng sắp tới để bảo vệ các máy móc và phụ kiện sắp chuyển đến.

Mọi người xem xét lại các khóa học cần thiết và Trung tướng Đồng Sỹ Nguyên dự kiến số lượng học viên như sau:

Thợ điều khiển máy móc xây dựng 270 người;

Lái xe 194 người;

Thợ máy 70 người;

Xăng dầu 18 người;

Nhựa đường 10 người;

Đất, lãnh thổ 6 người;

Phụ tùng thay thế 30 người;

Phụ trách công việc vận chuyển đất đá 16 người...

Tất cả là: 614 học sinh.

Đầu tháng 10, khóa học bắt đầu ngay khi trường học đã sẵn sàng nằm sâu trên tuyến đường Hồ Chí Minh. Đó là lòng quyết tâm và khi được thông báo điều này, Trung tướng nói:

- Mỗi người Việt Nam theo học các khóa học này sẽ tham gia ngay lập tức các công việc của con đường, để làm việc và cũng để nhân lên gấp bội sự hiểu biết, nắm vững kỹ thuật và tiến độ xây dựng công trình.

Tất cả điều đó đã diễn ra.

Ngày 19 tháng 8, cùng với toàn thể nhóm ở Hà Nội, hai kế hoạch cụ thể đã

được thảo ra giữa những người Cuba và các đồng nghiệp Việt Nam.

Một tháng sau đó, những người Cuba và Việt Nam phải di chuyển các thiết bị, máy móc đến nơi cần thiết. Kẻ thù đã phát hiện được nhiều bí mật và Nhật đã chịu nhượng bộ và phá vỡ các quy luật buôn bán. Các bạn Cuba dự định dùng đòn bẩy cùng xe nâng hạ bốc xếp để vận chuyển thiết bị. Những người bạn Việt Nam không nhận được cười đã trả lời:

- Chúng tôi không có xe nâng để bốc xếp.

- Thế ở Hải Phòng cũng không có à? - Silva ngần ngừ hỏi lại?

Không có nơi nào ở Việt Nam có loại xe đó cả, trừ Sài Gòn. Các bạn Cuba ngạc nhiên khi biết rằng người cần phải làm việc rất nhiều thì trong tay lại có rất ít. Ngược lại, thì điều đó lại làm cho các bạn Việt Nam cười thoải mái.

- Cần phải có một số lượng dầu máy đầy đủ để chạy các thiết bị, máy móc, các đồng chí có bao nhiêu? - Silva nói.

- Dầu máy à - một nhân viên kỹ thuật Việt Nam nói - Chúng tôi có đấy nhưng không phải để cho cái đó.

- À, thế thì cũng như xe nâng hạ phải không? Chắc là cũng chỉ có ở Sài Gòn? Có đúng không?

Một lần nữa, tiếng cười lại rộ lên, lần này ở cả các bạn Cuba.

- Chúng ta sẽ yêu cầu Cuba - Leon khẳng định.

Lại thêm một sự lo lắng. Thời tiết ngày càng xấu và có thể tàu chở hàng sẽ đến vào lúc thời tiết rất không có lợi và vào một cảng nông như cảng Hải Phòng sẽ lại phải vận chuyển tăng bo. Nhưng cũng rất may là điều đó không xảy ra như điều chờ đợi.

Đứng về góc độ kỹ thuật, mọi người thống nhất một sự nguy hiểm - Theo một người bạn Cuba là Rene Rodriguez - Trong việc vận chuyển các thiết bị xe bánh hơi loại nặng: họ sẽ phải tự mình chuyển các máy móc này từ Vinh đến Quảng Trị trên một quãng đường dài qua những con đường như những địa ngục của cuộc chiến tranh ở một nước nghèo mà không bao giờ có những con đường tốt.

- Các đồng chí còn khổ vì những con đường - một công nhân xây dựng khác, đồng chí Montasinos nói - lại còn chưa kể đến có khi còn bị ném bom.

Không một ai nói gì khi nghe sự thật này. Kế hoạch vận chuyển hoàn chỉnh là: từ Hải Phòng đến Vinh, các xe vận tải bánh hơi, cần cẩu, máy xúc và... sẽ được chuyên chở bằng đường sắt. Con đường này hầu như bị phá hủy hoàn toàn và đang được xây dựng lại một cách kiên cường. Và sau đó, chúng sẽ được chính những người thợ máy đưa về nơi tập kết cuối cùng. Trong khi đó các phụ tùng thay thế sẽ được vận chuyển bằng các xe tự đổ.

Còn các loại xe bánh xích như máy ủi, xe vận tải được chuyển bằng 7 chiếc sà lan từ Hải Phòng đến Đông Hà và từ đó, như những đứa trẻ đi bộ, tiến về Quảng Trị.

Tất cả đều làm việc cần mẫn không kém gì việc bốc dỡ hàng ở tàu “Ilias”.

Ngày 24 tháng 9 đã đến và mang theo một ẩn số, ngoài nghĩa vụ quý giá của nó. Torres (thuyền trưởng) ở cảng Nhật Bản đã phát hiện ra một kẻ đáng nghi ở những quán rượu và bóng ma “La Coubre” bắt đầu lớn vồn trong đầu những người Cuba, những người luôn luôn vững vàng sát cánh cùng các bạn Việt Nam sử dụng tất cả những phương tiện phòng bị để bốc dỡ hàng hóa. Việc bốc xếp hàng hóa được cả hai bên thực hiện trong ít ngày làm việc căng thẳng và kết thúc vào ngày 11 tháng 10.

Cần phải nói lại ở đây một sự kiện mà mỗi khi nhớ lại, các “vận động viên bóng chày” đều cười.

Nhóm xung kích ở Hải Phòng xác định lại lần cuối cùng những chi tiết về tàu hàng Cuba chở đầy máy móc thiết bị xây dựng cập cảng Hải Phòng và quyết định những địa điểm phụ thêm cho công việc đó. Xảy ra một việc làm mọi người hiểu rõ thêm lòng căm thù của nhân dân Việt Nam đối với tội ác tày trời của Mỹ đến đâu. Một hôm, những người bạn Cuba là Prado, Chacon và Silva đang đứng nói chuyện ở ngoài khách sạn Hòa Bình. Có một cụ già Việt Nam đi qua, cụ bỏ cái thùng đang đội ở trên đầu xuống, nhặt một hòn đá và ném thẳng vào cái đầu tóc hung của Chacon làm anh bị thương nhẹ.

Sau đó các bạn Việt Nam, không hề nói gì về tai nạn đó, đã cho biết rằng chính tại khách sạn đó, bọn lính Mỹ tham gia vào việc gỡ mìn ở cảng Hải

Phòng theo Hiệp định Pa-ri đã ở trước đó.

Với tính hài hước của mình, Prado đã nói với Chacon:

- Thế là anh thoát nạn nhé, bởi vì cụ già đó mới chỉ cho anh một “quả tên lửa” vào đầu thôi.

Một năm sau đó, khi kết thúc nhiệm vụ và được Thủ tướng Phạm Văn Đồng tiếp, Chacon đã nói rằng anh đã quên sự việc đó và cho rằng những biểu hiện của lòng căm thù giặc Mỹ là không thể tránh được. Chính Chacon, ngay hôm sau đã biết rằng cụ già đó đã mất hết cả gia đình và bọn tội phạm lại cũng là những người cao to, tóc hung và mắt xanh.

Trong thời gian bốc dỡ hàng, nhóm Cuba phát động thi đua và Silva là người lao động xuất sắc nhất của tháng 10 và trong suốt cả thời gian làm việc. Và đây là tấm gương của một người đã trở thành người cách mạng sau khi Cách mạng Cuba thành công và đã phục vụ cách mạng một cách tuyệt vời trong rất nhiều nhiệm vụ khác nhau.

Sinh năm 1945 trong một gia đình nghèo của tỉnh Pinar del Rio, Enrique Guitavo Silava Galiano theo học cấp 1 ở một trường làng nhỏ bé tên là La Palma nhưng đến năm 13 tuổi, anh đã phải làm việc và phải bỏ học để giúp đỡ cha nuôi cả gia đình. Cách mạng thành công đã cho anh thời cơ đi học tiếp và đến năm 1970 anh đỗ kỹ sư xây dựng.

Trong suốt thời gian đó, anh đã hoàn thành tất cả các nhiệm vụ yêu cầu. Năm 1959, anh gia nhập vào tổ chức Hội thanh niên quật khởi AJR, là đội viên

“Conrado Banitez” trong chiến dịch xóa nạn mù chữ, thu hoạch cà phê ở các miền rừng núi phía đông, đi chặt mía và luyện tập trong trường. Cán bộ chỉ huy phòng thủ để đối phó với quân địch. Năm 1962 anh được kết nạp vào Đoàn Thanh niên cộng sản Cuba. Cho đến năm 1970, anh được kết nạp Đảng, không tính đến tuổi yêu cầu và đang là sinh viên. Cũng năm đó, anh tốt nghiệp và bắt đầu làm việc, giữ nhiều chức vụ khác nhau và cho đến năm 1974 được chọn đi làm nghĩa vụ ở Việt Nam.

Khi suy nghĩ về người kỹ sư đáng mến và bền bỉ này, người ta thường nghĩ rằng ở Việt Nam, sự chiến thắng không phải giành được do những bàn tay siêu đẳng, bởi vì người Việt Nam không phải là như vậy, và cả những người đã dành cho họ sự giúp đỡ rất khiêm tốn nhưng chân thành cũng không phải là như vậy. Sự giúp đỡ mà không có nó, người ta vẫn đập tan bọn bị thối hỏng một cách quá đáng về chủng tộc mà họ đã tin vì họ là những con quý đáng thương bị nhiễm độc bởi sự tuyên truyền rất Mỹ rằng họ là những siêu nhân, họ là vô địch và họ là những người luôn luôn chiến thắng.

Các bạn Việt Nam đã chiến thắng không phải vì một thứ tinh thần hiếu chiến bẩm sinh nào cả - đó cũng là một tư tưởng phân biệt chủng tộc giả dối rất được lòng dân ở phương Tây - mà họ đã biến chiến tranh thành một trường học. Họ buộc phải chiến đấu. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy họ rằng ngày nay họ phải học chiến đấu, đương đầu với tất cả bọn xâm lược như cha ông họ đã từng làm. Và mỗi một trận chiến đấu ở tiền tuyến hay hậu phương đều được biến thành một lớp học.

Điều này đã làm cho các bạn Việt Nam sốt ruột. Một vài lần đã phải chịu thất bại. Những người bạn Cuba thường không ngừng học hỏi các bạn Việt Nam, nhưng một vài lần, trong những trường hợp cụ thể, đã yêu cầu các bạn Việt Nam chú ý hơn ở những cái đang làm.

Một sự việc cụ thể đã xảy ra ở sân bay Cát Bi của Hải phòng, nơi tất cả các thiết bị máy móc được vận chuyển đến để chuẩn bị lên đường. Các máy móc này được bảo quản kỹ bằng lớp dầu nhờn. Lòng ham muốn tiến nhanh và thói quen tò mò của người Việt Nam đã làm cho các chiến sĩ Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam được cử đi vận chuyển các thiết bị này đã có ý định mở xem các máy móc đặt tiền trước khi chưa có một sự hiểu biết tối thiểu. Kết quả là đã gây ra một số hư hỏng nhẹ và cũng đã được sửa chữa nhanh chóng. Đó là một bài học - một đại tá Việt Nam đã nói như vậy khi đề cập đến vấn đề đó - Chúng tôi cần phải bình tĩnh hơn nữa và học nhiều hơn nữa.

Cùng với thái độ và sự hiểu biết kỹ thuật của mình trong việc chuẩn bị các thiết bị máy móc ở Hải Phòng, Jose Garcia Pleites đã trở thành một người xuất sắc. Anh sinh ngày 20 tháng 7 năm 1940 trong một gia đình nghèo. Từ nhỏ anh đã thấy sự bất công và bóc lột; anh đã bỏ học, tìm việc làm bằng cách đi học nghề thợ máy. Năm 17 tuổi, anh tham gia vào phong trào 26 tháng 7 và cuối cùng khi ánh sáng của nền độc lập vĩnh viễn đến với Cuba, các nhà máy xí nghiệp được quốc hữu hóa đều biết sự làm việc hăng say quên mình của anh.

Năm vững kỹ thuật mà các đồng chí Liên Xô bồi dưỡng nghiệp vụ cho những thành viên của quân đội quật khởi, tôi luyện trong hàng ngũ dân quân, tranh thủ mọi thời gian nâng cao trình độ văn hóa là những công việc hàng ngày của anh. Năm 20 tuổi, anh được vinh dự gia nhập vào tổ chức Cách mạng cánh tả (ORI) cho đến khi được kết nạp vào Đảng cộng sản Cuba. Những trận truy quét ở Escambray, trận Giron, cuộc khủng hoảng tháng 10 là những trường học tốt nhất tôi luyện Garcia sẵn sàng đối phó với kẻ địch ở Việt Nam.

Ngày 18 tháng 11, ba ngày sau khi làm lễ long trọng trao cho phía Việt Nam những thiết bị máy móc có được bằng mồ hôi của nhân dân lao động Cuba, đồng chí Trần Đình Cầu - Phó ban chỉ huy công binh Quân đội Việt Nam ở Quân khu 1 bắt đầu vận chuyển loại vũ khí đặc biệt không nổ này vào phía Nam, nhưng lại là một yếu tố có rất nhiều ý nghĩa trong việc giành thắng lợi

cuối cùng.

Mười ngày sau, khi nhìn thấy thiết bị cuối được chuyển với đôi mắt lưu luyến và những bàn tay vẫy chào từ biệt, những “vận động viên bóng chày” trở về Hà Nội; ở đó Đại sứ Cuba và Thiếu tướng Vũ Xuân Chiêm đã chúc mừng họ.

Lúc ấy, tất cả ở trong trạng thái chờ quyết định để vận chuyển ra mặt trận trong khi vẫn tiếp tục các hoạt động chính trị và nghiên cứu kỹ thuật tập thể. Ngày 4 tháng 12, một bức điện từ La Habana chuyển quyết định phong hàm thiếu tá quân đội cho Chacon và hàm đại úy công an cho Blanco, người làm công việc khác. Ngày 5, có hai bức điện gửi đến: một là của đồng chí Raul chúc mừng những người Cuba nhân ngày các lực lượng vũ trang và cái còn lại là của đồng chí Diaz Ariguellles nhân ngày “những người xây dựng”. Sau này đồng chí Diaz Ariguellles đã hy sinh anh dũng trên chiến trường Angola theo tiếng gọi của phong trào giải phóng dân tộc Angola (MPLA) của Agostinho Neto. Nhiệm vụ của anh đã được hoàn thành vinh quang ở Cuito Cuanavale.

Justo Juliam Chacon Lopez vừa là chiến sĩ vừa là kỹ sư xây dựng. Là con của một gia đình công nhân sinh ngày 13 tháng 9 năm 1943 tại Holguin, tỉnh cũ là Oriente. Điều kiện kinh tế nghèo khổ đã buộc mẹ anh phải cho anh vào nội trú ở một trường kỹ thuật. Ở đó anh đã tham gia vào các cuộc bãi khóa. Năm 16 tuổi, anh đã nhìn thấy trên đất Cuba bình minh của độc lập và anh quyết tâm bảo vệ cách mạng bằng bất kỳ giá nào. Và như vậy, anh gia nhập các lực lượng vũ trang cách mạng. Cuộc sống quân đội đầy đủ kỷ luật và hy sinh rèn luyện đức tính của anh. Anh qua nhiều trường học, giữ nhiều chức vụ khác nhau và khi mới 20 tuổi đã được vào Đảng. Sau 2 năm học ở Liên Xô, anh trở thành một sĩ quan kỹ thuật và sau đó là giảng viên Học viện Kỹ thuật quân sự cho đến khi chuyển sang phục vụ ở ban lãnh đạo công binh của Bộ Quốc phòng và ở đó anh được chọn đi làm nhiệm vụ ở Việt Nam.

Trước ngày kỷ niệm, những người công nhân xây dựng Cuba tổ chức cuộc gặp gỡ với các anh hùng của Việt Nam: 2 người miền Bắc và 2 người miền Nam.

“Ngày 11 tháng 12.

“Nguyễn Thị Phu: một cô gái 21 tuổi - Phó chỉ huy chính trị của một đại đội bộ binh. Chị đã tham gia chiến đấu từ năm 15 tuổi đã tiêu diệt được 117 tên địch, thu nhiều vũ khí và phá hủy nhiều phương tiện vận tải của địch. Chị bị bắt làm tù binh và lại tiếp tục chiến đấu sau khi được giải thoát.

“Nguyễn Văn Toàn: thuộc Quân giải phóng miền Nam, phó chỉ huy đại đội đặc công, là người sáng lập tiểu đoàn “Bãi biển Giron” và chiến đấu ở đó 7 năm; đã tiêu diệt được 270 tên địch. Được Hồ Chủ tịch tặng thưởng.

“Đại úy Nguyễn Văn Thiết: thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam. Hiện nay là chỉ huy đoàn quân tên lửa. Đã tham gia 66 trận, đơn vị chiến đấu của anh đã bắn rơi 5 máy bay B.52 của địch. Đã thăm Cuba và dự lễ kỷ niệm 20 năm ngày tiến công trại lính Moncada.

“Thượng úy Bùi Xuân Tiến: thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam. Sau là Phó chỉ huy đơn vị pháo phòng không 100 ly. Khi nhập ngũ, anh còn chưa biết chữ và làm công việc anh nuôi, rồi trở thành lính pháo binh và tham dự 300 trận chiến đấu. Sau 4 năm phục vụ, anh được tặng danh hiệu “Anh hùng” vì lòng dũng cảm và sự hy sinh của mình. Hiện nay anh đang theo học cấp 2.

“Ngày 12: Cuối cùng, nhóm làm việc lên đường về phương Nam. Sự ra đi

này đã được dự tính trong nhiều trường hợp với các lý do khác nhau.

“Ngày 13: Chuẩn bị nội bộ.

“Ngày 14: 11 giờ 35 phút trưa, chúng tôi qua vĩ tuyến 17 đúng 4 tháng sau khi đến Việt Nam. Với chiều dài 10 kilômét và trên một con đường rất xấu, khó đi, chúng tôi đến nơi trú quân ở xã Gio An, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị. Buổi chiều hôm đó, đại tá Phan Khắc Hy - Phó tư lệnh, đại tá Lê Nghĩa Sỹ - Phó chính ủy, thượng tá Phan Quang Tiệp - Chỉ huy công binh và thượng tá Phạm Đình Luyện - Phó chỉ huy công binh đã tiếp chúng tôi và cảm ơn tình hữu nghị, đoàn kết của nhân dân Cuba và đồng chí phụ trách nơi đóng quân, đại úy Nguyễn Văn Vang”.

Một sự việc chứng minh sự sẵn sàng chiến đấu mà cùng nó những người Cuba đã hành quân ra mặt trận. Những người Việt Nam có tất cả phương tiện để bảo vệ sự an toàn của họ. Mặc dù vậy, Leon vẫn luôn luôn báo động cho mỗi thành viên trong nhóm, ngay cả khi tạm thời kéo lên phía Bắc. Anh ấy hiểu rất rõ, từ khi còn ở La Habana, sự ngẫu nhiên có mặt của bọn biệt kích và ở Hà Nội anh cũng được tùy viên quân sự Diego Gonzalez cho biết rất nhiều phi công Mỹ bị bắn rơi, đã được trực thăng vận từ Thái Lan và hạm đội 7 cứu thoát. Phải làm gì bây giờ? Trong đầu chúng tôi luôn luôn có lời khuyên hãy đừng làm tổn hại đến sự nhạy cảm của những người bạn mà để bảo vệ từng chuyên gia, họ sẽ có một thái độ rất giống như họ đã làm khi bảo vệ chính các đồng chí chỉ huy của mình. Một sự phát minh rất Cuba đã cho giải pháp, tuy là rất cũ, theo kiểu của Maximo Gomez: con dao chặt mía. Rất cần phải luôn luôn có ở mọi nơi như chúng tôi thường nói “lũ quỷ” thường có mặt ở nơi có màu “xanh”.

Ngày 18, nhóm chúng tôi thăm cảng Đông Hà vừa lúc các máy móc chạy bằng xích vừa cập bến tàu và vẫn còn mang trên mình những tội ác khủng

khiếp của sư đoàn lính Nam Triều Tiên và sư đoàn của lính ngụy gây ra.
Sáng ngày hôm sau thì đến Con Đường!

Sau đây là tiếp tục của những dòng nhật ký của các “vận động viên bóng chày” lấy từ một sổ quyển sổ của các anh:

“Ngày 20: buổi sáng thăm trường học nơi đào tạo các thợ máy. Ở đó chúng tôi nhìn thấy những người Việt Nam đã học ở Cuba và cả những người chúng tôi đã dạy trong một vài buổi. Số còn lại chúng tôi sẽ tiếp tục lên lớp.

“Ngày hôm nay, kỷ niệm 14 năm thành lập Mặt trận Dân tộc giải phóng. Chúng tôi tổ chức một cuộc mít tinh và Jose Barbado, Bí thư chi bộ Đảng của chúng tôi, phát biểu ý kiến và giới thiệu lần đầu tiên tập ca chúng tôi hát. Tập ca này có lịch sử của nó. Khi còn ở Cuba, đồng chí Melba đã gợi ý chúng tôi thành lập dàn đồng ca và đem đến cho các bạn Việt Nam những bài hát như những sợi dây đẹp để nối liền hai dân tộc Việt Nam và Cuba. Chủ nhiệm là Orlando Prado và chương trình biểu diễn rất là Cuba. Các bạn Việt Nam rất thích.

Thời điểm xúc động nhất trong cuộc mít tinh là khi đại úy Nguyễn Văn Vang, phụ trách trại, tặng mỗi người chúng tôi một chiếc mũ sắt và một huy hiệu của Quân giải phóng miền Nam Việt Nam và nói rằng kể từ giờ phút này chúng tôi thuộc đội quân vinh quang đó.

Nhiệm vụ quan trọng nhất của nhóm Cuba là lên lớp tại trường học mà vừa mới đưa vào hoạt động cùng ngày chúng tôi đến. Chúng tôi bắt đầu chuẩn bị để lên lớp, và đến ngày 23 tháng 12 lớp học bắt đầu được tiến hành. Hai ngày sau đó, người ta mới khai giảng chính thức khóa học và được đặt tên là: “Đoàn kết Việt Nam - Cuba”. Trong buổi khai mạc, đại tá Phan Khắc Hy và Leon đã phát biểu ý kiến và một chiến sĩ Việt Nam đọc lời hứa của các học viên”.

Để đến được trường học từ nơi mình ở, các bạn Cuba phải đi bộ khoảng 2 kilômét đến dòng sông Bến Hải và những cơn mưa nặng hạt cứ tiếp diễn, bắt buộc họ phải dùng đến mũ, áo mưa và ủng cao su. Tối đó, tiếp tục đi xuồng và cứ mỗi một xuồng có một người Việt Nam giàu kinh nghiệm lái chiếc mô tơ đã cũ kỹ. Chúng tôi phải qua sông trên phía thượng nguồn để tránh các tảng đá và những vật cản làm khó khăn và gây ra sự chậm trễ đến việc qua sông. Khi tới bờ bên kia, lại phải trèo qua một tảng đá to, để cuối cùng tôi được trường học. Hiệu trưởng của trường là trung tá Hoàng Đình Luyện.

Cuộc hành trình quay trở về nơi ở cũng diễn ra đúng như vậy.

Trong đầu của Avila, Montesinos và William nhớ lại Hoàng thân Norodom Xihanuc đã đi trên con sông này cũng bằng xuồng và đã xảy ra một tai nạn làm chết một vài người tùy tùng của ông Xihanuc. Điều này cho thấy đoạn trên sông Bến Hải thật là nguy hiểm biết chừng nào.

Sự âm thầm chiến đấu của nhóm người Cuba được thể hiện rõ trên tất cả các mặt, đặc biệt trong sự việc ngày 19 tháng 1 năm 1975 khi mà tình hình có thể nói là căng thẳng nhất. Mười đảng viên đã tiến hành cuộc họp tổng kết hàng năm của chi bộ. Ở đó họ đã làm tất cả như là ở Cuba. Họ lo lắng về sự hoàn thành các kế hoạch công tác tư tưởng và sản xuất, về sự quan tâm của Đảng với Chi đoàn thanh niên gồm 6 người và với 7 công nhân chưa vào Đảng đang cùng họ chia sẻ sự nguy hiểm và có cùng hoài bão dành tất cả cho con đường Hồ Chí Minh cũng như cho cuộc chiến tranh.

CON ĐƯỜNG CỦA BÁC HỒ VÀ CON ĐƯỜNG FIDEL

Trong những lúc gay go của chiến tranh, trong hoàn cảnh mới mẻ đối với họ,

những đồng chí Cuba đã phải sử dụng các vỏ đạn tên lửa do máy bay Mỹ ném bom xuống để lấy nước từ các dòng sông và họ rất ngạc nhiên đã phát hiện ra một sự thật là các cây thuốc Nam là rất có ích trong chiến tranh, mặc dù cũng cần các thuốc khác. Đây là các thứ thuốc gồm các loại cỏ và lá cây có khả năng làm tan các cơn sốt và chữa lành các vết thương rằn cằn vào chân khi các bạn Việt Nam dùng dao chặt cây hay dọn sạch gạch, đất ở những nơi máy ủi đã ủi lên. Các đồng chí Việt Nam tay cầm vũ khí và leo lên các chiếc xe cam nhông vừa cười vừa hát, họ có mái tóc đen mềm mại bay tự do trước gió giữa rừng già với đôi mắt như những ngọn đèn bé nhỏ chiếu sáng trong đêm.

Điều tác động đến các công nhân xây dựng Cuba trong chín tháng làm việc ở Việt Nam được thể hiện trong chuyến đi thăm của một người Việt Nam tới doanh trại của họ. Ở đây khác với các nơi khác: tính cách của họ rất cởi mở, họ có thể đi bộ lâu và trước một cái bàn đáng lẽ phải đi vòng qua thì họ lại vọt qua một cách dễ dàng.

Cái tên đã được biết đến không nói gì nhiều với họ cả và nay trong các cuốn sổ tay hay nhật ký mà một số các đồng chí mang theo đã được viết một cách khác vì nó chỉ cảm nhận bằng tai nghe, tất nhiên cả người đến thăm, lúc này là người phụ trách, lẫn người chỉ huy các đồng chí Cuba đến chỉ dẫn cho các đồng chí Việt Nam trên thực địa việc điều hành các thiết bị hiện đại và những khoa học mới. Tất cả không ai nói gì về con đường. Đồng chí Việt Nam đến thăm hỏi các đồng chí Cuba về sức khỏe và cuộc sống của họ ở đây, họ ăn gì hàng ngày và họ cần gì. Họ là những người được Fidel gửi tới.

Một cuộc gặp gỡ khác với đồng chí Đồng Sỹ Nguyên được thực hiện ngày 23 tháng 2. Một câu nói của đồng chí đã làm cho các đồng chí Cuba suy nghĩ nhiều: Nếu tất cả được tiến hành như chúng ta dự kiến thì tháng 5 các bạn sẽ được biết Sài Gòn.

Người chỉ huy cao nhất trong số những người Việt Nam liên quan trực tiếp đến các đồng chí Cuba trong nhiệm vụ mật này, để thể hiện sự lạc quan đó, đồng chí không chỉ thông báo về các kế hoạch chiến lược mà Bộ Chính trị và Bộ Tổng tư lệnh đã vạch ra mà còn thể hiện những kinh nghiệm sống của chính bản thân mình.

Khi Mỹ còn mạnh ở Việt Nam, đồng chí Đồng Sỹ Nguyên lúc còn trẻ đã kết hợp nhiệm vụ chỉ huy quân tình nguyện chiến đấu ở Lào; sau đó với việc lãnh đạo đơn vị 559, đơn vị đã làm nên con đường cùng với đồng chí Võ Bẩm phát triển nó theo hướng dẫn tới hậu phương của địch để phá tan bộ máy thống trị thực dân mới.

Tiểu sử của Pablo Roberto Leon Gonzales cho phép ta đánh giá việc chọn đồng chí đội trưởng của đội là đúng đắn. Một con người như anh sẽ không làm mất lòng tin của Bộ Tư lệnh các lực lượng vũ trang cách mạng Cuba (MINFAR).

Đồng chí sinh ngày 7 tháng 6 năm 1932 ở Jatibonico tỉnh Sancti Spiritus; đã học ở một trường tư trong nước đến lúc 14 tuổi và bắt đầu làm việc như một nhân viên của ngành ăn uống với một khoản lương thấp và đã học ở Ciego de Avila.

Với cuộc đảo chính ngày 10 tháng 3 năm 1952, đồng chí bắt đầu các hoạt động cách mạng ở nhà trường. Đồng chí là người sáng lập ra phong trào 26 tháng 7 ở Ciego và là chỉ huy các hoạt động nội thành, tham gia việc biên soạn và phân phát tài liệu tuyên truyền, thu góp vũ khí và tiền bạc, mở các lớp về sử dụng súng M1 và thực hiện hàng ngàn công việc khác được giao phó với trách nhiệm, tinh thần và sức trẻ của mình.

Vì những hoạt động đó, đồng chí đã bị bắt hơn 20 lần. Vào tháng 11 năm 1957, đồng chí bị bắt giam, bị đánh đập và tra tấn tàn nhẫn bởi tên đao phủ khét tiếng của Batista là Esteban Ventura.

Trên đường chuyển đến nhà tù “Hoàng thân” (Principe), đồng chí đã tham gia cuộc tuyệt thực do các tù nhân chính trị tổ chức. Sau khi được thả tự do, phong trào đã bí mật gửi đồng chí về Ciego de Avila để tham gia cuộc đình công ngày 9 tháng 4.

Đồng chí đã bị bắt trở lại và bị đưa đến nhà tù ở Camaguay. Ở đây đồng chí đã tổ chức các lớp học chính trị và văn hóa và được bầu phụ trách các tù chính trị. Ra khỏi nhà tù, theo quyết định của phong trào, đồng chí lại tham gia cuộc chiến đấu ở Sierra Maestra, giữ chức vụ trung đội phó. Tháng 9 năm 1958 được đề bạt đại úy, tham gia trong cuộc hành quân tiến về Camaguay trong đội quân số 11 với Candido Gonzales, người chỉ huy phó; tham gia các trận đánh ở Sango Domin-go, El Merino, El Jique, Las Vegas de Jibacoa, Sao Grande, Pino Tres, Sam Miguel del Junco và các trận khác.

Từ khi cách mạng thành công, đồng chí đã đảm nhiệm nhiều nhiệm vụ lãnh đạo khác nhau của lực lượng vũ trang cách mạng. Năm 1971 tốt nghiệp kỹ sư xây dựng nhờ có cuộc cách mạng về giáo dục mà Cuba tiến hành từ năm 1959.

Nhà trường do Leon chỉ huy và đồng chí Đồng Sỹ Nguyên cổ vũ đã tiến hành hai khóa học, một ngắn ngày và một dài ngày: khóa đầu tiên do các đồng chí Cuba thực hiện kéo dài 30 ngày gồm 312 học viên, 34 trong số này đã là đội trưởng. Học viên được học lý thuyết và thực hành, thực tập rải 100 mét đường ở Khe Sanh, 610 mét ở quốc lộ 42 và 1.710 mét ở đường Hồ Chí Minh.

Sau khi đào tạo nhóm đầu tiên, người ta đã chọn trong số học viên đó những giáo viên mới và ngày 2 tháng 2 bắt đầu khóa học dài hạn (từ 3 đến 4 tháng) với sự cố vấn của các đồng chí Cuba, những người đồng thời đảm nhiệm việc mở rộng đường Hồ Chí Minh.

Ở Việt Nam thời gian trôi nhanh, đến ngày 1 tháng 1, ngày mà các đồng chí Cuba rất mong đợi để được ăn các món ăn dân tộc của mình do chính tay họ làm với sự tham gia của các sĩ quan cao cấp của Việt Nam. Tiến độ công việc nhanh chóng thấy rõ hàng ngày trong một khung cảnh tương phản và rất nặng nề: sự nguy hiểm ngày càng nhiều hơn và niềm vui cũng ngày càng lớn hơn. Rõ ràng là ngày thắng lợi đang đến gần.

Cũng trong thời điểm này các đồng chí Silva, Medina và Roberto Dominguez cùng với 34 đội trưởng của Việt Nam đã đến thăm con đường do Cuba xây dựng giữa Xuân Mai và Ba Vì ở miền Bắc Việt Nam để đánh giá trên thực địa những điều lý thuyết học được ở trong nhà trường. Và “các cầu thủ bóng chày” đã chia sẻ phần lương thực của mình cho các bác sĩ Cuba đang làm nhiệm vụ ở Lào, họ ở trong các hang động. Dưới sự chỉ đạo của bác sĩ Julio Lopez, các bác sĩ Cuba đã lập nên những chiến công. Điều này các bác sĩ và y tá của chúng ta cũng lập được ở Việt Nam như chị Idolidia Torres, một người làm việc không biết mệt.

Ngày 9 tháng 2, công việc làm hầm trú ẩn là rất khẩn trương và trong vùng này từ hôm đó những chuyến bay do thám và bắn phá của địch được tăng cường trong khi việc cung cấp vũ khí vào Nam cũng đòi hỏi tăng lên. Đây là cuộc đấu sức giữa những kẻ muốn ngăn cản bằng bất cứ giá nào tình đoàn kết với Việt Nam và những người thực hiện tình đoàn kết đó với quyết tâm không lay chuyển.

Ngày 10 tháng 2, đồng chí Lê Đức Thọ - Ủy viên Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Việt Nam đã đến thăm “cầu thủ bóng chày” đó. Cùng đi với đồng chí còn có đồng chí Lê Văn Lương - Ủy viên Ban Bí thư và Trung tướng Đồng Sỹ Nguyên. Thật là một cuộc đến thăm thú vị! Các đồng chí đã thăm hỏi sức khỏe từng người, gia đình họ và tặng quà cho họ với những gói kẹo, những chiếc tem thư có hình ảnh Hồ Chí Minh và các sản phẩm trong vùng. Những tặng phẩm giản dị nhưng giá trị biết bao trong điều kiện chiến tranh.

Đồng chí Lê Đức Thọ tóc đã bạc, có thân thể khỏe mạnh, mặc một chiếc áo khoác màu đen cùng với chiếc quần và đôi dép cũng màu đen. Với cách ăn mặc như vậy, đối với Kissinger, đồng chí giống một nhà tu hành nếu không nói là một nông dân Việt Nam. Đồng chí là Trưởng phái đoàn nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa khi ký Hiệp định Pa-ri và đã lãnh đạo về chính trị cuộc tiến công Tết Mậu Thân. Trong đồng chí có sự kết hợp tiêu biểu giữa người thương thuyết và người đấu tranh như Bác Hồ mong đợi.

Tôi không hiểu có chính xác hay không, nhưng người ta kể với tôi là điều đầu tiên mà đồng chí Lê Đức Thọ làm khi thăm nhà Bưu điện của Sài Gòn giải phóng là gửi một bưu thiếp cho Kissinger. Với phong cách khô hài cũng như tính cương nghị của đồng chí, thì tôi tin là đồng chí có thể làm như vậy.

Ngày 11 tháng 1, những người Cuba được mời dự một truyền thống tốt đẹp của người Việt Nam: truyền thống mời dự bữa cơm thân mật với người bạn tốt nhất. Trong ngày Tết, ngày đầu tiên của năm Âm lịch, năm mang tên “Năm con mèo”, Trung tướng Đồng Sỹ Nguyên đã mời các đồng chí Cuba rất sớm.

- Năm nay được gọi như vậy - Argota nói - bởi vì con mèo Việt Nam sẽ vô con chuột Sài Gòn.

Một tháng ba ngày sau, mọi người Cuba đều nhớ tới một người nào đó nhân “Ngày những người đang yêu” ngay trong lúc chiến tranh, khi họ ở ngay sát mặt trận, phục vụ hậu cần để làm con đường này ngày càng dài ra nhờ các phương tiện và những người điều khiển do các đồng chí Cuba huấn luyện.

Từ lúc đó, các đồng chí Cuba đã bắt đầu một giai đoạn làm việc ngay trên con đường, những công việc làm cho họ càng gắn chặt với đội quân làm đường Việt Nam.

Trong các tháng 3 và 4 họ đã sống ngay trong lòng dải Trường Sơn. Họ được gặp các đồng chí Việt Nam, những người rất hạnh phúc khi thấy chiến công đã thu được nhờ biết tranh thủ thời gian. Con đường ngày càng được vươn dài và cùng với nó là cuộc đấu tranh giải phóng.

- Điều quan trọng đối với các đồng chí là có thể tận dụng kỹ thuật của Mỹ với những kiến thức các đồng chí đã có. Nhiều máy ủi, san nền, xe vận chuyển, xe cam nhông - Chacon đã nói như vậy.

Những cán bộ quân sự Việt Nam, sau một tháng làm việc, đã đi kiểm tra nền đường, chỉ đạo tăng cường nhịp độ công việc và ngày 14 tháng 3 tất cả những người xây dựng Cuba và Việt Nam đều đã được chúc mừng vì đã hoàn thành 610 mét đường ở Khe Sanh. Điều này có một ý nghĩa như một viên đạn cuối cùng của bản án tử hình dành cho chế độ bù nhìn.

Vào ngày 4 tháng 4, các thanh niên Việt Nam đã kết nghĩa anh em với các thanh niên Cuba nhân ngày kỷ niệm thành lập Đoàn Thanh niên cộng sản Cuba (9 tháng 4). Trong các cuốn sổ tay của mình, các đồng chí Cuba đã viết:

“Cách doanh trại Trường Sơn của chúng tôi vào buổi tối hôm đó có một nhóm đông các tù binh Sài Gòn đang sắp hàng dài hơn 1 kilômét và chỉ có 4 người lính trẻ Việt Nam canh gác nhưng không để xảy ra lộn xộn gì. Điều này thể hiện sự mất tinh thần cao độ của kẻ thù”.

Ngày 10: một ngày nóng ghê gớm. Nhiệt độ lên đến 40°. Ngày ta đã phải dùng các khăn tắm thấm nước quấn lên đầu thì mới làm việc được. Nguồn nước chảy trong các cơn suối không thể làm mát được vì cũng đã bị nóng lên. Người ta tổ chức 2 cuộc mít tinh: một tại cây số 15, nơi sẽ lấy đất để làm một đoạn đường mới. Trong cuộc mít tinh này thiếu tá Leon, đại diện cho phía Cuba và một cán bộ chính trị đại diện cho phía Việt Nam đã phát biểu.

Một cuộc mít tinh khác được tổ chức ở nơi sẽ tiến hành lát đường. Trong lễ mít tinh này, Chacon và một đồng chí chính trị viên Trung đoàn 515 đã phát biểu ý kiến. Với những cuộc mít tinh đó chúng tôi bắt đầu công việc của mình. Chúng tôi đã gặp các chiến sĩ của Mặt trận Dân tộc giải phóng và được chuẩn bị để thực hiện những công việc san đất đắp nền và rải nhựa với kỹ thuật hiện đại.

“Các đồng chí chỉ huy các trung đoàn 6 và 515 cho chúng tôi biết là họ rất hài lòng với các lớp học được mở ra và với sự cố vấn trên thực địa của các đồng chí Cuba, việc mở rộng con đường được tiếp tục thực hiện bằng các phương pháp mà chúng ta nêu ra”.

Những ngày cuối cùng được phản ánh như sau:

“Ngày 19: chúng tôi trở về doanh trại trước đây ở xã Doan và khi đi qua cây số 1 và 8 chúng tôi thấy một tấm biểu trưng lớn chắn ngang mà các đồng chí Việt Nam đã đặt hôm qua, trên đó viết dòng chữ “Đoạn đường này là “Đoạn đường của tình đoàn kết Việt Nam - Cuba, được xây dựng nên bằng mồ hôi của hai dân tộc”.

Người ta giải thích với chúng tôi là một ngày nào đó ở đây sẽ gắn một tấm biển mang ý nghĩa bất diệt của tình hữu nghị Việt Nam - Cuba.

Hôm nay chúng tôi được biết là tổng thống của chế độ bù nhìn đã chuồn ra nước ngoài, để lại chức vụ của mình cho một tên phó.

“Đại sứ Cuba Fornel đã đến thăm. Điều này được thực hiện sau nhiều bàn luận với các đồng chí Việt Nam khi chúng tôi muốn sự có mặt của đồng chí Đại sứ để kỷ niệm chiến thắng Hiron. Hôm qua các đồng chí Chacon Barbado và Prado đã đi Đồng Hới để đón đồng chí Đại sứ và đi cùng đồng chí đó trong chuyến đi thăm miền Nam Việt Nam lần đầu tiên.

“Ngày 21: Đại sứ Fornel đã cùng với chúng tôi dự cuộc mít tinh kỷ niệm lần thứ 14 chiến thắng Hiron. Các đồng chí chỉ huy của Việt Nam đã đến khen ngợi công việc của chúng tôi. Điều đó càng cổ vũ chúng tôi hơn.

Ngày 26: Chúng tôi đến thăm các tỉnh mới giải phóng. Nhìn thấy cảnh đẹp tự nhiên và chúng tôi rất đau lòng khi chứng kiến hậu quả do chất độc hóa học để lại trên một vùng rộng lớn gần như đã bị cháy sạch. Chỉ còn lại những thân cây trơ trụi cháy đen.

Ngày 29: Đến thăm Huế. Chủ tịch Ủy ban Cách mạng 1 tỉnh đã tiếp chúng tôi. Chúng tôi được đưa đến thăm Trung tâm thông tin Tam Kỳ, một trong ba trung tâm lớn ở châu Á, thăm cảng, thăm quân trường Phú Bài, thăm Lăng Khải Định, cung điện các nhà vua và ngôi chùa Thiên Mụ.

Ngày 30 tháng 4: Sài Gòn thất thủ. Niềm vui không thể nào tả xiết trong các doanh trại của những người Cuba.

Ngày 1 tháng 5: Tại doanh trại A-74 của chúng tôi, chúng tôi được nhận một số vũ khí Mỹ do đồng chí Bí thư Đảng bộ tặng gồm 4 khẩu súng ngắn 45 ly, 9 súng các bin M-1, 1 một súng cácbin M-2 và 9 súng trường AR15.

Ngày mồng 2: Hôm nay kết thúc nhiệm vụ của chúng tôi ở miền Nam Việt Nam. Chúng tôi vừa vui lại vừa buồn. Các đồng chí chỉ huy Việt Nam đã đi cùng với chúng tôi đến vĩ tuyến 17 tiễn chúng tôi trở về Hà Nội”.

Leon và các bạn Cuba “các cầu thủ bóng chày” mỗi khi nhớ lại những ngày nên thơ đó, những ngày có những cố gắng lớn lao và khát vọng vô bờ, ai cũng nói tới một điều mà đã để cho tôi một ấn tượng tốt đẹp suốt đời trong thời gian tôi ở Việt Nam, đó là sự tham gia của chị em phụ nữ trong cuộc chiến tranh toàn dân. Cuộc chiến tranh đã và đang là của những người mẹ, người vợ, người con và cả của những người làm bà.

Khi nói một nửa những thành viên của trung đoàn làm đường là phụ nữ, chúng tôi cũng chưa nói đầy đủ được. Trong quá trình làm con đường, qua những chặng khác nhau, những người Cuba đã nhìn thấy các chị em phụ nữ, đắp những bờ đường, phá những bờ dốc. Thông thường việc đó được làm với các máy ủi, máy san nền và các phương tiện khác. Thậm chí có lúc phải dùng

đến thuốc nổ. Nhưng ở đây người ta làm bằng tay và những cái cuốc chim, vên, thuổng, khoan và búa. Để làm công việc các chị em đã phải treo mình trên các triền dốc cao bằng các dây leo hay dây thừng.

- Có xảy ra tai nạn hay không?

Đồng chí Silva đã hỏi như vậy và rất cảm động khi nhìn thấy các cô gái có thân hình mảnh dẻ đang treo lơ lửng ở độ cao 30 mét, chống chọi với núi đá và rừng rậm.

- Đã xảy ra hàng trăm vụ và không ít trường hợp có người chết.

Đó là câu trả lời.

Ngoài việc đắp nền đường, các công việc khác cũng đều làm bằng tay vì các thiết bị duy nhất là loại T174, loại máy ủi có công suất thấp dùng dây cáp (loại kỹ thuật cũ không dùng thủy lực) và phương pháp chủ yếu là sức người thay thợ máy móc vì nhiều lúc các máy móc đó không hoạt động được vì thiếu phụ tùng và phải làm những việc cấp bách do yêu cầu của chiến tranh. Để đắp nền đường đáng lẽ phải dùng máy đầm, các đồng chí Việt Nam đã sử dụng hàng trăm con đường dùng những chiếc đầm bằng gỗ đơn giản để đầm. Và từ trong các cánh rừng họ đã mở những con đường nhỏ trong các con đường lớn đó.

Để tăng cường hiệu quả và nâng cao hiệu suất trong công việc xúc đất đá, họ khoan các lỗ để đóng các cọc gỗ cho cái nền của con đường tương lai và sau đó lại rút cái cọc gỗ đi và bỏ vào trong các hố đó những gói thuốc nổ để cày

xới nên đất. Điều này làm cho công việc của các máy ủi dễ dàng hơn vì như vậy chỉ cần ủi đất chứ không phải đào.

Nếu những sức lực yếu ớt của các chị em phụ nữ, phần lớn họ chỉ mới 16-20 tuổi đã làm cho mọi người khâm phục thì mỗi ai khi nghĩ đến họ phải chịu những nỗi niềm riêng của người phụ nữ và thân thể yếu ớt của họ thì lại càng khâm phục hơn khi thấy họ không bao giờ mất đi tính lạc quan của mình.

- “Đội quân tóc dài” - một sĩ quan Việt Nam đã gọi họ như vậy, khi chỉ tay về các đám đông chị em. Ở miền Nam Việt Nam người ta cũng gọi như vậy khi các chị em đổ ra đường tham gia các cuộc biểu tình phản đối trước các trại lính Sài Gòn.

- Tôi thì gọi họ là đội quân của những nụ cười - Argota, một trong số những người Cuba trả lời như vậy.

Cũng cần nói thêm là tiếng hát của họ. Họ hát trong khi bổ cuốc chim vào núi đá, lúc đóng cọc hay lúc tạm lánh sau khi mặt trời lặn và trở lại với công việc của mình lúc mặt trời mọc.

Chị em làm đường đã thi đua nhau trong chiến đấu, người ta nói với tôi - họ là các “Đội cộng sản”, làm việc âm thầm với nhiệm vụ thật lớn lao: dùng đất đá để lấp các hố bom, thậm chí ngay cả lúc bom đang rơi, trước cả khi ngừng báo động máy bay với mục tiêu mà không có gì và không có ai có thể làm ngừng cái dòng sông các xe vận tải chảy theo một hướng phía Nam.

Có một ngày tôi hỏi đồng chí Đồng Sỹ Nguyên làm thế nào để nguy trang

con đường, điều thật khó có thể làm được, thì đồng chí đã trả lời tôi là để làm được điều đó, các chiến sĩ bộ đội tham gia trong mặt trận này phải luôn quyết tâm “Chiến đấu, nghỉ binh, tránh địch và chiến đấu để tiến lên”.

Khi địch thực hiện “chiến tranh ngăn cản” trên mặt trận và trong chiều sâu của hệ thống con đường, kẻ địch bắt buộc phải tăng cường các hoạt động do thám ngày đêm bằng nhiều loại máy bay, với những toán biệt kích, do thám, những hàng rào điện tử và những thiết bị “nghe cảm” nhằm phát hiện tất cả các âm thanh và các chuyển động. Đồng thời thực hiện các cuộc ném bom, mìn, tên lửa, tia lazer và chất độc hóa học phối hợp với các đợt tấn công của lục quân. Do đó, nếu con đường muốn tồn tại và phát triển được thì cần phải thực hiện thật nhanh hướng hành động đã vạch ra trước đó.

Nói riêng đến vấn đề “ngụy trang”, nó không chỉ có việc che kín các chiếc cầu, các con đường, kho tàng, phương tiện vận tải để bịt mắt kẻ thù mà cũng cần phải bịt tai và mồm chúng lại.

Bộ đội Trường Sơn đã thực hiện tài tình các phương pháp sau đây: trồng thêm nhiều cây mới để che các con đường mới, hành quân trong tất cả các rừng để phá hết các “thiết bị nhạy cảm” của kẻ địch, truy đuổi bọn biệt kích và do thám, làm các con đường giả, lợi dụng các thiết bị điện tử của kẻ địch để đánh lừa chúng, bắt chúng tấn công vào các mục tiêu không có thật.

Trong những năm 1971-1972 trên con đường Hồ Chí Minh không chỉ có những con đường cho xe đi vào ban đêm, mà còn có những con đường cho xe chạy ban ngày được gọi là “các con đường khép kín”. Những con đường đó được xây dựng dựa vào các khu rừng chưa bị phá, các đèo và các con sông khô nước từ tỉnh Quảng Bình đến các chiến trường Nam Lào và Cam-pu-chia.

Như vậy có hai trục đường đi và về chạy song song với nhau. Đồng thời người ta tổ chức các doanh trại, các con đường, cầu cống, các đội xe giả để thu hút địch vào lưới lửa phòng không ở các đồi cao để tiêu diệt chúng. Với một loạt các biện pháp thật thông minh, “nghệ thuật” phối hợp các hoạt động một cách tích cực để tiêu diệt kẻ thù, đã tránh được nhiều tổn thất lớn, chiến thắng được những âm mưu tấn công của Mỹ, đóng góp vào việc đánh bại “chiến tranh ngăn cản” của chúng.

Các lực lượng công binh, thanh niên Việt Nam và các lực lượng nhân dân chiến đấu với sự giúp đỡ của các lực lượng chiến đấu đã phải làm việc ngày đêm dưới bom đạn và các cuộc chiến đấu dưới mưa và lũ của các sông. Đây là một cuộc đấu tranh thực sự để giành lấy từng thước đường không còn kể đến những ngày tháng đã trôi qua. Chúng tôi đã phải huy động hàng trăm nghìn người để xây dựng và sửa chữa thường xuyên công trình này. Hàng chục nghìn người đã ngã xuống hay bị thương và hàng nghìn phương tiện vận tải bị phá hủy.

LỜI HỨA ĐÃ THỰC HIỆN

Khi yêu cầu Leon nhớ lại sự tham gia của mình và của đội do anh lãnh đạo với nhiệm vụ bí mật này, một nhiệm vụ có ảnh hưởng lớn tới cuộc chiến tranh, anh chỉ nêu lên một điều bản khoản chính đáng:

- Nếu không nói quá thì việc những người Cuba chúng tôi làm là nhỏ bé.

- Và sự nguy hiểm của nó?

- Đều cùng một sự nguy hiểm mà nhiều năm hàng nghìn người Việt Nam phải đương đầu trên con đường Hồ Chí Minh.

Hai ý nghĩa này cũng là những ý nghĩa chung của những người tập trung ở đây để làm sống lại các kỷ niệm của thời kỳ các cây khổng lồ, những chỗ ngoặt của các xe vận tải chở đầy bộ đội đi theo một hướng duy nhất; quang cảnh đồi núi, vực thẳm, các đàn ong bay đi kiếm ăn trong lúc sáng sớm cho đến khi màn đêm buông xuống, về ban đêm, họ cũng có nhiều việc phải làm như sửa máy, che ánh sáng các ngọn đèn để khỏi lộ ra sự có mặt của con người ở mảnh đất bị bom đạn cày xới này.

Không ai muốn ném thêm, thậm chí chỉ một cái lá nữa vào cái rừng mà nó đã đủ hoàn thiện. Đây là một biểu hiện của tình đoàn kết lẫn nhau.

Một số anh em trong nhóm vẫn nhớ câu nói của đồng chí Melba khi gặp gỡ với họ trước khi họ rời Cuba:

- Nơi mà các đồng chí Việt Nam đi đến, nơi đó các anh cũng sẽ đến.

Lúc đó chỉ hình dung ra trong đầu những tồn tại, những khó khăn, những khoảng cách trước mắt khó vượt qua của một địa hình khúc khuỷu, giống như một người phụ nữ bảo vệ tình yêu trước một người không yêu. Rất có giá trị câu nói: “Cuba đã gắn vận mệnh của mình với vận mệnh của Việt Nam”. Sự ủng hộ này thật là đầy đủ, thật là lớn lao, thậm chí cả máu như lời tuyên bố của đồng chí Tổng Tư lệnh.

Và những dịp để đổ máu đã không thiếu: khi một chiếc máy ủi va vào một

trái bom nặng 200 bảng Anh, khi hoạt động ở cái nơi mà Mỹ đã ném xuống cùng với hàng trăm quả mìn khác mà chúng đã cài lại khi chúng rút khỏi các vị trí ở phía sau vĩ tuyến 17. Trái bom nổ với sức mạnh làm quăng cả cái bàn ủi của chiếc máy giống như nó bằng các tông vẩy và chính cái bàn ủi đã cứu người lái Việt Nam khỏi cái chết khi các đồng chí Cuba hướng dẫn cho họ điều khiển các phương tiện, một việc không có gì là kỳ diệu đó là nhờ độ cong của chiếc bàn ủi và độ rắn của thép. Tiếng nổ đã làm bị thương một công nhân Việt Nam và để lại cho mọi người một cảm giác như đang đứng trên một cái núi lửa.

Cũng cần phải nói rằng các đồng chí Việt Nam luôn luôn bảo vệ các đồng chí Cuba, luôn cố gắng đưa họ tránh xa các vùng có nhiều nguy hiểm.

Có nhiều lúc các chiến sĩ làm đường đã chạm phải những trái bom hình quả dứa, nối với các cành, lá của nó bằng các dây điện và nó sẵn sàng nổ tung khi có một sự va chạm nhỏ.

Khi các công nhân lái xe chở đất được lệnh tiến về phía Nam với tốc độ nhanh nhất, thì lúc đó sắp nổ ra cuộc chiến đấu cuối cùng. Và những người Cuba muốn chính họ là những người lái xe. Nhiều lúc các đồng chí Việt Nam đã phải kéo họ ra khỏi buồng lái.

- Hãy để tôi lái cho anh bạn ơi - một cậu thanh niên có đôi mắt ngái ngủ và nước da ngăm đen nói và cười thoải mái khi gỡ cánh tay người bạn khỏi tay lái và bắt anh ta phải xuống xe.

Có một lần trên một chiếc xe khác cũng chính đồng chí Cuba này nóng lòng muốn làm cái việc mà người ta cấm anh làm.

Với cách này Việt Nam khẳng định một phương châm: phải đổ máu của mình.

Tôi nhớ Đại tướng Giáp, một truyền thuyết trong bộ quân phục, khi ông bị các phóng viên châu Âu vây quanh và phỏng vấn trong khi đang dự cuộc chiêu đãi ở Sứ quán Liên Xô. Khi giải thích tại sao không để các nước khác cùng chiến đấu với Việt Nam, ông nói:

- Điều đó chưa cần thiết. Chúng tôi có đủ quân đội. Chúng tôi chỉ thiếu vũ khí để trang bị cho đồng bào chúng tôi muốn cầm súng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 cũng như chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, chỉ sau 55 ngày đêm đã kết thúc thắng lợi, quyết định cả quân sự lẫn chính trị đối với đế quốc Mỹ và bọn bù nhìn. Đội quân được trang bị tốt nhất và đông nhất ở Đông Nam Á và toàn bộ bộ máy ngụy quyền đã bị phá tan. Cái chế độ thực dân mới do 5 đời tổng thống Mỹ cố gắng xây dựng cũng bị sụp đổ, kết thúc 20 năm đấu tranh anh hùng chống Mỹ xâm lược để cứu nước của nhân dân Việt Nam.

Ban lãnh đạo Việt Nam đã đánh giá chiến thắng và ý nghĩa chính trị, quân sự và lịch sử sâu sắc của nó như sau:

1. Đây là thắng lợi lớn nhất, sáng chói nhất của dân tộc Việt Nam trong 4.000 năm đấu tranh, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Đây cũng là thất bại chính trị, quân sự lớn nhất và trầm trọng nhất của đế quốc Mỹ đến bây giờ.

3. Chiến thắng đó cho phép kết thúc thắng lợi quá trình 30 năm đấu tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc, chấm dứt ách thống trị đế quốc kéo dài hơn một thế kỷ.

5. Với chiến thắng này đã đánh bại cuộc phản công lớn nhất của bọn đế quốc quốc tế chống các lực lượng cách mạng sau chiến tranh thế giới lần thứ hai, làm suy yếu hệ thống đế quốc, chiến lược toàn cầu phản cách mạng của đế quốc và phản động quốc tế, phá tan tuyến phòng ngự quan trọng của đế quốc Mỹ ở Đông Nam Á, làm cho Mỹ trong tình hình vô cùng khó khăn.

Thắng lợi này, như các văn kiện của Việt Nam nêu rõ, là kết quả của sự kết hợp nhiều yếu tố, trong đó những yếu tố quan trọng là: Sự lãnh đạo của Đảng đúng đắn, tinh thần dũng cảm, ý chí bất khuất và anh hùng của nhân dân Việt Nam, sự đoàn kết chiến đấu thường xuyên và sự ủng hộ quốc tế của các nước xã hội chủ nghĩa và của phong trào cách mạng và tiến bộ trên thế giới.

Các đồng chí Việt Nam đã kể cho các đồng chí Cuba chi tiết các trận đánh và diễn biến của cuộc chiến, không chỉ những điều xảy ra và cả những dự đoán trước của Ban chỉ huy trong tương lai gần nhất. Các đồng chí thông tin, qua các bản đồ, vạch các mũi tên, chỉ ra các nơi cần phải chiến đấu sắp tới và thông báo cho biết những thiệt hại của từng bên trong cuộc chiến đấu.

Tóm lại - Đồng chí Đồng Sĩ Nguyên cho biết và tổng kết: Từ lịch sử xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, chúng tôi hiểu sâu sắc rằng, tình đoàn kết sắt đá của các dân tộc Đông Dương là một chân lý quang vinh và sống mãi đã có từ lâu

và con đường Hồ Chí Minh là biểu tượng tập trung nhất của tình đoàn kết chiến đấu vững chắc này. Đến nay, sau hai cuộc chiến tranh giải phóng lâu dài và vĩ đại của ba nước, chúng ta có thể khẳng định rằng, trong lịch sử quân sự, đường Trường Sơn - đường Hồ Chí Minh, chạy từ Đông sang Tây, luôn là vị trí chiến lược của ba nước Đông Dương để chiến thắng tất cả mọi cuộc chiến tranh xâm lược của bất cứ kẻ thù nào. Hiện nay và mãi mãi, trong sự nghiệp xây dựng kinh tế, tăng cường quốc phòng và bảo vệ hòa bình, hệ thống con đường phía Đông và Tây Trường Sơn luôn luôn có giá trị chiến lược trong khu vực được coi như là mái nhà của ba nước Đông Dương.

*

Khi trở về Hà Nội, tôi băn khoăn giữa ý nghĩ rời Hà Nội mà không được biết Sài Gòn giải phóng và sự nóng lòng được trở về nhà, Leon và các đồng chí của anh chỉ để lại một con đường mà lai lịch của nó đã đi vào lịch sử.

Trên con đường đó các xe tăng đã lăn bánh đưa đến sự tan vỡ các vị trí của Sài Gòn ở cao nguyên Trung phần và với chiến thắng này đã mở đường tiến về giải phóng Sài Gòn và biến Sài Gòn thành Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong khi ở Thủ đô mọi người đang vui mừng trước các tin vui từ chiến trường bay về thì trong hang ổ cuối cùng của chế độ bù nhìn có tin cuộc tấn công của các chiến sĩ yêu nước đã không để một phút nào để chúng xoay sở. Thế là mạnh ai nấy chạy. Chúng leo lên càng máy bay trực thăng, bấu vào cánh cửa máy bay đang cất cánh khỏi dinh tổng thống Sài Gòn và cái pháo đài sứ quán Mỹ, treo lơ lửng hàng chùm “những siêu nhân”

Trong những ngày đó ở Hà Nội và sự tháo chạy ở Sài Gòn người ta không còn thời gian để suy nghĩ tới cái “con rắn” khổng lồ bằng đất đó nữa, cái con đường mà sau đó được rải nhựa. Con đường này là một trong những yếu tố quyết định sự kiện đã xảy ra...

Người ta có thể đi từ một Hồ Chí Minh này sang một Hồ Chí Minh khác, từ ý định đến thắng lợi nhờ có con người mang cái tên như vậy, con người mà đã quyết định mở các hệ thống mạch máu có khả năng cho phép dòng máu của tình đoàn kết chảy trên toàn bộ cái bán đảo nằm ở trung tâm một vùng chiến lược và giàu có của hành tinh chúng ta. Và cùng nhờ có nhân dân Việt Nam cùng với nhân dân các nước Lào và Cam-pu-chia, trong nhiều năm chịu đựng

hàng ngàn trận bom để mở hệ thống con đường vượt qua rừng sâu, núi cao mặc dù máy bay Mỹ đã cày xới tạo nên những cảnh như trên mặt trăng ở đây và ở kia.

Mặc dù đề cập đến một công trình quân sự, cái tên mà các đồng chí cộng sản Việt Nam đã đặt trong một ngày 19 tháng 5 mang một nội dung thơ, một chủ nghĩa lãng mạn cách mạng: Sự nhìn nhận của Hồ Chí Minh đã đi và đến hàng ngày dưới các tán cây, không hề sợ bom đạn. Không phải ngẫu nhiên mà dân tộc này gọi đôi dép giản dị bằng cao su, mà ai cũng có thể làm được là đôi dép Hồ Chí Minh, được làm ngay trong rừng, ở Hà Nội hay trên núi cao. Tôi đã nhìn thấy họ làm các đôi dép đó bằng những chiếc lốp máy bay Mỹ bị bắn rơi. Những chiếc dép đó đã được nhiều người sử dụng đi trên con đường Hồ Chí Minh để đi đến cuộc chiến đấu cuối cùng. Các chiến sĩ của đơn vị quân sự 4539 mà ở Việt Nam gọi là A-74 đã kể với tôi như vậy.

Những câu thơ đẹp của Antonio Machado mà đã tạo nên bài hát rất hay của Juan Manuel Serrat đã có mặt ở đây, một góc của hành tinh. Một góc mà đã quyết định thời điểm lịch sử và ý nghĩa của tư tưởng đã thúc đẩy loài người làm thay đổi thế giới: “Có người đi đường nếu có con đường và sẽ có con đường khi đi lại nhiều lần”.

Việc Cuba tham gia làm con đường đó, góp phần kết thúc trong thắng lợi của cách mạng Việt Nam, là một hạt cát, nhưng hạt cát của một biểu tượng đẹp và có ý nghĩa lịch sử lớn lao làm cho người ta nghĩ đến bãi biển Hiron của chúng ta.

**NHỮNG KỶ NIỆM VỀ TUYẾN ĐƯỜNG ống XĂNG DẦU ĐẦU TIÊN
VƯỢT TRƯỜNG SƠN** Đại tá MAI TRỌNG PHƯỚC

Nguyên chỉ huy trưởng Công trường 18 và Trung đoàn 592

Sau khi hoàn thành việc thi công tuyến đường ống X42 vượt qua “tam giác lửa” Vinh - Nam Đàn - Linh Cảm, Công trường 18 tiếp tục nhận nhiệm vụ thi công kéo dài tuyến đường ống lên phía Hương Khê (Hà Tĩnh) để đi vào Quảng Bình nối vào kho Khe Ve của Binh trạm 12 Đoàn 500. Ngày 1 tháng 11 năm 1968, đế quốc Mỹ buộc phải tuyên bố chấm dứt không điều kiện chiến tranh phá hoại miền Bắc. Có điện của Cục Xăng dầu gọi tôi ra Hà Nội gấp để nhận nhiệm vụ mới.

Anh Phan Tử Quang, Cục trưởng, đưa tôi lên gặp Chủ nhiệm Tổng cục tại Văn phòng Tổng cục Hậu cần. Trong cuộc họp, sau khi phân tích tình hình và âm mưu mới của địch, anh Thiện cầm bút chì đỏ vạch trên bản đồ một đường từ Cổng Trời vượt qua đèo Mụ Giạ - 050 xuống Na Tông (Khăm Muộn - Lào) rồi nói: “Các cậu phải nhanh chóng làm tuyến đường này, đặt kho đầu ở khu vực bãi rộng của suối Cha Lo phía bắc Mụ Giạ và một kho ở Na Tông, phải làm xong trước Tết Nguyên đán phục vụ kịp thời cho Đoàn 559 tổ chức vận chuyển đột kích”. Sau đó, Chủ nhiệm lại vạch tiếp đoạn từ Na Tông vượt qua ngã ba Lăng Khăng, xuống Xiêng Phan - Pha Nốp đến Ka Vát và kết thúc ở Lùm Bùm. Anh nói tiếp: “Sau khi đến Na Tông các cậu phải nhanh chóng đưa đường ống xuống Ka Vát rồi đi Lùm Bùm tiếp cận nhanh đường 9, tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị nam đường 9...”. Anh nhắc nhở hiện nay địch đang đánh mạnh ở thung lũng Xiêng Phan và ngầm Pha Nốp. Cần phải chú ý tìm mọi cách để tránh nó, phải giữ được bí mật bất ngờ. Công việc phía sau giao cho công trường X40 đảm nhiệm.

Sau khi nghe chúng tôi trình bày những khó khăn khi thi công trên vùng rừng núi có nhiều núi cao vực sâu, núi đá, nhiều sông suối; địch lại đánh phá rất ác liệt, nhất là chưa có kinh nghiệm trong việc thi công và vận hành trên đồi núi cao, anh Thiện chỉ thị cho anh Phan Tử Quang cần tăng cường cán bộ kỹ thuật cho công trường đủ mạnh, chỉ thị cho Bộ Tham mưu Hậu cần điện cho Bộ Tư lệnh 500 và 559 tăng cường lực lượng giúp đỡ.

Về đến công trường, chúng tôi một mặt nghiên cứu việc di chuyển công

trường bộ lên đóng ngay tại khu vực lèn đá ở Cổng Trời trên đường 12, đồng thời cử cán bộ đi khảo sát và thiết kế tuyến từ Cổng Trời xuống Na Tông. Bộ phận vật tư tổ chức tiếp nhận ống, bể 25 mét khối và máy bơm các loại... nhanh chóng đưa vào tuyến thi công. Khó khăn đầu tiên chúng tôi gặp phải là không đưa xe chở ống dài 6 mét và xe chở bể chứa 25 mét khối vượt qua Cổng Trời được, vì địa hình dốc cao và nhiều cua gấp. Vào thời gian này cấp trên phối thuộc cho chúng tôi hai tiểu đoàn công binh. Chúng tôi cùng với Ban chỉ huy Tiểu đoàn 29 ra ngay thực địa nghiên cứu tìm cách cho xe vượt Cổng Trời.

Sau khi thống nhất phương án, đồng chí Nguyễn Đình Cự - tiểu đoàn trưởng trực tiếp chỉ huy thi công. Bốn hôm sau, Cổng Trời đã được mở rộng. Đại đội 8 của Cục Xăng dầu liên tục vận chuyển bể sắt cùng máy thi công. Sau khi thông Cổng Trời, trong một đêm ngồi uống nước ở Sở chỉ huy, đồng chí Nguyễn Tráng, kỹ sư khảo sát phần khởi đọc:

“Có ai dám phá Cổng Trời

Để cho suối chảy ngược đồi lên non

Trải qua sông cạn đá mòn

Cổng Trời cửa khẩu vẫn còn trơ trơ

Một phen sấm sét bất ngờ

Đội quân Đường Ống phát cờ tiến công

Tiếng mìn vang dậy núi sông

Cổng Trời rộng mở chọc thông đỉnh đầu

Đưa bể lớn chứa xăng dầu

Khẩn trương đáp ứng yêu cầu tiền phương”.

Tiếp nhận ống đến đâu chúng tôi thi công đến đó, kho bể 500 mét khối ở Na Tông cũng đã làm xong. Trung tuần tháng 12 năm 1968, sau hoàn chỉnh tuyến ống, chúng tôi tiến hành bơm nước để rửa ống, kiểm tra việc lắp ráp ống và tìm các thông số vận hành (gọi tắt là thử rửa). Một máy đẩy không bơm được nước lên đỉnh đèo Mụ Giạ, trên “tọa độ lửa” đã diễn ra hết sức gay go và quyết liệt. Để đánh lừa địch, chúng tôi vẫn tiếp tục khắc phục như thật trên tuyến bị địch đánh phá. Để đảm bảo bí mật cho tuyến tránh, anh em phải vác ống leo qua đèo Mụ Giạ, men theo bìa rừng tập kết vào khu vực an toàn để đến tối mới đưa vào tuyến lắp ráp theo con đường hào đã đào hôm trước. Lắp ráp đến đâu chôn lấp ngay đến đó và dùng cây cối bị đổ để ngụy trang. Việc đưa ống vào tuyến thi công đã khó thì việc chuyển máy bơm PNU 35/70 nặng hàng tấn bằng sức người đưa vào vị trí càng khó hơn. Khắc phục được khó khăn đưa máy vào vị trí xong, tôi được điện gọi ra sở chỉ huy tiền phương của Tổng cục đóng ở Hương Đô (Hà Tĩnh). Có lẽ Chủ nhiệm Tổng cục nóng ruột vì ngày Tết sắp đến, nếu không có xăng cho Đoàn 559 vận chuyển đột kích trong 3 ngày Tết là một khó khăn lớn. Tôi biết đồng chí Thiện rất nóng tính, không khéo kỳ này ra gặp chắc cũng phải bị cù “cạo” cho một trận.

Gặp anh Thiện ở sở chỉ huy tiền phương, anh hỏi ngay khi tôi chưa kịp ngồi xuống: “Anh có làm được không thì nói...”. Tôi bình tĩnh báo cáo về tình hình đánh phá của địch, cách khắc phục của chúng tôi và bảo đảm chỉ vài ngày nữa là xong. Anh hỏi tôi về cách tổ chức ngụy trang cũng như việc nghi binh đánh lừa địch. Tôi trình bày lại cách làm của chúng tôi. Trong quá trình nghe tôi báo cáo, tôi thấy thái độ của anh Thiện dần dần vui lên. Anh Thiện còn hỏi thêm về tình hình các kho hậu cần sau khi bị địch đánh phá, tình hình xe vận tải trên đường và sinh hoạt của anh em bám trụ trên khu vực này. Tôi đã trả lời rành rọt các vấn đề mà tôi nắm được. Những vấn đề tôi đề nghị, anh đều giải quyết ngay. Anh bảo đồng chí Trần Lư ghi những ý kiến đề nghị mà anh chưa giải quyết và lấy quà gửi về cho anh chị em trên tuyến. Anh không quên nhắc tôi là phải tuyệt đối giữ bí mật và sau khi nối tuyến phải bơm ngay, kết quả ra sao phải báo cáo ngay về sở chỉ huy tiền phương.

Trở về công trường, tôi truyền đạt lại ý kiến của anh Thiện và đưa quà Tết của anh gửi cho công trường. Mọi người rất phấn khởi, thấy sự quan tâm của Chủ nhiệm Tổng cục. Chỉ hai ngày sau đã nổi xong tuyến và tổ chức bơm nước để thử rửa. Sau khi thử rửa xong tiến hành bơm xăng ngay vào kho Na Tông và tổ chức cấp phát kịp thời cho các xe. Đến đêm giao thừa của Tết năm Kỷ Dậu 1969, xăng vẫn còn đầy kho Na Tông để chuẩn bị cho nhiệm vụ tiếp theo.

Đây là một chiến công mà nhiều người không ngờ tới. Khi tiếp nhận những dòng xăng của đường ống đầu tiên ấy, đồng chí Tham mưu trưởng Đoàn 559 cảm động nói: “Thật là tuyệt vời - dòng sông ngầm vượt núi...”. Tuyến đường ống xăng dầu này không những bảo đảm kịp thời cho các Binh trạm của Đoàn 559 vận chuyển “đột kích” mà còn tạo ra lượng dự trữ cho nhiệm vụ tiếp theo. Riêng về bộ đội đường ống do đã tập kết vật tư sẵn ở kho Na Tông nên đồng chí Nguyễn Ngọc Tài, tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn xe tranh thủ vận chuyển vật tư vượt Xiêng Phan và Pha Nốp vào cho Tiểu đoàn 968 thi công tuyến từ ngã ba Lăng Khăng xuống Ka Vát. Đồng chí Mai Văn Tiểu - tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 968 nhanh chóng tổ chức cho anh em thi công tuyến ống tránh trọng điểm Xiêng Phan và Pha Nốp.

Tuyến thi công của Tiểu đoàn 968 có nhiều trọng điểm địch đánh phá rất ác liệt. Suốt ngày đêm hầu như bầu trời không lúc nào ngớt tiếng máy bay. Rừng núi, lòng khe liên tục chớp lửa và rung lên bởi những trận bom rải thảm của B.52. Cuộc đấu trí giữa ta và địch diễn ra hết sức căng thẳng. Địch cứ đánh, ta cứ tìm cách làm. Cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 968 anh dũng bám sát trận địa thi công, bằng nhiều biện pháp thi công và nhiều thủ đoạn nghi binh đánh lừa địch nên tuyến đường ống phát triển theo đúng tiến độ. Có nhiều đoạn, xe không tập kết ống vào được thì dùng sức người để khắc phục đưa ống, máy và vật tư vào tuyến. Những câu hò động viên của các chiến sĩ văn nghệ làm tăng thêm nghị lực cho bộ đội thi công:

“... Trăm tấn sắt trên vai chiến sĩ

Vượt băng qua đỉnh đá tai mèo

Tiếng hò át tiếng bom reo

Mấy sông cũng vượt, mấy đèo cũng qua...”.

Và điều mừng nhất là ngày 3 tháng 3 năm 1969, tuyến đường ống từ Vinh vào Cổng Trời vượt Trường Sơn đến Ka Vát, dài 350 kilômét đã được nối thông. Đến ngày 9 tháng 3 năm 1969, bốn tiểu đoàn đường ống lần đầu tiên vận hành thông suốt từ hậu phương miền Bắc vào đến kho Ka Vát, bảo đảm xăng dầu kịp thời cho Đoàn 559 tiếp tục “Tổng công kích” đợt 2 trong mùa khô 1968-1969. Và cũng từ đây các binh trạm 31, 32 không phải lui cung vượt qua các trọng điểm để lấy xăng nữa.

Tuyến đường ống đầu tiên vượt Trường Sơn là như thế. Một kỷ niệm mà tôi không bao giờ quên được.

NHỚ LẠI CÔNG TÁC KỸ THUẬT TRÊN TUYẾN ĐƯỜNG ỐNG DẪN DẦU TRƯỜNG SƠN

Thiếu tướng HỒ SỸ HẬU

Nguyên Phó ban Thiết kế thi công Cục Xăng dầu 559

Tuyến vận tải 559 là một huyền thoại về sự chịu đựng gian khổ, ác liệt và sự sáng tạo của con người trước bom đạn Mỹ, trước những cơn sốt rét rừng và thời tiết khí hậu vô cùng khắc nghiệt của Trường Sơn. Mỗi cán bộ, chiến sĩ trên Tuyến 559, dù là công binh làm đường, đảm bảo giao thông, phòng không, thông tin, vận tải đường sông, đường ống, giao liên... đều tỏ rõ bản lĩnh của mình để hoàn thành nhiệm vụ.

Tháng 5 năm 1968, 13 kỹ sư khóa 9 của các trường đại học Bách khoa, Xây dựng và Mỏ địa chất được gọi nhập ngũ, bổ sung cho tuyến lửa miền Trung,

xây dựng đường ống dẫn dầu và chỉ cuối năm đó, phần lớn trong số họ đã vượt đèo Mụ Giạ vào chiến trường 559. Tuy là kỹ sư vừa tốt nghiệp nhưng cuộc chiến tranh ác liệt đã nhanh chóng tôi luyện họ thành những người dày kinh nghiệm, sáng tạo và không khuất phục trước bất kỳ trở lực nào. Bây giờ mỗi khi nhớ lại cái thời trai trẻ ấy, chúng tôi vẫn cảm thấy tự hào về những việc mình đã làm, gian khổ, ác liệt nhưng nặng nghĩa tình đồng đội...

Có một nhà báo nào đó đã nói: Nếu gọi Đường mòn Hồ Chí Minh là huyền thoại thì đường ống dẫn dầu là huyền thoại trong huyền thoại đó. Tôi thì không dám nghĩ như vậy, bởi ai đã một lần sống trong tuyến lửa này mới thấm thía sự hy sinh của những chàng trai, cô gái trên mọi vị trí của cuộc chiến đấu. Nhưng có một điều không thể phủ nhận được là đường ống xăng dầu Trường Sơn đã được xây dựng nên từ mồ hôi, xương máu và ý chí của hàng ngàn vạn con người.

Những người cán bộ khảo sát tuyến đường đầu tiên của đơn vị đi tìm và mở tuyến. Chúng tôi thường đi cắt rừng theo phương vị hoặc men theo dòng suối, vượt đỉnh núi theo phân thủy. Những người lính khảo sát phải vượt qua bao núi cao, suối lũ, vượt qua những trọng điểm đánh phá ác liệt của địch. Có khi những cơn sốt rét kéo đến giữa lúc cả toán đi trên đỉnh núi cheo leo, công hoặc cáng không được, đành dừng lại, đắp khăn ướt lên trán, uống mấy viên thuốc cho hạ sốt rồi cố dìu nhau đi tiếp, ai không thể đi được thì phải gửi lại một đơn vị dọc đường. Có một lần, trên tuyến K7-K8, tôi lên cơn sốt cao quá, bạn bè đã mang giúp súng, gạo, tôi chỉ còn khoác ba lô, vậy mà bước chân vẫn run rẩy. Cho đến khi mắt hoa lên, tôi ngã rơi xuống vách đá. May mà giữa rừng già, cây cối rậm rạp nên tôi rơi lên một cây bông báng (loại cây gần giống cây dừa), đồng đội lại lần xuống, dìu lên. Một lần khác, khi tìm tuyến tránh, lên đỉnh 900 chúng tôi phải vượt qua bãi bom B.52 mà địch mới đánh ngày hôm trước, chỉ còn lại những gốc cây bị bom địch chặt ngang tơ tướp trơ lại trên sườn dốc 60 độ, với đất bột và đá nát vụn. Chúng tôi bám vào những gốc cây đó mà đi, chỉ cần tuột tay là lăn xuống vực. Ở dưới đấy, dòng suối đục ngầu trông chỉ còn nhỏ như sợi chỉ. Ra đến giữa bãi bom, khi tôi bám vào một gốc cây, bỗng cái “gốc cây” ấy bật lên. Đó thực ra chỉ là một khúc gỗ bị bom chặt hai đầu, rồi cắm xuống lớp đất bột, trông như cái cây

thật, thế là tôi lăn trước, thanh gỗ lao theo sau. Cậu Đốc đi cùng thấy thế hét lên: “Anh Hậu! Cần thận cây gỗ”. Trong phản xạ tuyệt vọng, tôi quờ tay nắm lấy bất kỳ cái gì có thể nắm được và Trời phật đã phù hộ cho tôi, tôi bám vào được sợi dây song chưa bị đứt. Tôi cố né sang một bên, cây gỗ đâm thẳng bao gạo tôi đeo trên lưng, gạo bắn tung tóe, thế là nó đổi hướng, lăn xuống đến tận đáy vực.

Những chuyến đi gian truân như vậy, tất cả chúng tôi ngày ấy hầu như ai cũng hơn một lần nếm trải. Trận bom B.52 nặng nề nhất mà công trường 18B phải chịu đựng là ở suối Ra Vơ đường 18. Hôm ấy, các đại đội của Tiểu đoàn 37 đang nối đuôi nhau vác ống, cùng đoàn cán bộ của công trường đang hành quân vào vị trí tiền phương thì bom B.52 đánh vào giữa đội hình, trên 70 đồng chí hy sinh và bị thương. Đào Quang Nghiêm, vốn là kỹ sư cơ khí đã xông pha trong khói lửa cứu đồng đội. Khi nhận bằng khen về thành tích này, anh không dám gửi về nhà vì anh là con một, sợ mẹ lo. Võ Thủ Thành (kỹ sư cơ khí) bao ngày nằm hầm bám trụ ở nơi ác liệt nhất của trọng điểm Ra Vơ, đèo 900 tuyến cửa khẩu đường 18. Nguyễn Hữu Dư (kỹ sư trắc địa) sau một trận B.52, đã một mình vượt qua mưa lũ, bão rừng, tìm về đơn vị...

Cán bộ kỹ thuật đường ống Trường Sơn thường là những người đầu tiên nếm trải sự ác liệt của mỗi tuyến. Các anh Sơn, Lạc, Cát, Lành đã hy sinh khi làm nhiệm vụ. Hầu hết các kỹ sư đều ít nhiều thương tích trong những trận bom, hoặc tai nạn bất ngờ khi khảo sát, thi công, vận hành. Kỷ niệm đau lòng nhất còn lại trong tôi là cái chết của anh Quy, một cán bộ kỹ thuật người Thanh Hóa, Trạm trưởng trạm bơm ở Ka Tần. Khi phát hiện bom địch đánh đứt tuyến, anh lao ra nối ống, khi đang thao tác thì một dòng xăng trong ống bất ngờ phun ra, tưới khắp người, xăng ngập đầy cái vũng anh đứng. Và chính lúc ấy, một loạt bom giội tiếp, nơi anh đứng trở thành biển lửa. Đồng đội chỉ kịp nhìn thấy mà không sao cứu được.

Lần đầu tiên tôi chôn cất đồng đội là trong đợt khảo sát tuyến cửa khẩu đường 18, bốn anh em: Sơn, Lạc, Diệu, Hậu ngủ lại trong 1 “nhà âu” ai đó đã

đào sẵn. Khoảng 9 giờ tối, chúng tôi bị “dính” bom tọa độ. Một quả bom nổ trên ngọn cây ngay gần chỗ chúng tôi nằm. Dứt loạt bom, nghe tiếng Lạc thảng thốt: “Các anh ơi, em bị rồi”. Dưới ánh đèn pin, chúng tôi nhận ra cái đùi của nó giập nát, thịt văng vung vãi khắp sạp nằm, chúng tôi bắn 3 phát súng báo hiệu, rồi cáng Lạc đến trạm xá. Nhưng đến nửa đêm thì Lạc hy sinh vì choáng và mất máu. Cả Diệu và anh Sơn đều bị thương phải đưa đi trạm xá nên tôi ở lại với Lạc trong một cái lán giữa rừng. Mệt quá, tôi thiếp đi đến tận 8 giờ sáng hôm sau. Lũ vẫn vây hết mọi ngã đường nên trong cái lán nhỏ vẫn chỉ có một mình tôi. Tôi vuốt mắt cho Lạc và khâm liệm cho nó. Thương quá, cậu bé 19 tuổi, lúc nào môi cũng đỏ như son, da trắng, mắt sáng long lanh, anh em thường bắt nó đóng vai con gái trong các vở kịch. Mới đêm qua còn ríu rít, mà bây giờ nó đã mãi mãi ra đi. Tôi vừa khâm liệm vừa khóc. Đến trưa, khi nước suối rút, mấy anh lính công binh đến giúp tôi chôn cất Lạc, thấy tôi khóc nhiều quá, một anh hỏi:

- Liệt sĩ là thế nào với anh?

- Là đồng đội.

- Thôi đừng khóc nữa. Đồng đội chúng mình ngày nào chẳng có người hy sinh. Cứ mỗi lần thế lại có nước mắt thì còn đánh đắm gì.

Tôi gật gật đồng tình mà vẫn không ghìm được tiếng nấc. Mấy tuần sau tôi trở lại thăm mộ Lạc, thì nơi ấy đã là một bãi bom B.52, chẳng còn lại một dấu vết nào của ngôi mộ. Tôi bùi ngùi nghĩ đến bố mẹ em ở quê nhà, sẽ chẳng bao giờ các cụ thấy được hài cốt đứa con trai yêu quý của mình.

Trong gian khổ, ác liệt như vậy, nghĩa tình đồng đội là chất keo gắn kết

chúng tôi thành một khối để vượt qua hiểm nguy. Tuổi trẻ chiến trường coi cái chết nhẹ nhàng. Thung lũng Pha Băng Nửa mùa khô năm 1970-1971 dài gần 10 kilômét có 3 tuyến vận tải: đường ô tô, đường ống, đường sông đã trở thành trọng điểm vô cùng ác liệt. Hết B.52 lại máy bay bổ nhào, hết bổ nhào đến tọa độ. Một lần, Trung đoàn có lệnh cần một kỹ sư ra tuyến để xử lý kỹ thuật, Đào Quang Nghiêm theo dõi việc này hăm hở lên đường. Mấy anh em ngăn lại “mày ở nhà, để chúng tao đi, vì mày là con độc nhất. Tuyến ác liệt lắm, chúng tao đứa nào cũng dăm ba anh em, có làm sao thì nhà vẫn còn người”.

Lần chúng tôi đi khảo sát qua đỉnh 911 của tuyến cửa khẩu đường 18, giữa rừng âm u, bỗng thấy đất rung chuyển vì bom B.52. Cứ mỗi đợt lại thấy bom gần hơn. Và khi ấy đất văng lên đến chỗ chúng tôi đang đứng thì cảm thấy cái chết đã gần kề, vì quanh đây chẳng có cái hố nào để ẩn nấp. Cả tổ nhìn nhau: chưa đứa nào có vợ. Thế là mấy đứa tếu táo hỏi nhau, té ra đứa may nhất là đã được hôn người yêu, còn có đứa chưa một lần nắm tay con gái, rồi cười rúc rích “chết bây giờ kể cũng tiếc nhỉ”...

Tôi nhớ lần đầu tiên nhận nhiệm vụ chỉ huy là dẫn đầu một tổ khảo sát tuyến dọc theo nền đường sắt cũ ở Quảng Bình. Khi trời chạng vạng tối, chúng tôi mắc võng lại bên một dòng suối. Sáng hôm sau, mở mắt ra, cả tổ sững người: bốn xung quanh là bom tử trường. Không hiểu sao chúng tôi mang linh kinh máy móc, súng ống mà đêm qua không có quả bom nào nổ.

Năm ấy tôi 22 tuổi, Dư là kỹ sư 25 tuổi, còn lại đều là những công nhân trắc địa, ít thì 27-28, nhiều thì 35-40 tuổi. Trong cơn hoảng loạn, một anh túm cổ áo tôi nói: ”Thằng nhóc, mày dẫn chúng tao vào chỗ chết à?”. Tôi trả lời: “Đã chết thì chết cả chứ riêng gì anh. Phải nghĩ cách, chứ làm như anh thì giải quyết được gì?”.

Đến bây giờ, tôi vẫn không hiểu sao lúc đó mình lại nghĩ ra sáng kiến mời mấy đồng chí đảng viên lại và nói: - “Tôi là người phụ trách, còn các anh là đảng viên, lúc này các anh phải cùng chúng tôi nghĩ ra cách thoát ra khỏi vòng nguy hiểm. Tôi đề nghị: không thể bỏ súng và máy lại được. Có thể những thứ chúng ta mang theo chưa đủ kích cho bom nổ, do đó tôi và các đồng chí đảng viên mang máy và súng đi trước, những thứ không phải sắt thép thì anh em mang theo sau. Đi giữ cự ly để nếu bị hy sinh thì chỉ bị một vài người”. Vậy là chúng tôi đã lần lượt từng người thoát ra khỏi cái bãi bom chết người ấy, thoát ra rồi, cả bọn lôi thuốc ra khao nhau, cảm ơn Trời Phật đã phù hộ...

Năm 1969, đoạn tuyến ống trên đường 18 vượt Trường Sơn qua đỉnh 900 cứ lấp xong chưa vận hành đã bị đánh. Tìm tuyến tránh khác, có khi mới phát tuyến xong đã bị B.52 rải thảm. Thương vong cộng với sốt rét đã làm vơi hẳn quân số công trường, nhất là Tiểu đoàn 668, đơn vị trực tiếp thi công và quản lý đoạn tuyến này. Đã có người cảm thấy bế tắc, thậm chí nản lòng. Riêng tốp cán bộ kỹ thuật vẫn quyết tâm không chịu bó tay. Chúng tôi phân chọn đỉnh 911 mét, đỉnh cao nhất khu vực ấy, chắc chắn địch sẽ bị bất ngờ vì chúng cho rằng đường ống dẫn dầu không thể bò qua đó được. Tính toán và thấy các yếu tố kỹ thuật cho phép, chúng tôi đề nghị với Ban chỉ huy Công trường 18B và được chấp nhận.

Trong chiến trường ác liệt, chúng tôi luôn được những người chỉ huy yêu thương, tận tình giúp đỡ.

Mùa khô 1970-1971 các đoạn tuyến ống của chúng tôi từ kho đầu nguồn ở Quảng Bình vào đến Nam đường 9 đều bị đánh phá ác liệt, ống bị đánh đứt, xăng chảy, nhiều đồng chí hy sinh. Có những đoạn chỉ huy ta mới có ý định vạch tuyến thì địch đã cho B.52 cày đi xới lại. Bom đạn, sốt rét đã làm vơi quân số các tiểu đoàn. Các tổ khảo sát tuyến cũng có những đồng chí hy sinh khi làm nhiệm vụ. Chính trong hoàn cảnh gian khổ ác liệt ấy, tôi thấm hiểu được tình đồng đội sâu sắc của những người chỉ huy như anh Mai Trọng

Phước, Trung đoàn trưởng 592. Dù nhiều đêm thức trắng vì công việc, anh vẫn có mặt ở những nơi ác liệt để động viên anh chị em cán bộ, chiến sĩ, thăm hỏi thương binh. Tôi nhớ mãi buổi sáng khi tổ khảo sát tuyến của chúng tôi ra đến cổng cơ quan thì anh Phước gọi lại. Anh đang lên cơn sốt rét, nhưng vẫn chống gậy ra gặp chúng tôi. Anh đưa cho chúng tôi hai lọ sâm viên, loại thuốc chỉ phát cho cán bộ trung đoàn trở lên, anh nói: “Chuyển đi này vất vả và ác liệt lắm, các cậu hãy cố gắng. Đứa nào mệt quá thì ngâm viên thuốc này mà lấy sức”. Nhìn nước da tái xám, vẻ mặt hốc hác vì ốm, vì lo nghĩ công việc của anh mà tổ khảo sát của tôi lặng đi vì xúc động. Chuyển khảo sát ấy, mặc dù phải vượt qua những trận B.52 ác liệt, và phải gửi lại hai đồng chí ở một bản ven đường do bị sốt rét ác tính, nhưng chúng tôi đã chọn đúng một tuyến mà kẻ địch không ngờ tới. Trung đoàn đã đưa xăng vượt qua đoạn cửa khẩu ác liệt nhất.

Một kỷ niệm tương tự như vậy ở Trung đoàn 532. Mùa khô năm 1971-1972 là mùa khô gian khổ nhất của Trung đoàn đường ống này. Đặc biệt là đói và sự tác quái của máy bay AC.130. Các đồng chí chỉ huy trung đoàn quan tâm đến tiểu ban kỹ thuật không những vì chúng tôi phải đi đầu trong gian khổ khó khăn khi mở tuyến, mà còn vì những hiệu quả mà chúng tôi mang lại. Tình thương ấy nhiều khi thật ấm áp như anh em ruột thịt. Một lần, khi tôi khoác ba lô lên đường khảo sát, anh Nguyễn Tuấn, Trung đoàn trưởng gọi lại.

- Cứ lủi thủi mấy đứa chui trong rừng có buồn không?

- Dạ, chúng tôi quen rồi thủ trường ạ!

- Đây, mình có cái ácmônica, cho cậu, lúc nào buồn thì thổi cho vui. Còn cái mũ của cậu tàng quá rồi, lấy mũ của mình mà đội. - Nói rồi anh đưa cho tôi cái mũ và cái kèn ácmônica mà tối tối tôi thường thấy anh ngồi dựa cửa thổi

những bài ca tiền chiến. Tôi dẫn đo quá:

- Báo cáo thủ trưởng...

- Không sao - Anh mỉm cười - Tối buồn thì mình nghe đài và đi các bộ phận chơi, còn cái mũ, mình là Trung đoàn trưởng, đội mũ của cậu thì nhất định quân nhu sẽ phải đổi cho ngay đấy mà.

Anh Tuấn là học sinh trường Anbe Xarô - thư sinh Hà Thành “chính hiệu”. Bóng bàn, văn nghệ đều “một cây”. Giữa rừng Trường Sơn, cái kèn gắn bó với anh lắm, bởi vậy, tôi rất hiểu tình cảm sâu nặng của anh với chúng tôi. Cái kèn ấy theo tôi đi hết cuộc chiến tranh, rồi hòa bình, cho đến khi cậu con trai tôi lên 7, 8 tuổi nó vẫn thổi cái kèn ấy. Một cái kèn mà trong âm thanh của nó luôn gợi cho tôi một thời gian khổ với nghĩa tình ấm áp biết nhường nào.

Đường ống dẫn dầu là một phương tiện vận tải hiện đại. Bởi vậy, những người chỉ huy luôn khuyến khích chúng tôi phát huy sáng kiến, làm chỗ dựa cho chúng tôi trước các quan điểm bảo thủ, ngại khó. Anh Mai Trọng Phước và anh Đặng Thế Hải, thủ trưởng Trung đoàn 592 đã tạo điều kiện cho Đào Quang Nghiêm và tiểu ban kỹ thuật thực hiện thành công việc “phát hiện sự cố từ xa” trong nhiều tình huống. Các anh sẵn sàng ra lệnh cho các tiểu đoàn thực hiện đúng các yêu cầu táo bạo của các kỹ sư khi phải thi công vận hành trong điều kiện ác liệt. Anh Nguyễn Tuấn, Trung đoàn trưởng Trung đoàn 532 trong những đợt vận hành khó khăn, thường trực tiếp chỉ huy và yêu cầu tôi ngồi bên cạnh: “Cậu đề xuất, tớ ra lệnh”, và anh rất tôn trọng những đề xuất của chúng tôi, nhất là khi tuyến bị đánh phá dữ dội. Anh Trần Danh Hòa, Cục phó Cục Xăng dầu và anh Hồ Tuấn Mạnh, Trung đoàn 537 đã tạo mọi điều kiện giúp chúng tôi thực hiện thành công phương án treo ống vượt sông Sê Rê Pôc vào mùa khô năm 1974-1975.

Như vậy, khi nói tới những người kỹ sư trên tuyến ống Trường Sơn, trước hết phải khẳng định chúng tôi là những người lính chịu đựng gian khổ, chấp nhận hy sinh, sống giữa tình đồng đội và sự yêu thương giúp đỡ của những người lãnh đạo thân thiết như anh em một nhà. Từ môi trường ấy, chúng tôi mới có thể làm được những việc có ích cho tuyến đường ống thân yêu của mình.

XÂY DỰNG TUYẾN ỐNG “CÁI KHÓ LÓ CÁI KHÔN”

Xây dựng tuyến gồm khảo sát, thiết kế và thi công.

Những thành công đáng kể nhất của cán bộ khảo sát trên tuyến ống dẫn dầu Trường Sơn trước hết là việc chọn tuyến, đặc biệt là ở những khu vực địch cày đi xới lại, phải tìm tuyến tránh. Có những phương án xây dựng tuyến thật táo bạo khiến cho kẻ địch hoàn toàn bất ngờ như tuyến vượt qua bình độ 900, sườn của cao điểm 1001, hay tuyến tây sông Sê Bông Hiêng, mà ở đó có tấm gương quên mình cao cả của trung sĩ Nguyễn Lương Định.

Trên tuyến đường 14B có một tình thế, nếu đặt phía trên đường ô tô thì khi tuyến bị đứt, xăng có thể tràn xuống, ngăn đường xe đi, ngược lại, nếu đặt phía ta luy âm, thì khi nổ mìn bảo đảm giao thông, ống sẽ bị hỏng. Cục Tham mưu vận chuyển yêu cầu chúng tôi phải tìm một phương án nào có thể tận dụng cơ giới cao nhất cho thi công, nhưng không được ảnh hưởng lẫn nhau giữa đường ô tô và đường ống. Bằng kinh nghiệm của mình chúng tôi đã chọn được tuyến đi bên kia sông, nhưng phải dùng máy húc thả máy bơm, theo một triển dọc rất mạo hiểm. Nhìn chiếc máy húc nhích từng bước chệnh vênh, chúng tôi như nghẹt thở vì lo. Nếu không may máy lặn xuống vực thì không chỉ mất máy, hy sinh người mà tiến độ phải chậm lại hàng tháng, ảnh hưởng đến chiến dịch. Khi máy bơm yên vị theo thiết kế, anh Nguyễn Khoa, Cục phó Cục Tham mưu vận chuyển bắt tay tôi rất chặt: “Các cậu đã cứu nguy một bàn thua trông thấy”.

Cái sự đo đạc của mấy anh lính khảo sát cũng thật đáng nói. Từ nhà trường ra đi, chúng tôi yêu cầu phải có máy kinh vĩ, mia và lĩnh kinh đủ thứ đồ nghề trắc địa. Nhưng chỉ chớm vào đoạn tuyến đầu tiên trong rừng, chúng tôi hiểu ngay rằng những thứ “chính quy lý thuyết” ấy là bất lực với yêu cầu thời gian và phức tạp của địa hình. Chúng tôi chuyển sang đo chiều dài bằng dây, xác định chênh cao bằng thước đo độ có buộc một dây dọi, rồi tính bằng hàm số lượng giác. Khi vào sâu trong Trường Sơn, cả thước đo độ và bảng tra lượng giác đều không còn, chúng tôi tính độ dài theo tuyến vẽ trên bản đồ và độ cao thì dựa vào đường bình độ. Nhưng hiềm một nỗi, nhiều đoạn tuyến đi qua núi đá không có đường bình độ, hoặc một số khu vực, bản đồ gần như trắng. Chỉ có những nét thể hiện sống núi, chẳng có bình độ, chỉ có vài địa danh hết sức sơ sài. Những chỗ ấy xác định độ cao sao đây để lên được trắc dọc của tuyến? Đành phải áp dụng một giải pháp mà tôi gọi là “đếm bước chênh cao”. Đường Trường Sơn thường có bậc, có thang, nhưng cũng có đoạn chỉ thuần túy là dốc. Để làm việc “đo” độ chênh cao, trước hết phải tập ước lượng: những bậc cao kiểu này là chênh 20 centimét, kiểu kia là 30 centimét. Đường dốc mà không có bậc thì phải ước lượng chênh cao qua từng bước đi. Khi ước lượng quen rồi là vừa đếm theo kiểu cộng dồn, lên một bước thì cộng thêm, xuống một bước thì trừ bớt đi. Rồi cuối cùng mặt cắt cũng được vẽ ra và tuyến ống vận hành vẫn như mong muốn, cũng may là cái máy PNU 35/70 bơm khỏe nên nó “chấp nhận” được cái “phát minh” bất đắc dĩ ấy.

Tuyến đường ống Trường Sơn dài hàng ngàn kilômét, mỗi kilômét đều thấm mồ hôi, gian truân của người lính khảo sát. Trong đó, có công lớn của kỹ sư Nguyễn Hữu Dư, người đã có mặt trên hầu hết các tuyến từ Đông Trường Sơn đến tận Bù Gia Mập.

Tham gia khảo sát tuyến, không chỉ là kỹ sư trắc địa, mà các kỹ sư cơ khí, điện như Đào Quang Nghiêm, Nguyễn Phúc Môn, Dương Ngọc Văn... đều phải nhập cuộc.

Khảo sát dù khó khăn, nhưng lên được cái trắc ngang, trắc dọc là nghề của chúng tôi, đến khi phải thiết kế thì sự khó khăn mới thực sự xuất hiện. Hầu như cả tổ kỹ sư chúng tôi vào 559 (Nguyễn Văn Tạo, Trần Thanh Minh, Võ Thủ Thành, Đào Quang Nghiêm, Lê Sơn - Kỹ sư cơ khí; Nguyễn Phúc Môn, Hồ Sĩ Hậu, Phan Văn Hợi, Nguyễn Xuân Diệu - kỹ sư trắc địa...) đều không được học về thiết kế thủy lực. Trước khi vào tuyến lửa Khu 4, chúng tôi được đưa đến một lớp huấn luyện mấy ngày do các chuyên gia Liên Xô dạy. Họ giới thiệu: đây là cái ống, đây là cái van, cái T, cái cút... còn đây là máy PNU 35/70, MPG60... Các chuyên gia dạy chúng tôi cách lắp ống, lắp máy; dạy các kỹ sư cơ khí vận hành máy và một vài công thức thiết kế đơn giản, ví dụ: số trạm bơm bằng chiều dài tuyến chia cho quãng đường mà mỗi trạm bơm có thể đảm nhiệm được. Khi chọn tuyến phải nhớ phương châm: ngắn (chọn phạm vi ngắn nhất trong phạm vi có thể), gần (gần nơi có thể tập kết vật tư), tránh (tránh nơi gần địch đóng quân và các trọng điểm đánh phá của chúng), kín (ngụy trang tuyến hoặc đưa tuyến đi trong rừng). Hành trang kiến thức của chúng tôi khi lên đường chỉ có vậy. Bắt đầu từ tuyến 18, cán bộ kỹ thuật chỉ toàn mấy đứa mới ra trường. Anh Lê Tử Kỳ, kiến trúc sư, người đi học bổ túc xăng dầu ở Liên Xô về, là kỹ thuật đầu đàn của bọn tôi. Anh cầm theo được một cuốn thiết kế đường ống đã chiến bằng tiếng Nga. Đó là cuốn sách duy nhất để chúng tôi nghiên cứu mỗi khi bế tắc. Cho đến khi thành lập Trung đoàn 592 thì có kiến thức và kinh nghiệm gì, chúng tôi cố vận dụng bằng hết. Hồi đó, nếu có ai mang vào cho một cuốn nội san “Kỹ thuật xăng dầu” của Cục Xăng dầu - Tổng cục Hậu cần là chúng tôi cảm ơn lắm và cố khai thác tối đa những gì trong đó cho công việc của mình.

Ngày nay, các kỹ sư trẻ luôn ngồi trước những chiếc máy vi tính hiện đại, chắc không thể tưởng tượng được nỗi thiếu thốn của chúng tôi hồi đó. Lúc đầu có giấy kẻ ly và bút chuyên để vẽ trắc ngang, trắc dọc. Chỉ ít tháng sau khi qua đỉnh Trường Sơn là thấy thiếu đủ thứ. Trắc dọc được vẽ trên những tờ giấy “năm hào hai” dán nối với nhau, thậm chí là những tờ giấy nửa đen, xù xì. Khổ nhất là khi phải tra hàm số lượng giác, trong tay không có bảng tra, không có thước lôgarit, chúng tôi phải triển khai thành chuỗi số để tính. Các hàm số lũy thừa, giai thừa đều cầm bút mà tính qua các phép nhân chia bằng tay, mất nhiều thời gian lắm.

Địa hình Trường Sơn trùng điệp. Tuyến ống hết trên đỉnh núi lại xuống vực sâu. Suốt quá trình vận hành, địch đánh phá liên tục và hết sức ác liệt, phải thay đổi tuyến liên tục. Điều kiện ấy đã làm đảo lộn rất nhiều điều trong sách vở. Trước hết là cái van điều chỉnh áp suất (thiết bị dùng để hạ bớt áp suất trên tuyến nhằm bảo vệ ống) bị loại khỏi danh mục vật tư đường ống Trường Sơn ngay từ tuyến cửa khẩu đường 18 năm 1969. Lúc đầu có một chiếc van điều chỉnh áp suất ở sườn phía nam đèo 900, nhưng khi ống phải vượt đèo 1001 ngay sau đó thì phải tháo nó đi, vì không có cách nào đưa được máy bơm vào chân đèo 1001. Việc tháo bỏ chiếc van điều chỉnh áp suất này đã làm cho điểm sâu nhất ở thung lũng giữa đỉnh 900 và 1001 có áp suất cao. Theo tính toán của chúng tôi thì nó luôn khoảng 30 đến 35 KG/cm². Mấy ngày vận hành thử nước, ống ở đây vỡ liên tục. Lúc đầu chúng tôi rất lo, nhưng sau tìm ra được một cái que mắc trong ống, lại chọn kỹ vật tư lắp ở đoạn này, thì tuyến dần dần ổn định. Từ đây, trên tuyến ống Trường Sơn xuất hiện thuật ngữ “điểm xung” là điểm luôn chịu áp suất cao gần với giới hạn cho phép của ống.

Năm 1971, trạm bơm trong hang Bản Cọ bị trúng tên lửa của địch. Thời gian không cho phép chờ máy bơm từ hậu phương đưa vào. Thế là chúng tôi phải tính đến khả năng vượt trạm. Thật may quá, dịp ấy có ai đó đã đưa vào cho chúng tôi một cuốn tạp chí Kỹ thuật xăng dầu, trong đó có bài của tác giả Raskazov viết về vấn đề này. Chúng tôi đã vận dụng nó để tính toán bơm vượt trạm. Phương pháp tính của chúng tôi chỉ khác của Raskazov ở chỗ: ông không chế giới hạn áp suất ở ngay cửa ra của máy bơm. Còn tuyến Trường Sơn không chế áp suất tại “điểm xung” và kết quả là chúng tôi đã ứng dụng bơm vượt trạm thành công.

Để hạn chế thiệt hại khi bị đánh đứt tuyến, việc thiết kế các “cửa van” là vấn đề rất được quan tâm. Trên tuyến ống Trường Sơn, mỗi cửa van hai chiều và một cái đồng hồ đo áp suất, do một tổ canh gác khi vận hành. Số đo của các đồng hồ áp suất là thông số rất quan trọng để xác minh vị trí xảy ra sự cố trong vận hành. Bởi vậy khi thiết kế vị trí của các cửa van được chọn rất cẩn

thận, không chỉ căn cứ vào yêu cầu kỹ thuật, mà cả yêu cầu chiến thuật.

Thiết kế tự chảy cũng là một sự sáng tạo nảy ra từ chính cái khó của địa hình. Các kho trên tuyến ống Trường Sơn nói chung đều được thiết kế xuất nhập độc lập. Nhờ đó chúng có thể vừa vận hành, vừa tự chảy đến một bãi cấp phát cách đó vài ba kilômét. Bằng cách này, nếu bãi cấp phát bị lộ thì kho vẫn an toàn. Các bãi cấp thường là nơi tập kết nhiều xe. Nếu tính thời gian giải phóng xe không sát, để ứn tắc khi bị lộ máy bay địch đánh sẽ thương vong và thiệt hại khôn lường. Công thức tự chảy là một hàm phi tuyến, dụng cụ tính toán chúng tôi lại không có, bởi vậy tính toán mất thời gian lắm. Thế là một lần ra Hà Nội, tôi phải đi lòng sách, hỏi thêm bạn bè, và lập được một toán đồ tính tự chảy, nhờ đó, khi thiết kế thuận lợi hơn nhiều, thậm chí có thể đưa cho cán bộ tiểu đoàn, đại đội tự tính nếu họ phải lập một cái kho cấp phát tự chảy mà chúng tôi không đến được.

Thiết kế ống treo vượt sông Sê Rê Pốc là một kỷ niệm khó quên trong đời làm kỹ sư của tôi. Đó là mùa khô năm 1974-1975, chúng ta đang ráo riết chuẩn bị cho cuộc Tổng tiến công mùa Xuân 1975, nhu cầu xăng dầu cho chiến trường Tây Nguyên và Nam Bộ rất lớn vậy mà bơm mấy ngày, xăng trên tuyến của Trung đoàn 537 vẫn không qua được bờ nam sông Sê Rê Pốc. Bằng một số biện pháp kỹ thuật, chúng tôi tìm được nguyên nhân: do nước sông chảy xiết quá, ống đập vào đá ngầm ở đáy sông chỉ sau một giờ đồng hồ là bị thủng. Tuy nhiên, do nước xiết, nên sau khi qua khúc ngoặt của sông cách chỗ vượt về phía hạ lưu chừng 500 mét, xăng mới nổi lên mặt nước. Trước đó, Trung đoàn 537 đã không nghĩ tới khả năng này, không kiểm tra dọc sông nên không phát hiện được.

Sau vài lần chúng tôi thử lắp lại tuyến ngầm, ống vẫn bị thủng. Tình thế bắt buộc phải thực hiện giải pháp treo ống vượt sông. Nhưng treo thế nào đây? Sông thì rộng hàng trăm mét, trong tay không một sợi cáp nào, cả mấy anh em kỹ sư, không ai biết thiết kế cầu treo. Thấy tôi suy nghĩ nhiều quá, anh Trần Danh Hòa - Cục phó Cục Xăng dầu 559 nói với tôi: “Gần đây có một cái kho của công binh, ta thử đến đó, may ra có ích gì chăng”. Thật may mắn, chúng tôi không những gặp anh Đỗ Xuân Diễn, Cục phó công binh, sẵn sàng ra lệnh xuất kho cho chúng tôi mấy cuộn thép phi 6, mà còn gặp cả anh Lợi, kỹ sư cầu, vui vẻ giúp cùng thiết kế. Thế là tôi cung cấp ngay các yếu tố thiết kế cho Lợi. Tôi nói: “Trong tay mình chỉ có một cái địa bàn 7 tác dụng để đo độ dốc của đáy ở hai đầu trụ. Do đó anh tính thế nào để cho tôi được 3 thông số: một là làm sao cho các sợi thép phi 6 riêng rẽ phải cùng chịu lực như nhau, hai là độ chênh cao tối thiểu của đỉnh trụ hai bên bờ so với mặt nước lũ, ba là độ dốc của dây ở hai đầu trụ khi chúng chưa treo ống, sao cho khi dây mang tải tối đa, điểm võng thấp nhất phải cách mặt nước ít nhất 1 mét”. Sau khi trao đổi, chỉ sau một buổi Lợi đã cho tôi đủ 3 thông số và chúng tôi còn liên lạc với nhau qua điện thoại suốt quá trình thi công để bảo đảm thành công. Sau một ngày cật lực với nhiều sáng kiến khắc phục khó khăn, đoạn ống treo qua sông Sê Rê Pốc hoàn thành, kịp thời đưa xăng ra mặt trận. Ở thời điểm đó, sự thành công này quan trọng vô cùng. Chúng tôi ôm lấy nhau, vui mừng khôn xiết. Giờ đây, Lợi đã là tiến sĩ, không hiểu anh có còn nhớ và biết ý nghĩa của việc anh đã giúp cho chúng tôi thời đó không?

Thi công đó là lúc quân của toàn đơn vị triển khai. Các kỹ sư phải chia nhau đi cắm tuyến và theo dõi thi công. Mọi vấn đề phát sinh được giải quyết nhanh chóng. Khi tuyến đi qua ruộng, phải đào rãnh chôn ống. Do phải đào nhanh lại thường làm đêm nên rãnh anh em đào thường ngoằn ngoèo. Khi lắp, ống không nằm được xuống rãnh, mất rất nhiều thời gian sửa lại rãnh, vừa chậm lại hay bị mấy anh thợ ống cầu nhàu. Bằng một bài toán lượng giác đơn giản, mấy chàng kỹ thuật đã tìm ra ngay biện pháp nghiệm thu rãnh trước khi lắp ống, dùng một cây nửa dài 9 mét kéo dọc theo rãnh, cây nửa bị vướng chỗ nào thì sửa chỗ ấy. Cái “lý thuyết” này về sau cũng được phát triển lên để tính tầm nhìn tối thiểu khi phát tuyến theo đường bình độ trong rừng rậm sao cho ống đi gọn trong tuyến phát.

Trong bài bản của Liên Xô, khi thi công, ống sẽ được ô tô rải dọc tuyến. Trên tuyến Trường Sơn thì không thể như vậy được, ống phải đi xa đường ô tô, vật tư phải tập kết tập trung ở một vị trí nhất định. Lúc đầu người ta chia đôi khoảng cách giữa các điểm tập kết vật tư để tính số ống, nhưng rồi chúng tôi đã sớm phát hiện ra sự bất hợp lý của cách tính ấy. Ví dụ như một điểm trên đỉnh núi, một điểm dưới chân núi thì việc chuyển ống từ trên đỉnh xuống sẽ dễ hơn vác ngược dốc, do đó, phải tập kết ống ở đỉnh núi nhiều hơn. Thế là một bài toán vận trù rất nghiêm túc để tính số ống tập kết vào mỗi vị trí đã được thiết lập trên cơ sở thống kê năng suất vác ống trên các loại địa hình khác nhau. Nhờ phương pháp này, công lao động giảm được 5 đến 10%.

Khắc phục khó khăn khi địch dùng vũ khí mới đánh vào tuyến thi công cũng là một việc không thể thiếu được vai trò của cán bộ kỹ thuật. Điển hình nhất là trên tuyến K5C của Tiểu đoàn 969 mùa khô 1970-1971, trước khi bước vào chiến dịch Đường 9 - Nam Lào, gần 3 kilômét tuyến bị địch rải bom vướng dày đặc gây nhiều thương vong cho bộ đội phát tuyến. Tiểu đoàn đã có sáng kiến cắt một cái thùng phuy 200 lít. Khoét lỗ châu mai, xung quanh nẹp một lớp nửa dày chừng 20 centimét (dụng cụ này hiện nay vẫn còn trong Bảo tàng đường Trường Sơn). Một người đội mũ sắt ngồi trong cái “boong ke” bằng sắt ấy, dùng một cây sào càng dài càng tốt khua ra xung quanh, kích bom cho nổ mảnh, hoặc bi của bom vẫn bắn vào lỗ châu mai, mảnh qua mũ sắt gây thương vong. Tình hình ấy buộc tiểu đoàn phải cho dừng thi công và báo cáo lên trung đoàn. Mấy anh kỹ thuật chúng tôi chẳng được học gì về bom đạn, nhưng do quá lo lắng cho tiến độ nên cứ đề nghị trung đoàn cho xuống tuyến xem có cách gì không. Trên đường đi ra tuyến, càng hiểu rõ tình huống thật phức tạp, khó khăn. Sau khi nghiên cứu hiện trường, chúng tôi đã đề nghị trung đoàn họp các cán bộ có liên quan để chúng tôi được trình bày phương án. Phương án của chúng tôi là dùng từng thỏi nhỏ thuốc nổ, ném dọc tuyến, dùng địa bàn định hướng cho bộ đội mở tuyến. Sau 4 giờ đồng hồ, tuyến đã thông mà không một ai thương vong, kịp lắp ống phục vụ chiến dịch.

VẬN HÀNH - CUỘC CHIẾN ĐẤU ĐẦY HY SINH VÀ GIAN KHÓ

Khi thi công, địch tìm mọi biện pháp ngăn chặn chúng ta, đến khi tuyến ống đi vào vận hành là ta bơm lót nước vào tuyến để tránh thiệt hại khi tuyến bị địch đánh trúng. Tuy nhiên thực tế lại cho thấy làm như vậy sẽ mất thời cơ vận hành vì khoảng thời gian địch ngừng đánh phá rất ngắn ngủi, thêm vào đó chất lượng xăng rất kém do lẫn nước. Sau này, chúng ta bỏ hẳn phương thức lót nước trong ống, nhờ đó, tận dụng được thời cơ, hiệu suất vận hành tăng lên rõ rệt.

Trong quá trình vận hành, các kỹ sư đã nghiên cứu rất kỹ quy luật áp suất tại các cửa van trong nhật ký vận hành. Nhờ đó, việc phán đoán vị trí xảy ra sự cố trên đường ống ngày càng tốt hơn. Mùa mưa năm 1971 nhóm kỹ thuật Trung đoàn 592 đã dựa vào lý thuyết thiết kế, đề ra biện pháp phát hiện sự cố từ xa căn cứ vào số đo trên các đồng hồ áp suất dọc tuyến. Mùa khô 1971-1972, Tiểu ban kỹ thuật do kỹ sư Đào Quang Nghiêm phụ trách đã được chỉ huy trung đoàn tạo điều kiện áp dụng thành công trong chỉ huy vận hành. Sáng kiến này đã góp phần phát hiện và xử lý nhanh sự cố, giảm tổn thất xăng dầu, giảm thương vong cho bộ đội trên tuyến.

Thông tin trên tuyến cũng là một vấn đề phức tạp. Máy điện thoại của các van đều đấu “chữ đing” vào đường dây. Khi vận hành mọi người canh ở các cửa van đều phải áp tai để nắm được diễn biến toàn tuyến, nhưng khi không vận hành thì thật là phiền phức. Vì các máy đấu chữ đing nên khi quay chuông một máy thì máy nào cũng phải nghe xem có phải gọi mình không. Để khắc phục khó khăn này, kỹ sư Nguyễn Hữu Dư có sáng kiến kết hợp giữa các hồi chuông dài và chuông ngắn như tín hiệu “tích - tè” để quy định cho từng máy. Nhờ đó việc liên lạc trên tuyến đỡ rắc rối hơn nhiều.

Trong máy bơm PNU 35/70 của Liên Xô có hệ thống tự động điều chỉnh. Thời bấy giờ đây là thiết bị hiện đại nhưng không thể sử dụng trên tuyến đường ống của chúng ta. Các kỹ sư của Trung đoàn 532 không hài lòng với

điều đó. Mùa khô 1973-1974 với sự kiên trì của Tiểu ban kỹ thuật do Dương Ngọc Văn phụ trách, các anh đã thử nghiệm thành công việc thực hiện chế độ chạy tự động máy bơm trong vận hành. Để làm được việc này, các anh đã phải thực hiện hàng loạt biện pháp đồng bộ như: Căn chỉnh lại các thiết bị điều chỉnh tự động của máy, kiểm tra lại thiết kế thủy lực và có giải pháp đảm bảo tính đồng nhất về lưu lượng trên tuyến, nhưng áp suất đầu vào của trạm bơm nằm trong giới hạn cho phép...

Có lẽ tôi nên dừng lại tại đây, bởi vì chắc chắn tôi không thể nói hết được những việc cán bộ kỹ thuật trên tuyến ống Trường Sơn đã làm. Đến cuối cuộc chiến tranh chống Mỹ, tuyến ống Trường Sơn dài tới hàng ngàn kilômét, tôi không thể biết được hết những việc tốt đẹp mà bạn bè, đồng nghiệp của tôi đã làm. Chỉ có một điều tôi luôn chắc chắn rằng tuyến đường ống Trường Sơn đã cho mỗi chúng ta một quãng đời thật đẹp và đáng tự hào.

BA NĂM XUỐNG BIỂN, LÊN NGÀN...Thiếu Tướng HOÀNG ANH TUẤN

- Nguyên Chính trị viên phó Tiểu đoàn 52 ô tô vận tải
- Nguyên Chính trị viên Tiểu đoàn vận tải thủy 166
- Nguyên Chính ủy Trung đoàn công binh 515 Bộ Tư lệnh 559
- Nguyên Bí thư Đảng ủy Tổng cục Kỹ thuật

Với khúc tráng ca “Đường 9 - Nam Lào”, đánh bại cuộc hành quân Lam Sơn 719 - cố gắng cuối cùng của giới cầm quyền Mỹ trong chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, cục diện chiến trường miền Nam đối với chúng ta vô cùng sáng sủa. Đặc biệt, khi lưỡi dao của kẻ thù dùng hồng chạt ngang tuyến chỉ viện chiến lược Trường Sơn bị bẻ gãy, mọi hoạt động trên tuyến đường Hồ Chí Minh thông thoáng hơn nhiều.

Nhằm tăng cường vận chuyển góp phần tạo thế, tạo lực cho chiến trường Tây Nguyên và Nam Bộ chuẩn bị cho đòn tiến công chiến lược 1972, từ cuối năm 1974, đội hình vận chuyển của Bộ Tư lệnh bộ đội Trường Sơn đã có một số thay đổi. Theo đó, Tiểu đoàn vận tải ô tô 52 của chúng tôi từ Binh trạm 14 được điều vào tăng cường cho Sư đoàn khu vực 472.

Nhận nhiệm vụ mới khi năm hết Tết đến, có biết bao việc phải dự liệu. Nhưng lính thời chiến, chẳng có gì thiêng liêng, cao cả bằng nhiệm vụ chiến đấu. Theo phân công của Tiểu đoàn trưởng, tôi - Chính trị viên phó tiểu đoàn dẫn một tổ vào tiền trạm, chọn vị trí đóng quân, để toàn đội hình tiểu đoàn chuyển vào sau. Bộ Tư lệnh Sư đoàn 472 lúc này đóng gần sở chỉ huy ở Binh trạm 32. Đón chúng tôi ở cơ quan Bộ Tư lệnh Sư đoàn là anh Hoàng Trá - Tham mưu trưởng Sư đoàn. Anh Hoàng Trá trước là Binh trạm trưởng Binh trạm 14 - là thủ trưởng rất gần gũi với chúng tôi. Biết Tiểu đoàn 52 thiện chiến vào tăng cường cho Sư đoàn 472, anh Trá mừng lắm; anh bảo chúng tôi nghỉ lại sư bộ một đêm, sáng hôm sau đi cùng anh vào Binh trạm 39 - đóng ở trục đường 23 bên kia Thác Hài (Mường Phìn - Nam Lào) để tìm chỗ đóng quân.

Sáng hôm sau, tôi ngồi cùng xe anh Hoàng Trá, theo đường kín vào Binh trạm 39. Dọc đường, anh Trá dặn: rằng Bộ Tư lệnh Sư đoàn đã tính kỹ, sẽ đưa tiểu đoàn chúng tôi vào tăng cường cho Binh trạm 39, tập trung chuyển hàng vào sâu hơn. Xe đi dưới tán rừng già âm u, yên ả - cái yên ả hiếm hoi ở Trường Sơn trong chiến tranh.

Sau gần hai tiếng đường rừng, chúng tôi có mặt ở Binh trạm 39, gặp anh Nguyễn Lợi - Binh trạm trưởng, anh Lê Huy Tường - Chủ nhiệm Chính trị binh trạm. Đều là anh em thân quen, nên mọi việc khởi đầu suôn sẻ.

Anh Lợi vỗ vai tôi, cười và nói:

- Tuấn yên trí, ăn Tết đằng hoàng với bọn mình. Chỗ đóng quân của tiểu đoàn anh chọn rồi - trong rừng khộp bờ nam sông Sê La Nông, dưới chân đỉnh Phu Mạc.

Tranh thủ chút thời gian ít ỏi chiều ngày 29, tôi ra thực địa ngó nghiêng khu vực dự định đóng quân cho yên tâm, rồi trở về “tận hưởng” không khí chuẩn bị tết nhất của cán bộ, chiến sĩ Binh trạm 39. Dù không nhiều nhưng bộ đội vẫn có gạo nếp để gói bánh chưng, một ít đường dùng nấu chè và một ít bánh kẹo, thuốc lá. Vậy là, Tết Nhâm Tý, tôi đón giao thừa nơi “đất khách”, không phải trong sự quần tụ gia đình mà cũng chẳng ở đơn vị. Một tâm trạng khó nói thành lời.

Sáng hôm sau, “xông đất” Binh trạm 39 là mấy cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 52 vừa vào, anh em đi cả đêm ba mươi tết. Vừa chân ướt, chân ráo tới nơi, Kim Ngọc Quân - một tay lái cự phách của tiểu đoàn 1 gặp tôi truyền lệnh:

- Báo cáo anh, trên lệnh cho anh ra ngay Bộ Tư lệnh 559.

- Ai ra lệnh? - Tôi hỏi, hơi bất ngờ.

- Báo cáo anh, ông Biên - Tư lệnh Sư đoàn 472.

Vậy là thật rồi, không thể trù trừ, tôi khẩn trương bàn giao việc bố trí đội hình đóng quân cho đơn vị trong tâm trạng rất đổi bàng hoàng. Đã chục năm gắn bó với tiểu đoàn, gắn bó với từng cung đường Trường Sơn, từ một anh lái

phụ trưởng thành lên, tôi đã có biết bao kỷ niệm vui buồn với những đồng đội của mình, với những chiếc xe, những vành tay lái - những “đại bàng Trường Sơn”. Trong tập thể bện kết keo sơn, anh dũng tuyệt vời này, chúng tôi đã có với nhau những chiến công, và cũng chịu không ít mất mát đau thương... và lại, chia tay đơn vị giữa ngày tết, anh em cán binh đang mỗi anh mỗi nơi, thật chạnh lòng khôn tả. Thực lòng, mong mỗi của tôi khi đó là trên chỉ điều tôi tăng cường cho đơn vị nào đó một thời gian, rồi lại trả về tiểu đoàn. Nhưng không phải vậy.

Đón tôi tại Bộ Tư lệnh Sư đoàn 472 ở Phu Kiêu, Phó tư lệnh sư đoàn Việt Phương nói:

- Số cậu thế mà hên, Tiểu đoàn đi vào thì anh đi ra. Từ tiểu đoàn cậu nhảy lên Bộ Tư lệnh 559. Cơ hội lớn đó, liệu mà đi lẹ lên.

Đã hiểu ít nhiều cá tính của vị thủ trưởng “văn võ song toàn” này, nên tôi biết sau câu đùa của ông là sự động viên tôi cố gắng, nhiệm vụ sắp tới là thử thách mới đối với tôi - một sĩ quan thuộc quyền, mà ông vẫn xem là non nớt.

Cùng tôi ra Bộ Tư lệnh nhận nhiệm vụ lúc này có một cán bộ tiểu đoàn cao xạ và một cán bộ tiểu đoàn công binh. Xe đưa chúng tôi trở ra Quảng Bình, theo đường 20 - Quyết Thắng, vòng qua đường 10, tới Mỹ Đức (cây số 33) qua phà Long Đại là tới sở chỉ huy Bộ Tư lệnh Trường Sơn. Tới nơi, ba anh em chúng tôi được đưa về Cục Chính trị. Cục trưởng Ngô Thành Vân niềm nở đón tiếp và phổ biến nhiệm vụ:

- Mặt trận B5 sắp mở chiến dịch lớn, nhiệm vụ vận chuyển chi viện nặng nề. Bộ Tư lệnh điều các đồng chí lên làm phái viên của cơ quan, bám nắm tình

hình các đơn vị, khi cần thì đốc chiến.

Liên sau đó, tôi được phân công sinh hoạt ở Phòng Tổ chức, do anh Phạm Tề - một trong những người đầu tiên tham gia mở đường Trường Sơn, làm trưởng phòng. Cán bộ cấp cục thời gian này ngoài Cục trưởng Ngô Thành Vân có các anh Quang Vân, Lê Nghia Sỹ, Võ Sở là Cục phó. Riêng anh Sở, tiếng là Cục phó nhưng thường xuyên đi tăng cường cho các sư đoàn khu vực, binh trạm.

1. Sau này, đồng chí Kim Ngọc Quân được Đảng, Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

Sau vài ngày làm quen với sinh hoạt của cơ quan, tôi được phân công trực ban Cục Chính trị. Công việc quá đơn điệu. Từ môi trường tiểu đoàn ô tô vận tải, cường độ công việc dồn nén, căng thẳng bất cứ đêm hôm; nay về cơ quan, ngoài thời gian trực ban nắm tình hình, báo cáo Thủ trưởng Cục, lắm khi, tôi thấy như người thừa. Nhưng ở đời thường cái gì cũng có mặt trái của nó. Chính khoảng thời gian nghĩ mình như là người thừa đó, tôi đã làm được khá nhiều việc có ích cho bản thân: tôi học được nền nếp, phong cách làm việc của Thủ trưởng, cán bộ cơ quan Bộ Tư lệnh và có điều kiện đọc được nhiều sách vở, tài liệu, cả sách văn học, cả tài liệu nghiệp vụ công tác đảng, công tác chính trị,... điều mà trước đây ở đơn vị, tôi không có điều kiện. Rồi có khi, do yêu cầu của Cục Chính trị, tôi tham gia biên soạn công văn, chỉ thị về công tác đảng, công tác chính trị. Vì là người của đơn vị cơ sở, nên đa phần các văn bản chúng tôi biên soạn đều được cấp trên và cán bộ cơ sở cho là mang tính thực tế cao, dễ thực hiện...

Hàng ngày, vào ca trực - từ chập tối - lúc mà các đơn vị vận tải xuất quân, qua mạng thông tin tải ba, tôi điện hỏi nắm số lượng xe của từng đơn vị vận chuyển và tình hình tư tưởng của anh em. Nắm tình hình cửa khẩu từ chập tối

và theo dõi đến hết đêm cũng là lúc xe ta vào đến khu vực ngã ba biên giới. Từ đó, tôi tổng hợp: lượng xe, hàng vận chuyển, thương vong, tổn thất; cả những đơn vị, cá nhân đề nghị biểu dương khen thưởng, v.v... để Cục trưởng báo cáo trong hội nghị giao ban Bộ Tư lệnh vào đầu buổi sáng hàng ngày.

Thời gian làm trực ban “chuyên nghiệp” của Cục Chính trị với tôi là một đợt tập huấn tổng hợp, mở mang biết bao điều. Tôi được chứng kiến nhiều đoàn của Thủ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng cục Hậu cần... vào làm việc với Bộ Tư lệnh 559. Điều lý thú mà tôi chứng kiến là cách làm việc của Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần Đinh Đức Thiện - một vị tướng rất cá tính. Lúc này ông đã ngoài 60 tuổi. Có thể cấp trên giữ sức khỏe cho ông, hạn chế ông vào tuyến trong nhiều, nên thường là sau khi có mặt ở Bộ Tư lệnh 559 rồi, ông mới báo cáo Thủ trưởng Bộ - sợ báo trước, trên không cho đi. Theo dõi ông làm việc với cấp trên qua điện thoại, anh em chúng tôi anh nào anh nấy rất thú vị và khâm phục cách làm việc khác người của Trung tướng. Đặc biệt qua cách làm việc, quan hệ, chúng tôi thấy Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần và Tư lệnh 559, Phó chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần - Đồng Sĩ Nguyên rất hợp nhau. Đây cũng là một may mắn của tuyến chi viện chiến lược.

Đầu năm 1972, khi Quân ủy Trung ương, Bộ Tổng tư lệnh quyết định chọn Trị - Thiên làm hướng chính của cuộc tiến công chiến lược ở miền Nam thì Bộ Tư lệnh 559 rất chú trọng công tác chuẩn bị chiến trường, bảo đảm hậu cần cho Mặt trận Quảng Trị. Lần lượt các đồng chí Chính ủy Đặng Tính, Phó chính ủy Lê Xy... xuống trực tiếp nắm tình hình. Đi cùng Chính ủy và Phó chính ủy xuống Binh trạm 12 ở khu vực Nông trường Quyết Thắng - Vĩnh Linh, về cơ quan chính trị có anh Nam - Phó phòng cán bộ, anh Lý Tự Nhiên (Phòng Tuyên huấn), tôi và anh Trần Diệt (Phòng Dân vận). Anh Diệt quê ở Triệu Phong - Quảng Trị, nên lần này nghe tin ta mở chiến dịch giải phóng Quảng Trị, anh mừng lắm.

Binh trạm 12 vừa chuyển từ khu vực Cổng Trời - đường 12 vào Nông trường Quyết Thắng nên ấn tượng nhất đối với tôi khi tới sở chỉ huy binh trạm là

cánh lán trại tạm bộ, vồng giăng mắc rất nhiều dưới tán cây rừng. Chỉ cần chiếc vồng và tấm tăng là thành nhà rồi.

Xuống tới nơi, Chính ủy Đặng Tính triệu tập ngay cuộc họp. Về phía Binh trạm 12 có anh Phạm Thái - Binh trạm trưởng, anh Lê Quang Bình - Chính ủy, anh Lê Thanh - Binh trạm phó và một số anh khác. Qua báo cáo của binh trạm, từ khi ta mở màn chiến dịch giải phóng Quảng Trị (30-3-1972), địch tập trung đánh phá ác liệt tuyến hậu cần chiến dịch và cả tuyến hậu cần chiến lược (từ vĩ tuyến 20 trở vào). Về vận chuyển đường bộ, xe của ta chuyển hàng vào khu vực Bến Tắt, Bến Quang (Vĩnh Linh) bị chặn đánh dữ dội, tổn thất lớn.

Trước tình hình đó, đồng chí Đặng Tính yêu cầu Binh trạm 12 tiến xuống sâu hơn - xuống xã Vĩnh Trung bám sát thực tế, giải tỏa ách tắc.

Sau buổi giao ban ở Binh trạm 12, thực hiện chỉ đạo của Phó chính ủy Lê Xy, tôi trực tiếp xuống nắm tình hình các đơn vị xe, kho, cầu đường của binh trạm. Theo như lời của Phó chính ủy là phải tìm ra căn cứ để giải thích được vì sao không đạt được cung độ vận tải mà xe lại tổn thất nhiều? Việc bốc dỡ hàng ở các kho, trạm quá chậm, chỉ huy và hiệp đồng tác chiến giữa lực lượng vận tải, công binh, thông tin... đã nhệch nhàng hiệu quả chưa?

Sau hơn nửa tháng xuống nắm tình hình các đơn vị, tôi mới thấy không chỉ Binh trạm 12 mà cả Binh trạm 19 lúc này cũng gặp muôn vàn khó khăn, vận chuyển đình trệ, tổn thất. Cũng vì vậy nên khi Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần Đinh Đức Thiện vào đã thống nhất cùng Tư lệnh 559 cho Binh trạm 12 lật cánh xuống phía đông thay Binh trạm 19, quyết tâm vận chuyển đủ gạo, đạn, bảo đảm cho chiến dịch. Trong chiến dịch, có những thời điểm hậu cần chiến lược phải “tranh” việc của hậu cần chiến dịch một cách bất đắc dĩ như vậy.

Đúng hẹn, tôi trở về sở chỉ huy binh trạm báo cáo cụ thể tình hình với Phó chính ủy Lê Xy và các anh Phạm Thái, Vũ Quang Bình... Nghe tôi trình bày xong, đồng chí Lê Xy lặng đi một chút rồi kết luận:

- Vậy là ta rất khó chi viện cho cánh Đông mặt trận bằng đường ô tô, nhất là quãng từ Cam Lộ - Cửa Việt vào thị xã và Thành Cổ. Nhưng đòi hỏi của mặt trận lúc này không cho phép chúng ta bó tay. Phải xuống bàn việc cụ thể với địa phương, với dân, may ra mới có cách tháo gỡ. Chúng ta sẽ xuống Vĩnh Trung!

Chẳng phải đợi lâu, anh Nam tổ trưởng tổ cán bộ Cục Chính trị bảo tôi chuẩn bị mọi thứ để đi cùng Phó chính ủy.

Tôi hỏi: Anh có biết đi bao lâu không?

- Cứ chuẩn bị chu đáo vào - Anh Nam trả lời, khi nào cụ Xy về thì về.

Vậy là ở đơn vị về, chưa kịp thở, tôi lại phải chuẩn bị vội mấy thứ để đi tiếp. Có điều Phó chính ủy không có thư ký nên đi cùng ông, tôi kiêm luôn thư ký. Nôm na là ông bảo gì, tôi làm nấy.

Sau bữa cơm chiều hôm đó, chiếc Gát-69 đưa Phó chính ủy cùng tôi và hai trợ lý nữa xuống Vĩnh Trung. Thời gian và yêu cầu nhiệm vụ quá gấp gáp, nên Phó chính ủy và chúng tôi tranh thủ làm việc với anh Trần Đồng - Bí thư Đặc khu ủy, anh Dương Tôn - Chủ tịch và anh Vũ Kỳ Lân - Chính ủy Đặc

khu Vĩnh Linh... nắm cụ thể tình hình. Ở Vĩnh Trung và đa phần các xã của Vĩnh Linh lúc này một bộ phận dân cư đã sơ tán ra các tỉnh Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hóa. Lực lượng dân quân tự vệ các xã khá mạnh, mỗi xã có chừng một trung đội súng 12,7 ly, một trung đội ĐKZ, một trung đội cối 82... Mọi hoạt động của dân gần như trong lòng đất, dưới hầm thùng, địa đạo. Chúng tôi cũng ở dưới hầm thùng (hầm đào sâu và úp mái nhà lên). Vĩnh Linh cũng là địa bàn tập kết lực lượng tăng cường cho mặt trận. Cứ chập tối, bộ đội từ ngoài Bắc vào nghỉ lại một đêm và sáng hôm sau lại hành quân vào phía trong.

Một hôm tôi đang làm việc bình thường thì đồng chí Phách - thư ký của Chính ủy Đặng Tính gọi tôi sang gặp đồng chí Đặng Tính. Tôi sang hầm của Chính ủy, thấy ông và Phó chính ủy Lê Xy đang chụm đầu trên tấm bản đồ, tay rê theo các nét nâu, nét xanh. Đồng chí Đặng Tính ngẩng lên hỏi tôi:

- Tuyến vận chuyển phía tây bị đánh chặn, cậu xem ở phía đông có tuyến đường nào có thể chuyển hàng vào cho mặt trận?

Tôi thận trọng trình bày:

- Qua làm việc với các đồng chí lãnh đạo đặc khu và hỏi han bà con trong vùng, tôi biết, có thể dùng thuyền chở hàng theo ven biển từ Vĩnh Thái qua cửa Tùng, đi chừng 20 cây số nữa qua Cửa Việt rồi tấp vào Hải Lăng (Gia Đăng); liên lạc với hậu cần Mặt trận B5 nhận hàng ở Gia Đăng, Mỹ Thủy. Gần khu vực này có căn cứ hậu cần Mặt trận B5 ở Tài Lương.

- Vậy là câu hỏi hóc búa: Làm thế nào để đưa được hàng vào chi viện cho bộ đội ở Thành Cổ Quảng Trị đã có hướng giải đáp - có hướng thôi - đồng chí

Đặng Tính nói - để chắc chắn, Tuấn phải đi trinh sát kỹ càng, tìm đường cụ thể, trực tiếp điều nghiên luồng lạch, bến bãi giao hàng, dự tính cung độ từ Vĩnh Linh vào Thành Cổ Quảng Trị.

Phó chính ủy Lê Xy còn dặn: Găng vào Tài Lương, Phù Liêu gặp lãnh đạo cụm hậu cần B5 hiệp đồng cụ thể nơi giao nhận hàng, ký tín hiệu liên lạc...

Tình hình quá gấp gáp. Tối hôm đó đã xuất hành, tôi tranh thủ chuẩn bị mấy thứ: ống nhòm, bản đồ, địa bàn, súng, đạn... và không quên ghi vội mấy chữ gửi anh Nguyễn Nam ngày hôm sau trở ra Bộ Tư lệnh, chuyển cho vợ tôi đang công tác ở Viện 59, để cô ấy yên tâm, rằng tôi vẫn khỏe, đang giúp việc cụ Xy.

Cùng đi trinh sát tìm đường với tôi có anh Nguyễn Trung - vốn là tiểu đoàn phó hải quân và hai chiến sĩ người Quảng Trị dẫn đường. Qua chuyện trò, biết được hai chiến sĩ này người Triệu Phong, từng bị bắt lính, sau đó đã tìm cách bỏ ngũ theo Quân giải phóng. Được cử dẫn đường cho cán bộ vào Triệu Phong, hai chiến sĩ không giấu được sự sung sướng, vì sẽ có cơ hội qua nhà, gặp và khoe với người thân mình đã là chiến sĩ Giải phóng quân.

Sau bữa cơm chiều, nhá nhem tối, xe của Phó chính ủy đưa bốn anh em tôi đến bờ bắc sông Bến Hải phía hạ lưu cầu Hiền Lương, đợi một lát thì thuyền du kích từ bờ Nam qua đón. Ngồi trên thuyền, nghe mái chèo khua nước trong đêm vắng lặng, ngoái nhìn ánh đèn le lói từ một vài ngôi nhà ở bờ bắc dần xa, trong tôi trỗi dậy cảm xúc bồi hồi khó tả. Đau đớn làm sao khi một dòng sông nhỏ nhắn hiền hòa, mà gần hai chục năm trời kẻ thù đã biến thành con dao cắt lìa hai miền Nam - Bắc. Dân đôi bờ chỉ cách nhau một mái chèo mà như nửa vòng trái đất...

Qua sông, theo bước chân thoăn thoắt của hai chiến sĩ dẫn đường, chúng tôi luồn lách tránh những khu vực nghi địch trước đây đã cài mìn, thảng hướng về phía nam. Càng đi càng thấy cảnh quan, địa bàn nam cầu Hiền Lương chẳng giống chút nào trên bản đồ. Tất cả gần như thành bình địa bởi bom đạn kẻ thù. Cũng phải thôi, từ lâu lắm rồi, chúng đã biến nơi đây thành “vành đai trắng”.

Vừa lần đường, vừa dò hỏi dân, chúng tôi qua Trúc Khê, Dốc Miếu, Quán Ngang rồi tìm vào Mai Xá, Phù Liêu... Hỏi dân, cũng có người chỉ dẫn tận tình, niềm nở; nhưng giữa đêm khuya, thấy người lạ gõ cửa, cũng có người ngần ngại, miễn cưỡng. Lần mò dọc theo sông Vĩnh Định, suốt đêm mệt bỏ hơi tai, chân mỏi rã rời, mờ sáng hôm sau, mấy anh em cũng tìm tới được Sở chỉ huy cụm hậu cần B5 ở thôn Phù Liêu.

Trong thời điểm tình hình bảo đảm hậu cần cho lực lượng ta chốt giữ Thành Cổ đang căng như dây đàn, nghe chúng tôi giới thiệu là cán bộ Đoàn 559 vào liên hệ tìm đường, phối hợp với hậu cần B5 vận chuyển vật chất vào tiếp tế, các anh ở hậu cần B5 mừng quýnh lên. Theo chỉ dẫn của mấy anh đúng là “thổ công” ở đây, chúng tôi xác định được nếu vận chuyển vào bằng đường sông sẽ theo kênh Vĩnh Phước, sông Vĩnh Định vào Quy Thiện, An Điền, và theo sông Thạch Hãn tới Thành Cổ. Hàng giao cho hậu cần B5 ở Phù Liêu, Tài Lương... Nếu vận chuyển theo đường biển vào thì giao tại Gia Đăng, Mỹ Thủy. Chúng tôi cũng thống nhất với các anh hậu cần B5 về mật khẩu, ký tín hiệu, hiệp đồng thời gian giao nhận hàng.

Chờ cho trời nhá nhem tối, chúng tôi theo đường tắt đi An Lưu ngược ra xã Triệu Trạch. Đi được dăm cây số, tôi bàn với anh Trung tìm chỗ nghỉ lại, để ngày mai tìm hiểu kỹ hơn luồng lạch sông, chỗ giao hàng. Nghe tôi nói, cậu thanh niên tên là Tĩnh, rụt rè đề nghị nhà anh ở rất gần, mời cả đoàn vào nghỉ, kết hợp cho anh thăm ba, mẹ; cậu ta cũng không giấu giếm ao ước bấy lâu có dịp được khoe với gia đình, chòm xóm là anh ta đã thành chiến sĩ Giải phóng đích thực. Đúng là “nhất cử lưỡng tiện”, tôi đồng ý luôn.

Thấy cậu con trai dẫn chúng tôi về nhà quá đường đột, ông bà chủ luống cuống, bối rối. Tôi đọc được ẩn chứa sau cử chỉ bối rối là sự ngỡ ngàng, sung sướng của ông bố, bà mẹ khi thấy đứa con của mình đã chững chạc trong dáng dấp của chiến sĩ giải phóng, lại mời được “quý thủ trưởng” về nhà, và thủ trưởng với lính lại xưng hô, đối xử rất bình đẳng, gần gũi.

Ngồi chơi, chuyện trò với chủ nhà một lúc, bác gái đã bưng lên một mâm cơm khá thơm tất. Đang đói, anh em chúng tôi cũng chẳng khách sáo gì, mời gia đình và gọi Tĩnh lên ăn cơm. Nghe tôi bảo vậy, bố mẹ cậu ta lại càng sửng sốt; ông bà không tin lính lại được ngồi cùng ăn cơm với sĩ quan. Tôi phải nói rõ đó là nếp sống hằng ngày, quan hệ thân tình giữa cán - binh của Bộ đội Cụ Hồ. Khi chúng tôi ăn cơm, đến lượt hai cô em gái của Tĩnh đứng phía sau quạt liên tay; tôi nói với cô em gái đưa quạt cho tôi, rồi vừa quạt tôi vừa ăn...

Ngủ lại vùng giải phóng một đêm, sáng hôm sau, trời chưa tỏ mặt người, sau bữa khoai lang lột da ngon tuyệt trần, anh em chúng tôi tạm biệt gia đình, tiếp tục cuộc hành trình và trở về đơn vị đúng hẹn. Sau khi chúng tôi trở về, Phó chính ủy Lê Xy cho triệu tập ngay cuộc họp cán bộ chủ trì Bình trạm 12. Tại cuộc họp này, tôi và anh Trung báo cáo cụ thể chi tiết các tuyến đường thủy có thể tổ chức vận chuyển chi viện cho Thành Cổ - trọng tâm là hệ thống sông Thạch Hãn, gồm tuyến chính là sông Thạch Hãn và các phụ lưu khác như: sông Canh Hòm, Vĩnh Định, Vĩnh Phước, sông Hiếu... Với sông Thạch Hãn, ta có thể dùng thuyền trọng tải 10 tấn, còn các tuyến sông khác, chỉ có thể dùng thuyền nhỏ chở vài ba tấn.

Về cung chặng vận chuyển, chúng tôi xác định: Nếu vận chuyển ven biển, sẽ nhận hàng ở Vĩnh Thái chạy thẳng một mạch vào giao hàng ở Gia Đăng, Mỹ Thủy. Nếu đi đường sông sẽ qua hai cung: Nhận hàng từ Hồ Xá - Vĩnh Lâm, đi theo sông Sa Lung, ra sông Bến Hải, vào sông Canh Hòm rồi vào sông

Thạch Hãn đến Mai Xá là kết thúc cung thứ nhất; Cung thứ hai từ Mai Xá ngược sông Thạch Hãn lên thị xã và Thành Cổ. Yêu cầu phải có bộ đội vận chuyển. Mỗi cung phần đầu mỗi đêm một chuyến. Chúng tôi cũng dự kiến phương án sau khi tập kết tại Mai Xá có thể tách thành hai cánh; một cánh đi lên thị xã, Thành Cổ; một cánh đi theo sông Vĩnh Định chi viện cho lực lượng bảo vệ cánh Đông Quảng Trị, gồm các sư đoàn chủ lực và cụm hậu cần B5 ở Phù Liễn, Tài Lương.

Nghe chúng tôi báo cáo xong, Phó chính ủy kết luận các tuyến và cung độ vận chuyển cơ bản hợp lý. Cần chú ý dự kiến các tình huống luồng lạch cạn, để chủ động có lực lượng khai thông. Vấn đề cơ bản thứ hai là ông thông báo Bộ Tư lệnh 559 đã quyết định thành lập Tiểu đoàn vận tải thủy mang phiên hiệu 166 trực thuộc Binh trạm 12. Tiểu đoàn 166 gồm ba đại đội (Đại đội 7 Đoàn Hồng Hà - Tổng cục Hậu cần chuyển thuộc; Đại đội 8 từ khu vực đường 12 xuống và sẽ thành lập thêm Đại đội 9 - điều một số cán bộ, chiến sĩ của Đại đội 7 và Đại đội 8 sang). Tăng cường cho Tiểu đoàn 166 còn có một đại đội công binh phá bom, thủy lôi và hai đại đội dân công hỏa tuyến - một để nạo vét luồng lạch, một để bốc xếp hàng hóa.

Ban Chỉ huy tiểu đoàn gồm năm sĩ quan. Và thật bất ngờ, khi anh Vũ Quang Bình đọc danh sách, thì tôi được trên chỉ định làm Chính trị viên tiểu đoàn. Anh Lê Hoan - nguyên cán bộ hải quân tăng cường làm Tiểu đoàn trưởng, anh Nguyễn Trung - Tiểu đoàn phó, anh Huỳnh Khương - nguyên đội trưởng đội kích kéo làm Tiểu đoàn phó kỹ thuật, anh Nguyễn Văn Hiệm - làm Chính trị viên phó. Sở chỉ huy cơ bản của tiểu đoàn đóng ở làng Mai Xá; sở chỉ huy căn cứ đóng trong rừng cao su Vĩnh Hòa.

Cùng ngày hôm đó, Ban Chỉ huy tiểu đoàn họp quán triệt nhiệm vụ, từng người theo đó triển khai ngay. Chậm trễ công việc vận chuyển chi viện lúc này là có tội lớn với những đồng chí đồng đội đang chiến đấu giữ Thành Cổ.

Ngay sau buổi họp đầu tiên của Ban Chỉ huy tiểu đoàn, anh Khương tổ chức tiếp nhận phương tiện ca nô, thuyền, xuồng, để định hình đội hình vận chuyển đường sông. Anh Lê Hoan và anh Trung ra Vĩnh Thái trực tiếp tổ chức chỉ huy chi viện tuyến ven biển. Lực lượng vận chuyển đường biển chủ yếu là đơn vị vận tải thủy thuộc Đoàn Hồng Hà do Tổng cục Hậu cần tăng cường.

Căn cứ tình hình thực tế, chúng tôi thống nhất cho thuyền đi gần bờ, tránh đụng tàu của địch. Thực hiện quyết định của chỉ huy tiểu đoàn, Chính trị viên phó Ngọc The và đại đội phó Đại đội 7 Xuân Kiểu phụ trách lực lượng vận chuyển theo đường biển. Ở tuyến đường biển, anh em bước đầu thực hiện có hiệu quả.

Ở tuyến đường sông, tôi cùng anh Huỳnh Khương trực tiếp chỉ huy Đại đội 8 nhận và tổ chức hạ thủy thuyền máy, tại bến Châu Thị - sông Bến Xe. Chỉ trong hai đêm, Đại đội 8 do đại đội trưởng Nguyễn Sắc chỉ huy đã tiếp nhận và hạ thủy được trên hai chục xuồng. Tôi và anh Khương cho khởi động chạy thử rồi đưa ngay vào giấu phía bờ sông thuộc xã Vĩnh Lâm. Máy bay địch phát hiện được thì không chỉ xuồng chẳng còn mảnh tôn mà kế hoạch vận chuyển cũng sẽ thất bại.

Công việc chuẩn bị hoàn tất, cuối tháng 6, lực lượng vận chuyển đường sông của Đại đội 8 bắt đầu chuyển hàng vào chi viện cho các đơn vị chiến đấu giữ Thành Cổ. Các thuyền trưởng Cồn, Chung, Khiết, Toán, Tôn, Hoạt... được chọn xuất kích trận đầu. Thuyền đi ban đêm, mặc dù luồng lạch đã được khảo sát khá kỹ, nhưng luồng lạch chỗ nông, chỗ sâu... luôn là thử thách đối với các thủy thủ. Chưa hết, sông nào cũng đầy rong rêu, thuyền chạy được một quãng, rong rêu đã quấn chặt chân vịt, làm chết máy. Cán bộ, chiến sĩ phải trần mình đánh vật với rong rêu mới suôn sẻ được vài chuyến đầu. Sau đó, anh em thủy thủ nghĩ ra cách cài rào tre vào đầu thuyền để gạt rêu - giống như tàu phá băng, rồi dân quân du kích địa phương giúp nạo vét luồng sông, vớt rong rêu thì thuyền đi lại dễ dàng hơn.

Thuyền chở gạo, đạn, thuốc chiến thương vào tiếp tế cho các đơn vị chiến đấu giữ Thành Cổ và nhận thương binh chuyển về tuyến sau. Gần bốn mươi năm đã qua, nhưng tôi vẫn không thể nguôi quên sự vui mừng của các cán bộ, chiến sĩ Trung đoàn 48 khi nhận được nguồn gạo, đạn của chúng tôi chuyển vào và giải phóng được tình trạng thương binh của đơn vị dồn ứ không chuyển về tuyến sau kịp. Những con thuyền nhỏ nhoi của tiểu đoàn chúng tôi hoặc theo mép sóng biển vào giao hàng tại Gia Đăng, Mỹ Thủy; hoặc luồn lách theo luồng lạch uốn lượn các con sông, lặng lẽ trong đêm làm nhiệm vụ đã hứng chịu biết bao trận oanh kích của máy bay địch đủ loại và pháo từ các hạm tàu địch từ biển nã vào: biệt kích, tập kích... nhưng nghĩ tới những đồng đội đang gồng mình chốt giữ Thành Cổ, thì không một ai trong chúng tôi chùn bước, rời tay lái.

Đã ngót 10 năm lăn lộn trên chiến trường Trường Sơn, đã ngời sau tay lái ô tô vượt qua biết bao trọng điểm, tập đoàn trọng điểm đánh phá của kẻ thù, nào Văng Mu, Xiêng Phan, Tha Mé, Phu La Nhích, Tà Lê, của chữ A (ATP) ... hứng chịu biết bao trận lượt đánh của máy bay cường kích, rải thảm của B.52, nhưng chưa bao giờ và chưa ở đâu tôi chứng kiến sự đánh phá khốc liệt, dữ dội của địch như ở Quảng Trị mùa hè năm 1972. Chính ủy Đặng Tính cũng đã có lần thốt lên với anh em chúng tôi rằng: địch đánh trên đường Trường Sơn đã dữ, nhưng không có nơi nào ác liệt như ở Cửa Việt lúc này...

Sau này được đọc mấy câu thơ của anh Lê Bá Dương: Đò xuôi Thạch Hãn xin chèo nhẹ/ Đáy sông còn đó, bạn tôi nằm... tôi nghĩ có lẽ anh Dương đã dành nói về những người lính vận tải đường sông chúng tôi. Lúc đó, mỗi khi triều xuống, lòng sông hẹp; nước sông Thạch Hãn như đặc quánh lại bởi xác người, xác trâu bò trôi nổi, trộn với mùi bom đạn khét lẹt, nồng nặc... Nên dù có lấm lem bẩn thỉu, anh em chúng tôi cũng không dám rửa mặt... đúng nghĩa là dòng sông chết. Vậy mà chúng tôi vẫn căng sức ra, quần lộn với địch trên dòng sông này từ tháng 6 đến đầu tháng 10, đêm đêm chuyển hàng vào chi viện cho bộ đội chiến đấu ở thị xã, Thành Cổ.

Tối trung tuần tháng 7 cuộc chiến giữ Thành Cổ đã đến hồi vô cùng quyết liệt. Đây là thời điểm chúng tôi biết cứ mỗi ngày đêm, lực lượng chốt giữ Thành Cổ của chúng ta tổn thất tới một đại đội. Cũng vì vậy, anh em chúng tôi xác định việc tiếp sức cả lực lượng, vũ khí, lương thực cho Thành Cổ là vấn đề sinh tử. Đảng ủy, chỉ huy tiểu đoàn chủ trương tranh thủ tuần trăng, tập trung cả ba đại đội xuống để vận chuyển. Anh Nguyễn Trung chỉ huy thê đội 1, tôi chỉ huy thê đội 2. Anh Lê Hoan đốc chiến, chỉ huy chung.

Biết chúng ta quyết giữ Thành Cổ, một mặt địch tập trung máy bay trút bom, hòng hủy diệt bất cứ sự sống nào ở đây; tiếp đó, chúng cho bộ binh phản kích tái chiếm. Đồng thời, địch gia tăng phong tỏa các tuyến vận chuyển ven biển, đường sông, mà chúng cho rằng đây là những mạch máu ít ỏi sót lại nuôi sống những chiến sĩ Thành Cổ. Trên các tuyến sông, địch đánh phá cả ban ngày lẫn ban đêm, kết hợp bằng các loại bom phá, sát thương, nổ ngay, nổ chậm, bom từ trường, rải thủy lôi, v.v...

Phát hiện địch rải bom từ trường, thủy lôi, công binh và dân quân du kích đã khẩn trương tìm kiếm, rà quét để rồi cứ đêm đêm, những con thuyền của tiểu đoàn chúng tôi lại cần mẫn, lặng lẽ vượt lên hiểm nguy chết chóc, chuyển từng hòm đạn, tải gạo, hướng vào thị xã, vào Thành Cổ.

Tối 21 tháng 7 năm 1972, cũng như những đêm trước đó, tôi đi cùng Đại đội 8. Dẫn đầu đội hình đại đội là Trung đội 1 gồm các thủy thủ: Chung, Cồn, Khiết. Tiếp theo là thuyền của lái trưởng Đỗ Kính, Đại, Hiệp... Thuyền của chúng tôi đi gần cuối đội hình, do lái trưởng Sơn điều khiển. Thuyền khá đầm hàng, lặng lẽ đi trong đêm yên ắng. Đêm tháng 7, trời đầy trăng, sao. Nhưng sau vẻ yên bình, thì vị đó, thần chiến tranh đã cầm lưỡi hái đón chờ chúng tôi.

Thuyền rời bến được khá xa, đến ngang khu vực xã Triệu Thuận tôi chợt thấy

phía trước từng loạt ba phát đạn lửa - súng AK bắn chỉ thiên. Lái trưởng Sơn phán đoán có thể thuyền đi trước gặp biệt kích, báo hiệu để chúng tôi đi sau đối phó. Một vài loạt AK nữa lại nổ đánh gọn. Một thoáng phán đoán trôi qua, tôi bảo Sơn và anh em thủy thủ có lẽ thuyền đi trước bị hỏng, đang gọi cấp cứu.

- Đúng là tín hiệu cấp cứu rồi, tăng tốc lên để giúp anh em - Tôi nói to, sợ tiếng máy đang rồ lên, Sơn nghe không rõ.

Con thuyền gấn lên một nhịp rồi lao đi. Bất thần một quầng lửa bùng lên kèm một tiếng nổ dữ dội; cả con thuyền, mấy anh em chúng tôi cùng hàng hóa bị nhấc khỏi mặt nước, hất tung lên trời. Trong chớp lửa, mặc dù bị hất tung lên cao, nhưng trước khi bị ném xuống bùn nước, tôi cũng kịp thấy hình hài của vài anh em như khúc gỗ bị quăng quật.

Sau này, khi điều trị bình phục vết thương, sức khỏe ổn định, tôi được anh em kể lại rằng: Những loạt AK của anh em thuyền đi trước không phải báo hiệu hỏng hóc hay gặp nạn, mà báo với những thuyền đi sau là địch đã rải thủy lôi. Có điều, chưa kịp hiểu thông tin của nhau để xử lý thì thuyền của chúng tôi đã dính thủy lôi. Tôi bị hất tung cao, rơi xuống, đập sàn thuyền nên mặt mũi giập nát, bùn sộc vào miệng, mũi, tai... gần như tắc thở. Nhưng dẫu sao, nghĩ mình còn may mắn hơn Sơn - lái trưởng, Miến - thủy thủ và hai chiến sĩ chưa biết tên đã vĩnh viễn ra đi trong đêm 21 rạng ngày 22 tháng 7.

Hai chiến sĩ hy sinh mà anh em chúng tôi chưa nhớ tên thuộc quân số của một đơn vị chiến đấu khác. Trong thời điểm chiến sự khốc liệt diễn ra ở Quảng Trị, các em đã thất lạc, dạt về nơi tiểu đoàn chúng tôi đứng chân, rồi xin ở lại tham gia chuyển hàng và tìm đường về đơn vị. Vừa tới hồi chiều thì buổi tối lên thuyền bốc hàng, nào đã kịp biết tên nhau! Sau này, mỗi khi nghĩ về sự kiện đêm 21 tháng 7 năm 1972, nghĩ tới sự hy sinh của những chiến sĩ

chưa biết tên, trong tôi trào dâng nỗi xót thương ngậm ngùi...

Không chỉ thuyền của chúng tôi mà đêm đó, trên dòng Thạch Hãn, một thuyền của Đại đội 9 cũng bị pháo bầy của địch chụp xuống; toàn bộ cán bộ, chiến sĩ trên thuyền hy sinh... Một tổn thất quá lớn!

Trở lại với con thuyền gặp nạn của chúng tôi, sau khi vớt được tôi lên từ bùn, nước, anh em đưa ngay đến một căn hầm của du kích cạnh bờ sông, khẩn trương sơ cứu rồi tập trung tìm kiếm thi hài của Sơn và mấy anh em, đưa về mai táng gần bến sông, nơi con thuyền đắm, thuộc thôn Đại Lộc, xã Triệu Thuận, Triệu Phong.

Gần đây, vào mùa hè năm 2005, tôi cùng thủ trưởng Việt Phương và một vài đồng đội vốn là lính Tiểu đoàn 166 trở lại Quảng Trị. Hơn 30 năm trôi qua kể từ sự kiện buồn của tiểu đoàn, đất trời, sông nước, xóm làng biết mấy đổi thay, về lại Triệu Thuận, như linh tính mách bảo, chỉ cần hỏi một lần chúng tôi đã tới đúng lối mòn xuống bến sông mà thuyền dính thủy lôi năm nào. Nhà thờ xưa và hàng ô rô ven sông ngày nào vẫn còn như những chứng tích lịch sử. Và thiêng liêng hơn là qua vài câu chuyện, bà con ở đây cho chúng tôi biết, một năm trước đó, khi hút cát lòng sông, dân phát hiện một chiếc thuyền đắm với nhiều hòm súng đạn, đã báo cho Ban Chỉ huy quân sự huyện xuống cầu đi rồi. Mộ của Sơn đã được gia đình ở Thanh Hóa vào cất bốc đưa về quê. Riêng mộ hai chiến sĩ chúng tôi chưa biết tên, đã được chính quyền, nhân dân quy tập về nghĩa trang liệt sĩ của địa phương. Nghe bà con nói vậy, tôi cảm thấy thanh thản được phần nào.

Về phần tôi, sau khi được sơ cứu, anh em để tôi trong căn hầm ven sông, và sáng hôm sau có một nữ dân quân ra trông nom. Trong tình trạng nửa tỉnh nửa mê, tôi nghe cô xưng tên là Yến. Gần trưa, tôi thoảng nghe Yến nói: Chắc anh đói quá rồi, để em nấu cháo anh ăn. Đau đớn, cổ họng bỏng rát,

nhưng nghe Yến dỗ dành tôi cũng cố nuốt được một bát cháo để lấy sức.

Nằm trong hầm nóng như nung trong một ngày, tối hôm đó, trung đội trưởng Đàm Nghị lái xuồng đưa tôi về Mai Xá. Đã tỉnh lại, phút chia tay, tôi cảm ơn Yến. Trên bến sông, dưới ánh trăng, hình bóng người thôn nữ Triệu Phong hiện lên trong tôi với tất cả lòng biết ơn, cảm mến.

Thời gian tôi ở Mai Xá điều trị vết thương, anh Nguyễn Đàm - Cục phó Cục Tham mưu vận chuyển được Bộ Tư lệnh Trường Sơn phái xuống động viên cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 166 đã không quản hy sinh, gian khổ, ác liệt, thực hiện tốt nhiệm vụ vận chuyển chi viện cho lực lượng của ta chốt giữ Thành Cổ.

Xuống thăm thương binh tại đội điều trị của tiểu đoàn, vốn rất thân quen với anh em lái xe chúng tôi, anh Nguyễn Đàm giải bày rất chân tình: Bao nhiêu năm lăn lộn ở biết bao “tọa độ lửa”, “cung đường lửa” chẳng xây xước gì, nay mới xuống nước vài tháng đã dính thủy lôi. Tuần không hợp với mệnh Thủy. Nhưng còn may là không què gãy gì - Có điều sâu sát mặt mày, bết đẹp trai đi một chút - nhìn cậu lúc này chắc Cử xót xa lắm (anh Đàm cũng biết vợ tôi đang công tác ở Viện 59 thuộc Cục Hậu cần Bộ Tư lệnh 559. Đã cùng nhau công tác chiến đấu nhiều năm ở Trường Sơn, lại thành vợ thành chồng trong những năm bom đạn, nên vợ chồng chúng tôi được Thủ trưởng Bộ Tư lệnh, đồng đội biết và dành cho nhiều thiện cảm).

Anh Đàm còn chỉ thị cho anh Hoan, anh Hiệem đưa tôi về ngay Đội điều trị 14, tuy vết thương của tôi không nặng, nhưng ở mặt, tổn thương mũi, điều kiện chữa trị ở đây hạn chế, dễ nhiễm trùng, thêm “cái sảy nảy cái ung”...

Công việc của tiểu đoàn đang lúc cao trào, nhưng vì tất cả đã vào guồng, anh em ở lại đảm đương tốt, tôi đi cùng xe anh Đàm về Đội điều trị 14 ở gần Nông trường Quyết Thắng. Suy tính đơn giản là vậy, nhưng phút chia tay anh em đồng đội lên xe về tuyến sau, tôi cảm thấy mình như mang nợ với tiểu đoàn, với những người ở lại.

Được chăm sóc, thuốc thang chu đáo, sau khoảng chục ngày ở Đội điều trị 14, vết thương của tôi tạm ổn, đã lên da non. Tuy nhiên, do vết thương vùng mặt, nên cảm giác vướng víu, khó chịu chưa buông tha tôi. Đang tính gắng ít ngày nữa thuốc thang theo chỉ định của quân y và chỉ huy đội điều trị thì tôi nhận được tin rạng sáng ngày 21 tháng 8, làng Mai Xá - nơi Đại đội 8 đứng chân phải hứng chịu một trận pháo của địch. Bà con không ai việc gì, nhưng thuyền của Đại đội 8 vừa chuyển hàng về cập bến, anh em chưa kịp trở tay, thì Hoàng Tôn đã hy sinh bởi một mảnh đạn pháo oan nghiệt. Được tin, lòng tôi như xát muối. Không thể yên lòng ở lại, tôi quyết xin ra viện. Bác sĩ Kiểm thấy thái độ cương quyết của tôi, đành phải xuống nước đồng ý. Anh cẩn thận cấp thêm một ít thuốc, dặn dò tôi sử dụng.

Được về tiểu đoàn, vậy là ổn rồi. Sau bữa cơm trưa, tôi tranh thủ đánh một giấc. Nạp thêm được giấc ngủ nào hay tí đó. Mai kia về đơn vị làm gì có.

Vừa chợp mắt, tôi giật mình choàng dậy bởi tiếng máy bay cường kích F105 rít lên cùng với tiếng ầm ì như tiếng xay lúa ngày một to, đúng là F105 hộ tống máy bay B.52. Như phản xạ tự nhiên, tôi lao về phía cửa hầm. Nhưng vừa tới cửa hầm một luồng sức ép cực lớn xô tôi ngã sấp xuống. Một loạt bom rải thảm chụp xuống cả khu vực. Rất may là thương binh và nhân viên đội điều trị đã kịp xuống hầm và không quả bom nào trúng hầm, nên tổn thất không nghiêm trọng. Nhưng trận bom rải thảm báo hiệu vị trí đóng quân đã bị lộ. Đội điều trị phải sơ tán sang chỗ khác ngay. Trong khi đội điều trị chuyển vị trí thì tôi được trở về hậu cứ của tiểu đoàn ở Vĩnh Hòa.

Thời điểm tôi trở về, tiểu đoàn đang tập trung giải quyết hậu quả trận đánh ngày 21 tháng 8 của địch, dồn sức vận chuyển để bù đắp lượng thiếu hụt do gián đoạn vận chuyển. Công việc tạm ổn, Thường vụ Đảng ủy tiểu đoàn họp mở rộng bàn bạc đề nghị bổ nhiệm mấy cán bộ chủ chốt: thay chính trị viên đại đội Lương Văn Đạt hy sinh, thay đại đội trưởng bị bãi chức...; xét đề nghị Bộ Tư lệnh khen thưởng các cá nhân, đơn vị đạt thành tích xuất sắc, đề nghị kết nạp những quần chúng xuất sắc vào Đảng... Hết nửa buổi sáng mới làm gọn được nội dung đề nghị bổ nhiệm cán bộ, kết nạp đảng viên; bỗng mấy loạt AK đánh gọn vang lên. Có tiếng ai hô to: Xuống hầm ngay, B.52!

Gần như chai lì với cảnh báo động kiểu này, Nguyễn Sắc ngược nhìn mấy dải khói trắng dăng ngang trời và thủng thẳng nói:

- Nó dọa đấy thôi. Nếu có đánh, chưa chắc trúng, mà trúng chưa chắc chết - như ông Tuấn đây này - Có dễ chết đâu...! Rồi Sắc cười ngật nghẻo.

- Đừng chủ quan - Lê Hoan quát to. Xuống hầm ngay!

Nhưng không kịp nữa rồi. Một vệt bom rải thảm ập xuống khu hậu cứ của tiểu đoàn. Bom rơi tạo nên một trận cuồng phong xô tôi ngã sấp, đập mặt vào thành công sự. Một quầng lửa trùn lên chỗ Nguyễn Sắc đứng... Vệt bom thứ hai rơi gọn vào làng Mai Xá, rồi loạt thứ ba trút dọc theo sông Thạch Hãn. Làng Mai Xá chìm trong lửa khói.

Dứt ba loạt bom, tôi được anh Nguyễn Trung cùng mấy anh em bới hầm moi lên. Mặc dù mặt mày bỏng rộp, đau đớn vô cùng, nhưng tôi vẫn khá tỉnh táo. Chạy về phía Nguyễn Sắc, tôi thấy toàn thân anh cháy đen, nhưng tay chân vẫn còn động đậy đôi chút. Anh Trung và tổ quân y sơ cứu, thổi ngạt, tiêm

trợ sức cho anh, nhưng Sắc chỉ ngáp vài cái rồi nằm bất động... Chứng kiến sự hy sinh của một người đồng chí dũng cảm, tháo vát, hết mình vì nhiệm vụ, chỉ vài phút trước còn đùa cợt với hiểm nguy... lòng mỗi chúng tôi đau như cắt. Ai cũng bật khóc. Không thể nào kìm nén được.

Thấy vết thương của tôi có nguy cơ nhiễm trùng, dễ gây tổn thương vùng mặt, các anh trong Đảng ủy, chỉ huy tiểu đoàn cương quyết không cho tôi ở lại đơn vị mà buộc phải ra điều trị tại bệnh xá của Đoàn đặc công 1 hải quân ở Vĩnh Tú. Đoàn trưởng đặc công 1 lúc này là anh Mai Năng.

Vừa bị thương bầm dập sâu sát chưa khỏi hẳn, nay lại bị lửa tấp, da mặt tôi bỏng rộp, mũi bị biến dạng, chỉ cần ai đụng vào một chút là xót đến tận ruột gan. Nước vàng từ vết bỏng tứa ra suốt ngày đêm làm môi cho ruồi nhặng. Tôi ngồi ở đâu thì ruồi nhặng bầu lại, đi đâu thì chúng bay theo. Tay xua đuổi liên hồi vẫn không lại. Buộc lòng phải dùng mũ cứng đội, rồi trùm mảnh vải màn bên ngoài, buộc quanh cổ để chống ruồi muỗi, giống như thiếu nữ theo đạo Hồi che mặt khi ra đường. Lúc chỉ một mình, tôi kiểm mảnh gương tự ngắm dung nhan của mình. Chao ôi - thật kinh khủng! Sau hơn một tuần điều trị, vết bỏng se lại, đỡ rát, dần dần kéo da non, nhưng tôi cũng không dám soi gương lần thứ hai. Sợ cái dị hình bám đuổi mình, chẳng buông tha.

Bị thương lần trước, tôi hình dung nỗi buồn của vợ nếu nhận diện tôi lúc đó, thì nay tôi bỗng thấy sợ, lo lắng nếu biết tin, cô ấy đến thăm. Vợ tôi là quân y sĩ, lại công tác ở tuyến lửa, đã trực tiếp điều trị, cứu chữa nhiều thương bệnh binh; nhưng cô ấy chuyên nội khoa, liệu có hình dung khuôn mặt gớm ghiếc của tôi lúc này! Nhưng nghĩ đến tình cảm vợ chồng, nghĩ đến bao người con gái chung thủy sắt son bên những người chồng thương tật, tôi như được tiếp thêm nghị lực, sức mạnh để vượt qua những mặc cảm đời thường.

Thương tật chồng lên thương tật, buộc tôi phải nằm lại bệnh xá của Đoàn đặc

công 1 thêm một thời gian. Phần bị vết thương hành hạ, phần nóng lòng nghĩ tới anh em đơn vị đang ngày đêm gồng mình lên bất chấp mưa bom bão đạn, chuyển hàng cho bộ đội ta ở Thành Cổ, làm cho tôi đứng ngồi không yên.

Cuối tháng 8, anh Hiệem thay mặt chỉ huy tiểu đoàn ra bệnh xá thăm tôi. Chỉ mới hơn tháng trời xa đơn vị mà ngỡ như hàng năm.

- Anh bị thương hai lần liền nhau, mà hôm nay mới thay mặt đơn vị ra thăm được, thật có lỗi quá - Anh Hiệem nói như giải bày, rồi ái ngại nhìn “dung nhan” của tôi.

- Đúng ra là tôi có lỗi với tiểu đoàn - tôi đáp - Đang lúc nước sôi lửa bỏng, tôi lại phải rời vị trí chỉ huy. Nhưng nay, tôi khỏe rồi, vết thương tạm ổn, bệnh xá trưởng cũng đã đồng ý, tôi sẽ về với anh em.

- Hình như đơn vị có chuyện gì phải không? - Ngó thái độ của anh không “hoạt” lắm - Tôi hỏi.

Không giấu lòng mình, anh Hiệem kể với giọng buồn buồn:

- Từ giữa tháng tám lại nay, tình hình chiến sự ở khu vực Thành Cổ và vùng ven cực kỳ ác liệt, phi pháo địch oanh kích suốt ngày đêm, bộ đội thương vong nhiều, dân buộc phải sơ tán. Tiểu đoàn kiên gan trụ bám sông lạch, tổ chức vận chuyển, nhưng đêm nào cũng bị đánh chặn; thêm gần một chục thủy thủ và hai cán bộ trung đội hy sinh. Mỗi đêm cũng chỉ vài ba thuyền tới đích trọn vẹn; hàng giao được dăm bảy tấn; chở được một số thương binh về tuyến sau. Cao điểm là từ ngày 23 đến 25 tháng 8, máy bay địch rà quét dọc

các tuyến sông Vĩnh Định, Thạch Hãn... Ba đêm ta thiệt hại ba thuyền. Một số anh em hoang mang, tìm cơ thoái thác nhiệm vụ. Chỉ huy tiểu đoàn đã động viên, thuyết phục, nhưng tình hình chưa biến chuyển.

- Tôi sẽ về, anh em mình cùng nhau tháo gở. - Tôi ngắt lời anh Hiệ.

Mặc dù anh Hiệ can ngăn, nhưng đã quyết là tôi không giải thích nhiều. Liên đó, tôi thuyết phục bằng được đồng chí bệnh xá trưởng cho phép tôi xuất viện. Cuối cùng, tôi trở về đơn vị trước thời hạn cho phép, và mặt vẫn phủ vải màn giống như thiếu nữ đạo Hồi ra đường.

Tôi về tiểu đoàn hôm trước, hôm sau anh Hiệ cho triệu tập bộ đội sinh hoạt và giới thiệu tôi đang kỳ điều trị vết thương nhưng xin xuất viện về đơn vị công tác, tranh thủ nói chuyện với anh em.

Anh Hiệ ngừng lời, tôi dành vài chục phút trò chuyện cùng anh em, không “lên gân lên cốt”, mà với những lời tâm sự, chân tình, bày tỏ nỗi day dứt khi anh em đang trần mình đội bom đạn kẻ thù để chuyển hàng đêm đêm thì tôi lại đi “lánh nạn”. Tôi nói nhiều đến thương vong, mất mát của những chiến sĩ Thành Cổ và sự hy sinh lớn lao của anh em đồng đội trong tiểu đoàn là khó tránh khỏi. Tôi dù bị thương tới hai lần trong hơn nửa tháng, nhưng so với những đồng chí, đồng đội đã ngã xuống, so với Sơn, chính trị viên đại đội Lương Văn Đạt... vẫn còn hạnh phúc hơn nhiều. Ngay trong đêm nay, tôi sẽ cùng anh em xuống thuyền...

Không khí buổi họp đang im ắng bỗng có tiếng thì thào, rồi liền một lúc mấy anh em liên tiếp: “Em đi cùng thủ trưởng”, “Tôi cũng đi tối nay”...

Cảm động dâng trào. Tôi biết một cơn dông bão đã nổi trong lòng những người lính. Vậy là tối nay tôi sẽ cùng những chiến sĩ của mình tiếp tục vật lộn với sông nước, sống chết có nhau. Cái “nút thắt” của tiểu đoàn cơ bản đã được cởi bỏ. Anh Hiệm thở phào như trút được gánh nặng, ghé tai tôi thì thầm: Tuấn đã thuyết phục anh em bằng chính việc làm của mình và bằng những lời thân tình, nhỏ nhẹ nhất. Thế mới biết, đâu phải lúc nào cũng cần “đao to búa lớn” mới được việc.

Tối đó, trời vắng trăng sao, hai chiếc thuyền máy lại lặng lẽ đưa tôi và mấy anh em trở lại nơi mà chúng tôi ví như là “túi lửa”, và tiếp những ngày sau đó, tối tối, cán binh lại ngược xuôi sông Vĩnh Định, sông Thạch Hãn chuyển gạo, đạn vào và đưa thương binh về tuyến sau.

Trung tuần tháng 9, vùng Trị Thiên, mùa lụt lội đang lên đỉnh điểm. Nước các triền sông dâng đầy, thuyền đi lại dễ dàng hơn. Nhưng chính vào thời điểm đó, chúng tôi nhận lệnh trên: dừng chuyển hàng vào Thành Cổ; khẩn trương tổ chức lực lượng vận chuyển chi viện cho các đơn vị ngăn chặn địch lấn chiếm lên phía tây và vượt sông qua Nham Biều, Ái Tử...

Vào thời điểm đó, mọi suy nghĩ, hành động tập trung cho thực hiện nhiệm vụ trên giao, nên chúng tôi đâu biết, sau 81 ngày đêm hoàn thành nhiệm vụ chốt giữ Thành Cổ trợ lực cho hoạt động đấu tranh ngoại giao tại Hội nghị Pa-ri, các đơn vị của ta đã rút khỏi Thành Cổ.

Do lũ lụt kéo dài, vận tải bộ gặp khó khăn, tiểu đoàn vận tải thủy chúng tôi tổ chức thành các phân đội nhỏ, được các đội thuyền của du kích địa phương phối hợp vận chuyển gạo, đạn cho các hướng đang chặn địch lấn chiếm.

Đầu tháng 10, anh Lý Tự Nhiên cùng một số phái viên của Cục Chính trị vào nắm tình hình tiểu đoàn và phổ biến một số thông tin khái quát về diễn biến Hội nghị Pa-ri. Anh cũng chuyển lời của Phó chính ủy Lê Xy dặn dò tôi rằng vết thương chưa khỏi hẳn, đừng xúc vác quá sức. Anh chuyển cho tôi mấy lá thư của Cử. Thư nào cũng không giấu nổi sự lo lắng khi được tin tôi hai tháng hai lần bị thương; không hình dung được tình trạng sức khỏe, thương tật của tôi thế nào! Muốn chạy ù vào chỗ tôi nhưng ở Viện 59 thương binh đang quá tải, cần chữa trị chăm sóc...

Đọc ngấu ngiên những dòng chữ thân thương, trong tôi dâng trào niềm hạnh phúc. Thứ nhất, dù có bị thương hai lần nhưng tôi vẫn là người lành lặn, khỏe mạnh, đang trở về đội ngũ cùng anh em đồng chí tiếp tục chiến đấu, công tác; thứ hai, giữa nơi hòn đạn mũi tên rình rập, sự sống cái chết không lẫn ranh, vợ chồng tôi vẫn gần nhau cả trong suy tư, trong công tác..., vẫn dành cho nhau những lời yêu thương... Hạnh phúc thật lớn lao!

Vào một sáng trung tuần tháng 10 năm 1972, tôi đang cùng anh Hoan trao đổi công việc tại nhà Ban Chỉ huy tiểu đoàn thì nhận được điện của anh Vũ Quang Bình - Chính ủy Binh trạm 12 truyền đạt lệnh của Phó chính ủy Lê Xy điều tôi và 50 thủy thủ giỏi ra ngay Binh trạm 17 ở Hiền Ninh - Quảng Ninh - Quảng Bình nhận nhiệm vụ mới. Lại một cú bất ngờ nữa! Nhưng, cuộc đời là tiếp nối những chuyển đi - Ai đó đã từng nói như vậy. Lại một cuộc chia tay trong thoáng chốc. Tạm biệt các anh Lê Hoan, Nguyễn Trung, Nguyễn Hiệm, Huỳnh Khương và anh em cơ quan tiểu đoàn; tạm biệt làng Mai Xá, tôi đi thuyền ra Hồ Xá. Ghé Binh trạm 12, tôi gạn hỏi anh Bình có biết trên điều chúng tôi ra làm gì ngoài đó hay không? Anh Bình đáp thủng thẳng:

- Giấu làm gì cậu, bọn tớ mù tịt, ông Xy đã gọi thì cứ ra. Có việc gì cần lắm, ông Nguyễn và ông Xy mới gọi. Các ông ấy không đưa các cậu ra ngoài ấy chơi. Nghe chừng gấp gáp lắm. Mình đã chuẩn bị xe, anh em tranh thủ đi sớm.

Không “moi” được gì ở Chính ủy binh trạm, chúng tôi : theo chiếc Zin 157 ra Hiền Ninh. Vừa chân ướt, chân ráo tới sở chỉ huy Binh trạm 17, báo cáo trực ban xong, chưa hiểu đầu cua tai nheo gì, người của binh trạm đã đón tôi vào dự hội nghị quân chính và nói đó là lệnh của Phó chính ủy Lê Xy đang chủ trì hội nghị.

Vào dự họp, tôi chứng kiến không khí khá căng thẳng. Đồng chí Phó chính ủy tỏ ý không hài lòng với kết quả vận chuyển của Binh trạm 17. Với chất giọng Nghệ Tĩnh mộc mạc, nặng nề, nên thoáng nghe ông “lên lớp”, thấy rất gay gắt. Cái gay gắt của một cán bộ hết mình vì công việc, vì nhiệm vụ. Ông chất vấn:

- Ở đây địch đánh làm gì ác liệt như mạn trong Quảng Trị, tại sao các anh không thể thực hiện hai đêm một chuyến? Có phải là do tư tưởng không? Trong khi hàng từ ngoài dồn vào đây, yêu cầu phải giải tỏa ngay, thì các anh cứ đủng đà đủng đỉnh thế này, thật không ổn. Bộ Tư lệnh quyết định đưa anh Tuấn và năm chục thủy thủ thiện chiến nhất của Tiểu đoàn 166 vừa kết thúc nhiệm vụ vận chuyển chi viện Thành Cổ ra tăng cường cho các anh, phải thực hiện ngay hai đêm một chuyến, sau đó rút xuống ba đêm hai chuyến - một đêm một chuyến...

Dứt lời, ông kéo tôi đứng dậy giới thiệu với toàn thể hội nghị. Rồi ông ra lệnh: Theo quyết định của Bộ Tư lệnh, anh Tuấn về ngay Tiểu đoàn 4 làm Chính trị viên tiểu đoàn; cùng với số anh em của Tiểu đoàn 166 ra làm nòng cốt. Gắng bàn tính với các anh trong Ban Chỉ huy tiểu đoàn để thực hiện ngay yêu cầu tôi vừa nói.

Nghe Phó chính ủy Lê Xy nổ một tràng như liên thanh tôi liếc ngay thấy anh

Trọng - Chính ủy Binh trạm 17, anh Đồng - Binh trạm trưởng tỏ vẻ ngại ngại.

Từ tốn nhận lệnh trên, tôi cũng xin phép Phó chính ủy cho mấy đêm nghiên cứu tìm hiểu tình hình, để khi xuống tiểu đoàn có cái mà bàn bạc với các anh dưới đó. Ông Lê Xy miễn cưỡng chấp thuận.

Vài ngày sau, đồng chí Phó chủ nhiệm chính trị Binh trạm 17 dẫn tôi cùng năm chục anh em ra Tiểu đoàn 4 Đoàn vận tải thủy Hồng Hà đóng ở gần bến đò Trùng Quán - sông Nhật Lệ. Ban Chỉ huy tiểu đoàn lúc này cơ cấu đầy đủ: Tiểu đoàn trưởng, Tiểu đoàn phó, Chính trị viên trưởng, Chính trị viên phó, nay cấp trên đưa tôi xuống làm Chính trị viên; hơn nữa các anh ở đây tuổi đều trên dưới 40, còn tôi khi đó mới 28, nên thực lòng tôi rất ngại. Mặc dù các anh chỉ huy tiểu đoàn đã hiểu chủ định của trên, cởi mở, ủng hộ tôi, nhưng tôi vẫn mạnh dạn đề nghị Đảng ủy tiểu đoàn tiếp tục lãnh đạo, các anh cứ ở nguyên cương vị, chúng tôi chỉ là lực lượng tăng cường. Tôi cũng đề nghị chia năm chục anh em thủy thủ của Tiểu đoàn 166 ra bố trí xen vào các đơn vị.

Đã có mấy đêm nghiên cứu tìm hiểu tình hình, nên sau khi thống nhất sơ bộ trong Ban Chỉ huy tiểu đoàn, tôi trực tiếp cùng anh em tổ chức chuyển hàng luân. Sau vài chuyến, tôi thấy đường không dài, vận chuyển hai đêm một chuyến rất thoải mái. Vấn đề mấu chốt là vị trí nhập hàng. Từ Bảo Ninh thuyền phải sang bến Tam Tòa gần nhà thờ Tam Tòa để bốc hàng, thường bị máy bay địch ném bom tọa độ rất chính xác. Bốc hàng chậm sẽ ảnh hưởng đến cả quá trình vận chuyển.

Qua nghiên cứu, tôi bàn với các anh trong Ban Chỉ huy tiểu đoàn và anh em thủy thủ là phải “thi gan” với địch, mạnh dạn đưa thuyền tiếp cận bến Tam Tòa từ sớm, nhận hàng luân, không phải chờ đợi; đồng thời khi vào chỗ trả hàng không chờ lực lượng đơn vị bạn, mà thủy thủ bốc hàng, giải phóng

thuyền luôn. Như một vòng quay, được điều vận hợp lý, cứ hai đêm chúng tôi thực hiện một chuyến hết sức nhẹ nhàng. Chỉ đến ngày 26, kế hoạch vận chuyển tháng 11 năm 1972, tiểu đoàn thực hiện xong. Trước đó tháng cao nhất, tiểu đoàn chỉ thực hiện được 80% kế hoạch, về sau, Bộ Tư lệnh 559 tăng cường thêm phương tiện, lực lượng để Binh trạm 17 tổ chức thêm một số đơn vị vận tải thủy, việc giải tỏa hàng hóa từ ngoài Bắc chuyển vào được thực hiện chóng vánh hơn.

Cuối năm 1972, hoạt động vận chuyển tạo chân hàng cho tuyến 559 ở địa bàn đường 9 - Bắc Quảng Trị ngày một dồn dập. Thực hiện chỉ đạo của Bộ Tổng tư lệnh và Chính phủ, Tư lệnh bộ đội Trường Sơn - Đồng Sĩ Nguyên bàn với Bí thư Tỉnh ủy Quảng Bình - Nguyễn Tư Thoan và Tỉnh ủy Quảng Bình thành lập Bộ Tư lệnh vận tải hỗn hợp gồm lực lượng vận tải thủy bộ của Đoàn 559 và lực lượng giao thông vận tải tỉnh Quảng Bình.

Một hôm, tôi nhận được điện triệu tập của Bộ Tư lệnh 559. Lên tới nơi, tôi thấy anh Mai Trung - thư ký của Tư lệnh Đồng Sĩ Nguyên đang đợi. Anh Mai Trung thông báo lệnh của bác Nguyên và đón tôi cùng Chính ủy Binh trạm 17 ra Trùng Quán làm việc với Bộ Tư lệnh. Ra tới nơi, chúng tôi được dẫn lên làm việc với Tư lệnh, Phó chính ủy Lê Xy và anh Khóa - Tham mưu phó vận chuyển, anh Miên - Trưởng phòng cán bộ.

Tư lệnh hỏi chúng tôi tình hình vận chuyển của Binh trạm 17, nhất là vận chuyển đường thủy, rồi thông báo yêu cầu vận chuyển lập chân hàng cho tuyến 559 rất lớn, vận chuyển đường sông rất quan trọng, vì vậy Bộ Tư lệnh quyết định thành lập Binh trạm 19, còn Binh trạm 17 lùi ra tuyến ngoài, giao khu vực Tam Tòa cho Binh trạm 19 tổ chức vận chuyển hàng từ Đồng Hới vào đường 9 - Bắc Quảng Trị. Ông cũng thông báo Bộ Tư lệnh bổ nhiệm tôi làm Chủ nhiệm Chính trị Binh trạm 19, anh Đào Mỹ là Tham mưu trưởng. Sau khi Đảng ủy binh trạm được thành lập, tôi được chỉ định là ủy viên thường vụ.

Lúc đầu, Bộ Tư lệnh Binh trạm 19 đóng ở Bảo Ninh - quê của mẹ Suốt anh hùng - một vùng chỉ toàn cát và cát. Sau đó, chúng tôi quyết định chuyển qua thị xã đóng ở khu vực Đồng Phú, để nhận hàng cho tiện. Điều mà tôi không thể tin nổi là qua hai lần không quân, hải quân Mỹ đánh phá hủy diệt Đồng Hới mà ở đây vẫn còn một vài chỗ gần như nguyên vẹn.

Trong những lần làm việc với Tư lệnh Đồng Sỹ Nguyên, mặc dù ông không nói gì về diễn biến Hội nghị Pa-ri. Nhưng vào một buổi tối đầu tháng 1 năm 1973, anh Lê Nghĩa Sỹ - Phó chính ủy Bộ Tư lệnh 559 kéo mấy anh em trong Thường vụ Đảng ủy Binh trạm 19 ra một địa điểm bên bờ sông Nhật Lệ - phía Bảo Ninh. Dầm cái đầu chum lại bên mấy con thuyền hỏng, nghe anh Sỹ bí mật thông báo Hiệp định Pa-ri sắp được ký kết. Cả miền Bắc đang tranh thủ thời gian Mỹ “xuống thang”, dồn tất cả lực lượng chuyển hàng vào khu vực “yết hầu” Quảng Bình - Vĩnh Linh, cố gắng đưa được thật nhiều hàng qua bên kia sông Bến Hải, chủ động khi Hiệp định Pa-ri được ký kết không để đối phương bám lấy những quy định của công ước quốc tế gây khó dễ cho ta. Quả là một cuộc chạy đua lạng lã, nhưng vô cùng quyết liệt. Tôi bắt tay vào triển khai công việc mà lòng dạ bồn chồn, cố hình dung cảnh tình đất nước quê hương ngày hòa bình trở lại.

Một lần, anh Mai Trung - thư ký của Tư lệnh Đồng Sỹ Nguyên thông báo và đón tôi vào nhận nhiệm vụ gấp. Đồng chí Tư lệnh chỉ thị cho tôi rằng Bộ Tư lệnh Trường Sơn đã làm việc với đồng chí Nguyễn Tư Thoan và Tỉnh ủy Quảng Bình sẽ tăng cường thuyền máy để tổ chức hai tiểu đoàn vận tải thủy, lấy tên là Kiến Giang và Nhật Lệ. Binh trạm 19 tăng cường cho tỉnh hai đại đội chủ chốt, và tôi trực tiếp đi tổ chức, không phải về báo cáo Binh trạm bố trí người khác. Ông sẽ báo chỉ huy binh trạm sau. Quả là một mệnh lệnh khó cho tôi. Nhưng “Quân lệnh như sơn”, thời gian bây giờ và yêu cầu nhiệm vụ không cho phép “lòng vòng”, tôi về báo cáo lại chỉ huy Binh trạm và khẩn trương liên hệ với các anh ở tỉnh, trực tiếp là đồng chí Lại Văn Ly - Phó chủ tịch tỉnh và đồng chí Hanh - Phó ty Giao thông để triển khai nhiệm vụ trên giao.

Sau mấy ngày chuẩn bị, Tiểu đoàn vận tải thủy mang tên Kiến Giang của huyện Lệ Thủy chính thức được thành lập. Kiến Giang là tên con sông đẹp nổi tiếng của Lệ Thủy, của Quảng Bình. Lễ thành lập tiểu đoàn được tổ chức tại xã Đại Phong - huyện Lệ Thủy - một địa danh nổi tiếng của Lệ Thủy, Quảng Bình - lá cờ đầu của phong trào thi đua trên miền Bắc những năm đầu thập niên sáu mươi: “Cờ Ba Nhất, Gió Đại Phong, Sóng Duyên Hải...”. Tại buổi lễ, anh Kính - Chủ tịch Huyện ủy Lệ Thủy thông báo Tiểu đoàn Kiến Giang do huyện tổ chức, bảo đảm, nhưng toàn quyền chỉ huy là Binh trạm 19 và tôi là người trực tiếp thay mặt Ban Chỉ huy binh trạm.

Vì lực lượng vận tải của huyện Lệ Thủy chỉ quen sử dụng thuyền buồm, chưa sử dụng thuyền máy đẩy, nên lãnh đạo chỉ huy huyện đề nghị Binh trạm tập huấn lái máy đẩy. Tôi chọn một số thủy thủ có kinh nghiệm tổ chức huấn luyện cho dân quân tự vệ Lệ Thủy. Bộ đội và dân quân được hoạt động cùng nhau như cá gặp nước. Không khí tập luyện sôi nổi, vui vẻ. Chỉ mấy ngày là anh chị em sử dụng thành thạo thuyền máy. Tiểu đoàn Kiến Giang, Nhật Lệ phối hợp cùng Binh trạm 19 vận chuyển suốt ngày đêm.

Lúc này hàng từ các tỉnh phía Bắc chuyển vào nhiều, chưa chuyển kịp vào tuyến trong, chúng tôi cho sơ tán vào các làng ven sông như Bảo Ninh, Lương Ninh... Dân tự quản lý, bảo vệ. Điều đáng khâm phục, trân trọng là mặc dù khi đó đời sống của bà con nơi đây khó khăn, túng thiếu vô cùng, nhưng không ai đụng tới bất kỳ một hạt gạo, một vật dụng gì của Nhà nước. Tất cả đều được giữ gìn bảo quản chu đáo để chi viện chiến trường. Sau này có điều kiện tìm hiểu, tôi biết được bà con mình nơi đâu cũng đều có ý thức như vậy. Điển hình là năm 1972, khi Mỹ phong tỏa gắt gao các cửa sông, cảng biển miền Bắc, tàu Hồng Kỳ của Trung Quốc chở gạo chi viện cho ta không cập cảng được, phải cho gạo vào túi ni lông hai lớp và thả trôi trên biển, nhờ sóng đánh vào bờ. Nhân dân, dân quân các địa phương ven biển Hà Tĩnh, Quảng Bình tự tổ chức bốc vác, quản lý, giao tất tậ cho xã, huyện... để chuyển vào Nam.

Thực hiện kế hoạch vận chuyển của Binh trạm 19, Tiểu đoàn Kiến Giang nhận hàng ở Tam Tòa (Đồng Hới) và bến Mỹ Trung (trên sông Kiến Giang) để chuyển vào tuyến trong.

Thời gian này, ngoài tiểu đoàn vận tải thủy, Binh trạm 19 được bổ sung một đợt tân binh nữ, quê Nghi Lộc - Nghệ An. Biết đây là số chị em miền biển, ít nhiều quen với sóng với gió, nên chúng tôi quyết định tăng cường cho tiểu đoàn vận tải thủy và tổ chức tập huấn lái thuyền cho số tân binh nữ. Sau vài ngày, chị em sử dụng được thuyền máy. Khi bố trí về tiểu đoàn, lúc đầu xếp xen với nhau, về sau thì ba, bốn cô tự lái một thuyền. Nhìn những chiếc thuyền máy lướt trên sông Kiến Giang, Nhật Lệ; cầm lái là những thiếu nữ tràn căng sức sống, tóc vờn trong gió, khuôn dung rạng ngời..., cánh thanh niên chỉ biết ngẩn ngơ, ao ước...

Trong khung cảnh thanh bình, sông Kiến Giang thật đẹp dễ, nên thơ. Nước trong xanh trôi lững lờ giữa hai bờ rợp bóng cây. Len lỏi dưới những tán cây là con đường mềm mại chạy dọc hai bờ sông.

Vận chuyển trên sông Kiến Giang có hai điểm buộc cánh thủy thủ phải để mắt tới là đập ngăn mặn Mỹ Trung và vời Hồng Thủy.

Mùa đông năm 1972 cũng như lệ thường hàng năm, cứ ngoài Bắc gió mùa đông bắc tràn về là vùng Quảng Bình - Quảng Trị mưa trắng trời trắng đất. Khi đó nước thượng nguồn đổ về, ruộng đồng ven sông trắng nước, con sông nhỏ nhắn hàng ngày bỗng chốc mênh mông vô bờ. Điểm nhấn là xã Hồng Thủy - đến đây sông bỗng phình ra một quãng dài ngót chục cây số - mênh mông nước, nên dân trong vùng gọi là “vời Hồng Thủy”. Trong cái mênh mang đó, thuyền đi đúng lòng sông mới không mắc cạn, còn đi vào ruộng sẽ

lâm nạn ngay, vì nước ở triền ruộng chỉ quá đầu gối hoặc ngang thắt lưng mà thôi. Giữa biển nước mênh mông, trên trời máy bay Mỹ quần thảo, thả pháo sáng xoi mói, thuyền mắc cạn sẽ không lọt được mắt lữ giặc trời. Chưa hết, khi đi chệch luồng, lên chỗ nước cạn, chân vịt thuyền máy thường bị rong rêu, rơm rạ quấn chặt, chết máy liên tục. Vì vậy cánh thủy thủ rất ngại qua vời Hồng Thủy.

Vào những dịp mưa lớn, dài ngày, địch đánh chặn ác liệt, có anh em ngại, kiểm lý do thoái thác nhiệm vụ.

Là người sâu sát cơ sở, nắm chắc tình hình, Chính ủy Đặng Tính và Phó chính ủy Lê Xy xuống làm việc với Binh trạm 19 và tiểu đoàn vận tải thủy, bàn cách tháo gỡ ách tắc. Sau đó, hai ông xuống đại đội vừa được tăng cường hơn ba chục nữ, trực tiếp xem các cô chuẩn bị thuyền máy. Tại đây Chính ủy Đặng Tính cho tập trung số chị em lại để ông hỏi chuyện. Nghe báo cáo chị em quê Nghi Lộc - Nghệ An, đồng chí Chính ủy vui vẻ hỏi:

- Quê Nghi Lộc, chắc các đồng chí biết bơi cả chứ?

- Thừa chú - một cô nhanh nhẩu trả lời - có người biết, có người không: Ai có gia đình đi biển thì biết, còn làm nông thì không.

- Vậy khi chờ hàng, thuyền đắm thì làm sao?

- Báo cáo, chúng cháu nhảy xuống. Sông ở đây thường chỉ ngập đến cổ.

- Còn những chỗ sâu thì sao? Tôi biết sông sâu lắm.

- Thưa chú, khi đó chúng cháu bám vào thuyền. Thường thì thuyền đắm nhưng không chìm.

Quay lại phía chúng tôi, đồng chí Đặng Tính ân cần nói:

- Đừng có đùa giỡn với “Hà bá”, không được để chị em chưa biết bơi đi thuyền. Tiểu đoàn phải tổ chức tập bơi ngay cho số chị em chưa biết bơi.

Khi nghe cán bộ cơ sở trình bày vì thuyền qua vời Hồng Thủy bị máy bay địch đánh, bị mắc cạn nhiều nên nhịp độ vận chuyển chậm, đồng chí Chính ủy phê phán ngay, cho dù lời lẽ rất nhẹ nhàng:

- Địch đánh dữ, ta không bàn, còn thuyền mắc cạn, sao không khảo sát cho cẩn về đánh dấu luồng lạch? Vấn đề như vậy đã rõ. Các đồng chí phải khắc phục ngay tư tưởng nửa vời chứ không phải là vời Hồng Thủy...

Sau mệnh lệnh ngắn gọn, rõ ràng là nụ cười xởi lởi, cử chỉ thân tình, đồng chí Chính ủy giúp chúng tôi tránh được cảm giác ngại ngùng. Mọi người cùng cười nói rôm rả.

Tuy nhiên, sau tình tiết “vời Hồng Thủy”, tôi càng cảm phục tầm tư duy, “khả năng đọc trận đấu” của vị Chính ủy tài đức vẹn toàn mà bộ đội Trường Sơn, bộ đội Phòng không - Không quân và rất nhiều người tôn kính, quý

mến.

Đồng thời, tôi cũng lĩnh hội thêm được một bài học quý báu nữa ở ông: dù khó khăn đến mấy, nếu sâu sát cụ thể, chịu khó tìm tòi, sẽ tìm được giải pháp khắc phục. Chuyện cấm vệ đánh dấu luồng lạch nông sâu, bà con nông dân ta đã làm từ bao đời khi cày bừa ruộng sâu. Đơn giản như vậy, mà chúng tôi không nghĩ ra! Sau này, mỗi khi nhớ lại sự kiện “vời Hồng Thủy” những ngày cuối đông 1972, tôi lại tự ngại ngùng với chính mình.

Đồng chí Chính ủy yêu cầu bố trí đi cùng tiểu đoàn một chuyến, có gì vướng mắc sẽ giải quyết. Nhưng tôi báo cáo rằng, rút kinh nghiệm, chúng tôi sẽ tổ chức vận chuyển tốt, ông không phải đi và ông đã chấp thuận.

Sau buổi làm việc của đồng chí Đặng Tính, chúng tôi cho đơn vị triển khai cấm vệ, đánh dấu luồng lạch. Cũng từ đó nhịp độ vận chuyển được đẩy nhanh hơn.



Khao khát đợi chờ bao lâu rồi ngày vui nổ trời cũng đến. Tin Hiệp định Pa-ri được ký kết lan truyền như ánh chớp. Khắp mọi thôn xóm, bản làng, dòng sông, cánh rừng... tràn ngập tiếng reo hò, tràn ngập cờ hoa. Trào dâng niềm vui bất tận, cán bộ chiến sĩ chúng tôi, dân quân du kích hầu như quên đi trong chốc lát kỷ luật nhà binh; ai có súng cũng đều mang ra bắn như vãi đạn lên trời. Từ sau ngày 27 tháng 1 năm 1973, dọc đầu bờ sông Kiến Giang, Long Đại, Nhật Lệ;... khắp các xóm thôn các huyện Quảng Ninh, Lệ Thủy, thị xã Đồng Hới tràn ngập cờ hoa.

Hòa cùng niềm vui chiến thắng, hàng hóa từ hậu phương miền Bắc tiếp tục dồn chảy vào chiến trường.

Lúc này, lễ ra tàu Hồng Kỳ của Trung Quốc chở hàng chi viện cho ta không phải đậu ngoài khơi xa, mà đã vào Đồng Hới giao hàng. Nhưng vì một sự cố - trước đó, một tàu của ta vào cửa biển Nhật Lệ, va vào một cánh bom từ trường đã nổ, bị thủng, nên tàu của bạn được lệnh đậu cách bờ chừng hơn cây số. Binh trạm 19 có nhiệm vụ tiếp chuyển hàng từ tàu Hồng Kỳ. Tôi vinh dự được cử chỉ huy một số cán bộ, với danh nghĩa thay mặt bộ đội Trường Sơn - Quân giải phóng miền Nam ra nhận hàng. Binh trạm không có thuyền lớn, buộc lòng chúng tôi phải dùng xuồng nhỏ để tiếp cận tàu Hồng Kỳ. Đang kỳ biển động, xuồng lách được dải sóng ven bờ để ra tới tàu của bạn là cả một kỳ công. Có lúc tôi nghĩ trăm phần trăm xuồng bị nhấn chìm trong muôn lớp sóng bạc đầu. Nhưng rất may là điều đó đã không xảy ra.

Khi chúng tôi lên tàu, gần hai chục sĩ quan, quân nhân của bạn đứng thành hàng chào, rồi bắt tay từng người, rất đẹp, rất bài bản. Tiếp đó, Thuyền trưởng, Chính ủy tàu tiếp đoàn chúng tôi. Đội ngũ sĩ quan, quân nhân khỏe khoắn, trang phục đẹp, tác phong chính quy; tàu Hồng Kỳ hoành tráng... là ấn tượng rất mạnh đối với chúng tôi khi đó.

Đồng chí Chính ủy tàu Hồng Kỳ giới thiệu: Tàu được Mao Chủ tịch, Chính phủ và nhân dân Trung Quốc giao nhiệm vụ chở hàng chi viện cho Quân giải phóng miền Nam.

Tôi đáp từ: Thay mặt Quân giải phóng miền Nam Việt Nam, cảm ơn Liên Xô, Trung Quốc, nhân dân và Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc đã dành cho Việt Nam, Quân giải phóng miền Nam sự giúp đỡ quý giá...

Sau thủ tục bàn giao, tàu thuyền của Bình trạm 19 cập tàu bạn nhận hơn 500 tấn gạo. Tiếp đó, đoàn đại biểu của Ủy ban hành chính tỉnh Quảng Bình ra thăm, tặng bạn một số rau, quả.

Sau chuyển ra tàu Hồng Kỳ nhập hàng, tôi còn bị say sóng hành hạ mất mấy ngày, nôn ra mật xanh mật vàng, lúc nào trong đầu cũng có cảm giác đất trời chung chiêng nghiêng ngả như chao võng. Với tôi đây là một kỷ niệm không thể nguôi quên về biển!

Ngay sau ngày Hiệp định Pa-ri được ký kết, Đại tướng Võ Nguyên Giáp - Bộ trưởng Bộ Quốc phòng vào thăm Quảng Bình và các đơn vị quân đội đứng chân làm nhiệm vụ ở đây. Sau khi làm việc với lãnh đạo của tỉnh, Đại tướng ra thăm khu vực tập kết hàng ở Tam Tòa - cửa biển Nhật Lệ.

Lúc này do yêu cầu cần lực lượng bốc xếp hàng, Bộ Tư lệnh Trường Sơn tuyển nhận một số tân binh nữ quê Bồ Trạch. Vừa nhập ngũ, biên chế về đơn vị, chị em tham gia bốc xếp hàng ngay. Cô nào cũng trẻ trung, xúng xính trong bộ quân phục mới, trông rất vui mắt.

Tôi tập trung đơn vị trên một triền cát để đón Đại tướng. Triền cát mấp mô; chỉ mới hơn mười ngày vắng tiếng đạn bom mà cỏ đã mọc lún phún. Sức sống của cây cỏ thật là kỳ diệu!

Đứng trước hàng quân chưa thật chính quy, Đại tướng hỏi: - Đây là dân quân hay bộ đội?

- Thưa Đại tướng, là tân binh, nên còn lố đố - Tôi trả lời.

Với cử chỉ thân tình, chất giọng nguyên gốc Lệ Thủy, Đại tướng tâm sự, hỏi chuyện các cháu. Khi được hỏi: Sao con gái lại đi bộ đội, các cô cùng trả lời: Chúng cháu thích đi chiến đấu.

Chuyện trò với các nữ tân binh một lúc, Đại tướng bất ngờ hỏi:

- Nghe nói trong lực lượng vận tải của các đồng chí có Anh hùng Đỗ Trực, vậy Đỗ Trực có đây không?

Rất may là anh Đỗ Trực có mặt, đứng ngay sau Đại tướng, anh ngưỡng ngừng bước lên chào. Đại tướng nắm chặt tay Đỗ Trực, động viên anh tiếp tục lập nhiều chiến công mới.

Sau đó, Đại tướng lên thăm cán bộ, thủy thủ trên tàu Hồng Hà của Tổng cục Hậu cần vừa tăng cường cho Đoàn 559. Tàu đỗ ở cửa sông, sóng dập dềnh, tàu này nối sang tàu kia bằng một tấm ván hẹp. Tôi cùng anh Đỗ Trực dẫn Đại tướng đi trên tấm ván ấy để lên tàu, chỉ sợ vị Tổng Tư lệnh ngã. Nhưng thật mừng là đã không có điều gì bất trắc!

Tết Quý Sửu 1973, vừa mừng năm mới, mừng Hiệp định Pa-ri được ký kết, nửa nước im tiếng đạn bom và cũng là dịp Đại tướng Võ Nguyên Giáp đến thăm quê, tỉnh Quảng Bình tổ chức lễ mít tinh tại khu vực bến đò Trùng Quán. Hôm đó, bộ đội dàn đội hình, theo từng khối rất đẹp. Ai còn bộ quân phục nào mới đều đưa ra mặc, trông thật tươi tắn, gọn gàng. Đại tướng Võ Nguyên Giáp và Tư lệnh bộ đội Trường Sơn - Đồng Sỹ Nguyên đi thuyền diễu qua trước hàng quân giống nghi thức duyệt binh. Khi Đại tướng và Tư lệnh bước lên thuyền, quân nhạc nổi lên trầm hùng. Thuyền đưa hai vị lần lượt chào bộ đội, nhân dân. Quân và dân đứng chật trên bờ, vỗ tay vang dội. Đêm đó, tỉnh Quảng Bình tổ chức bắn pháo hoa tại nơi mà ban ngày mít tinh. Pháo hoa của Trung Quốc sản xuất, rất đẹp. Tôi còn nhớ, pháo hoa để ở trong một lô cốt xây từ thời Pháp, gần bến đò Trùng Quán. Sau này qua lại nơi đây nhiều lần tôi thấy lô cốt ấy vẫn còn.



Sau ngày Hiệp định Pa-ri được ký kết, cùng với đơn vị hoàn thành nhiệm vụ vận chuyển cấp tốc tạo chân hàng cho chiến trường, tôi được triệu tập đi học Học viện Chính trị. Lại một khúc ngoặt mới của đời chiến sĩ!

Bàn giao công việc, chia tay các anh ở Binh trạm 19, tôi tranh thủ tạt qua Bệnh viện 59 ở Văn Hóa - Tuyên Hóa thông báo với vợ việc đi học. Vợ chồng gần gũi nhau được vài ngày thì tôi ra Bắc nhập trường. Cùng đi dự khóa đào tạo này, Bộ Tư lệnh 559 còn có anh Hoàng Xiển - Phó phòng Cán bộ, anh Ngữ - Phó chính ủy Trung đoàn công binh 98. Có bạn đồng hành, đường xa như gần lại.

Thời gian này, Học viện Chính trị sơ tán lên mạn Nam Hồng - Đông Anh - ngoại thành Hà Nội. Thiếu tướng Lê Hiến Mai - Phó chủ nhiệm Tổng cục Chính trị kiêm Giám đốc học viện. Nhập học, chúng tôi được phổ biến đây là khóa đào tạo bậc cao nhất của Học viện Chính trị lúc đó; thời gian học từ tháng 4 năm 1973 đến hết năm 1973. Đa số học viên cùng khóa là các bác, các anh “lính hai thời kỳ” - đã qua kháng chiến chống Pháp. Chỉ có tôi và anh Nguyễn Đức Sơn thuộc lớp trẻ, lính chống Mỹ. Anh Sơn hiện giờ là Trung tướng - Chủ nhiệm chính trị - Bí thư Đảng ủy Bộ Tổng tham mưu - cơ quan Bộ Quốc phòng.

Sau nhiều năm, tôi vẫn nhớ nằm lòng bài học đầu tiên tại Học viện Chính trị là: “Phấn đấu trở thành người chính ủy ưu tú”.

Sau tám tháng dùi mài đèn sách, chúng tôi hoàn thành chương trình đào tạo và trở về Bộ Tư lệnh Trường Sơn nhận công tác. Trong thời gian tôi đi học, Bộ Tư lệnh Trường Sơn đã kiện toàn, củng cố lại tổ chức. Cơ quan Bộ Tư lệnh lùi ra đứng chân tại Thác Cóc - trên đường 15 - gần Bang thuộc huyện Lệ Thủy - Quảng Bình.

Thời gian chờ phân công công tác, tôi “tạm trú” ở Cục Chính trị. Ở đây, tôi được cử đi dự lớp tập huấn làm đường cơ bản. Lớp tập huấn được tổ chức rất bài bản, công phu kéo dài hơn hai chục ngày, do Tư lệnh Đồng Sỹ Nguyên trực tiếp chỉ đạo. Dần dà tôi mới biết đây là kế hoạch nhằm thực hiện ý đồ chiến lược mở tuyến Đông Trường Sơn theo tiêu chuẩn đường cấp 4 miền núi của Bộ Tư lệnh Trường Sơn đã được Quân ủy Trung ương, Bộ Tổng tư lệnh và Chính phủ phê duyệt. Đây cũng là một trong những nội dung quan trọng nhằm tạo thế và lực mới trên chiến trường, chuẩn bị cho chủ trương chiến lược của Trung ương trong hai năm 1975-1976...

Một hôm, sau khi lên lớp bài “Công tác đảng, công tác chính trị trong xây dựng cơ bản”, đồng chí Bùi Thế Tâm - Thủ trưởng cũ, gặp tôi có hỏi cả năm nay Tuấn đi đâu?

Tôi trình bày với Thủ trưởng Tâm những gì tôi làm, lộ trình của tôi trong hơn năm qua. Nghe xong, ông cười xởi lởi:

- Vậy là lên rừng, xuống sông, xuống biển; từ lái xe xuống lái tàu thủy, Tuấn đã nếm trải, bây giờ về với công binh làm đường vậy!

Nghe ông nói vậy, tôi giã nảy lên:

- Không, không, em không về công binh đâu. Em biết gì về cầu với đường mà về công binh. Tốt hơn hết các thủ trưởng cho em về Sư đoàn ô tô vận tải 571 là hợp lý nhất.

Ông Tâm quả quyết hơn: Tuấn cứ về công binh. Về sẽ thấy hay, bây giờ ta làm đường bài bản lắm, chủ yếu là cơ giới. Thủ tướng Phi-đen Cát-xơ-rô vừa sang Việt Nam, có vào thăm bộ đội Trường Sơn, quyết định chi viện cho ta nhiều trang thiết bị làm đường rất hiện đại, rất xe - máy của Nhật. Tuấn không về sẽ tiếc đấy. Tuấn về cố gắng khuấy động công tác đảng, công tác chính trị của trung đoàn lên; dưới đó trăm lăm, yếu lăm...

Tôi không ngờ ông Tâm quyết đeo đuổi ý định của mình. Không biết ông đề đạt thế nào mà Phó chính ủy Lê Xy gặp tôi động viên:

- Cậu Tâm muốn xin Tuấn về Trung đoàn 515 Sư đoàn 473. Mình thấy Tuấn về đó cũng được. Nếu có gì khó khăn cứ mạnh dạn đề đạt...

Qua lời động viên của Phó chính ủy, tôi hình dung tới tình huống “ván đã đóng thuyền”. Rồi quả đúng như vậy, tan lớp tập huấn, tôi có quyết định về làm Chủ nhiệm chính trị Trung đoàn 515 thuộc Sư đoàn công binh 473.

Sư đoàn công binh 473 có 9 trung đoàn (6, 98, 99, 509, 515, 517, 529, 531, 542). Bộ Tư lệnh Sư đoàn 473 lúc này có các đồng chí Nguyễn Văn Kỳ - Tư lệnh, Bùi Thế Tâm - Chính ủy, Nguyễn Sĩ Chia - Phó chính ủy, Cao Đôn Luân - Phó tư lệnh, Đỗ Xuân Diễn - Tham mưu trưởng và Chủ nhiệm chính trị là anh Hoàng Đình Phượng.

Cầm quyết định về Trung đoàn 515 khi năm hết Tết đến, nhiệm vụ mới lại không được như mình mong muốn, lòng dạ tôi bứt rứt, chẳng thoải mái chút nào. Nhưng bù lại, sau Tết, tôi nhận được tin vợ tôi sinh con gái đầu lòng vào ngày mùng sáu Tết (30-1-1974). Thời gian gần sinh, Viện 59 cho phép vợ tôi ra Bắc, nghỉ tại đoàn an dưỡng Tĩnh độ Hà Tây. Vợ chồng tôi đặt tên cháu là

Hoàng Thị Thụy Khanh. Thế là, niềm vui, niềm hạnh phúc có con gái đầu lòng - “ruộng sâu, trâu nái không bằng con gái đầu lòng”, đã làm tôi nguôi đi những băn khoăn rất đời thường, và hăm hở về Trung đoàn 515 nhận công tác.

Thời điểm tôi về Trung đoàn 515, Trung đoàn trưởng là anh Nguyễn Thăng - người Phan Thiết, Bình Thuận. Anh Thăng là một cán bộ mẫn cán, nhiệt tình, trách nhiệm trong công tác; rất mực thương yêu cán bộ, chiến sĩ; tính tình trầm lắng, kiệm lời. Qua tìm hiểu, tôi biết do những rắc rối trong quan hệ gia đình; vả lại trước đây khi làm Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn công binh 25 Quân khu 4, trong quá trình chỉ huy xây dựng một công trình quân sự, anh để mất tài liệu, nên đường hoạn lộ của anh không mấy hanh thông. Khi nghỉ hưu anh vẫn mang quân hàm thiếu tá. Quyền chính ủy trung đoàn là anh Lê Chí Duyên, người Vĩnh Phúc. Trung đoàn phó có anh Xuý - quê Bắc Giang, anh Trịnh Thanh. Cơ quan chính trị trung đoàn có anh Dương Cao Siêu - Phó chủ nhiệm. Anh Siêu hơn tôi tới 15 tuổi, nên trong quan hệ công việc hai anh em cũng có lúc giữ ý.

Nhiệm vụ của Trung đoàn thời gian này là bảo đảm giao thông trên trục đường số 9 từ Đông Hà sang Mường Phìn thuộc đất bạn Lào và mở tuyến đường cơ bản Đông Trường Sơn. Hằng ngày, bộ đội rải ra san lấp hố bom; chỗ nào rải được nhựa thì rải nhựa. Bảo đảm giao thông thông suốt đường số 9 lúc này là nhiệm vụ hết sức quan trọng, bởi lẽ đường 9 là “cuống họng” hút hàng từ miền Bắc vào - mọi tuyến vận chuyển đường bộ, đường biển từ miền Bắc vào đều phải qua đường 9, rồi từ đó chuyển sang Hạ Lào, vào B5, B4, B3...

Thời gian này, Sư đoàn 473 đã tiến hành khai thác mỏ đá Đầu Mầu, lấy đá làm đường. Mới ngày nào, Đầu Mầu còn là căn cứ kiên cố của Mỹ-ngụy thì nay đã trở thành công trường khai thác đá của ta. Nghĩ về cảnh “vật đổi sao dời” ấy, lại nghĩ tới những con đường đang theo trục Đông Trường Sơn thẳng tiến về Sài Gòn, tôi mơ tưởng đến một ngày không xa được cùng trong đoàn

quân chiến thắng có mặt tại thành phố mang tên Bác Hồ muôn vàn kính yêu.

Thoát khỏi giấc mơ, trở về với thực tại, thật lòng những ngày đầu ở Trung đoàn 515, tôi bị hành hạ bởi cảm giác lạ lẫm, buồn chán. Ở đơn vị vận tải ô tô, rồi về Tiểu đoàn 166, qua Binh trạm 19, không khí lúc nào cũng hừng hực, gấp gáp; nay thấy gì cũng lạ, chưa nhập cuộc được, như là người thừa. Ban ngày ra công trường, đến các đơn vị làm đường, sửa đường, thấy từng đoàn xe của Sư đoàn 571 chuyển quân, chuyển hàng; gặp cán bộ, chiến sĩ cũ, lòng dạ nôn nao. Đêm đêm, nằm ở cơ quan, không ngủ được, nghe ì ầm tiếng xe tăng ga vượt dốc... chỉ muốn về đơn vị vận tải, sớm ngày nào hay ngày đó. Điều tệ hại hơn là lúc này các đơn vị vận tải ô tô, bộ binh... đang âm ỉ, ào ào chuẩn bị thế và lực cho đòn quyết chiến chiến lược Xuân năm 1975, thì công việc ở Trung đoàn 515 đâu có gấp gáp, thúc bách lắm cũng chỉ ở trạng thái bình bình. Lắm khi tôi đã có ý định viết đơn hoặc trực tiếp lên Bộ Tư lệnh Sư đoàn, thậm chí gặp trực tiếp cụ Lê Xy xin về đơn vị vận tải. Nhưng rồi suy nghĩ lại, bụng tự bảo dạ, quân đội cũng phải có người việc này, người việc khác. Bộ Tư lệnh Trường Sơn phải có đơn vị vận chuyển, đơn vị đánh địch, đơn vị làm đường. Ai cũng nhào lên xe mà cầm lái thì đường ai làm và như vậy lấy đường đâu cho xe chạy. Mình thoái thác nhiệm vụ làm đường lúc này có khác gì anh đào ngũ. Nghĩ vậy, tôi vui vẻ hòa mình vào công việc. Càng làm càng thấy chỉ huy điều hành một trung đoàn công binh cơ giới, với hơn bốn mươi chủng loại xe máy và trên 2.000 quân, địa bàn hoạt động rộng, nên khá phức tạp. Phải nói rằng, ở đơn vị vận tải ô tô, do phải ngày đêm bám đường, bám trọng điểm, nên thường phải đối mặt với bom đạn ác liệt; nhưng công tác quản lý không phức tạp như ở đơn vị công binh. Để làm tròn chức năng nhiệm vụ của mình, tôi lại phải mày mò tìm hiểu thực trạng đơn vị về công tác tư tưởng, tổ chức, các hoạt động phong trào, cùng các anh trong ban chỉ huy trung đoàn, cơ quan chính trị tìm ra giải pháp hữu hiệu khuấy động dẫn mọi hoạt động của đơn vị.

Thời gian này công binh Trường Sơn dồn sức làm đường cơ bản Đông Trường Sơn. Sư đoàn 473 cùng trên 4.500 thanh niên xung phong các tỉnh Hà - Nam - Ninh - Thanh - Nghệ - Tĩnh đảm trách quãng từ Cù Bai, Thạch Bàn vào Khâm Đức (sau tăng cường thêm Sư đoàn 472). Thi công đường theo

tiêu chuẩn cấp 4 miền núi được thực hiện theo phương pháp mới đã được tập huấn: Tập trung, chuyên sâu, dây chuyền, đồng bộ, kết hợp cơ giới với thủ công; kết hợp sức người với sức máy, thuốc nổ, dụng cụ cải tiến...

Do làm tốt công tác chính trị tư tưởng, phong trào thi đua vượt các chỉ tiêu tiên tiến về năng suất, chất lượng, an toàn, tiết kiệm trên mặt trận cầu đường diễn ra sôi nổi. Tiếng mìn phá đá, tiếng máy nghiền đá trên công trường mở đá Dầu Mầu ì ùng, rộn rã suốt ngày đêm để bảo đảm đá dăm cho làm đường. Sau khoảng im ắng ban đầu, hàng trăm xe máy rầm rập hoạt động; hàng mấy vạn lao động thủ công không quản nắng mưa, tác nghiệp 10 giờ một ngày. Diện mạo đường Đông Trường Sơn thay đổi từng ngày. Trung đoàn 515 trong đội hình Sư đoàn 473 phụ trách quãng trên dưới Rào Quán - đường 9, đường vượt cầu treo Đắc Rông vào A Sầu, A Lưới. Ở đây, đường bám theo núi đá, rất hẹp, xe chỉ chạy được một chiều. Đội hình tiểu đoàn xe vượt quãng đường ba - bốn cây số, mất chừng hai giờ, nếu gặp xe đi ngược chiều, thì cầm chắc tắc cả buổi. Trung đoàn, sư đoàn đã tập trung xe máy, thuốc nổ mở rộng mặt đường 8 mét. Sau gần một tháng đã dứt điểm khúc quanh Rào Quán, chuyển đường này thành hướng tiến công chủ yếu của tuyến Đông Trường Sơn. Đến cuối năm 1973, tuyến phía đông đã thông xe được từ Thạch Bàn vào quá Bến Giàng. Đầu năm 1974, nhịp độ thi công khẩn trương hơn. Hè - thu năm 1974, khi ta nhổ nốt chi khu quận lỵ Đắc Pét (Công Tum) và chi khu quận lỵ Thượng Đức (tây Quảng Đà) là hai chốt chặn hiểm yếu của địch trên tuyến Đông Trường Sơn, thì tuyến Đông càng vươn nhanh về phía Nam, vào đến Sa Thầy, Bù Gia Mập.

Theo đường cơ bản Đông Trường Sơn và tuyến Tây Trường Sơn tiếp tục được củng cố, mở rộng, các sư đoàn ô tô vận tải 571, 471 thả sức tung hoành vận chuyển hàng hóa. Tiếp đó, cơ động các binh đoàn chủ lực vào Tây Nguyên miền Đông Nam Bộ, chuẩn bị cho trận quyết chiến chiến lược cuối cùng – Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Về phần mình, đầu năm 1975, tôi được bổ nhiệm Phó chính ủy trung đoàn. Đầu tháng 3, ta mở màn Tổng tiến công Xuân 1975 bằng chiến dịch Tây Nguyên, theo yêu cầu nhiệm vụ, anh Lê Chí Duyên chuyển công tác khác, tôi kiêm luôn Chính ủy trung đoàn và đến năm 1978, tôi là Chính ủy kiêm Trung đoàn trưởng.

Trong Tổng tiến công Xuân 1975, tình hình chiến trường diễn biến hết sức mau lẹ “một ngày bằng hai mươi năm”. Dọc các nẻo đường Trường Sơn, cơ ngơi nào là quân, xe, pháo cơ động nườm nượp, hồi hả. Đúng như nhà thơ Tố Hữu viết:

Lịch sử sang trang, anh vào trận cuối cùng.

Đại lộ Hồ Chí Minh, thác réo, quân đi cuồn cuộn...

Người nào cũng hồi hả, xe nào cũng tăng tốc, như sợ vào chậm không được dự trận cuối cùng. Cũng vì quá hồi hả đó mà suýt nữa, tôi cùng mấy anh em ở cơ quan trung đoàn bỏ toi mạng.

Một buổi chiều, trên đường đi kiểm tra tuyến về, chiếc xe con hiệu Bắc Kinh do chiến sĩ Lập cầm lái đang bon bon ngược trở ra. Vừa vào cua, bất thần xe chúng tôi đầu đầu với một Zin157 từ ngoài vào (đoàn xe vào Nam Bộ - B2). Bắc Kinh “đầu” với Zin157 chẳng khác gì “châu chấu đầu voi”. Sau một tiếng “choang” chát chúa, kinh hoàng, xe chúng tôi quay ngoắt 180°, hỏng hoàn toàn. Định thần sau một phút, tôi vạch bạt xe chui ra. Cậu Lập lái xe và mấy anh em cùng đi ngất xỉu luôn, phải chuyển tới trạm xá gần đó cấp cứu. Còn tôi, quả là “phúc to bằng trái núi!”. May sao khi đội mũ cối Trung Quốc, tôi cài dây rất chặt, nên mũ cối trở thành mũ bảo hiểm - khi đập đầu vào thành xe rồi quăng quật bởi xe đổ, đỉnh mũ và vành mũ bị nứt mấy đường, mà đầu, cổ tôi chỉ bị đau mất mấy ngày. Không có mũ cối thì chắc tôi cũng

chẳng giữ được cái “gáo” trên cổ. Sau này, tôi giữ mãi chiếc mũ cối nứt như lưu giữ kỷ vật của một thời ở Trung đoàn công binh 515 bộ đội Trường Sơn anh hùng.

Là người lính công binh cầu đường, chúng tôi không được vinh dự và may mắn như những “cánh đại bàng Trường Sơn” có mặt trong đoàn quân tiến về Sài Gòn vào ngày 30 tháng 4 năm 1975 lịch sử. Nhưng vào những ngày Xuân quật khởi đó, ngày ngày nhìn những đoàn xe pháo cơ động rung chuyển núi rừng Trường Sơn, ai cũng trào dâng niềm xúc động tự hào đã góp phần nhỏ nhoi sức lực, máu xương của mình để mở rộng, kéo dài đường Trường Sơn - đường Hồ Chí Minh như muôn mạch máu chảy về tim - về thành phố mang tên Bác kính yêu!

CHUYỆN VỀ “CÂY NHIỆT ĐỚI” Thiếu tướng NGUYỄN BÁ TÙNG

Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân

Tiết trời cuối tháng 3 đầu tháng 4 hàng năm nơi tôi chốt giữ đảm bảo giao thông đã có những trận mưa rào đầu mùa. Nếu như bình thường thì trên mảnh đất quê hương sẽ là tiết xuân sang hạ, cây cối đâm chồi nảy lộc, màu xanh, màu của sự sống trải rộng mênh mông, Nhưng nơi đây cả một cánh rừng chiều dài trên 10 cây số, chiều sâu tính từ đường ô tô vào hai ba trăm mét tất cả một màu trắng đứng im lìm vì chất độc, đạn, bom máy bay Mỹ trút xuống làm cho cỏ cây trơ trụi chết đứng. Tại trọng điểm U Bò - Ngã ba La Hạp đường 128 thuộc Bình trạm 34 quản lý, mặc dù không là bãi biển song cũng còn cồn lộp lộp bùn đất, bùn đá bạc trắng cả một triền núi dài trên cả cây số, ấy thế mà ngày cũng như đêm không bao giờ ngớt tiếng gầm rú, tiếng bom giật, đạn réo của máy bay Mỹ. Sức tàn phá khủng khiếp của các đợt oanh kích bằng không quân của Mỹ đã làm cho cả một vùng rừng nguyên sinh đầy sức sống thơ mộng trở thành một vùng đất chết, đến cả loài chim sâu nhỏ nhoi cũng không còn nơi sinh sống. Chỉ có bộ đội Trường Sơn, đơn vị Đại đội 6 Tiểu đoàn 2 Trung đoàn 98 là vẫn kiên cường bám trụ mở đường tránh, phá bom, lấp hố bom, cứu chữa thương binh, hướng dẫn các đoàn xe đêm đêm đưa hàng vào chiến trường.

Tôi còn ngày 3 tháng 4 năm 1970 hôm đó là phiên trực chiến của tiểu đội, từ 5 giờ sáng đến 16 giờ chiều, chúng tôi đã phải chịu 3 trận đánh phá của máy bay F4, F.105, B.52 với đủ các loại bom phá, phát quang, từ trường, nổ chậm, bom bi và vướng nổ. Sau mỗi trận bom thù, chúng tôi lại khẩn trương khắc phục hậu quả, phá những quả bom chưa nổ sát đường ô tô, san lấp những hố bom trúng đường. Sau khi dùng máy bay phản lực địch sử dụng máy bay AC.130 trút bom vướng nổ. Đây là một loại bom gây khó khăn cho lực lượng ta mà nhiều ngày không thể phá hết được, chỉ giải quyết trên mặt đường và chiều sâu hai bên đường 15 mét để thông đường cho xe hàng vào. Sau khi khắc phục đường xong tôi nhìn đồng hồ trên tay lúc này đã là 4 giờ rưỡi chiều, tôi phán đoán giờ này đến khi xe hàng vào sẽ không còn đợt hoạt động nào của máy bay nữa. Dòng suy nghĩ của tôi chưa dứt thì tiếng động cơ máy bay đã ập đến, một tốp 2 chiếc F4 ào tới, chúng lượn một vòng rồi chúc đầu phóng 4 quả bom. Tôi quan sát vị trí bom rơi cách đài quan sát khoảng 200 mét, cách đường ô tô 30 mét. Chờ hồi lâu không thấy bom phát nổ, tôi cho gọi điện về chỉ huy sở báo cáo, anh Bằng, Trung đội trưởng lệnh “Đồng chí vào kiểm tra, không được mang bất cứ vật gì có kim loại, có thể là bom nổ chậm hẹn giờ hoặc bom từ trường, chú ý bom vướng nổ”. Tôi làm đúng theo mệnh lệnh, nhưng tìm mãi không thấy dấu vết bom, tôi quay lại đài quan sát báo cáo: sở chỉ huy lệnh tiếp “điều thêm hai chiến sĩ cùng vào tìm, phải giải quyết xong trước 7 giờ (tức 19 giờ)”. Cả ba chúng tôi sục sạo đi lại hai ba lượt vị trí tôi định vị khi ở đài quan sát, rất may trong đồng cây đổ ngổn ngang có một loại cây lạ không có lá tôi liền tới sát gọi hai chiến sĩ cùng quan sát rồi cho hai chiến sĩ quay về chốt báo cáo ngay, xin chỉ huy hướng xử lý. Hai chiến sĩ quay lại thông báo đây là cây nhiệt đới, lệnh tìm thu hết và xử lý bằng việc buộc túm các râu ăng ten lại. Để chắc ăn, tôi còn quần trên các đầu ăng ten bằng vải áo lót xé ra, chỉ sau nửa giờ chúng tôi tìm được cả 4 cây nhiệt đới xong trước 7 giờ tối (tức 19 giờ kém 10) cũng là lúc xe hàng đầu tiên tới đỉnh dốc nơi chúng tôi chốt bảo vệ xe qua.

Hôm sau tôi cưa một cây nhiệt đới thành hai nửa lấy ra 3 tầng linh kiện điện tử và đọc tài liệu mới hiểu. Thực chất là bộ cảm ứng thu các chấn động, được Mỹ chế tạo thành nhiều loại: loại cho biệt kích đem đi đặt, loại cho máy bay

thả bằng dù treo trên các cây rừng; còn một loại trang bị cho F4 phóng, mỗi dàn 8 ống phóng, thông thường F4 mang 2 dàn 16 ống phóng; loại trang bị cho F4 được cải tiến từ bộ cảm ứng ASID được gọi là cây nhiệt đới, tiếng Anh gọi là Tranggenradio, nghĩa là trinh sát điện tử, một cái tên rất kêu được tuyên truyền là loại vũ khí siêu lợi hại, có thể thu tín hiệu mọi hoạt động của bộ đội ta. Cây nhiệt đới có loại ngắn, loại dài, thông thường chúng thả loại thân dài 1,24 mét, đường kính thân 7,6 centimét, đường kính đuôi 11,7 centimét, nặng 16,8kg (trông giống như quả đạn tên lửa). Bên trong chứa 3 tầng linh kiện điện tử gồm các loại bóng bán dẫn, tụ, kháng... được bao bọc bằng lớp nhựa dày hỗn hợp rất cứng, một khối pin lớn và một micrô nối với ăng ten. Cấu tạo bộ ăng ten gồm 4 râu, một râu thẳng lên trời, 3 râu xòe 3 góc, tất cả là màu xanh lá cây trông như một cây rừng rất khó phát hiện. Mục tiêu của cây nhiệt đới là phát hiện chấn động mặt đất, đối với người cự ly phát hiện từ 25-35 mét, ô tô từ 200-300 mét, thời gian hoạt động từ 65-70 ngày. Quy trình hoạt động của cây nhiệt đới là thu các tiếng động và chấn động, phát tín hiệu lên không trung cho một máy bay ở độ cao 15-20 kilômét, máy bay lập tức phát về trung tâm xử lý. Trung tâm này Mỹ đặt ở đảo Guam. Trung tâm xử lý xác định tiếng động của người, hay ô tô, xe máy, kho tàng, xác định tọa độ khu vực, sau đó truyền tín hiệu về Sở chỉ huy. Chỉ huy sở kiểm tra lại và điều động máy bay ở khu vực gần nhất đến oanh tạc. Quy trình xử lý phát tín hiệu thông tin từ cây nhiệt đới đến các bộ phận chỉ diễn ra trong giây phút. Cây nhiệt đới gây không ít khó khăn cho ta trong thời kỳ đầu. Sau đó, khi ta phát hiện và xử lý được thì cây nhiệt đới không còn tác dụng, thậm chí gây khó khăn và tổn thất ngược lại cho địch.

Từ việc đọc tài liệu và thực tế tháo máy ra quan sát, tôi đã hiểu được tính năng tác dụng của cây nhiệt đới, liền bàn với chỉ huy và anh em đem 3 cây nhiệt đới thu được trả về vị trí cũ, bố trí một đài radiô và một máy phát điện, cứ đúng 19 giờ 30 cho phát hai loại máy đến 22 giờ cho tắt, cứ thế 3 đêm liền. Để có đường cho ô tô ta mở một đường tránh cách 3 kilômét, địch có đánh cũng không ảnh hưởng kế hoạch vận chuyển. Đúng như dự đoán, đến ngày thứ 5 khi tiếng gà rừng vừa cất phía xa báo hiệu buổi sáng quân địch theo tín hiệu từ “cây nhiệt đới” cho một máy bay OV10 về vè lượn đi lượn lại, cứ xoáy tròn khu vực chúng tôi nghi binh, rồi chúc đầu phóng một quả đạn khói vào đúng vị trí của ba “cây nhiệt đới” rồi chuồn thẳng. Chỉ 10 phút

sau hai biên đội F4 và F.105 gồm 4 chiếc lao đến gầm rít vòng lượn hai vòng rồi bổ nhào trút bom phá, bom bi, bom cháy, phát quang, chúng dốc vào một khoảng rừng còn sót lại sát trọng điểm làm cho cây đổ ngổn ngang, cháy đen nham nhở, lẫn với đất đỏ, bùn suối bị bom đào hất tung tóe, trông cảnh tượng thật thảm thương. Cứ thế, chúng oanh tạc 3 lần trong ngày, hàng chục tấn bom đạn trút xuống khu rừng trống vắng, cá suối chết trắng trôi dạt xuống cuối nguồn, anh em vớt về tổ chức bữa liên hoan mừng chiến công. Tất cả các món luộc, rán, nướng, nấu măng đều là cá do máy bay địch cung cấp, cộng với rượu cần, xôi dân bản cho tạo thành bữa liên hoan thịnh soạn, sôi nổi. Nhiều chiến sĩ trẻ vừa ăn vừa hát, nào là “Tiểu đội xe không kính” và “Trường Sơn Đông, Trường Sơn Tây” của Phạm Tiến Duật, “Quả bom cam” của Doãn Nho, “Tiến quân trên đường dài” của Huy Du, v.v... Bữa liên hoan vui vẻ thực sự đã tạo niềm phấn chấn cho đơn vị. Có chiến sĩ vẻ mặt tươi cười nói “Các anh ơi! Trận này ta chơi thắng Mỹ một quả đẹp quá; nhưng phải nghĩ kế tiếp chứ, để trận sau ta thắng to hơn, đẹp hơn”, “Vô quýt dày đã có móng tay nhọn”, cả đơn vị cười râm ran sáng khoái.

KỶ NIỆM KHÓ QUÊN VỀ NHỮNG ĐỘI QUÂN TUYÊN TRUYỀN VĂN HÓA NGUYỄN TRỌNG KHOÁT

Nguyên Trưởng ban Văn hóa - Văn nghệ Bộ đội Trường Sơn

Tháng 4 năm 1965, theo quyết định của Bộ Quốc phòng và Quân ủy Trung ương, Cục Chính trị (ban đầu là cơ quan chính trị) được hình thành. Phó chính ủy Lê Nghĩa Sỹ trực tiếp làm Chủ nhiệm chính trị. Phòng Tuyên huấn được thành lập do trung tá Hoàng Long phụ trách. Tôi được biên chế vào Phòng Tuyên huấn, phụ trách công tác văn hóa văn nghệ, vẫn còn nhớ đêm đầu tiên nằm bên anh Nghĩa Sỹ trong cái lán nhỏ giữa rừng, đến nửa đêm, thì thấy anh thức dậy, tôi thấy lạ liền đi theo. Anh đi vào hang kín bấm đèn pin và đưa sổ tay ra ghi chép. Biết tôi tò mò, anh bảo tôi bịt nhỏ lỗ đèn pin lại, kéo tôi lại gần đọc mấy câu thơ anh vừa viết: “Ôi con đường ra trận mùa này/Không chỉ có xe trâu, xe thồ, ba gác/Chiến sĩ đường dây không lẫn khuất trong mây, mà ra giữa trời quang ca hát”.

Tôi tham gia ý kiến về câu thơ thứ ba tôi nói: “Chiến sĩ đường dây”. Nghe như đường dây thống nhất chưa rõ là tuyến vận tải quân sự chiến lược, lại khuất trong mây như máy bay Mỹ đi oanh tạc vậy. Anh Sỹ cười rồi tự sửa “Chiến sĩ Trường Sơn cùng xe pháo trong tay/Phải mở máy, vẫy trời ca hát”. Sau đó anh bắt đầu phân tích cho tôi rõ mối quan hệ ta - bạn và tương quan lực lượng địch - ta trên tuyến. Anh nói với tôi phải động viên mọi người bỏ thói lằm lỳ trốn tránh, pháo thì phải quay nòng theo bánh xe lăn. Anh giao cho tôi phác thảo một kế hoạch xây dựng phong trào văn nghệ quần chúng, trước hết ở cơ quan, rồi dần lan xuống đơn vị. Sau đó anh hướng dẫn tôi viết các công văn gửi Tổng cục Chính trị, Tổng cục Hậu cần xin người và máy móc chiếu phim, mời các đội biểu diễn xung kích ngoài đó vào Trường Sơn, rồi mời các phóng viên, nhà văn, nhà báo vào tận đây để thiết lập mối quan hệ giữa cơ quan chính trị và các báo chí, đài phát thanh cùng nhiều cơ quan Văn hóa - Thông tin ngoài Bắc. Ấn tượng đầu tiên trong tôi về người chủ nhiệm chính trị ham mê văn nghệ này là trong một đêm sinh hoạt văn nghệ, sau khi hát một bài dân ca Quảng Trị, anh để tôi trèo lên cổ, cứ thế ra sân khấu, anh nói mặt tỉnh bơ:

- Tiết mục dự thi của chúng tôi là một màn “chèo cổ” - Rồi anh đặt tôi xuống, anh em ôm nhau trong tiếng cười vang của khán giả.

Giữa mùa mưa năm 1965, anh Hồng Kỳ, nguyên Chủ nhiệm chính trị Quân khu Tây Bắc, vào làm Chủ nhiệm chính trị Bộ Tư lệnh Trường Sơn thay cho anh Lê Nghĩa Sỹ vào tuyến trong. Cùng lúc Bộ Tham mưu của Trường Sơn tiếp nhận từ Quân khu 4 cùng một lúc năm đại đội súng 12,7 ly để thực hiện chủ trương tiến công: “Đánh địch mà đi trong chiến dịch giao thông vận tải quân sự mới”. Nhưng trời vẫn mưa như trút nước cả hai phía Đông và Tây Trường Sơn. Địch thì chưa hoạt động mạnh nhưng lực lượng ta trên mặt trận phục hồi và mở rộng mạng lưới cầu đường gặp rất nhiều khó khăn. Do mưa lũ, túi nước Xiêng Phan - Tha Pa Chôn dâng cao như một biển lũ mênh mông. Đoàn xe 100 của Tổng cục Hậu cần chở vũ khí và lương thực từ Bắc vào cứ đi ậm ạch, tránh lũ từ ngách rừng nọ đến dốc núi kia. Mùa mưa ở Trường Sơn thật vô cùng gian nan. Tuyến vận chuyển hoạt động cầm chừng, lương thực thực phẩm thiếu nghiêm trọng, anh em phải thay nhau đi đào củ

rừng kiếm rau rừng thay bữa, rồi bệnh sốt rét hoành hành. Tình thế thật khẩn cấp. Đảng ủy Bộ Tư lệnh họp quyết định mấy biện pháp cứu đói trước mắt: tập trung lực lượng cả cơ giới và thô sơ tổ chức “tiếp tế cho các công trình trọng điểm” để giữ quân số thi công mặt đường, đi đôi với kế sách lâu dài là “thiết kế một con đường lát” bằng gỗ trên mặt đường cho xe Trường Sơn chạy được cả hai mùa. Ở đại đội pháo 12,7 ly, chủ yếu là chiến sĩ trẻ của hai tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh mới nhập ngũ, rất khỏe mạnh và yêu đời, khí thế đánh giặc lập công rất cao. Đặc biệt, các đại đội đều do các sĩ quan lục quân vừa ra trường chỉ huy. Phần lớn họ đều biết phát huy sức mạnh năng lực và tinh thần của bộ đội nên đời sống văn hóa, văn nghệ tăng lên khá cao. Ở đâu dù khó khăn, vất vả, các anh cũng ca hát reo cười, ngay cả khi vào trận “chọi lửa” với máy bay Mỹ trên đường nhập tuyến. Có những đại đội trưởng như Lê Quang Thọ, Phan Kiều Nhật... đã trở thành “hình ảnh Nguyễn Viết Xuân” trên trận địa. Có những chính trị viên như Hoàng Đức Ngô, Phan Văn Nhật đã đứng bắt nhịp cho chiến sĩ hát vang những bài ca pháo binh ngay giữa trận đánh.

Sau khi tiếp nhận và kiểm tra các đơn vị súng máy 12,7 ly về họp Đảng ủy Bộ Tư lệnh xong, anh Hồng Kỳ gọi tôi đến lán của anh và bảo:

- Này, Trọng Khoát, cậu có biết câu nói nổi tiếng của nhà thơ Tố Hữu: “Văn nghệ có thể thay một phần ba thực phẩm” không?

- Dạ có, nhưng mà sao cơ ạ? - Tôi đáp.

- Thế nhưng bây giờ đây, có mấy công trình trọng điểm bộ đội thiếu đói đến mức quá hai phần ba. Vậy nên phải vừa phát huy sức mạnh tinh thần vừa phải tập trung tiếp tế, cứu đói cho họ.

Tôi biết kiểu nói của anh Hồng Kỳ rồi nên kiên nhẫn ngồi nghe hết ý anh. Anh hướng cặp kính lão lên, nhìn tôi nói tiếp:

- Các đại đội phòng không 12,7 ly xem ra là một đội quân văn nghệ khá hùng hậu. Họ đi tới đâu chắc sẽ chiếu vào đó, kể cả người đang hấp hối, một luồng gió hồi sinh mạnh mẽ. Lại nữa, giờ đây địch cũng đang giảm cường độ đánh phá để xoay sang những thủ đoạn âm mưu mới. Ta còn phải thăm dò nên chưa có phác đồ tổng thể cho một lưới lửa chắc ăn. Bộ Tham mưu đề nghị Bộ Tư lệnh cho sử dụng các đại đội làm một chuyến gửi thồ tiếp tế đến tận Noọng Cà Deng phía nam Tha Pha Chôn. Quân số khoảng trên 500 người. Mỗi người cứ cho trừ ăn đi cũng tiếp tế được 30 kilôgam, vị chi phải giải quyết cho trọng điểm đó trên 15 tấn lương thực, thực phẩm và hàng nhu yếu.

- Báo cáo anh, cái đó ít liên quan đến nghiệp vụ văn hóa văn nghệ của tôi. Nhưng không sao, tôi sẵn sàng làm bất cứ việc gì - Tôi đáp.

Anh Hồng Kỳ nói tiếp:

- Mình giao cho cậu làm tiểu đoàn trưởng thay cho anh Hà. Anh Hà giao quân xong thì quay về Khu 4. Đồng chí Hồ Chí Hồ của Cục Hậu cần làm chính trị viên. Tuy làm chỉ huy, nhưng cậu vẫn có hai nhiệm vụ song song là cùng đồng chí Hồ đưa anh em đi đến nơi bảo đảm an toàn tối đa, kịp thời hạn và giao hàng cho đơn vị đầy đủ về số lượng, chất lượng, tránh hư hỏng, thất thoát. Nhiệm vụ thứ hai rất quan trọng là xuống cơ sở, tìm hiểu đời sống sinh hoạt tinh thần, văn hóa của anh em để có những nhận định đề xuất, làm sao giải tỏa được tâm lý “đêm nằm nghe muỗi vo ve” của anh em, xốc lại không khí lạc quan, tin tưởng vào cơ giới hóa. Còn nữa khi quay về đây báo cáo cậu phải kèm theo ít nhất năm bài thơ để tố duyệt...

Chúng tôi thực hiện chuyến đi này trọn vẹn, hàng giao đúng hóa đơn, đầy đủ. Các đồng chí lãnh đạo, chỉ huy công trường cảm động trước món quà “cấp cứu” của Bộ Tư lệnh. Nhìn những chị em ôm rưng tóc, nằm dài mà gượng dậy khẽ cười hát cùng chiến sĩ khiến chúng tôi thấy hời lòng hời dạ. Anh Hồ cùng với mấy đồng chí công binh rút về trước để báo cáo tình hình, còn tôi được giao nhiệm vụ chỉ huy các đại đội rải quân thi công khoảng 40 kilômét đường “rông đanh” (loại cầu nổi kéo dài, kết cấu bằng những cây gỗ nhỏ có đường kính xấp xỉ nhau, bắc qua các đoạn đường lầy cho xe tải đi lên trên không bị sập cầu, sa bánh).

Các chiến sĩ đại đội “pháo binh làm đường”, với sức trẻ hăng say đều hoàn thành vượt mức chỉ tiêu nhiệm vụ. Ai xong sớm cho trở về đơn vị để sẵn sàng chiến đấu. Trên đường ra, chúng tôi còn tranh thủ tổ chức những buổi giao lưu văn nghệ, kết nghĩa giữa các chiến sĩ pháo binh với các đơn vị công binh, lái xe, nữ dân công hỏa tuyến, thanh niên xung phong. Có một sự cố đáng tiếc xảy ra trên đường, đó là Đại đội 4 của Phan Văn Nhật, hành quân “tranh thủ” đã vượt cầu Bãi Dinh ở phía tây Quảng Bình, bị trúng trận bom cường kích của phản lực Mỹ, để hy sinh một chiến sĩ. Sau này về, tôi bị truy cứu trách nhiệm và phải ra hầu tòa. Tòa án do Tham mưu trưởng Đỗ Hữu Đào - chủ tọa, anh Hồng Kỳ và anh Lê Nghĩa Sỹ làm hội thẩm và bào chữa. Bị cáo chính là Phan Văn Nhật xin nhận hoàn toàn trách nhiệm và viện cớ quán triệt khẩu hiệu “lấn sảng, lấn chiều” nên bất ngờ bị địch đánh bom. Nhưng do đơn vị có thành tích chiến đấu xuất sắc, nên đồng chí Nhật chỉ bị cảnh báo; còn về tôi, anh Hồng Kỳ kết luận:

- Nhiệm vụ chỉ huy giao cho một trợ lý chuyên văn hóa - văn nghệ, đi khảo sát tình hình cơ sở và làm thơ là chính, lại chỉ đạo việc hành quân, làm đường, vả lại “bị can” cũng đã có lệnh cấm đi ban ngày qua trọng điểm mà bộ đội không chấp hành triệt để. Xét cả mặt kết quả đạt được trong chuyến thi hành công vụ và kết quả sáng tác trên đường đi, tôi đề nghị “Tòa” cho trắng án.

Đến cuối năm 1965, những công văn xin chi viện về văn hóa, văn nghệ của Bộ Tư lệnh, Cục Chính trị 559 gửi lên Bộ Quốc phòng, Tổng cục Chính trị bắt đầu có hồi âm. Tổng cục Chính trị quyết định điều một bộ phận của Đoàn văn công Tây Bắc kết hợp với một mũi của văn công Nam Bộ do các đồng chí Huỳnh Cao Kiểng, Hồ Ngọc, Nguyễn Thành... vào phục vụ bộ đội Trường Sơn. Đoàn gồm trên ba mươi diễn viên nam, nữ với những gương mặt khó quên như Ngọc Minh, Thúy Hường, Ngọc Thảo (vợ Nguyễn Thành), Kim YẾN (con nghệ sĩ Nguyễn Tấn Huy Trọng), rồi Ngọc Loan (vợ Ngọc Minh)... Nhiều anh chị em đã hy sinh trên đường biểu diễn phục vụ bộ đội như Thúy Hường, Kim YẾN, Đức Dân, Ngọc Minh, Trịnh Quý, Ma Quy... Trong đó có hai anh em Ngọc Minh và Ma Quy ngã xuống ngay trước cửa hầm, trúng đạn rốc két phản lực của Mỹ sau khi đã dồn hết anh chị em khác vào hầm ẩn nấp an toàn. Trịnh Quý vừa là ca sĩ vừa sáng tác nhạc và thơ. Anh đã hy sinh vì trúng mìn chống tăng của phản động Lào trên đường đi tháp tùng Chính ủy Đặng Tính ở cao nguyên Bô Lô Ven tháng 4 năm 1973. Đoàn văn công Nam Bộ, sau khi đi đến cực nam tuyến chi viện Trường Sơn trên đất Cam-pu-chia, được chuyển cho Mặt trận B2 - Nam Bộ còn Đoàn văn công Trường Sơn do Tây Bắc chuyển vào, đổi tên thành Đoàn văn công Quân giải phóng Trường Sơn...

Từ cuối mùa mưa năm 1965, Tổng cục Chính trị đưa vào tuyến Trường Sơn một đội ngũ sáng tác văn học khá đông; có những tên tuổi mà chúng tôi từng nghe và ngưỡng mộ như nhà thơ Chính Hữu, nhà văn, nhà đạo diễn Tào Mạt, nhà thơ Xuân Thiều, nhà biên kịch Sỹ Hanh, nhạc sĩ Vũ Trọng Hối cùng một số văn nghệ sĩ khác như Ngô Văn Phú, Ngọc Thọ, Vũ Lương... Điều mà bộ đội Trường Sơn còn nhớ mãi những tác phẩm xuất sắc, rất tâm đắc với các chiến sĩ đường Hồ Chí Minh do các anh để lại như: tập truyện Hương Cau, Hoa Lim của Thu Vân, các bài hát “Xe ta đi trên Trường Sơn” ca ngợi chiến sĩ lái xe; bài hát “Người chiến sĩ giao liên”, “Đi theo ánh lửa trái tim” của Vũ Trọng Hối; những tác phẩm kịch nói của nhà văn Tào Mạt, Sỹ Hanh cùng nhiều tác phẩm thơ, văn khác. Hình ảnh cảm động nhất mà tôi ghi nhận được là đồng chí Võ Bẩm vừa đi thị sát khu Nam tuyến về, ôm một năm trong hàm chỉ huy, vẫn cố gượng dậy, đem hết sổ sách, bản đồ, tài liệu ra để mời các anh chị đến nghe anh trình bày và hỏi han sức khỏe đã khiến không chỉ có tôi mà rất nhiều người có mặt cảm động và mãi không thể nào quên. Dưới ánh đèn tờ mờ trong hang đá lạnh, các anh chăm chú nghe và ghi chép lấy tư liệu để sáng tác... Giờ đây, sau gần 50 năm nhiều người trong số họ đã thành người thiên cổ như Vũ Trọng Hối, Tào Mạt, Chu Văn, Xuân Thiều, Chính Hữu... Bộ đội Trường Sơn vẫn mãi ghi nhớ, ngâm ngợi, thường thức và hát vang tác phẩm của các anh.

Có thể nói từ năm 1966, cuộc sống văn hóa, văn nghệ trên tuyến lửa Trường Sơn như bùng lên sôi nổi. “Tiếng hát át tiếng bom”, đã trở thành khẩu hiệu ở Trường Sơn và được cán bộ, chiến sĩ thể nghiệm một cách mạnh mẽ và sâu sắc nhất. Bom đạn là vậy, nắng lửa là vậy, lại còn thiếu áo, đói cơm, ngày đêm cận kề gian khổ và cái chết rình rập... Nhưng các lực lượng công binh, lái xe, pháo thủ, thanh niên xung phong, dân công hỏa tuyến trên mọi nẻo đường vẫn hò reo, ca múa, được thưởng thức các món ăn tinh thần khác hẳn trước đây phải “đi không dẫu, nấu không khói”. Cơ quan chính trị bộ đội Trường Sơn đã nhanh chóng đào tạo người, xin cấp và sẻ san máy móc, phim ảnh, phong màn ra làm ba đội, chốt ở ba vùng phục vụ các lực lượng chiến đấu, vận tải, làm đường và hành quân ra mặt trận. Một số chiến sĩ làm công tác điện ảnh đã hy sinh ngay trên bãi chiếu phim, phần lớn nguyên nhân do lộ sáng trên màn ảnh. Về sau anh chị em đã hợp sức làm những phong bật kín

chiếu phim ban ngày, rất thuận lợi cho các lực lượng đến xem, vì hầu hết đều đã “lấy đêm làm ngày” và ngày bớt ngủ đi xem phim đã thành một nếp sống tinh thần cho rất nhiều người, từ chị dân công hỏa tuyến đến đồng chí cán bộ cao cấp từ Nam ra hay từ Trung ương vào.

Mũi xung kích của Đoàn ca múa giao hưởng hợp xướng thuộc Bộ Văn hóa, khi được phái vào tuyến lửa Khu 4 phục vụ đã xin được phép “vượt cửa khẩu”, đi sâu vào Lùm Bùm, Ka Tốc, qua cả phía nam Đường 9 để cất cao tiếng hát, điệu múa, nhịp đàn cổ vũ các trạm giao liên, các đơn vị lái xe, trận địa pháo... Những nghệ sĩ - chiến sĩ phải thực hiện cuộc đi bộ vượt qua chặng đường suối sâu đèo dốc trên 40 kilômét vào phía nam Đường 9 là một thử thách mà anh chị em văn nghệ “chưa bao giờ gặp”. Trên vai mang vác nặng, leo núi, thiếu ăn, đến nơi không kịp tắm rửa, nghỉ ngơi, cả đoàn đã phải căng phông, lắp ráp, mắc loa máy, mang đàn ra phục vụ tại mặt trận. Hình ảnh các nữ diễn viên như Bích Liên, Kim Thúy, Hồng Liên lúc đến chặng có lớp học của dân quân bạn Lào giữa rừng đã ngã ngất trên ghế tre, đồng đội phải pha sữa để chống cơn “choáng vì kiệt sức”, đã làm Chính ủy Vũ Xuân Chiêm rất lo lắng. Bác sĩ Nguyễn Ngọc Thảo đi theo chăm sóc sức khỏe cho đoàn có lúc đã lắc đầu ngao ngán muốn bàn việc “cho đoàn quay ra”, nhưng anh chị em trong đoàn quyết tâm quá cao, tất cả đều tình nguyện hăm hở đi đến nơi để biểu diễn động viên chiến sĩ. Tiếng hát âm vang bay bổng của các nghệ sĩ mà lâu nay các chiến sĩ mới được nghe trên đài phát thanh như Quý Dương, Bích Liên..., nay được trực tiếp gặp mặt, bắt tay, nghe hát như thổi vào tâm hồn cán bộ, chiến sĩ Trường Sơn một sức mạnh kỳ diệu, sẵn sàng chiến đấu cho sự nghiệp giải phóng miền Nam. Cảm kích trước tấm lòng của văn nghệ sĩ, có chiến sĩ vệ binh đã chạy bộ vượt trên 20 cây số đường rừng, tìm cho được chiếc micrô cầm tay của ca sĩ Bích Liên bỏ quên trên một chặng nghỉ nào đó. Anh chiến sĩ này lấy được chiếc micrô về đến đích thì đổ cơn sốt rét, phải đắp chăn nằm. Các ca sĩ Quý Dương, Bích Liên đã đến bên giường bệnh hát và cảm ơn, khích lệ anh.

Cũng từ giữa mùa khô năm 1966, những đội xung kích văn nghệ được hình thành, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa và phục vụ cho công tác giáo dục chính trị trên toàn tuyến. Hạt giống đầu tiên là đội văn nghệ “nghịệp dư” của

Cục Chính trị, do nữ bác sĩ Nguyễn Thị Băng Trâm làm đội trưởng. Ngoài nhiệm vụ ca hát, phát thanh tài liệu, động viên chiến sĩ đang tác nghiệp tại trận địa, đội còn tham gia chữa bệnh, cứu thương và bảo vệ sức khỏe cho những người trong đội và của cả đơn vị nơi đến. Sau khi phục vụ ca hát, đội lại cùng sinh hoạt, bồi dưỡng hạt nhân phong trào cho đơn vị. Có một lần, Tư lệnh Đồng Sĩ Nguyên khi dẫn một số cán bộ của Binh trạm do đóng quân tít tận đỉnh núi, xa trọng điểm, đôn đốc ra sát đường cái, thấy đội đang hát trên một bãi đỗ xe, đã đến biểu dương và anh chị em trong đội đã ngồi xung quanh ông chụp ảnh. Ông nói với đồng chí Chính ủy Binh trạm:

- Đây cũng là một binh chủng đặc biệt, có hiện trường tác chiến không kém gì một đơn vị thi công, tác chiến, vận tải, binh trạm nên học và làm theo.

Cũng từ đó, các binh trạm được phép tách quân số trong biên chế ra, từ 10 đến 20 người có khả năng văn nghệ lập thành một đội “tuyên truyền văn hóa” như của Cục Chính trị, lấy nòng cốt là những hạt nhân trong phong trào văn hóa quần chúng của Binh trạm. Phong trào này được các đơn vị tích cực hưởng ứng vì chính họ cũng đang “rất đói văn nghệ”.

Đầu mùa thu năm 1966 - 1967, để giúp các binh trạm nâng cao chất lượng hoạt động của những đội hạt nhân này, Cục Chính trị đã cử Chủ nhiệm câu lạc bộ Phạm Đức Cường - Nguyên chính trị viên Đoàn văn công Quân khu 3 về các tỉnh Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, tuyển được trên 50 em đưa vào hậu cứ của Bộ Tư lệnh tại Quảng Bình, học tập quân sự và đào tạo các bộ môn nghệ thuật một cách cơ bản trong ba tháng. Đạo diễn chèo nổi tiếng Tào Mạt, Trịnh Quý..., cả nghệ sĩ xiếc Trúc Vinh từ rạp xiếc Thống nhất được mời vào để dạy dỗ các em. Năm, sáu em trong số này về sau chuyển cho Đoàn văn công Quân giải phóng miền Nam năm, sáu em có thể làm văn công chuyên nghiệp. Còn phần lớn, biên chế thành từng nhóm chuyển sâu vào phía trong, giao cho các binh trạm. Đội trưởng, chính trị viên các đội văn nghệ đều do binh trạm tuyển chọn từ các hạt nhân văn nghệ có bản lĩnh ở đơn vị lên. Các em được phái vào ngoài lưng vốn ít ỏi đã học được thì tự mình mày mò,

vừa phục vụ vừa nâng cao nghiệp vụ. Rất nhiều anh chị em được khen về tinh thần dũng cảm trong công tác và xông pha nơi trọng điểm. Thật xót xa khi nhắc đến những dòng tên liệt sĩ trên mặt trận văn hóa, văn nghệ “bán chuyên nghiệp” này. Ở đoàn bộ, có y tá Nguyễn Thị Tứ, khi đội bị bom, đồng đội không tìm thấy nguyên vẹn thi thể của chị...; rồi diễn viên chèo Tuấn Ngọc, diễn viên đàn Nguyễn Đình Đa đều hy sinh vì bom đạn địch. Chiến sĩ hát chèo Đỗ Thị Thắm của Binh trạm 35 lên cơn sốt rét ác tính ngã xuống trên đường đi biểu diễn... Binh trạm 32 hai lần lập lại đội, lần đầu bị mất 13 diễn viên. Sau đó được bổ sung, đội mới đi biểu diễn trên các trọng điểm ác liệt như Lùm Bùm, Cốc Mạc... Binh trạm 32 “là binh trạm vạn tấn” trong chi viện chiến trường, cũng là binh trạm có đời sống tinh thần, văn hóa sôi nổi nhất. Số đông trong các diễn viên văn nghệ không chuyên này về sau do tiến bộ nghề nghiệp và kinh nghiệm phục vụ biểu diễn đã trở thành những nghệ sĩ ưu tú, diễn viên chuyên nghiệp có tên tuổi như Nguyễn Ngọc Thà, Phùng Tất Cự, Nguyễn Khắc Nghiêm, hay trở thành nhạc sĩ, đạo diễn có tài như Đào Hữu Thi, Lê Huy, Huy Loan, Đào Thế Y...

Cao điểm của phong trào văn nghệ không chuyên mang tính quần chúng, nhưng có tổ chức và nghiệp vụ gần như chuyên nghiệp là Hội diễn toàn tuyến vào tháng 4 năm 1973 tại Hiền Ninh, Lệ Thủy, Quảng Bình. Hội diễn đã tụ hội trên 300 cán bộ và diễn viên. Các đội chia thành từng nhóm khu vực, gồm 16 đội, bước đầu tự tập duyệt và trình diễn chương trình tự biên. Một Ban giám khảo gồm các tác giả, đạo diễn và nhạc sĩ, nhà thơ của Trường Sơn và Tổng cục Chính trị vào đi duyệt chấm từng chương trình. Kết quả đêm chung khảo là một chương trình tổng hợp gồm các tiết mục đặc sắc của các binh trạm hợp lại. Đêm biểu diễn báo cáo được cán bộ, chiến sĩ tham gia Hội nghị quân chính toàn tuyến mùa mưa năm 1973 hết sức hoan nghênh. Có đồng chí nói không biết có quá khen không, nhưng rất chân tình: “Văn nghệ quần chúng cũng đứng được sánh vai cùng văn công Tổng cục và văn công Trường Sơn”. Sau Hội diễn còn có tập huấn chuyên môn cho các đội một cách bài bản, do các nghệ sĩ chuyên nghiệp giảng dạy. Cục Chính trị đã gộp các đội tuyên truyền văn hóa lại thành một đoàn lấy tên là Đoàn Nghệ thuật Trường Sơn 2. Một lớp viết văn và sáng tác kịch bản đã được tổ chức bên cạnh Hội diễn và tập huấn, các nhà thơ của Quảng Bình như Hoàng Phủ Ngọc Tường, Lâm Thị Mỹ Dạ, Lê Thị Mây..., cùng các nhà thơ quân đội như Phạm Tiến

Duật, Vương Trọng đều đến dự trao đổi và hướng dẫn về chuyên môn. Chính từ trong đợt hội diễn và tập huấn lần này, nhiều diễn viên đã được giao lưu, học hỏi, nâng thêm trình độ. Một số nhà văn như Phạm Hoa, Nguyễn Hữu Quý... đã bắt đầu sự nghiệp cầm bút, sau trở thành những nhà văn có tên tuổi.

Sẽ là thiếu sót, nếu nhắc đến “trận địa văn nghệ” Trường Sơn mà bỏ qua mất một số ngành đã đem đến nhiều thành tựu ấn tượng. Đó là các đội quay phim của Tổng cục Chính trị phái vào ngay từ đầu mùa khô năm 1965 - 1966. Những thước phim quay trên dòng thác Bạc của các nghệ sĩ Nguyễn Nhân, Đắc Xuân; những trọng điểm ác liệt dưới ông kính của U Đa là những tư liệu mà không bao giờ có lại nữa của Điện ảnh Quân đội. Đó là ngành nhiếp ảnh ban đầu chỉ có vài “ống kính sang ngang” như Trọng Khoát, Mai Trung, Lý Tự Nhiên, Hoàng Bá Thực, về sau đào tạo ra một thế hệ những nhà nhiếp ảnh có chuyên môn cao, đóng góp cho lịch sử bộ đội Trường Sơn nhiều tác phẩm có giá trị như của tác giả Hoàng Kim Đáng (sau này anh chuyển sang báo Văn nghệ của Hội nhà văn, rồi làm Tổng biên tập Tạp chí nhiếp ảnh của Hội nghệ sĩ nhiếp ảnh Việt Nam mà Hoàng Kim Đáng là ủy viên Trung ương hội). Đồng nghiệp của Đáng còn có Vương Khánh Hồng, Văn Tuấn Anh rồi sau này có Quảng Bình (chuyên chụp và quay phim cho Binh đoàn 12 đã qua đời). Hội họa ở Trường Sơn cũng có nét đặc thù riêng, tổ 3 người, toàn những tài năng do đơn vị và anh em phát hiện. Minh Đình vào Binh trạm 12 làm chiến sĩ phụ lái xe. Đình mắc chứng “mù màu” nên muốn vẽ xe pháo, anh nặn, đẽo, gọt những hình gần như thật rồi đặt ở các góc độ khác nhau trên những tấm ảnh đen trắng mà vẽ cảnh đoàn xe. Nguyễn Đức Dụ được điều từ Binh trạm 42 về, anh đã vẽ Binh trạm phỏ Toàn “cười hở chiếc răng vàng” giống y hệt. Vĩnh Phúc trong một bức tranh vẽ ở Binh trạm, phác họa cảnh cơ quan, có hình ảnh một chiến sĩ cầm tờ bạc Việt Nam, “nhìn qua nhiều người tưởng là tờ bạc thật”. Hoàng Đình Tài từ Binh trạm 12 ở cửa khẩu Cha Lo chuyển vào nói rằng, anh em ở ngoài đó được dự một vài lớp đào tạo cấp tốc nên có tay nghề cơ bản hơn. Công việc chính của tổ “họa sĩ” này ban đầu là trang trí hội trường và trưng bày cho các hội nghị ở đoàn bộ trong các dịp lễ tết. Phòng Tuyên huấn phân công tổ vẽ thêm một số tranh cổ động, về sau phòng văn nghệ quần chúng của Cục Tuyên huấn phái người vào mở lớp vẽ tranh in lưới thì số anh em này mới bắt đầu tiếp tục với các lý thuyết về hội

họa. Sau này, chiến tranh kết thúc họ mới được cử đi học Đại học Mỹ thuật và đều trở thành họa sĩ. Minh Đình sau này làm Trưởng phòng sáng tác của Cục Tuyên huấn Tổng cục Chính trị, anh có nhiều bức tượng được đặt ở nghĩa trang Trường Sơn. Tượng Bác Hồ của Minh Đình được Ban văn hóa tư tưởng Trung ương Đảng chọn làm “tượng mẫu” tại các hội nghị, cơ quan. Anh Minh Đình đã qua đời ở tuổi 60, sau một chuyến đi gian nan vất vả lên Cao Bằng để tạc tượng Bác Hồ ở hang Pác Pó. Hoàng Đình Tài đã được đề nghị tặng giải thưởng quốc gia về hội họa với các tác phẩm xuất sắc về Trường Sơn. Đức Dụ đã mở trên 10 cuộc triển lãm tranh ở Hà Nội, Hải Dương với bộ sưu tập gồm hàng trăm bức tranh đặc sắc. Duy có Vĩnh Phúc là vất vả, học xong một lớp họa ở Hà Nội anh về địa phương xây dựng phòng văn hóa cơ sở và mất do một tai nạn rủi ro trên đường làm nhiệm vụ.

Tờ báo Trường Sơn là một trong những ngọn cờ đầu “nổ súng” cho phong trào văn hóa văn nghệ ở Trường Sơn, ban đầu tờ báo là một bản tin viết tay in rô-nê-ô do Chủ nhiệm chính trị Hồng Kỳ làm chủ bút, làm phó cho anh có trợ lý văn nghệ và trợ lý thi đua Hoàng Bá Thi. Ngày 1 tháng 1 năm 1967 thì chính thức ra số đầu tiên lấy tên “Hoa thắm Trường Sơn”, đăng tải chủ yếu các bản tin, bài viết, thơ ca viết về những tấm gương thi đua xuất sắc lặn lội từ các đơn vị, cơ quan, về sau Tổng cục Chính trị cử một số phóng viên báo Quân đội nhân dân, Văn nghệ Quân đội bổ sung vào và phát triển thành báo in, trong đó có hơn 1 trang dành cho văn hóa văn nghệ, sáng tác thơ văn. Đồng chí Lục Văn Thao chính thức được quyết định là Tổng biên tập, các anh Phạm Tiến Duật rồi Duy Khánh, Đình Phong, Phạm Bá Lợi cùng một số anh chị em ở cơ quan lên như Phạm Ngọc Huệ... thay nhau làm phóng viên thường trực và đi xuống cơ sở, trọng điểm binh trạm ghi bài, chụp ảnh, đưa tin. Trang văn nghệ báo Trường Sơn cũng là nơi luyện bút đầu tiên cho một số tác giả, sau này có người trở thành nhà văn nổi tiếng như Lê Lựu, Phạm Tiến Duật, Phạm Hoa, Nguyễn Hữu Quý cùng nhiều nhà văn, nhà thơ chuyên nghiệp khác vào “tham chiến” ở Trường Sơn như Chế Lan Viên, Huy Cận, Nguyễn Minh Châu trước lúc kết thúc chiến tranh đều có bài gửi báo Trường Sơn. Những “con người” sau khi đã trở thành “thiên cổ” mà tác phẩm còn sống mãi trong lòng bao thế hệ chiến sĩ Trường Sơn và con em chúng ta.

Được sự quan tâm của Đảng, nhân dân và lực lượng vũ trang trong cả nước, chiến trường Trường Sơn từ khi chuẩn bị cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 đã trở thành trung tâm thu hút các lực lượng văn học, nghệ thuật khắp nơi trong cả nước. Và quả thật, như cố nhà thơ Tố Hữu đã từng viết:

“Trường Sơn: Đông nắng, Tây mưa

Ai chưa đến đó như chưa rõ mình...

Các cơ quan văn hóa văn nghệ từ Trung ương đến địa phương, gồm cả lực lượng chính quy và xung kích nô nức lên đường vào tham gia chiến đấu, phục vụ ở Trường Sơn. Gắn bó và gần gũi nhất, trước hết phải nói tới Đoàn văn công Tổng cục Chính trị, trong đó có các nhạc sĩ nổi tiếng như Doãn Nho, Huy Thục đã từ Tây Nguyên hành quân ra từ một vài mùa khô trước. Nay lại quay vào với một lực lượng “tinh nhuệ và hùng hậu” hơn hẳn. Các ca sĩ Linh Nhâm, Kim Cúc, Nguyệt Ánh đi đến tận cơ quan, trạm xe, trận địa, cung đường nào cũng được đón chào như anh chị em trong nhà. Nhiều chiến sĩ trẻ còn gọi các chị là “Mẹ nuôi” và coi tiếng hát các chị là “lời ru của mẹ”. Những bài hát trẻ trung, sôi động, ngộ nghĩnh như “Quả bom câm”, “Năm anh em trên một chiếc xe tăng”, v.v... được bộ đội Trường Sơn hát truyền nhau vang vọng khắp mọi nẻo đường. Sau những chuyến phục vụ dài này, Đoàn lại được đưa về và ra Bắc để tập huấn nghiệp vụ, củng cố tổ chức, trang bị sẵn sàng đi phục vụ cho đến chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng. Đoàn nọ tiếp đoàn kia, các đội văn công xung kích các tỉnh Thanh Hóa, Thái Bình, Bắc Thái, Hà Tuyên, Cao Bằng cũng lần lượt vào Trường Sơn biểu diễn phục vụ bộ đội. Họ bảo nhau rằng: “Đi Trường Sơn cũng là đi B, cơ hội ngàn năm có một” nên ai nấy đều hăm hở, nhiệt tình. Khi vào tuyến, đối mặt với gian khổ, khó khăn, bom đạn, họ càng cảm thông sâu sắc với chiến sĩ Trường Sơn. Các anh, các chị đã đem hết lòng dũng cảm, tài năng và ý chí phục vụ cho chiến trường với khẩu hiệu: “Xả thân vì sự nghiệp giải phóng miền Nam”, “Tiếng hát át tiếng bom”.

Đoàn Hà Nội là một trong những đoàn vào sớm nhất, tiết mục có cả múa, hát, kịch và cả xiếc. Tiếng hát bay bổng của các cô gái Thủ đô làm ngây ngất lòng chiến sĩ. Những ấn tượng khó quên lại là những vai diễn nhí nhảnh của “người lớn đóng trẻ con” như chị Phạm Thị Thành trong các vở kịch ngắn của Nguyễn Vũ... Đoàn Bắc Thái để lại hai liệt sĩ trên đường phục vụ, bởi bị trúng bom. Đoàn Nam Hà đi tới đâu cũng đem lại niềm vui như sấm dậy với màn chèo “Vợ chồng anh thợ mộc”, “Mẹ Đốp...”. Đoàn Hà Bắc, Hải Hưng là những đoàn vào Trường Sơn sớm và đi sâu, đi xa nhất. Đoàn Quảng Ninh gây ấn tượng ở những cô gái vùng than mà da trắng như trứng gà bóc. Đoàn văn công Thái Bình do Lê Thế Phiệt dẫn đầu đã thu hút được cảm tình của cơ quan Bộ Tư lệnh và được sự ưu ái của nhiều cán bộ binh chủng bởi thể mạnh của đoàn là hát chèo. Hơn nữa là do tác phong thâm nhập và gần gũi chiến sĩ của những người con quê lúa này có cái gì đó rất dễ gần, dễ mến. Từ cô gái trẻ măng Đoàn Minh Huệ đến các em ít tuổi hơn như Xuân Quý, Vân Quý và cô em út Thu Lan đi đến đâu đều được chăm sóc chu đáo. Tay chèo nam Đức Quảng luôn có nụ cười vừa sân khấu, vừa dân dã. Và còn rất nhiều gương mặt đáng nhớ khác. Đoàn được một dịp may hiếm có là trên đường trở về quê hương sau một năm phục vụ bộ đội Trường Sơn (tháng 1-1969-1970) Bộ Tư lệnh Trường Sơn cho xe và cử cán bộ đưa về tận nhà khách Tỉnh ủy Thái Bình. Trên đường qua hậu cứ Hương Đô, đoàn được cử lên phục vụ và dự tiệc cùng Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Đến nay tấm ảnh chụp chung với Đại tướng đã trở thành vật gia bảo của nhiều anh chị em trong đoàn.

*

Còn rất nhiều câu chuyện, bao nhiêu kỷ niệm, bao nhiêu gương mặt khó quên đã đóng góp tích cực vào các hoạt động văn hóa, văn nghệ trên chiến trường tổng hợp ngày càng quy mô to lớn, góp sức vào chiến thắng vẻ vang của dân tộc. Năm mươi năm đã trôi qua, và người từng đảm trách “mặt trận” này của Bộ Tư lệnh Trường Sơn trong chống Mỹ nay tuổi cũng đã gần 80. Bởi vậy, có điều nhớ, có điều quên, chỉ xin ghi lại đôi chút tâm tình và xin được nhường lại, tiếp âm cho những ai đã từng tham gia vào “binh chủng đặc biệt” này, mong được góp thêm nhiều trang lịch sử Trường Sơn huyền Thoại.

Hà Nội, tháng 10 năm 2008

TUYẾN ĐƯỜNG VÀ CHIẾN TRƯỜNG(tâm sự của ba người trong cuộc)Đại tá BÙI THẾ TÂM

Nguyên chính ủy Sư đoàn công binh 473

Những ngày tôi làm Cục trưởng Cục Kinh tế Bộ Quốc phòng, anh Lê Ngọc Hiền - Tổng tham mưu phó, anh Phan Hàm - Cục phó Cục Tác chiến và tôi thường gặp nhau sau các buổi giao ban.

Tâm sự thường xoay quanh con đường Trường Sơn với các chiến trường ta và bạn trong cuộc kháng chiến chống Mỹ.

Câu chuyện lôi cuốn chúng tôi đến kỳ lạ. Đôi lúc vui chuyện, Bộ trưởng Văn Tiến Dũng còn bảo chúng tôi đến nhà làm việc của anh để trò chuyện. Anh thường kể chuyện anh đi trên tuyến Đông Trường Sơn vào chỉ đạo chiến dịch Tây Nguyên. Anh nói, trong chiến dịch Tây Nguyên, lực lượng bộ đội Trường Sơn có vai trò lớn, chiếm gần một nửa; còn chiến dịch Hồ Chí Minh quân số ba mươi vạn thì bộ đội Trường Sơn có trên mười vạn rồi.

Tôi vẫn nhớ câu nói để đời của anh về con đường Đông Trường Sơn: “Cả cuộc đời làm tướng của tôi, cái mơ ước lớn nhất của tôi là làm sao mở được tuyến Đông Trường Sơn để mau chóng giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất nước nhà”.

*

Tôi và anh Phan Hàm đã biết nhau từ dạo tôi làm Chủ nhiệm Chính trị Cục Quân y chuyên lo tổ chức các bệnh viện, các đội điều trị, đội phẫu thuật chi viện cho các chiến trường.

Tôi cũng biết anh Lê Ngọc Hiền từ dạo tôi cùng với Cục trưởng Vũ Văn Cần đi học lớp quân sự “đánh to thắng lớn” và thời tôi làm Chủ nhiệm Chính trị Cục Hậu cần chiến dịch Đường 9 - Khe Sanh, Xuân Mậu Thân 1968.

Cuối năm 1968, Chính ủy Lê Quang Đạo giao nhiệm vụ cho tôi xuống làm Chính ủy Binh trạm 14, sau đó Bộ Tư lệnh 500 kết thúc, thu gọn lại thành Đoàn 500 trực thuộc Tổng cục Hậu cần.

Trong một cuộc họp chuẩn bị cho mùa khô 1968-1969 do Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần Đinh Đức Thiện chủ trì, tôi có dịp gặp lại anh Phan Hàm (khi đó anh đã về Cục Tác chiến Bộ Tổng tham mưu), anh hỏi tôi:

- Liệu bọn Mỹ gây ra một vụ “Đồng Lộc” ở biên giới Lào - Việt trên đường 20 Quyết thắng, Binh trạm 14 không? Câu hỏi quá đột ngột làm cho tôi phải suy xét vì thời gian công tác ở Tổng cục Tiền phương, tôi có ra công tác ở trọng điểm đó, có lần tôi và anh Tuy đưa được anh Lê Quang Đạo vượt trọng điểm Đồng Lộc về Đức Thọ.

Tôi trả lời:

- Kiểu Đồng Lộc anh nói đó so với Xiêng Phan đường 12 và Ta Lê đường 20

có những đặc điểm khác. Ở Đồng Lộc, Mỹ sử dụng nhiều loại máy bay ném bom, còn Xiêng Phan và Ta Lê thì cả B.52 rải thảm. Nhờ ta mở đường vòng tránh mới giải tỏa được. Chúng có thể mở trọng điểm ở chỗ độc đạo để ngăn chặn ta, có thể ở phía đông đường 20B.

Anh Đinh Đức Thiện, đứng phía sau nghe thấy câu chuyện của chúng tôi, anh nói:

- Cậu Tâm nói đúng đó, thằng Mỹ chuyên nghề đánh vào chỗ độc đạo của ta. Đồng Lộc mình mở đường vòng tránh chậm nên có những lúc đường bị tắc và tổn thất lớn. Sau khi ta mở một con đường vòng qua trọng điểm Đồng Lộc thì Mỹ cũng chịu thua ta. Làm vận tải trong thời chiến, nhất là đối phó với thằng Mỹ thì phải luôn luôn phá thế độc đạo!

Anh Phan Hàm nói tiếp:

- Anh nói phải quá, làm sao mà cãi anh được!

Rồi sự việc xảy ra đúng như vậy. Có người tưởng rằng thằng Mỹ ngừng ném bom miền Bắc là ngừng ném bom ở các cửa khẩu. Trái lại thằng Mỹ lại chọn cửa khẩu làm trọng điểm tiếp tục đánh phá ác liệt.

Tranh thủ thời gian địch tạm ngừng đánh phá, xe và ca nô của Bộ Giao thông vận tải lấy hàng ở cảng Gianh đưa lên Phong Nha, Khương Hà, Cự Nẫm. Binh trạm 14 đưa từ đây lên Cùm C để tuyến 559 ra đó nhận hàng chuyển lên phía trước.

Hồi ấy cứ một ngày đêm chúng tôi đưa lên Cụm C trên 300 tấn hàng các loại, cung độ dưới 100 kilômét chạy cả ngày lẫn đêm rất thuận lợi. Nhờ 3 tiểu đoàn thanh niên xung phong 15, 23, 25 khẩn trương tập trung nâng cấp mặt đường, cải tuyến nên công việc vận chuyển tiến hành thuận lợi. Đường 20 Quyết thắng được khắc phục đáng kể.

Thế rồi, dùng một cái, Mỹ gây ra trọng điểm K68. Đây là một đoạn đường yên ngựa, đi trên sống núi, hai bên là vực sâu. Binh trạm trưởng Hoàng Trá nói với tôi:

- Tôi lên trên đó giải quyết xem sao, rồi ghé qua đội thanh niên xung phong 23 đón anh Trần Đình Cầu cùng lên luôn. Anh ở nhà chủ trì công việc, anh ra Tiểu đoàn 15 thanh niên xung phong chỉ thị cho tiểu đoàn dỡ bỏ hoàn toàn rông đánh thay vào cấp phối cho xe đi vào hướng Binh trạm 16 tốt hơn.

Khi lên đến nơi, anh Hoàng Trá gọi điện về cho tôi. Anh nói:

- Nó đánh Km 68, Chính ủy giờ bản đồ ra đi. Nó cắt đường đi vào Cụm C, nơi Binh trạm 14 trả hàng cho Binh trạm 32 Đoàn 559. Cách giải quyết của tôi là mở rộng đường ra cho xe qua, dầu nó ném bom trúng tim đường, xe ta vẫn lách qua được để đi vào kho giao hàng. Tối nay tôi bảo lái máy Nguyễn Phong Lưu xuất trận cùng với Đội 25 thanh niên xung phong.

Thế là tuyến tiền phương đã bị Mỹ đánh chặn cửa khẩu đường 20 Quyết Thắng. Chuyện cấm cở biên giới của Binh trạm 32 ở Nậm Chà Là, cấm cở ở Ta Lê - Phu La Nhích của Binh trạm 14 coi như Mỹ không chấp nhận.

Tôi sốt ruột quá, nên bàn giao công việc lại cho anh Tâm - Binh trạm phó, anh Sơn - Phó chính ủy để theo xe Tiểu đoàn 781 chở hàng lên Cụm C. Trước khi đi anh Phan Hàm ngoài Hà Nội gọi điện thoại vào hỏi tôi:

- Mỹ nó đánh vào biên giới phải không? Các anh xử lý ra sao?

Tôi nói: - Tôi đi lên đó đây. Ông Đinh Đức Thiện hỏi anh phải không? Anh trả lời: Hôm qua giao ban Bộ anh Đinh nổi cáu lên đó.

Ba chúng tôi: Hoàng Trá, Bùi Thế Tâm, Trần Đình Cầu và các đồng chí chỉ huy Tiểu đoàn 781, Đội 25 thanh niên xung phong (lúc này là Tiểu đoàn 25) bàn bạc và đi đến kết luận: Làm theo cách giải quyết của Binh trạm trưởng.

Ngày hôm sau hai chúng tôi chống gậy đi thị sát địa hình từ Km 66+500 rẽ về bên phải tuyến 20A thấy có một khu rừng rậm rạp, đi sâu vào 500 mét thì thấy có mấy quả núi liền nhau, con đường sườn núi có mặt bằng tốt, thoải thoải không có dốc, tôi đi một mạch 4 cây số thì chạm vào khu kho của Cụm C.

Tôi vào gặp đồng chí Nguyễn Quang Hứa - Cụm trưởng, và đồng chí Dương Hồng Sơn - Chính trị viên, dẫn hai anh cùng tôi ra thị sát lại. Thấy điều kiện cho phép, tôi ra lệnh cho Ban chỉ huy Cụm huy động lực lượng kho và một máy hút 75cv mở một con đường bí mật từ cụm kho ra Km 66+550. Chỉ sau hai ngày đường đã làm xong.

Chúng tôi đặt một kho trung chuyển tại Km 66+550, để phòng nếu số xe không có khả năng vượt trọng điểm và quay về thì để hàng tại đây quay về căn cứ đi chuyển khác. Cụm kho C cho một số xe trọng tải 2 tấn của nội bộ kho, ban ngày ra na-vét chuyển vào kho. Tư tưởng vận dụng chiến thuật trong vận tải quân sự chiến đấu bắt đầu từ đây, phải biết biến hóa trong tổ chức vận chuyển để đối phó với một kẻ địch giàu, mạnh như đế quốc Mỹ.

Mặc cho địch đánh, càng đánh thì tuyến đường Km 68 cứ rộng ra, có đến 15 mét, 20 mét chiều rộng, giữa hai đợt công kích của máy bay Mỹ, xe của Binh trạm vẫn vượt vào và ra bình thường. Nếu đưa hết khối lượng đất, đá do bom Mỹ đào lên ra hai bên thì mặt đường cứ thế rộng ra như sân bay.

Mục tiêu 300 tấn lên Cụm C vẫn tiếp tục thực hiện. Anh Trần Đình Cầu - Binh trạm phó phụ trách cầu đường có câu vịnh theo kiểu như sau:

“Có ba trăm tấn lên C, ấm êm chẳng có chuyện này, trò kia!

Không có ba trăm tấn lên C, Tư lệnh Hồng Kỳ quát vỡ lỗ tai”.

Bởi ông Hồng Kỳ đã giao nhiệm vụ cho Binh trạm 14 mỗi đêm, phải đưa lên Cụm kho C 300 tấn; ba mươi đêm là 9.000 tấn, cố gắng đưa năng suất trọng tải mỗi chuyến xe đạt thêm 1.000-1.500 tấn để có 10.000 tấn/tháng đến 10.500 tấn/tháng giao cho tuyến 559.

Tôi hỏi Hồng Kỳ về việc giao chỉ tiêu đó thì anh cho biết: Làm như vậy là để tạo chân hàng cho tuyến 559 theo chỉ thị của Tổng tư lệnh. Còn để “thi đua với ông Đồng Sĩ Nguyên”, lúc nào tuyến tiền phương cũng đủ, cũng thừa chân hàng cho tuyến 559. Ông Hồng Kỳ là một con người đa tài, năng động. Ở đường 12 còn đổ hàng xuống vùng kho của Binh trạm 31 và Binh trạm 31

của tuyến 559 không kịp giải phóng xe đến trả hàng của Binh trạm 12. Còn ở Binh trạm 14 thì chúng tôi tăng cường cho Cụm C thêm quân để đưa hàng vào các nhà kho chu tất và bốc hàng lên xe nhanh, sau đó còn cho xe chạy vượt cung vào Binh trạm 32 trả hàng, và có thêm lực lượng làm nhà kho cho Binh trạm 32.

Và quả thật, Binh trạm 14 đã trải qua vượt trọng điểm liên hoàn rồi, chỉ một trọng điểm Km 68 thôi, chẳng có gì đáng phải lo ngại, Binh trạm 14 dư sức.

Mùa khô 1968-1969 Binh trạm 14 hoàn thành vượt chỉ tiêu kế hoạch Bộ giao. Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần Đinh Đức Thiện hoan nghênh, anh “thưởng” cho chúng tôi thêm 20 xe Zin 157 khi Binh trạm 14 nhập vào Đoàn 559. Ở Km 68 đường 20, cứ 40 phút chúng công kích một đợt, mỗi đêm có từ 5 đến 6 đợt công kích như vậy mà khối lượng hàng vượt khẩu vào bảo đảm trên 300 tấn/đêm, anh xin phép Bộ Tổng tham mưu vào đường 20 xem sao. Anh gặp tôi ở sở chỉ huy.

Tôi lấy trong cặp ra một tờ giấy vẽ con đường chiến thuật và vẽ đoạn Km 68 đường A nói với anh:

- Địch ngại đánh là chúng tôi cho xe vượt khẩu, mặt đường rộng và nơi này khó đánh lắm, ném bom khó trúng tim đường nên tranh thủ 40 - 50 phút chúng tôi cho xe vượt vào trả hàng xong rồi quay về. Số xe không vượt kịp và quay về trong đêm thì trả hàng tại kho chiến thuật rồi quay về đi chuyển tiếp theo, đội xe nhỏ của Cụm kho C ban ngày đi trên đường bí mật vét hàng vào kho chính.

Với anh Đinh Đức Thiện, tôi còn nhớ một chuyện trên đoạn Km 68 đường

20. Đó là, khi nghe Cục Tác chiến Bộ Tổng tham mưu báo cáo tình hình, anh nói với tôi.

Nghe xong anh “à” ra một tiếng rồi nói: - Chiến thuật tổ chức vận chuyển hàng thật là hay, tôi về báo cáo với ông Thiện để ông yên tâm “khoản” đường 20.

Mùa khô 1969-1970 tuyến 500 tiền phương sáp nhập vào tuyến 559.

Lúc này Binh trạm 14 phụ trách toàn bộ tuyến 20 Quyết Thắng, nhận hàng của Tổng cục Hậu cần, vượt khẩu đưa hàng vào Lùm Bùm cho Binh trạm 32, Binh trạm phía trước. Cửa khẩu đường 20 là cửa khẩu chủ yếu. Anh Phan Hàm vào đường 20. Anh nói với chúng tôi.

- Bây giờ tuyến vượt khẩu của Binh trạm 14 đi hết tuyến đường 20 Quyết thắng rồi, xấp xỉ 130 kilômét, lại qua trọng điểm lớn ATP, nhất là năm nay nhập tuyến trên 5.000 xe, pháo, vào các chiến trường, ông Nguyên lấy đường 20 là đường nhập tuyến chủ yếu, vượt qua Lùm Bùm là vào đến đường 9 rồi, gần nhất, nhanh nhất.

Chúng tôi thấy anh có vẻ lo lắng trước nhiệm vụ sắp tới của đường 20.

Tôi báo cáo với anh:

- Vượt khẩu ATP là một thử thách mới của Binh trạm 14. Có vượt qua thử

thách này mới được trưởng thành lên một bước trên con đường dài chi viện chiến lược. Đã qua mấy nấc thang rồi, vượt đèo Đá Đẽo, vượt Xuân Sơn, vượt K14, vượt Khe Diêm, Kà Roòng, Km 68, vượt ATP mùa khô này là một nấc thang, sau này chắc có nhiều nấc thang phải vượt nữa.

Ở Bình trạm 14 chúng tôi coi trọng cả hai mặt quân sự và chính trị, vận tải phải có chiến thuật, phải có ý chí chiến đấu cao và phải có phương thức hành động chính xác, có hiệu quả.

Tôi trình bày luôn:

- Tiếp tục giữ kín đường 20C và nhất là đường 20Đ, sau khi khôi phục đường sau mùa mưa, chúng tôi cho ngụy trang lại bằng cây khô, rải kín trên mặt đường, coi như che kín con đường.

- Mở rộng đường 20A, 20B có nền đường rộng cho hai làn xe Zin. Kéo địch vào đường 20A, 20B cho chúng đánh. Ta lặng lẽ đưa xe nhập tuyến lọt vào 20C và 20Đ rồi vượt qua Lùm Bùm thật nhanh, địch không phát hiện kịp.

Anh Phan Hàm nói:

- Mỹ nó hiện đại lắm, đủ thứ máy bay trinh sát, thế nào nó cũng phát hiện sớm.

Tôi nói:

- Ăn nhau trong một tuần lễ. Nó phát hiện sau một tuần là chúng tôi thắng nó hoàn toàn. Tôi cho xe của Binh trạm đi trên đường 20A, 20B, xe Binh trạm thông thạo đường sá, vừa vận tải tốt vừa thu hút địch vào đó.

Tư lệnh Đồng Sỹ Nguyên đã đến tận đây giao cho Binh trạm 14 và Trung đoàn pháo cao xạ 224 bảo đảm xe, pháo nhập tuyến an toàn. Anh Đoàn Tạo - Chính ủy Trung đoàn 224 và tôi đã hứa rồi. Anh vui vẻ nói:

- Vận tải quân sự trong chiến tranh “đầy ắp” việc vận dụng chiến thuật, phong phú về chiến thuật. Vận tải chi viện chiến lược phải có chiến thuật đặc thù của vận tải chiến đấu mới được. Lĩnh vực này thì Cục Tác chiến, Bộ Tổng tham mưu chưa có bài bản gì, khi đi vào cuộc chiến tranh chống Mỹ và bây giờ đây vẫn chưa tổng kết nêu ra được gì! Tôi tự nhận đó là một khiếm khuyết!

Từ khi Bộ Tư lệnh 559 phát lệnh nhập tuyến, 5.000 xe pháo đi vào theo phương án 2, nói đúng ra sau 6 đêm địch hoàn toàn không phát hiện được đi đường 20C, 20Đ. Chúng quay ra đánh vào đèo Tam Đảo, đánh ngầm 20C thì ta lại cho xe nhập tuyến ra 20B và 20A, nó bị ta lừa một “vố” nữa.

Cuộc nhập tuyến thắng lợi to, 5.000 xe pháo vào tuyến là sức chiến đấu của tuyến vận chuyển chi viện chiến lược hoạt động trong một năm. Bảo vệ an toàn 5.000 xe pháo có ý nghĩa to lớn. Riêng nhiệm vụ mùa khô 1969-1970, Binh trạm 14 cũng hoàn thành xuất sắc.

Năm 1971 khi anh Phan Hàm vào Bộ Tư lệnh Trường Sơn truyền đạt chỉ thị của Bộ về việc địch có thể đánh ra Đường 9 - Nam Lào, cắt đứt tuyến chi

viện chiến lược của ta, anh không lên được Binh trạm 14 (hồi đó chỉ huy sở Binh trạm 14 đã lên Km 54 và Km 71, đường 20 Quyết thắng rồi). Anh nhờ người chuyển bức thư của nhà tôi gửi và một lá thư ngắn của anh gửi cho tôi.

Anh viết rằng địch sẽ mở cuộc hành quân đánh vào tuyến vận chuyển chi viện chiến lược, phạm vi cuộc hành quân của Mỹ - ngụy bao gồm cả tuyến vượt khẩu đường 20.

Trong mùa khô này Bộ Tư lệnh 559 và Ban chỉ huy Binh trạm 14 dự kiến Mỹ sẽ đánh vào đoạn đầu cửa khẩu nên đã chủ động mở đường 20E, 20K.

Không ngờ đầu Mỹ mở trọng điểm Chà Là nằm vào đoạn Nam tuyến đường 20 Quyết thắng.

Nói thẳng ra là địch đã tìm đúng chỗ để gây trọng điểm, bởi đây là nơi giao nhau của ba tuyến đường vượt khẩu của đường 20 Quyết thắng, đường 20A, 20C và 20Đ.

Tuy nhiên, trước khi nhận được thư anh Phan Hàm thì tôi có chuyến đi kiểm tra tuyến giao liên bộ, nhân thể đi thị sát khu vực bên trái tuyến đường 20A, thấy một vùng rừng đại ngàn trải dài từ bờ sông Ta Lê đến phía Nam. Cho nên khi địch mở trọng điểm Chà Là thì Chính ủy đã giao cho đồng chí Nghiêm Đình Huyền - cán bộ cơ quan tham mưu cầu đường đi tìm tuyến đường QZ25. Đồng chí Huyền tìm ra một tuyến đẹp, nhất là đầu vào của tuyến đường và đầu ra cũng rất bất ngờ. Biết được kết quả tôi vào ngay.

Với một trọng điểm cỡ lớn nhất trên tuyến 559, địch đánh bằng B.52 rải thảm

và cường kích, kéo dài 10 ngày liên tiếp, chiều rộng trên 3 kilômét, chiều dài trên 7 kilômét, trở thành một bãi sa mạc, đất trắng bị bom đào lên trắng xóa như cồn cát Quảng Bình.

Binh trạm bị động hơn chục ngày, rồi cũng khắc phục được bằng cách: Chúng tôi đến chớp một quả núi đá độc lập giữa trọng điểm, nghiên cứu các hướng bố nhào của máy bay phản lực, tầm đi qua ném bom của máy bay B.52 tìm tuyến không có hố bom và ít hố bom để làm “con đường tránh túi bom” giữa lòng trọng điểm Chà Là, cho nên xe vẫn qua trọng điểm nhưng chỉ với lượng xe ít. Sau khi làm xong đường kín QZ25 thì xe vận tải của 2 tiểu đoàn xe Binh trạm 14 vẫn vận chuyển theo đội hình tập trung, tiểu đoàn đi gọn đến trả hàng cho Binh trạm 32 tại khu vực Nậm Khừng, bắc đường 9.

Băng đi một thời gian khá dài, mãi đến khi tôi làm Chính ủy Sư đoàn công binh 473 mới gặp lại anh Lê Ngọc Hiền - Phó Tổng tham mưu trưởng và anh Phan Hàm - Cục phó Cục Tác chiến tại sở chỉ huy Sư đoàn 473 tại Khe Sanh khi hai anh trên đường đi vào Nam chuẩn bị kế hoạch tác chiến năm 1975.

Riêng anh Lê Ngọc Hiền tôi quen biết anh từ lớp quân sự “đánh to thắng lớn” năm 1966, hồi đó tôi là Chủ nhiệm Chính trị Cục Quân y cùng với anh Vũ Văn Cần - Cục trưởng Cục Quân y đi dự lớp học này. Năm 1968, chúng tôi gặp lại nhau ở Mặt trận Đường 9 - Khe Sanh, anh là một cán bộ tham mưu cao cấp có tuổi đời còn trẻ lại xông xáo, đi bộ rất giỏi, bao giờ trên vai cũng mang một khẩu tiểu liên AK.

Trong một căn nhà khách làm theo kiểu dáng mới trong khu vườn cà phê đồn điền Rô-mơ ở Khe Sanh, chúng tôi tâm sự sau nhiều năm xa cách. Đồng chí công vụ của tôi có tài làm món phở bằng thịt bò hộp, ăn rất ngon và mang một cái tên rất ngộ: “Phở Tà Rụt” bởi sáng kiến làm phở này xuất xứ từ cung đường Tà Rụt - Pê Ke của Trung đoàn 217 công binh. Hôm đó chúng tôi mỗi người ăn liền hai bát và các anh cứ tấm tắc khen ngon muốn ăn thêm một bát nữa, nhưng bụng đã no rồi.

Anh Phan Hàm nói với anh Lê Ngọc Hiền:

- Từ cuộc Tổng tiến công Mậu Thân 1968 đến nay, Bộ Tổng sử dụng lực lượng Đoàn 559 như một lực lượng dự bị chiến lược tại chỗ. Bộ đội Trường Sơn chiến đấu trên một chiến trường tổng hợp ở một hướng chiến trường quan trọng, tác chiến theo phương thức binh chủng hợp thành. Đó vừa là một hướng chiến trường quan trọng vừa là một tuyến vận chuyển chi viện chiến lược, chiến dịch. Ở đây cần công binh có công binh, cần phòng không có phòng không, cần vận tải có vận tải, cần bộ binh có bộ binh, cần thông tin có thông tin. Lực lượng vừa đông về số lượng vừa cao về chất lượng, được trang bị tương đối hiện đại.

Anh Hiền chen vào:

- Bộ đã huy động lực lượng 559 nghìn lính chứ. Những năm qua nếu không có lực lượng này thì Bộ xoay sở làm sao được; không chỉ vận tải cơ sở vật chất kỹ thuật, cơ động binh hỏa lực cho các chiến trường, cho các chiến dịch lớn mà cả lực lượng chiến đấu trực tiếp nữa, các binh chủng của bộ đội đường Hồ Chí Minh đều được Bộ huy động tham gia các chiến dịch.

Anh Phan Hàm nói tiếp:

- Kể từ năm 1964 đến năm 1967 kháng chiến chống Mỹ và sau 3 năm (1965-1967) trực tiếp đánh quân chiến đấu Mỹ chưa có lần nào huy động lực lượng có quy mô lớn và khí thế cao như những ngày Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968.

Ta đã đánh một đòn bất ngờ và mãnh liệt chưa từng có vào quân địch ở đô thị, vào hầu hết các cơ quan đầu não của chúng (cả Mỹ và ngụy), làm đảo lộn thế chiến lược của Mỹ ở miền Nam Việt Nam, gây chấn động mạnh trong nước Mỹ, tạo tiếng vang lớn trên thế giới, làm lung lay ý chí xâm lược của bọn cầm quyền nước Mỹ. Ta đã tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực Mỹ - ngụy, làm tan rã từng mảng lớn quân đội tay sai và đã giải phóng được nhiều thôn, ấp, phường phố... Trong khi lực lượng quân sự của địch đã lên tới một triệu hai mươi vạn quân, đứng chặn trên những căn cứ phòng thủ vững chắc, thì quân và dân miền Nam đã rất táo bạo tiến công sâu vào những căn cứ đầu não của chúng trên toàn Miền. Đưa chiến tranh cách mạng phát triển vào thành thị, giành thắng lợi chiến lược chưa từng có, buộc đế quốc Mỹ phải từ bỏ chiến lược “chiến tranh cục bộ”, xuống thang chiến tranh, ngồi vào đàm phán tại Hội nghị Pa-ri, tạo ra một bước ngoặt lớn cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Cuộc tiến công nổi dậy làm chủ thành phố Huế, cuộc tấn công vào nội đô Sài Gòn, là những hoạt động quy mô rất lớn như những chiến dịch tấn công, có tính chất chiến lược.

Chiến dịch tiến công hiệp đồng binh chủng quy mô lớn ở Mặt trận Đường 9 - Khe Sanh, là một trong những mặt trận của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1968.

Đây là một hướng tiến công chủ yếu của bộ đội chủ lực ta nhằm thu hút quân cơ động Mỹ, tiêu diệt một bộ phận, vây hãm và giam chân địch, tiêu hao chúng, tạo thế cho các chiến trường khác nhất là Sài Gòn, Huế, Đà Nẵng, trực tiếp là Huế tiến công và nổi dậy thắng lợi.

Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy này, vai trò của tuyến chi viện chiến lược Trường Sơn rất quan trọng. Trong hai mùa khô liên tiếp 1966-1967 và 1967-1968 ta giành được thắng lợi lớn trên mặt trận chi viện chiến lược, nhờ đó ta có thực lực đầy đủ để phát động cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1968. Tuyến chi viện chiến lược có vai trò rất lớn đối với cách mạng miền Nam. Tại Mặt trận Huế, Đoàn 559 đã đáp ứng đầy đủ mọi yêu cầu cho quân ta tác chiến trong một thời gian dài. Đoàn 559 còn đưa lực lượng vào mặt trận làm đường thọc sâu vào thành phố Huế.

Tại Mặt trận Đường 9 - Khe Sanh, Đoàn 559 trực tiếp đảm bảo vật chất kỹ thuật cho hai căn cứ A1 và A3 của mặt trận, làm mới toàn bộ các tuyến đường xung quanh Khe Sanh phục vụ cho cơ động lực lượng, Binh trạm 14 Đoàn 559 còn chở bằng xe ô tô 2 sư đoàn 304 và 308 vào trận địa kịp giờ nổ súng.

Anh Phan Hàm nói tiếp:

- Chiến dịch phản công Đường 9 - Nam Lào năm 1971 diễn ra trên địa bàn của bộ đội Trường Sơn - đường Hồ Chí Minh. Đây là một chiến dịch kết hợp lực lượng cơ động và lực lượng tại chỗ tuyệt vời. Lực lượng cơ động là Binh đoàn 70 của Bộ, lực lượng tại chỗ là Đoàn 559.

Từ ngày bước vào cuộc chiến tranh chống Mỹ, đây là lần đầu tiên quân đội ta tiến hành thắng lợi một chiến dịch phản công hiệp đồng binh chủng quy mô lớn đánh tiêu diệt quân địch.

Toàn bộ việc đảm bảo hậu cần chiến dịch do Đoàn 559 phụ trách. Toàn bộ các đường cơ động trong tác chiến chiến dịch cũng do tuyến 559 chuẩn bị sẵn sàng. Toàn bộ lực lượng phòng không chiến dịch do lực lượng phòng không Trường Sơn đảm nhiệm. Thông tin liên lạc phục vụ chỉ huy chiến dịch là mạng thông tin liên lạc của 559.

Chưa có địa bàn tại chỗ nào đủ những điều kiện để triển khai một chiến dịch lớn, thuận lợi nhiều mặt như vậy.

Anh Lê Ngọc Hiền nói:

- Có một điều lớn hơn là chúng ta rút được nhiều kinh nghiệm quý giá về kết hợp lực lượng tại chỗ và lực lượng cơ động trong chiến tranh. Lực lượng tại chỗ mạnh, cộng với lực lượng cơ động mạnh, tất yếu sẽ giành thắng lợi. Đó là một kết luận xác đáng cho cả mai sau.

Anh Phan Hàm lại nói:

- Trong chiến cuộc năm 1972, Bộ Tư lệnh 559 đã xác định nhiệm vụ trọng yếu nhất của Đoàn 559 lúc này là bảo đảm thông suốt mạng đường vận chuyển chiến lược, chuyển đủ và kịp thời khối lượng vật chất cho các chiến trường trước ngày các chiến dịch mở màn. Đoàn 559 vừa củng cố mở rộng tuyến đường Trường Sơn, vừa xây dựng con “đường kín” Tây Trường Sơn (2.899km) cho xe vận tải chạy ban ngày dưới các cánh rừng bạt ngàn. Các đơn vị pháo binh, xe tăng và binh khí kỹ thuật nặng vào mặt trận đã có đường dành riêng.

Chỉ trong 3 tháng đầu năm 1972, Đoàn 559 đã hoàn thành chỉ tiêu vận chuyển của cả năm. Cùng với khối lượng hàng hóa và 5 vạn 5 ngàn cán bộ, chiến sĩ từ miền Bắc vượt Trường Sơn vào các chiến trường. Một sư đoàn và 3 trung đoàn bộ binh, 3 tiểu đoàn xe tăng, 20 tiểu đoàn pháo mặt đất và pháo cao xạ, 2.000 thợ sửa chữa, 9 tiểu đoàn và 44 đại đội bộ đội địa phương, hàng ngàn cán bộ cao cấp, trung cấp thuộc các ngành tham mưu, chính trị, hậu cần, kỹ thuật được tăng cường cho các chiến trường miền Nam trước tháng 3 năm 1972.

Nam Bộ là chiến trường xa nhất, trước ngày nổ súng cũng được nhận 2 trung đoàn bộ binh, 2 tiểu đoàn pháo 85 ly, 1 tiểu đoàn pháo 122 ly, 2 tiểu đoàn pháo 37 ly, 1 tiểu đoàn xe tăng 36 chiếc, 1 đại đội tên lửa chống tăng B72.

Anh Lê Ngọc Hiền nói chen vào:

- Anh Hàm nhớ chính xác từng con số đến như vậy, quả thật là có một trí nhớ

tốt, làm tham mưu rất cần trí nhớ. Rồi anh Lê Ngọc Hiền nói tiếp:

- Trong chiến dịch Quảng Trị năm 1972, chỉ sau 6 ngày chiến đấu từ ngày 26 tháng 4 đến ngày 2 tháng 5 ta đã tiêu diệt một bộ phận lớn quân địch, giải phóng hoàn toàn tỉnh Quảng Trị. Chỉ trong một thời gian ngắn từ 30 tháng 3 đến 2 tháng 5 ta tiêu diệt được một tập đoàn phòng ngự mạnh nhất của quân ngụy hồi đó, đánh bại cả thủ đoạn phòng ngự mới của chúng là co cụm bằng xe tăng thiết giáp làm nòng cốt.

Để cứu nguy cho quân ngụy thua to hơn và có nguy cơ sụp đổ trước cuộc tổng tiến công chiến lược của ta, ngày 16 tháng 4 năm 1972 đế quốc Mỹ đã ném bom trở lại Việt Nam, liên tục dùng máy bay B.52 và pháo hạm đánh phá rất quyết liệt vào hậu phương chiến dịch của ta. Bộ đội ta gặp nhiều khó khăn trở ngại về bảo đảm vật chất tiếp tế hậu cần.

Thi hành mệnh lệnh của Tổng Tư lệnh Bộ Tư lệnh 559 phải lật cánh từ Tây Trường Sơn sang để cùng với các lực lượng ở Đông Trường Sơn tiếp tục đảm bảo toàn bộ công tác tiếp tế hậu cần cho Mặt trận Quảng Trị, ta đưa 2 trung đoàn công binh xây dựng con đường dài 52 kilômét phía tây đường 1A, đưa hai trung đoàn công binh bảo đảm cho vận chuyển thông suốt, đưa một trung đoàn cao xạ 591 từ miền Tây về bảo vệ ngầm Phương Thủy - Ba Lòng. Bộ Tư lệnh 559 còn tổ chức hai tuyến vận chuyển phục vụ chiến dịch, tuyến vận tải ô tô và tuyến vận tải đường sông. Tư lệnh và Chính ủy Đoàn 559 đến trực tiếp chỉ huy. Sự chi viện của Đoàn 559 đã bảo đảm cho quân ta chiến đấu 81 ngày đêm tại Thành Cổ Quảng Trị, bảo đảm cho ta giữ vững vùng giải phóng Bắc Quảng Trị, giữ vững đường chiến lược số 9 từ Đông Hà đi lên phía Tây và đi vào phía Nam.

Anh Phan Hàm chốt một câu:

- Lực lượng 559 là tuyến vận chuyển chi viện chiến lược, là một hướng chiến trường quan trọng, là một lực lượng dự bị chiến lược tại chỗ của Bộ. Bộ đội Trường Sơn - đường Hồ Chí Minh lại chiếm giữ căn cứ chiến lược Nam Đông Dương, là xương sống cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ba nước Đông Dương.

Anh Lê Ngọc Hiền và tôi đều nhận thấy ý kiến của anh Phan Hàm là đúng.

Năm 1984, trong một dịp đi công tác ở Quảng Ninh của Thủ trưởng Bộ Tổng tham mưu, Thủ trưởng Cục Tác chiến và Thủ trưởng Cục Kinh tế, chúng tôi lại có dịp để hàn huyên với nhau về chủ đề Trường Sơn với các chiến trường.

Anh Phan Hàm nói:

- Trận then chốt thứ nhất của chiến dịch Tây Nguyên cũng là trận đột phá chiến lược của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975.

Đánh vào thị xã Buôn Ma Thuột là cách đánh hiệp đồng binh chủng với 4 cánh quân chủ lực kết hợp với các đơn vị tinh nhuệ và các tiểu đoàn bộ binh bí mật luồn sâu bố trí sẵn, bỏ qua các đơn vị chốt ở ngoại vi của địch, dùng cơ giới cơ động binh lực lớn tiến theo các trục đường với tốc độ cao, đánh thẳng vào trung tâm thị xã nhằm đập vỡ ngay hai đầu não chỉ huy của địch là sở chỉ huy sư đoàn 23 ngụy và sở chỉ huy tiểu khu Đắk Lắk ngụy.

Trận thứ hai là hành quân vận động bằng cơ giới đánh địch, phản kích diệt

trung đoàn 44, trung đoàn 45 và trung đoàn 53 của sư đoàn 23 ngự ở Phước An.

Trận thứ ba là nhanh chóng chuyển sang truy kích bằng xe cơ giới theo đường lớn vượt lên trước đội hình rút chạy của chúng, lập các chốt chặn dọc đường để thu bắt bọn tàn binh. Trong chiến dịch này Sư đoàn xe ô tô 471 của Bộ Tư lệnh 559 đã cơ động các sư đoàn từ Tây Nguyên, thực hiện bộ binh cơ giới hóa, thực hành ba trận then chốt ấy. Phải vận động tấn công bằng cơ giới mới giải quyết chiến trường nhanh, quân địch hoàn toàn bất ngờ.

Anh Lê Ngọc Hiền nói:

- Trận đột phá chiến lược Buôn Ma Thuột là một đòn táo bạo, rất bất ngờ và rất hiểm, lại đánh mạnh và dứt điểm nhanh, khiến địch không kịp trở tay. Tiếp đó là trận tiêu diệt gọn sư đoàn bộ binh 23 ngự phản đột kích bằng đổ bộ trực thăng phía đông Buôn Ma Thuột làm địch kinh hoàng rối loạn, không những cấp quân đoàn ngự, quân khu ngự mà cả cơ quan đầu não ngự quân ngự quyền Sài Gòn. Trận tiêu diệt địch trên đường bỏ chạy, rút chạy cũng rất gọn.

Trong chiến dịch Tây Nguyên lực lượng ta đã xóa sổ quân đoàn 2, quân khu 2 ngự. Thắng lợi có ý nghĩa chiến lược này của ta làm nổi bật cái hay, cái sắc sảo về chỉ đạo chiến lược và nghệ thuật chiến dịch trong chiến dịch Tây Nguyên.

- Bộ đội Trường Sơn - đường Hồ Chí Minh ngoài việc vận chuyển bảo đảm đầy đủ nhu cầu vật chất kỹ thuật cho chiến dịch Tây Nguyên, còn tăng cường cho Tây Nguyên các đơn vị Sư đoàn công binh 470, Sư đoàn xe 471, Sư đoàn

bộ binh 968, một trung đoàn cao xạ và một số lực lượng khác. Trong chiến dịch này bộ đội Trường Sơn gần một nửa lực lượng tham gia chiến dịch, trong đó nổi bật là mở một con đường ô tô bí mật tiếp cận thị xã Buôn Ma Thuột, Sư đoàn bộ binh 968 nghi binh thu hút hai phần ba lực lượng địch ra Bắc Tây Nguyên và bộ đội xe ô tô Trường Sơn đã cơ giới hóa bộ binh Mặt trận Tây Nguyên tấn công địch và truy kích địch.

Tôi nói thêm:

- Đó là nghệ thuật chọn hướng và mục tiêu tấn công rất đúng, rất hiểm. Đó là nghệ thuật nghi binh lừa địch tạo thế giành quyền chủ động chiến dịch. Đó là nghệ thuật tạo ưu thế hơn hẳn địch trên hướng và mục tiêu chủ yếu. Hơn nữa đã phát triển xuống đồng bằng Khu 5 tạo thế chia cắt chiến lược. Từ tiến công chiến dịch phát triển thành công tiến công chiến lược.

Anh Phan Hàm nói:

- Chiến dịch Huế - Đà Nẵng là một chiến dịch đặc biệt, nó hình thành trong quá trình diễn biến cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975.

Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương mở cuộc tiến công vào Đà Nẵng với tư tưởng chỉ đạo kịp thời nhất, nhanh chóng nhất, táo bạo nhất, bất ngờ nhất và chắc thắng.

Đây là một chiến dịch tiến công trong hành tiến, Sư đoàn ô tô 571 của bộ đội Trường Sơn đã cơ động Quân đoàn 2 từ tuyến Đông Trường Sơn về Huế, từ Quảng Trị vào Huế, từ Huế vào Đà Nẵng hợp lực với Sư đoàn 2 Quân khu 5

tiến công bằng các loại xe từ Quảng Tín ra Đà Nẵng, cùng với lực lượng vũ trang các địa phương, kể cả thành phố Đà Nẵng. Trận tiến công Đà Nẵng toàn thắng là trận then chốt quyết định kết thúc chiến dịch Huế - Đà Nẵng. Căn cứ liên hợp quân sự mạnh nhất của địch ở miền Nam đã bị ta chiếm lĩnh nhanh gọn trong một cuộc tiến công thần tốc trong 32 giờ. Để cơ động được Quân đoàn 2, Bộ Tư lệnh Trường Sơn đã huy động 2 trung đoàn làm đường, 2 trung đoàn cầu của Sư đoàn công binh 473 triển khai đảm bảo giao thông trên quốc lộ 1A, làm lại các cầu địch đã phá hoại khi chúng rút chạy.

Chiến dịch Huế - Đà Nẵng thắng lợi có ý nghĩa chiến lược hết sức quan trọng. Cùng với chiến dịch Tây Nguyên góp phần làm thay đổi hẳn so sánh lực lượng về mặt chiến lược, tạo ra sự nhẩy vọt, cục diện chiến tranh hoàn toàn có lợi cho ta, trực tiếp đập tan ý đồ co cụm chiến lược của địch, thúc đẩy quân nguy nhanh chóng đi đến sụp đổ, tạo điều kiện và thời cơ rất thuận lợi cho ta đẩy nhanh cuộc Tổng tiến công chiến lược, tập trung lực lượng áp đảo trong trận quyết chiến chiến lược cuối cùng ở Sài Gòn.

Bộ Tổng Tư lệnh đã trực tiếp tổ chức chỉ huy trận đánh lớn có tầm quan trọng chiến lược này.

Nói về chiến dịch Hồ Chí Minh, anh Lê Ngọc Hiền nguyên là Tham mưu trưởng chiến dịch, nói:

- Sau chiến dịch Tây Nguyên, Huế - Đà Nẵng, một cục diện chưa từng có đã mở ra. Thời cơ lịch sử giải phóng hoàn toàn miền Nam đã đến. Bộ Chính trị Trung ương Đảng ta đã kịp thời đánh giá tình hình. Cục diện chiến tranh đã có bước phát triển nhẩy vọt. Lực lượng quân sự, lực lượng chính trị và thế chiến lược của ta đã hoàn toàn áp đảo quân địch. Quân nguy đang đứng trước nguy cơ sụp đổ hoàn toàn. Mỹ hoàn toàn bất lực, dù có can thiệp cũng không thể cứu vãn được quân nguy. Thời cơ đã chín muồi để quân và dân ta tiến

hành trận quyết chiến lịch sử đánh thẳng vào Sài Gòn, tiêu diệt toàn bộ ngụy quân, đánh đổ toàn bộ ngụy quyền Sài Gòn, giành thắng lợi hoàn toàn.

Về phía địch, nhìn chung tập đoàn phòng ngự lớn ở Sài Gòn - Gia Định cũng như vùng đồng bằng sông Cửu Long, tuy số lượng còn đông, nhưng đã bị chia cắt, cô lập cao độ và sức chiến đấu đã sút kém hẳn.

Về ta, trên chiến trường miền Đông Nam Bộ, bao gồm cả Sài Gòn và Gia Định vào thời kỳ cuối chiến tranh chống Mỹ, cứu nước, quân và dân ta đã xây dựng được một thế trận vững vàng và độc đáo của chiến tranh nhân dân. Các lực lượng vũ trang của ta không những đã đứng vững trên các địa bàn trọng yếu xung quanh Sài Gòn mà còn bám trụ ngay cả ở vùng ven và sâu trong nội thành. Các lực lượng vũ trang ta, trước giờ mở màn chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử đã có tới 5 quân đoàn chủ lực, các đơn vị bộ đội địa phương, các đội biệt động, các tổ chức dân quân tự vệ, an ninh vũ trang mà một lực lượng lớn bộ đội đặc công, lực lượng chính trị quần chúng ngày càng phát triển trong nội đô đã từng liên tục đấu tranh chống địch dưới nhiều hình thức, lúc này lại có hàng ngàn cán bộ vừa mới tăng cường hướng dẫn chuẩn bị đấu tranh phối hợp với đòn tiến công lớn của quân chủ lực.

Thế và lực đó là điều kiện rất thuận lợi để ta tiến hành thắng lợi chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Các quân đoàn chủ lực cơ động cùng các quân đoàn chủ lực tại chỗ, cùng với Binh đoàn Trường Sơn hùng mạnh bố trí thế trận hoàn chỉnh cho một cuộc Tổng tiến công chiến lược giải phóng Sài Gòn.

Thời cơ xuất quân hành động tham gia chiến dịch quyết chiến chiến lược cuối

cùng đã đến! Quân đoàn 1, đội tổng dự bị chiến lược do Sư đoàn ô tô 571 của bộ đội Trường Sơn - đường Hồ Chí Minh hành quân bằng cơ giới vượt 1.700 kilômét từ miền Bắc vào miền Đông Nam Bộ. Quân đoàn 2 sau khi giải phóng Đà Nẵng hành quân thần tốc bằng 2.000 xe các loại của Sư đoàn ô tô 571 qua 900 kilômét vừa đánh địch, vừa mở đường vào Đông Nam Bộ. Quân đoàn 3 được thành lập ngày 26 tháng 3 năm 1975 từ bộ đội chủ lực Tây Nguyên cũng do Sư đoàn xe 471 bộ đội Trường Sơn cấp tốc hành quân về miền Đông Nam Bộ. Quân đoàn 4 chủ lực trực thuộc Miền đang triển khai đội hình chiến đấu ở Xuân Lộc, Dầu Dây. Binh đoàn 232 (tương đương quân đoàn trực thuộc Miền) đã và đang chiến đấu ở hướng Tây Nam Sài Gòn. Tổ chức hậu cần các cấp và các lực lượng bảo đảm khác đã bảo đảm đầy đủ nhu cầu vật chất kỹ thuật với khối lượng to lớn phục vụ năm cánh quân tiến công trên phạm vi rộng lớn.

Như thế là trước khi nổ súng công kích Sài Gòn, mở màn chiến dịch Hồ Chí Minh, với đợt tác chiến tạo thế của các lực lượng Miền cùng với cuộc hành quân thần tốc của các binh đoàn chủ lực cơ động đã hình thành được thế trận bao vây áp sát Sài Gòn từ nhiều hướng.

Ngày 22 tháng 4 đồng chí Lê Duẩn thay mặt Bộ Chính trị Trung ương Đảng điện cho Bộ chỉ huy chiến dịch Hồ Chí Minh. Nội dung bức điện viết:

“Thời cơ quân sự và chính trị để mở cuộc Tổng tiến công vào Sài Gòn đã chín muồi. Ta cần tranh thủ từng ngày, kịp thời phát động tiến công địch trên các hướng không để chậm. Nếu để chậm thì không có lợi cả về chính trị và quân sự. Kịp thời hành động lúc này là bảo đảm chắc chắn để giành thắng lợi hoàn toàn, cần ra chỉ thị ngay cho các hướng hành động kịp thời, chú trọng kết hợp tiến công quân sự với nổi dậy của quần chúng.

Sự hiệp đồng giữa các hướng cũng như giữa tiến công và nổi dậy sẽ thực hiện

trong quá trình hành động. Hiện nay thời cơ thúc đẩy chúng ta phải có hành động nhanh nhất. Năm vững thời cơ lớn, chúng ta nhất định thắng”.

Và cùng ngày 22 tháng 4 Bộ chỉ huy chiến dịch duyệt lại lần cuối cùng kế hoạch chính thức của chiến dịch Hồ Chí Minh.

17 giờ ngày 26 tháng 4 năm 1975 chiến dịch Hồ Chí Minh bắt đầu.

Đúng 11 giờ 30 ngày 30 tháng 4 năm 1975 cờ cách mạng tung bay trên nóc phủ tổng thống chính quyền ngụy Sài Gòn, trở thành hợp điểm của các cánh quân giải phóng Sài Gòn.

Sau 3 ngày đêm chiến đấu thần tốc, dũng mãnh, chiến dịch Hồ Chí Minh đã toàn thắng.

Anh Phan Hàm nói:

- Chiến dịch Hồ Chí Minh là đỉnh cao của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975. Đây là một chiến dịch tấn công lớn chưa từng có trên chiến trường nước ta, vượt tất cả các chiến dịch lớn trước đó trong 20 năm kháng chiến chống Mỹ, trong 30 năm chiến tranh giải phóng cả về quy mô lực lượng, cường độ tiến công, một nội dung tác chiến hiệp đồng binh chủng, quân chủng và mức độ hoàn thành triệt để những nhiệm vụ chiến lược giao cho cũng như mục tiêu của chiến tranh cách mạng chống Mỹ ở miền Nam.

Trong lịch sử phát triển nghệ thuật quân sự Việt Nam hiện đại, chiến dịch Hồ Chí Minh đánh dấu một đỉnh cao của nghệ thuật chiến dịch tiến công hiệp đồng quân binh chủng, thể hiện bước phát triển nhảy vọt lớn nhất về sức mạnh và nghệ thuật chiến đấu của toàn quân và toàn dân trên cả nước ta trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước - Anh Phan Hàm nói tiếp:

- Tôi được Tổng tham mưu trưởng giao cho theo dõi chiến trường Trường Sơn - đường Hồ Chí Minh từ những ngày đầu cho đến kết thúc cuộc chiến tranh; qua bao nhiêu bước thăng trầm của con đường Hồ Chí Minh lịch sử này tôi đồng tình với kết luận đánh giá của Đảng và Nhà nước ta: “Đường Trường Sơn - đường Hồ Chí Minh là một trong những nhân tố quyết định thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc”.

Từ một tuyến chi viện chiến lược đến xây dựng căn cứ chiến lược Nam Đông Dương, một hướng chiến trường quan trọng, một binh đoàn chi viện chiến lược đồng thời là lực lượng dự bị chiến lược tại chỗ của Bộ, đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ cực kỳ quan trọng mà Đảng và Bác Hồ đã giao.

Tôi trân trọng đứng nghiêm chỉnh bắt tay anh Lê Ngọc Hiền, anh Phan Hàm và nói một câu cuối cùng:

- Các anh rất hiểu, các anh đã nói lên thực chất về bộ đội Trường Sơn - đường Hồ Chí Minh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Anh Lê Ngọc Hiền nói: Chủ tịch Trường Chinh đã nói: “Chúng ta đã kháng chiến chống Mỹ, cứu nước thắng lợi vì chúng ta có đường lối kháng chiến đúng đắn, căn cứ vào đường lối của Đảng mà vạch ra. Song muốn thắng quân

xâm lược về hạ tầng cơ sở của cuộc kháng chiến, chúng ta phải có những con đường chiến lược như đường Trường Sơn và biết sử dụng những con đường ấy một cách tốt nhất để lập nên những chiến công vĩ đại...”.

Lời Chủ tịch Trường Chinh chính là tâm sự của chúng tôi về chủ đề tuyến đường và chiến trường trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

TRƯỜNG SƠN - NHỮNG KỶ NIỆM Đại tá TRẦN VĂN PHÚC

Trợ lý Cục Tham mưu công binh Bộ Tư lệnh 559

TÔI ĐƯỢC ĐỒNG ĐỘI TRUY ĐIỀU SỐNG TRÊN ĐƯỜNG TRƯỜNG SƠN¹

Hằng năm sau Tết Nguyên đán, Binh trạm 12 chúng tôi lại tổ chức gặp mặt. Những anh những chị ngày xưa phơi phới tuổi xuân nay đã lên chức ông bà, nhưng kỷ niệm những ngày sống chiến đấu trên đường Trường Sơn vẫn còn đậm trong ký ức. Gương mặt ai cũng ngời sáng, tay nắm tay khi gặp đồng đội. Những câu chuyện, những kỷ niệm về Trường Sơn ngày ấy cứ trải dài không dứt... Đây là những cô gái thanh niên xung phong bụi ngùi nhắc lại hôm tìm thấy đồng đội ở nghĩa trang liệt sĩ Tân Ấp, Quảng Bình. Kia là nhóm công binh từng chốt ở trọng điểm Ka Tang, Khe Ve... “với con mắt tinh đời và đôi tai rất thính” chỉ nghe qua tiếng rít gió của cánh bom cũng phân biệt được đâu là bom từ trường, đâu là bom nổ chậm để tóm gọn từng “chú” khi chui xuống đất mai phục. Sôi nổi nhất vẫn là cánh lái xe nhớ lại những ngày tăng cung, vượt tuyến qua Cổng Trời, Xóm Pég. Chuyện đang nở như ngô rang thì xuất hiện một dáng người chắc đậm, mặt vuông, da ngăm đen, mặc bộ quân phục đông, trên ngực lấp lánh chiếc Huân chương Chiến công hạng nhất, đứng nghiêm chào kiểu quân sự:

- Báo cáo, tôi A trưởng lái xe C9 có mặt!

Mọi người kêu lên:

- Ô! Anh Oanh. Nghiêm Xuân Oanh!

Anh Trịnh Minh Phúc, nguyên là lái xe C22 nắm chặt tay anh Oanh:

- Chúng ta còn nhớ chứ, lễ truy điệu ở Km 468 tưởng ông đi đứt ở Khe Ve, thế mà vẫn sống nhăn răng ra, bây giờ trông đáng như... sếp ấy!

Mọi người cười, vỗ tay rung cả hội trường, chợt không khí như chùng xuống tĩnh lặng, nhớ về kỷ niệm cách đây 37 năm theo lời kể của anh...

Tôi được sinh ra và lớn lên ở Thủ đô ngàn năm văn vật, vốn là người làng Láng Thượng, có rau húng Láng nổi tiếng. Vừa tròn 20 tuổi, tôi rời ghế nhà trường, xung phong tòng quân và được cử đi học lái xe ở Sơn Tây. Kết thúc khóa học, chưa kịp về thăm nhà, cả đại đội được lệnh đi B vào ngày 9 tháng 11 năm 1965 và tôi được về Đại đội 734 Binh trạm 12. Thời gian này máy bay Mỹ liên tục bắn phá các tuyến đường giao thông của ta nhằm ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc cho chiến trường miền Nam, ác liệt nhất là cửa khẩu đường 12 sang Lào. Sau một thời gian ngắn, anh em lái xe mới vào cũng đã được thử thách và dạn dày với bom đạn. Chúng tôi thuộc từng kilômét, từng cây cầu, cái ngầm, các trọng điểm suốt từ Hà Tĩnh qua Khe Ve, Cổng Trời sang đường 128.

1. Ghi theo lời kể của đồng chí Nghiêm Xuân Oanh.

Mùa khô năm 1967-1968 toàn binh trạm bước vào chiến dịch vận chuyển cho chiến trường (sau này chúng tôi mới biết là phục vụ cho cuộc Tổng tiến công Mậu Thân 1968). Đơn vị lái xe luôn quay vòng tăng chuyển chở hàng từ Hương Khê vào 050 và Xóm Pénh bên Lào. Ai đạt 10 chuyến/tháng trở lên được thưởng chiếc đồng hồ Poljot của Liên Xô. Các nữ lái xe chỉ cần đạt 4-5 chuyến là được thưởng như cô Thanh, cô Vân, cô Xuân. Tôi là một trong nhiều người đạt 13 chuyến tháng trở lên. Tôi nhớ mãi đêm 12 tháng 11 năm 1965 âm lịch, trăng về khuya dát vàng trên đỉnh núi và soi tỏ những con đường còn nham nhở hố bom. Có ai quý ánh trăng hơn như lái xe Trường Sơn trong đêm nay. Qua Thanh Lạng, Khe Núng, Ka Tang... sắp đến Khe Ve, khoảng 50 kilômét nữa là đến Cổng Trời. Tôi đang nhắm tính thì nghe những tiếng súng AK báo hiệu tắc đường ở Km 468. Cậu Nguyễn Văn Túy, phụ xe trèo lên thùng, nhìn khắp trọng điểm nói vọng xuống:

- Anh Oanh ơi, xe nằm dài lắm.

Rồi cậu ta ngân nga:

Đành lòng chờ đó ít lâu

Chầy ra thì một giờ sau lên đường...

Tôi phì cười và nhìn đồng hồ lúc này đã 3 giờ sáng. Tại căn hầm nửa chìm nửa nổi khá rộng có ánh sáng đèn dầu vàng khè cạnh trạm barie có một số người đi lại vẻ nôn nóng. Tôi nhận ra anh Vũ Văn Thặng - Chính trị viên trưởng và anh Nguyễn Đình Hoàn - Chính trị viên phó Đại đội 9 đang trao đổi với mấy anh bên công binh. Tôi đứng ngoài nhưng nghe khá rõ:

- Từ 20 giờ máy bay Mỹ đã 2 lần ném bom tọa độ, có nhiều quả trúng mặt đường ở Km 468, có cả bom từ trường và bom nổ chậm ở cua phía tay trái. Chúng tôi đã dùng mìn kích nổ nhưng bọn này nằm sâu quá...

Bỗng có những bóng người bước nhanh vào hầm trông như lính đặc công: mặc quần đùi, chân trần không giày dép, mặc áo bông, đầu đội mũ sắt. Ai cũng thở gấp như chạy bộ về đây. Một người khế lau những giọt mồ hôi trên mặt, nói gấp gáp:

- Báo cáo các anh, chúng tôi đã dùng gần chục thùng phi loại 100 nhưng đều lẫn xuống vực cả. Dây dài 30 mét là khoảng cách an toàn tối thiểu, khi kéo vừa xuống dốc, vừa vào cua, dây bị chùng lại, thùng phi theo đà lăn thẳng xuống vực, nhanh hơn cả người, mất tác dụng...

Anh Thặng và anh Hoành nói nhỏ với nhau điều gì đó tôi nghe không rõ. Một phút sau tất cả lái xe các đại đội: 9, 22, 11 được triệu tập họp gấp. Anh Thặng là người chỉ huy cao nhất ở đây quán triệt:

- Thưa các đồng chí, chiến trường miền Nam đang từng giờ từng phút cần súng đạn của chúng ta chuyển vào, nếu chậm trễ chúng ta có tội với đồng bào miền Nam ruột thịt. Không còn cách nào khác, chúng ta phải dùng ngay xe ô tô để phá bom từ trường. Thay mặt lãnh đạo và chỉ huy tôi kêu gọi các đồng chí cán bộ, đảng viên, đoàn viên thanh niên... hãy xung phong làm nhiệm vụ, dám hy sinh trước giờ chiến thắng...

Ông Thặng vừa dứt lời, hàng trăm cánh tay giơ lên kèm theo tiếng:

- Tôi. Tôi xưng phong...

Sau mấy phút hội ý, Ban chỉ huy chọn hai người: Anh Bùi Văn Vinh quê Hòa Bình và tôi Nghiêm Xuân Oanh, người Hà Nội. Tôi nói:

- Anh Vinh lái xe từ năm 1963, là một lái xe giỏi, đã có nhiều thành tích, tôi tin là anh Vinh sẽ hoàn thành nhiệm vụ. Nhưng gia đình anh Vinh đã có một người con hy sinh cho Tổ quốc, anh Vinh lại còn vợ và 3 con gái còn nhỏ... Còn tôi chưa vợ con, nếu hy sinh vẫn còn một em trai và các chị em gái sẽ phụng dưỡng cha mẹ già, tôi ra đi sẽ thanh thản hơn. Và đây là thể hiện lòng trung thành với Đảng của người đảng viên trong tôi... Cách đây 21 năm những người cha, người anh của Thủ đô Hà Nội đã “cảm tử cho Tổ quốc quyết sinh”. Nay đến thế hệ chúng tôi cũng dám xả thân vì con đường mang tên Bác, vì cách mạng miền Nam. Đề nghị các đồng chí và Ban chỉ huy chấp thuận đề nghị của tôi.

Tôi vừa dứt lời, tiếng vỗ tay như pháo nổ. Anh Vinh đứng lên nói tiếp:

- Anh Oanh còn trẻ, còn nhiều công hiến cho cách mạng, việc này phần tôi...

Anh Thặng tuyên bố:

- Ban chỉ huy chấp thuận nguyện vọng của đồng chí Oanh.

Mọi người ủa vào chuyển những hòm đạn của xe tôi sang xe khác và đứng

vây quanh chiếc xe Gát màu cỏ úa của tôi thành một vòng cung.

Anh Vũ Văn Thặng đứng đối diện với tôi ở đầu xe đọc lời diếu:

Thưa các đồng chí, đồng chí Nghiêm Xuân Oanh sinh trưởng trong một gia đình công nhân, quê ở Láng Thượng, Từ Liêm, Hà Nội. Lớn lên được học tập dưới mái trường xã hội chủ nghĩa, năm 1965 vừa tròn 20 tuổi gia nhập quân đội, vào Nam chiến đấu và đã được đứng trong hàng ngũ của Đảng. Đêm nay cuộc chiến đấu một mất một còn với kẻ thù ngay tại trọng điểm Khe Ve này. Đồng chí đã xung phong làm nhiệm vụ, cầm chắc sự hy sinh, công hiến tuổi thanh xuân cho Tổ quốc. Phần việc còn lại của đồng chí chúng tôi sẽ gánh vác. Trước giờ phút linh thiêng này, chúng ta vĩnh biệt đồng chí Nghiêm Xuân Oanh, chúc đồng chí hoàn thành nhiệm vụ và trở về đội ngũ chiến đấu dù chỉ một phần ngàn tia hy vọng.

Tất cả vì miền Nam ruột thịt!

Nghiêm! Một phút mặc niệm bắt đầu!

Trước mặt tôi là những đồng đội đã từng sát cánh trên từng kilômét, đang đứng nghiêm trang, ngực mang áo giáp, mũ sắt trên đầu và hơi cúi xuống trông mờ mờ ảo ảo như những chiến binh cổ đại trong đêm. Cả không gian tĩnh lặng, chỉ còn nghe tiếng chim xa xa vọng lại... Bóng trắng vàng chênh chếch phía tây làm ánh lên những giọt lệ đang từ từ lăn trên gò má của những khuôn mặt đen sạm. Rồi những tiếng nức, tiếng khóc bật ra:

- Anh Oanh ơi! Vĩnh biệt, vĩnh biệt. Anh không thể chết...

Mọi người ôm chầm lấy tôi, người nắm tay, kẻ vỗ vai như truyền thêm sức mạnh cho tôi trước giờ xung trận. Cảnh ngộ ấy cũng làm tôi xúc động và thấy cay cay nơi sống mũi. Tôi đưa chiếc ba lô con cóc cho anh Nguyễn Đình Hoành - Chính trị viên phó Đại đội 9.

- Nếu tôi không trở về, anh trao chiếc ba lô này cho mẹ tôi và nói lại là: “Con trai của mẹ đã làm đúng lời mẹ dặn khi vào bộ đội, đã sống bằng anh bằng em và xứng danh thanh niên Hà Nội”.

Tôi nhìn lần cuối chiếc đồng hồ Poljot mới được thưởng: đã 3 giờ 45 phút và tặng lại anh Nguyễn Văn Thức, lái xe cầu, người Bắc Ninh. Chiếc bút máy Trường Sơn tôi tặng cậu Nguyễn Văn Túy, phụ xe. Có thể đã từng vượt qua những tình huống hiểm nguy và cận kề cái chết nên lúc này tôi rất bình tĩnh và tự tin khi bước lên xe, rồi nổ máy, bật đèn gầm, bật đèn quả nhót để tăng ánh sáng. Trong đầu tôi chỉ còn ý nghĩ: tốc độ nhanh, xử lý chính xác khi vào cua bên tay trái, bên phải là vực sâu...

- Báo cáo đại đội trưởng, tôi Nghiêm Xuân Oanh đã sẵn sàng!

- Xuất phát!

Tôi giơ tay vẫy mọi người và cùng con “tuấn mã” mang biển số BB-1960 lao đi. Mấy phút sau tôi bỗng thấy xe rung lên, ánh chớp loảng ngoảng rồi chói lòa và nghe rõ tiếng nổ nhỏ rất trầm. Bên tai nghe như có tiếng đất đá bay rào rào và người tôi như đang bồng bềnh trên mây...

- Nước, nước... Tôi thấy khát và kêu lên: Anh Thặng ơi, xe qua chưa?

- Anh Oanh tỉnh lại rồi, sống rồi!

Tôi nghe rõ tiếng người con gái reo lên khe khẽ, nhiều bước chân đi lại rậm rịch, nói thì thào. Đầu tôi vẫn nóng như hòn than, nặng trĩu, toàn thân ê ẩm, chung quanh là màn đêm mung lung.

- Tôi đang ở đâu thế này? Sao đêm dài thế, tôi không nhìn thấy gì cả!

Có cô gái cầm tay tôi nói nhỏ:

- Anh đang nằm ở Đội điều trị 14, ở hang Hóa Tiến ấy. Chúng em lo quá, hôm nay là ngày thứ ba anh mới tỉnh lại. Em là Nga, y tá, người Yên Mô, Ninh Bình. Anh uống tý sữa nóng nhé. Thế, một thìa nữa thôi... mới mau khỏe. Anh bị thương rạn xương hông bên phải, đầu bị chấn thương, ảnh hưởng hệ thần kinh, nên thị giác cũng bị ảnh hưởng theo. Vài tuần là anh khỏi, lại lên xe Chào em cô gái Ninh Bình thôi mà...

Nghe em Nga nói vậy cũng không làm giảm nỗi buồn trong tôi. Mình có bị mù không, có phải chống nạng không? Sau này sẽ sống thế nào. Tôi lại nhớ nhân vật Paven trong tiểu thuyết Thép đã tôi thế đấy khi còn học phổ thông đã được đọc. Cần phải nghe em Nga, cố gắng ăn và tập đi. Tôi thầm tự nhủ như vậy. Anh em đến thăm tôi rất nhiều, từ chỉ huy binh trạm đến lái xe, công binh, thanh niên xung phong. Tôi cảm nhận bằng tai những tiếng cười nói của bạn bè đồng đội và tôi đã chấp lại hình ảnh về cái đêm ấy...

Do xuống dốc, tốc độ cao, xe lướt nhanh trên mặt đường, những quả bom từ trường, bom nổ chậm thi nhau nổ vút theo xe. Do vào cua tôi bị dính quả cuối cùng. Độ nửa tiếng sau, khói bom đã loãng, sương tan dần, anh em công binh mới phát hiện ra xe của tôi đang ngồi trên cành cây bên ta luy âm. Hai cánh cửa xe bật tung, họ soi đèn pin vào thấy tôi nằm co quắp trong ca bin, máu lênh láng ở quần. Sờ thấy người còn nóng, tim thoi thóp đập, mũi thở nhẹ nhẹ, anh Thặng cho xe chở ngay vào Đội điều trị 14. Chiếc xe của tôi bay mất cả nhíp và đôi lốp sau, thành xe gãy nát, khẩu súng CKC trong ca bin chỉ còn cái nòng. Đêm ấy cả đoàn xe tới đích an toàn.

Đón giao thừa Mậu Thân 1968, chúng tôi ngồi quanh chiếc đài Orionton của Đội điều trị 14. Tiếng Bác đầm ấm vang lên:

Xuân này hơn hẳn mấy xuân qua

Thăng trận tin vui khắp nước nhà...

Những ngày sau đó quân và dân miền Nam đồng loạt nổi dậy, làm rung chuyển cả nước Mỹ. Tôi thầm nghĩ, những viên đạn đêm ấy chuyển đi, chắc đã đến tay các anh Giải phóng quân.

Một buổi sáng tôi tự lần cửa ra sân, mùi thơm của những giò phong lan đang phảng phất đâu đây. Với phản xạ tự nhiên, tôi căng mắt ra nhìn. Hình như có ánh sáng, rồi màu vàng, màu tím tím.

- Đúng rồi, hoa phong lan đẹp lắm, Nga ơ...i! - Tôi kêu lên sung sướng.

Mọi người ùa lại, hình như bốn, năm người.

- Anh nhìn thấy rồi ư? Em đây, Nga đây!

Tôi mò mò trông thấy đôi bàn tay của người con gái đang bay về phía trước mặt. Tôi bước lên nắm chặt bàn tay Nga, lòng trào lên niềm hạnh phúc và biết ơn vô hạn người con gái Ninh Bình đã chăm sóc tôi hơn ba tháng qua.

Tổng kết chiến dịch vận chuyển mùa khô năm 1967-1968, tôi được Quân đội tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng nhất. Sau khi đi an dưỡng ở Hương Sơn 3 tháng, tôi lại trở về tiếp tục lái xe ở Đại đội 9 Tiểu đoàn 734 của Binh trạm 12...

Ngừng một lúc, anh nói như tâm sự:

- Tôi nghĩ chúng mình sống đến hôm nay là hạnh phúc lắm rồi. Phải giáo dục cho con cháu chúng ta để có cuộc sống như ngày hôm nay là do sự hy sinh xương máu của các bậc tiền bối cách mạng, của chính xương máu của những người cha, người anh trong hai cuộc kháng chiến vừa qua.

Rồi anh khoe:

- Cuối năm nay tôi mới được Cục phục vụ Ngoại giao đoàn cho nghỉ hưu.

Đại đội 9 chúng tôi sẽ tổ chức đi thăm đường Hồ Chí Minh, để được viếng hương hồn các anh hùng liệt sĩ tại nghĩa trang liệt sĩ quốc gia Trường Sơn và đến cầu Khe Tang thắp hương cho 7 đồng đội của Đại đội 9 đã hy sinh ngày 9 tháng 2 năm 1967...

NHỮNG NGÀY MỞ ĐƯỜNG TRAO - BẾN GIÀNG

Đã gần 30 năm trôi qua, nhưng cán bộ, chiến sĩ, thanh niên xung phong Trung đoàn 98 (bộ đội Trường Sơn) vẫn còn nhớ như in kỷ niệm những ngày mở đường Trao - Bến Giàng.

Dạo ấy vào đầu năm 1973, đơn vị vừa hoàn thành hệ thống đường và chiếc cầu gỗ dài 64 mét trên sông Sê Pôn, nối liền đường 9 đoạn Cha Ky - Phìn với Dốc Thơm thì nhận được lệnh của Đoàn 559 khẩn trương hành quân vào Trao (trước đây thuộc tỉnh Quảng Đà). Mới xa Trao có mấy tháng, chúng tôi không ngờ được quay lại. Những cái tên quen thuộc đã gắn bó với người lính công binh như A Sâu, A Lưỡi, Bù Lạch, Xường Giấy... Khi xe đến Chà Làng, nhìn những đám mây trắng đang lững lờ trôi giữa bầu trời trong xanh yên ả, cậu Tuyên, nhân viên thống kê Ban tác huấn cất tiếng cười sáng khoái rồi hạ giọng trầm trầm xứ Nghệ:

- Các ông nhớ không? Ngày 18 tháng 8 năm 1972 khi từ Trao ra đi phải lần sớm lần chiều, luồn rừng bám núi để tránh địch, nay trở lại ngồi trên xe tải ung dung giữa ban ngày, sướng thật.

Rồi cậu ta ngân nga:

Ra đi ngày ấy âm thầm

Nay về trong cội hồng trần như bay...

Mọi người vỗ tay tán thưởng, rồi những “bè khô, bè đục” cất lên: Giải phóng miền Nam chúng ta cùng quyết tiến bước... Tiếng hát không có nhạc đệm nhưng hào hùng, vang xa giữa núi rừng Trường Sơn. Và với niềm tin tưởng lạc quan cách mạng của những người lính khi đế quốc Mỹ phải ký Hiệp định Pa-ri về “Chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam” ngày 27 tháng 1 năm 1973...

Đặt ba lô chưa ấm chỗ, anh Tô Đa Mạn - Trung đoàn trưởng đã lệnh cho Ban tác huấn triển khai gấp đoạn Trao - A So với phương châm: Khảo sát đi trước một bước, vừa thiết kế, vừa thi công theo tiêu chuẩn đường cấp 5 miền núi và kết hợp tiêu chuẩn đường quân sự. Anh Nguyễn Văn Khải, trung đội trưởng trình sát tổ chức các mũi khảo sát lên đường ngay. Những người lính trình sát xốc lại ba lô tăng vông, súng AK, gạo muối, dao, thước... trên vai luôn rừng soi tuyến; lúc đi theo đường mòn của dân, lúc bám triền sông A Vương. Những cái lán lợp tạm bằng lá chuối chưa kịp héo đã dời đi làm lán mới. Sáng ăn cơm chính, trưa có vắt cơm mang theo bi đông nước, tối mịt mới về lại đở lửa, chụm đầu bên nhau ghi chép số liệu, báo cáo kịp thời về chỉ huy sở.

Tại Ban tác huấn, các nhóm làm việc không kể giờ giấc. Đây là nhóm do anh Toàn phụ trách vạch tuyến trên tấm bản đồ 1/200.000, với cây bút chì HB có nhiều chỗ đâm thủng cả giấy. Kia nhóm công trình của anh Nhâm đang tính toán làm ngầm rọ đá hay bắc cầu gỗ. Nhóm anh Phúc thì đang tính khối lượng bằng thước Logarit kéo ra kéo vào xèn xẹt... Thời kỳ ấy dụng cụ và văn phòng phẩm nhiều khi quý hơn vàng, vì có tiền cũng không kiếm đâu ra, tất cả đều trông chờ hậu phương chuyển vào. Từ tờ giấy kẻ ly, giấy bóng mờ, giấy tơ-rô-ki... đều phải báo cáo trưởng ban.

Sau 5 ngày đêm chúng tôi đã có hồ sơ 5 kilômét đầu đoạn Trao đi A So dài 18 kilômét, phục vụ kịp thời ra quân ngày 2 tháng 3 và lấy thành tích chào mừng ngày thành lập Đảng. Một khí thế thi đua sôi nổi toàn trung đoàn với những khẩu hiệu ở ngoài đường hay trong lán trại như:

“Tuyến đường là trận địa. Năng suất lao động là mục tiêu tiến công”.

“Chất lượng, thời gian, an toàn, tiết kiệm là mệnh lệnh chiến đấu”.

Đội 303 - thanh niên xung phong Hà Tây, quê hương chiếc gậy Trường Sơn, có 3 đại đội nữ, vừa nhập tuyến đã cuốn hút ngay vào phong trào thi đua lập công.

Anh Dương Sỹ Hoạt, nguyên Đội trưởng Đội 303 sau này đã nhắc lại: “Chính không khí thi đua sôi nổi và được sống trong môi trường quân đội đã giúp chúng tôi nâng cao quyết tâm thực hiện lời hứa với lãnh đạo và nhân dân trong tỉnh: Thanh niên Hà Tây đã ra đi là chiến thắng...”.

Các mũi thi công tương đối thuận lợi, riêng Đại đội 6 Tiểu đoàn 2 gặp khó khăn. Tại Km 3+500 một vĩa đá rất to nhô ra sát mép sông A Vương, chỉ đủ 3 mét làm đường công vụ. Nước ngầm phía trong ngấm ra làm từng mảng đất bị sụt nhão nhoét, có nguy cơ mất cả đường công vụ. Các phương án làm đường tránh, hay nổ phá thủ công cũng phải hàng tháng mới xong. Nếu không giải quyết bị tắc chỗ này sẽ ảnh hưởng toàn tuyến, chưa nói đến chi viện cho chiến trường... Anh Hạnh, Đại đội trưởng cùng anh Phan, trợ lý công binh Trung đoàn đi kiểm tra thực địa và thống nhất phương án nổ lớn. Được anh Đoàn Ngọc Lập, Tham mưu trưởng đồng ý, 20 lính Đại đội 6 đào 3 hố sâu từ 3,5 đến 4 mét, hố giữa chôn 500kg thuốc nổ TNT, hố bên phải 100

kg, hố bên trái 60kg, tất cả 660kg. Để chắc ăn, mỗi hố lắp 5-8 kíp nổ điện. Khi đồng hồ chỉ 14 giờ 45, từ hai đầu cảnh giới hai loạt súng AK nổ giòn báo hiệu mọi người trở về hầm trú ẩn. Tại căn hầm chữ A cách nơi đặt khối nổ 300 mét, anh Phan, anh Hạnh cùng một số chiến sĩ kiểm tra lần cuối dây dẫn và máy đếm hỏa. Đúng 15 giờ 05, sau cái quay nhẹ vào máy đếm hỏa của anh Hạnh, mọi người nghe thấy một tiếng nổ “uỳnh” rất trầm, rồi những tiếng đất đá văng ra ào ào và rơi lịch bịch khắp nơi. Lát sau mọi người lên khỏi hầm quan sát, mùi thuốc nổ khét lẹt, đất đá ngổn ngang, cây cối xơ xác... cả khu vực như trải qua trận bom B.52.

- Tầng đá bay mất rồi... mất rồi...

Một anh lính kêu lên và người nọ nắm tay người kia nhìn nhau sung sướng. Với một máy ủi T100 và 40 lính làm trong hai ngày liền đường mới thông.

Các đơn vị tiếp tục di chuyển vào phía trong, làm theo kiểu cuốn chiếu, qua A So vượt sông Bung tới Bến Giàng... Mọi người không quên những năm 1971-1972 khi mở đường từ A Lưới vào Xưởng Giấy, ban ngày thì máy bay OV10 quần đảo xoi mói chỉ điểm cho phản lực, đêm đến thì máy bay AC130 được trang bị khí tài hồng ngoại (ban đêm nhìn rõ không kém ban ngày) săn đuổi xe của ta, lúc nào cũng “cắc bùm, cắc bùm” dai như đĩa đói. Vậy mà suốt thời gian thi công đoạn Trao - Bến Giàng địch hầu như không có phản ứng gì. Có lần chiếc OV10 dám cả gan lượn lờ ở khu vực A Vương 1 đến Bung, tức thì từng loạt pháo 37 ly và đạn 12,7 ly đã nổ như ngô rang, hoảng quá chiếc OV10 đành vọt lên cao rồi chuồn thẳng.

Ngày 21 tháng 6 năm 1973, anh Lê Xy - Phó chính ủy Đoàn 559 trực tiếp chỉ huy lễ khánh thành đoạn đường Trao - Bến Giàng. Tại bãi đất rộng và tương đối phẳng ở phía nam ngầm A Vương 2, nơi sẽ được chọn làm lễ khánh thành đã được dọn dẹp phong quang sạch sẽ, được trang trí bằng tre nứa từ ghế ngồi

của các đại biểu đến bực nói chuyện. Chính giữa lễ đài là hình ảnh Bác Hồ. Bác đang mỉm cười và tay vẫy chào như người Cha đón các con trở về. Bức tranh này do anh Hoàng Huỳnh, họa sĩ của trung đoàn thể hiện...

Mới 4 giờ 30 phút, hàng trăm xe ô tô đầy ắp hàng phủ lá nguyệt trang của Trung đoàn vận tải ô tô 101 anh hùng và Trung đoàn 13 đã vào vị trí tập kết. Các pháo cao xạ đã sẵn sàng. “Nòng pháo quay theo bánh xe lăn. Nhìn quang cảnh này và nhìn tấm biển chỉ đường giao thông có mũi tên: Đà Nẵng, ông Chủ tịch Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh Quảng Đà không giấu nổi xúc động nói với ông Chính ủy Trung đoàn 98:

- Con đường này đã góp phần quan trọng củng cố lòng tin tưởng đặc biệt của quân và dân tỉnh chúng tôi vào thắng lợi.

- Và đường về thành phố Đà Nẵng cũng rất gần - Chính ủy nói tiếp.

Hai người cùng mỉm cười và nắm tay nhau đi vào lễ đài khi chung quanh đã đông nghịt người.

Đây là những cô gái Đội 303 trang nghiêm trong bộ quân phục mới, nước da ngăm ngăm đen, đã thể hiện rõ tinh thần và nghị lực của thanh niên xung phong Hà Tây những ngày đầu trên đường Trường Sơn. Kia là đội hình những người lính Trung đoàn “Thần tốc mở đường”, “Thọc sâu vươn dài” từ Lào tới Cam-pu-chia, với những đôi mắt ngời sáng trên khuôn mặt sạm nắng. Đoàn đại biểu dân bản khu vực Trao là những cụ già người Cà Tu nước da bánh mật, tóc quăn, áo quần thêu hoa văn cầu kỳ, miệng lúc nào cũng ngậm chiếc tẩu. Các cô gái dân tộc mặc váy đen, áo thêu hoa văn, cánh tay để trần, nước da đen giòn và lấp loáng những vòng bạc trên tay trên cổ. Mấy anh lính

trình sát nói nhỏ với nhau:

- Hôm nay trông cô nào cũng xinh hơn cái hôm bọn ta gặp ở nương khi cắm tuyến. Rồi vừa cười vừa chỉ trỏ làm các cô gái cười e thẹn quay mặt đi.

Đúng 6 giờ 15 phút, anh Nguyễn Sỹ Chía, Chính ủy Trung đoàn 98 bước lên bục đọc báo cáo và nhấn mạnh: “Chỉ trong 126 ngày đêm, từ 3 tháng 2 đến 7 tháng 6 năm 1973 toàn Trung đoàn đã hoàn thành 52 kilômét đường cấp 5 miền núi, đào đắp 312.094 mét khối đất đá... góp phần nối liền hành lang phía đông Trường Sơn từ hậu phương miền Bắc vào Tây Nguyên...”. Tiếp theo, ông Chủ tịch Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh Quảng Đà tặng Trung đoàn 98 lá cờ Quân kỳ Quân Giải phóng. Sau khi phát biểu, anh Lê Xy - Phó chính ủy Đoàn 559 tới cắt băng khánh thành. Một băng vải đỏ chằng ngang đường do hai nữ chiến sĩ đầu đội mũ tai bèo, trang nghiêm trong bộ quân phục mới, nâng thẳng trước mặt. Cô Sơn, người trẻ và đẹp nhất bệnh xá từ từ nâng chiếc khay phủ vải đỏ đựng 2 chiếc kéo quân y tiến về phía anh Lê Xy và anh Nguyễn Sỹ Chía. Sau tiếng cắt rất nhẹ của hai anh, từng loạt pháo 37 ly và đạn 12,7 ly của Đại đội 11 đặt trên đồi nổ giòn giã làm vang động cả bầu trời khu vực Trao. Từng đoàn xe rung rung lá nguyệt trang chuyển bánh. Đi đầu dẫn đường là xe Gát 69 của ông Đoàn Ngọc Lập, Tham mưu trưởng, đầu xe cắm cờ đuôi nheo. Tiếp theo là xe của ông Tô Đa Mạn và đoàn xe tải chở hàng hướng về Bến Giàng, hướng về chiến trường, thẳng tiến!

Những người lính mở đường Trao - Bến Giàng năm xưa sau này đã trở về sống với đời thường. Nhiều người nay đã nên ông, nên bà và nhiều người đã ở tuổi xưa nay hiếm. Ước nguyện cuối đời của mọi người là được đi thăm lại chiến trường xưa, thăm lại con đường mình đã từng sống, chiến đấu và biết bao đồng đội đã hy sinh anh dũng cho con đường mang tên Bác Hồ kính yêu. Ước nguyện ấy sẽ thành hiện thực. Đường Hồ Chí Minh đã hoàn thành giai đoạn một vào năm 2003 và đường về Trao - Bung - Bến Giàng cũng rất gần.

CHÚNG TÔI ĐÓN NHÀ THƠ TỔ HỮU TRÊN ĐƯỜNG TRƯỜNG SƠN

Tối ngày 11 tháng 12 năm 2002 một số cựu chiến binh Binh trạm 12 (bộ đội Trường Sơn) đang quây quần tại nhà bác Việt Phương, nguyên Chính ủy Binh trạm 12, xem cuốn sách “Vượt Cha Lo” của bác được xuất bản tại Nhà xuất bản Quân đội nhân dân còn thơm mùi mực. Mọi người nhận ra bác Tổ Hữu trong tấm ảnh chụp với đoàn cựu chiến binh Binh trạm 12 tại nghĩa trang liệt sĩ Đường 9. Cùng lúc đó Đài truyền hình Việt Nam đưa tin: đồng chí Tổ Hữu đã qua đời... Tất cả chúng tôi đều lặng đi và mỗi người như đang nhớ về những kỷ niệm với bác Tổ Hữu.

Đối với tôi không thể nào quên những ngày giữa tháng 5 năm 1973, khi Trung đoàn 98 - Bộ đội Trường Sơn đang tập trung mở đường Trao - Bến Giàng trong không khí thi đua sôi nổi hướng tới kỷ niệm ngày 19 tháng 5.

Tối ngày 10 tháng 5 năm 1973 tại Chỉ huy sở ở Trao, đồng chí Tô Đa Mạn, Trung đoàn trưởng Trung đoàn 98 gọi tôi lên giao nhiệm vụ:

- Tôi giao cho đồng chí trong 7 ngày phải làm xong 4 nhà tại vị trí X. Anh vừa nói vừa chỉ vào tấm bản đồ tỷ lệ 1/100.000. Yêu cầu “Trên kín dưới quang” - Rồi ông cười: nhưng phải đảm bảo đẹp, mỹ thuật, phù hợp với cảnh quan chiến trường. Có yêu cầu gì cứ đề đạt.

Tôi đã quen cách giao nhiệm vụ quân sự như thế này nên cũng không dám hỏi làm cho ai ở, cấp nào sẽ đến, rồi thận trọng trả lời:

- Báo cáo Thủ trưởng, tôi sẽ cố gắng, nhưng Thủ trưởng cho tôi đủ quân và dụng cụ thi công.

- Tất nhiên sẽ đáp ứng. Cần triển khai ngay - Anh trả lời rồi bắt tay tiễn tôi ra về.

Đêm ấy tôi thiết kế và vẽ sơ bộ, tính toán vật liệu cho một nhà mẫu, mãi tới khuya mới xong. Sáng sớm hôm sau tôi cùng tổ trình sát đi chọn và cắm vị trí từng nhà, rồi san nền. Đây là dãy đồi nằm về phía tây sông A Vương, cách Trung đoàn bộ khoảng 300 mét. Mỗi dãy hai nhà, cách nhau bằng con suối cạn có nước chảy róc rách. Các nhà đều dựa lưng vào sườn đồi, cửa trông về hướng nam, trên có rừng cây che kín. Một bộ phận của Đại đội 10, 11 đi xa gần cây số chặt tre nửa và thi công theo bản vẽ. Còn quanh khu nhà khách, không được chặt cây nào nhằm giữ bí mật. Ba ngày sau các nhà được lắp dựng. Tôi chú ý trau chuốt, trang trí tỉa tót các cửa sổ, cửa đi. Chỉ bằng vật liệu tre, nứa, song mây, chỗ thì đan, cài theo kiểu hoa thị, chỗ thì tạo hoa văn theo hình quả trám, hình vuông như hoa văn dân tộc. Các bậc tam cấp làm thấp có cọc tre giữ đất. Các tay vịn lan can chọn cây tre nhỏ và đều, trau chuốt tỉ mỉ, ở từng đoạn cũng được trang trí hoa văn. Hai dãy nhà đi lại với nhau bằng chiếc cầu tre bắc qua suối cạn có hình cong, chúng tôi đặt tên cầu là Thê Húc Trường Sơn. Từ tay vịn đến trụ, lan can đều trang trí hoa văn tỉa tót cầu kỳ, trông rất thanh thoát, giản đơn và đẹp mắt. Mỗi nhà mắc một chiếc võng, một sạp tre có dát bằng tre luồng chẻ nhỏ, ken dày nằm rất êm. Trong nhà còn có một bộ bàn ghế bằng tre, vừa làm bàn ăn, vừa để làm việc. Một căn hầm đủ cho 3-4 người ở. Một bóng điện 40W đã phủ “phòng không”. Mỗi nhà mắc một điện thoại Liên Xô nối liền với Trung đoàn trưởng và Chính ủy. Để trang trí đẹp mắt, tôi đã bí mật đi tuyển chọn và mượn các phòng, ban những giò phong lan đẹp, nhiều chủng loại mang về đem treo ở lan can, ở cửa ra vào, đặc biệt là lan can trên cầu Thê Húc. Nhiều giò hoa còn tươi thắm, khoe sắc vàng, phớt hồng hay màu trắng, làm nổi bật giữa màu xanh của cây rừng.

Đến ngày thứ sáu công trình đã xong toàn bộ. Chính ủy Nguyễn Sỹ Chia, Trung đoàn trưởng Tô Đa Mạn và anh Phong, Ban Tuyên huấn, bác sĩ Tuấn ở Bệnh xá đi kiểm tra. Các thủ trưởng xem rất kỹ rồi kết luận:

- Công trình đạt yêu cầu, cần bổ sung một số điểm...

Hôm sau chúng tôi tiếp tục hoàn thiện và canh phòng cẩn mật. Máy chú vệ binh bàn tán:

- Ông Phúc chỉ vẽ vờ, các cụ Trung đoàn đến ở thì có gì phải tính kỹ thế!

Tôi đứng gần đó nghe thấy mỉm cười:

- Thì các thủ trưởng chứ ai vào đây.

Thực tình đến giờ phút này tôi cũng chưa biết đón đoàn khách nào.

*

Về hướng sông Bung, gần tuần nay Trung đoàn đã lệnh cho Tiểu đoàn 1 do đồng chí Nguyễn Xuân Thu - Tiểu đoàn trưởng, đồng chí Nguyễn Văn Điền - Chính trị viên Tiểu đoàn mở gấp đường giao liên dài 5 kilômét, rộng 1-1,5 mét hai người tránh nhau được. Nhiều đoạn rất dốc phải làm bậc thang có tay vịn, có đoạn dốc chân người nọ ngang mặt người kia. Riêng đoạn cuối cách sông Bung 500 mét và một bến thuyền đã chiến chỉ được làm vào chiều ngày N-1 nhằm giữ bí mật tuyệt đối. Lực lượng bảo vệ đã bí mật ém sẵn từ trước, hệ thống phòng không 12,7 ly, đường dây thông tin đã vào trực chiến cấp 1 do đồng chí Đoàn Ngọc Lập - Tham mưu trưởng chỉ huy.

Đúng đêm ngày 17 tháng 5 năm 1973 đoàn cán bộ đi đón khách do Trung đoàn trưởng Tô Đa Mạn dẫn đầu đã lặng lẽ đến vị trí tập kết. Đêm cuối tháng, ánh trăng vàng đã ngả về tây soi sáng rừng Trường Sơn yên ả. Xa xa có tiếng gà gáy lẫn với tiếng chim “khó khăn khắc phục” vọng lại. Mọi người căng mắt nhìn về phía hạ lưu sông Bung, mặc cho đàn muỗi, dãn bâu lấy từng người. Trên bầu trời ầm ì vọng lại tiếng máy bay, nhấp nháy đèn đỏ lao về hướng Đà Nẵng. Rồi những chiếc thuyền nhỏ lần lượt xuất hiện với tiếng mái chèo khỏa nước nhẹ nhàng. Trung đoàn trưởng bấm đèn pin nhấp nháy có ánh sáng bằng đồng xu hướng về đoàn thuyền, ánh đèn pin trên thuyền đáp lại. Nhận đúng tín hiệu, từng chiếc thuyền cập bến, những cái bắt tay chào hỏi đủ nghe nhưng không kém phần nhiệt tình mến khách. Bộ phận giao liên Quân khu 5 sau khi bàn giao đoàn khách cho Trung đoàn 98 lại xuôi dòng về Hiên, trên xếp những tay lưới như thuyền đánh cá. Qua đoạn đường giao liên đi bộ 5 kilômét đoàn khách được mời lên hai chiếc xe Gát 69 đã đợi sẵn ở cửa rừng rồi thẳng tiến về Trao. Chính ủy Nguyễn Sỹ Chia và một số cán bộ, chiến sĩ phục vụ chờ sẵn và hướng dẫn đoàn vào nhà khách. Những người khách trang phục giống nhau: quần áo màu tro, mũ tai bèo, một số người vai đeo cái bông nhỏ. Tôi nhận ra Thủ trưởng Đinh Đức Thiện người cao, to, đậm, đi lại đĩnh đạc, một người nữa hơi đậm, cao vừa phải. Sau này tôi mới biết đó là bác Nguyễn Thọ Chân, Bộ trưởng Bộ Lao động. Trung đoàn trưởng đi cùng một người khách tầm thước vừa phải, tay cầm máy ảnh vừa đi vừa hỏi thăm mọi người. Khi đến căn nhà trước mặt, Trung đoàn trưởng nói:

- Báo cáo anh, đây là nơi nghỉ của anh.

- Nhà đẹp hi... Rồi ông đến bên giò phong lan treo trước cửa có bông hoa còn tươi và thoang thoang mùi thơm - Đến đây mình lại nhớ ATK ở Việt Bắc, nhưng không có nhiều hoa phong lan đẹp thế ni.

Chính ủy tiếp lời:

- Chúng tôi xin tặng anh để đem về Hà Nội.

Mọi người cùng cười vui vẻ. Anh Phong, cán bộ tuyên huấn ghé tai tôi nói nhỏ:

- Bác Lành khen công trình của anh đấy!

- Bác Lành, nhà thơ Tố Hữu - Tôi thầm kêu lên.

Hôm nay tôi mới được gặp nhà thơ Tố Hữu lần đầu tiên, khác xa với những hình ảnh đã đăng trên sách báo. Trước đây tôi đã được đọc nhiều bài thơ của bác. Bây giờ bác Tố Hữu là Trưởng ban Tuyên huấn Trung ương Đảng đi thăm chiến trường miền Nam, nên tôi càng thầm hiểu công tác đón tiếp quan trọng như thế nào.

Sau này trong bài thơ “Nước non ngàn dặm” của bác Tố Hữu có đoạn:

... Tới đây tre nửa là nhà

Giò phong lan nở nhành hoa nhị vàng

Trưa năm đưa vông thoảng sang

Một làn hương mỏng mênh mang nghĩa tình...

Tôi cứ liên tưởng như bác Tố Hữu viết về Trường Sơn khi bác dừng chân ở Trung đoàn 98 và nghỉ trong căn nhà ngày ấy ở Trao mà tôi đã góp phần xây dựng.

Tối ngày 19 tháng 5 năm 1973, tại hội trường của trung đoàn, bác Lành nói chuyện với cơ quan trung đoàn bộ, cán bộ từ trợ lý trở lên. Bác nói về thời cơ lớn của cách mạng miền Nam, về làm ăn theo kiểu quản lý kinh tế và khoa học kỹ thuật hiện đại, sau cùng bác nói chuyện về thơ. Chúng tôi đề nghị bác ngâm thơ.

Mình chỉ đọc chứ không ngâm được thơ.

Với giọng trầm ấm xứ Huế, bác say sưa đọc cho chúng tôi nghe bài thơ “Đường vào”. Chúng tôi rất thích đoạn:

... Đường ta đi đẹp vô cùng

Ngàn năm luyện bước Anh hùng đây chăng?

Đường vui không đợi mùa trăng

Ta đi làm ánh sao băng giữa đời!

Rồi đây đến khổ thơ trong “Việt Nam máu và hoa”

... Sài Gòn ơi, Huế ơi xin đợi

Tái hợp huy hoàng cả nước non...

Bác Lành vừa ngừng lời, y sĩ Nguyễn Thị Son, người Hà Tĩnh, cô Hòa thanh niên xung phong Hà Tây chạy vội lên tặng bác Lành những bó hoa còn ngát hương rừng. Mọi người đang im lặng, bỗng vỗ tay rầm rầm làm rung chuyển cả hội trường. Rồi bác Lành đọc tặng chúng tôi cả bài thơ “Việt Nam máu và hoa”.

Hôm sau ngày 20 tháng 5 năm 1973, mãi 9 giờ đoàn khách mới lên đường, vì ngâm A Vương 2 nước dâng cao do mưa ở thượng nguồn đổ về.

*

Tháng 3 năm 2000 đoàn cựu chiến binh Bình trạm 12 đi thăm chiến trường xưa được gặp bác Tổ Hữu và chị Thanh (vợ nhà thơ) tại nghĩa trang liệt sĩ Đường 9. Tôi xin phép được nhắc lại kỷ niệm tháng 5 năm 1973 ở Trường Sơn và nói: - Chúng cháu đọc thơ của bác, vẫn nhớ đêm đón bác khi bác đi thuyền trên sông Bung, rồi tôi đọc:

... Non cao rực rỡ ánh vàng

Đêm rằm vắng vặc Bến Giàng trắng lên

Con thuyền rời bến sang Hiên

Xuôi dòng sông Cái, ngược triền sông Bung...

Bác Tổ Hữu cười nhẹ:

- Thế là đã 27 năm rồi! Tôi chỉ viết lại, người viết giỏi lắm cũng chỉ nói được một phần sự thật thôi. Mọi người cùng cười vui.

Chúng tôi không ngờ đó cũng là lần cuối cùng chúng tôi được gặp bác Tổ Hữu. Đối với những người lính Trường Sơn chúng tôi mãi mãi nhớ ơn và tự hào về những khổ thơ của bác Tổ Hữu được ghi tại văn bia nghĩa trang liệt sĩ Trường Sơn.

... Trường Sơn, xẻ dọc, rọc ngang

Xẻng tay mà viết nên trang sử hồng

Trường Sơn, vượt núi, băng sông

Xe đi trăm ngã, chiến công bốn mùa

Trường Sơn, đông nắng, tây mưa

Ai chưa đến đó, như chưa rõ mình.

Tôi viết những dòng này xin phép được coi như những nén hương thơm kính dâng và tưởng niệm hương hồn bác Tố Hữu an nghỉ ở cõi vĩnh hằng.

THEO BƯỚC CHÂN THẦN TỐC Đại tá DƯƠNG ĐÌNH TẠ

Phó cục trưởng Cục Tham mưu công binh Đoàn 559

Sau chiến thắng Buôn Ma Thuật, Tây Nguyên được hoàn toàn giải phóng. Quân nguy Sài Gòn co cụm lại hòng củng cố tuyến chiến lược duyên hải Quảng Trị trở vào, không để cho địch có thời gian củng cố, cuộc Tổng tiến công chiến lược của ta bắt đầu từ trung tuần tháng 3 năm 1975.

Chiều ngày 18 tháng 3 năm 1975, tại Chỉ huy sở Bộ Tư lệnh Trường Sơn, đồng chí Đồng Sỹ Nguyên chỉ thị cho Cục Công binh tổ chức trinh sát đường 1A và có kế hoạch bảo đảm giao thông cho tác chiến sắp tới. Sáng 19 tháng 3, tổ trinh sát gồm 4 người: đồng chí Cục phó Dương Đình Tạ, đồng chí Cứ, Đạt, cán bộ khảo sát thiết kế và đồng chí Lộc cảnh vệ; tổ trinh sát trang bị chiến đấu gọn nhẹ, đến Ủy ban nhân dân thị xã Đông Hà mượn 4 chiếc xe đạp, vừa đi vừa theo dõi tình hình địch và trinh sát cầu đường quốc lộ 1A. Đến bờ sông Quảng Trị (Thạch Hãn) bên kia là Thành Cổ, chiều hôm qua, bờ sông phía Nam còn dày đặc họng súng của quân nguy, sáng nay thì vắng tanh! Tiếng súng bộ binh và cối lùn dần vào phía trong. Linh tính nghề nghiệp, mỗi người chúng tôi đều có một cảm xúc chuyển đi trinh sát này chắc chắn là chuẩn bị cho những cuộc tác chiến lớn sắp tới.

Chúng tôi vượt sông bằng thuyền nan của dân. Qua Thành Cổ thấy từng tốp dân gồng gánh tất tưởi di tản về Đông Hà. Đến cầu Dài, mặt cầu làm bằng gỗ vừa bị địch đánh bộc phá còn khét lẹt, chúng tôi vác xe đạp đi trên các thanh dầm: đến gần trưa tiếp cận phòng tuyến sông Mỹ Chánh, tại đây vừa có trận ác chiến giữa ta và quân ngụy. Không thể chống cự nổi, quân ngụy rút về bên kia cầu; 2 xe tăng đứng trên đường bắn xối xả sang phía Bắc. Bộ binh ta phải dừng lại, chúng tôi đào công sự tạm, dùng ống nhòm quan sát cầu Mỹ Chánh và dự kiến địch trước khi rút thế nào cũng phá cầu Mỹ Chánh. Sau đó chúng tôi quay về, vừa đi vừa xem xét lại những cầu cống bị phá hoại và tìm địa điểm bắc cầu phao qua sông Quảng Trị (cầu bê tông bị phá hoại không thể khôi phục ngay được).

Sau khi nghe báo cáo về tình hình địch và cầu đường bị phá hoại, Tư lệnh Đồng Sỹ Nguyên chỉ thị cho Cục trưởng Cục Tham mưu công binh Phan Quang Tiệp: Điều ngay Tiểu đoàn 73 thuộc Trung đoàn 99 ra bắc cầu nổi hai làn xe qua sông Quảng Trị; lệnh cho Trung đoàn 99 bàn giao việc thi công cầu treo Đắc Rông cho Trung đoàn 509, đưa đội hình vào khôi phục cầu đường từ Đông Hà trở vào Nam; tổ chức một tổ chỉ huy tiền phương của cục có điện đài.

Nhận được lệnh, Tiểu đoàn 73 hành quân bằng ô tô đến trú quân tại xã Nham Biều, ngày 21 tháng 3 tổ chức các tổ rà phá mìn hai đầu cầu phao, đưa xe lội nước phóng từ đi rà phá thủy lôi và bom từ trường dưới lòng sông khu vực bắc cầu. Các đồng chí Đặng Hường, Trần Đình Cầu, Cục phó đi vét các phao thuyền từ sông Gianh trở vào tập kết cho Tiểu đoàn 73 bắc cầu phao Quảng Trị dài 200 mét có hai làn xe.

Ngày 22 tháng 3, đơn vị hoàn thành xong cầu phao trong tiếng hô hoan của các đơn vị cơ giới qua cầu và nhân dân, tuy vậy đơn vị cũng bị tổn thất một ca-nô, hai chiến sĩ hy sinh khi đi thả neo cầu bị bom từ trường nổ. Ngay tối hôm đó, đồng chí chính trị viên phó cùng một tiểu đội và các mẹ xã Nham Biều đã chôn cất hai liệt sĩ tại nghĩa trang xã, trong tình thương xót của đồng

đội và nhân dân. Hai cụm cao xạ bố trí tại hai đầu cầu sẵn sàng nhả đạn, nhưng không quân ngụy không dám bén mảng tới.

Ngày 25 tháng 3, cố đô Huế hoàn toàn giải phóng. Trong không khí tương bình của thành phố đầu tiên được giải phóng, cờ đỏ sao vàng rợp trời, thì đơn vị công binh Trường Sơn rất khẩn trương tiếp quản kho cầu be-lây - một loại cầu quân dụng của Mỹ - tại nha công chánh Huế, để khôi phục lại cầu Mỹ Chánh, cầu An Lỗ và cầu Thừa Lưu ở phía Nam thành phố Huế.

Đến cầu Truồi bị phá hỏng, sông ở đây nước rất sâu, công binh Quân đoàn 2 đã đưa hai phà quân dụng để đảm bảo cho mũi cơ giới phía Bắc tiến vào đèo Hải Vân, nhưng số lượng xe pháo quá lớn, số người di tản từ Đà Nẵng ra bị tắc ở đầu cầu Nam. Trung đoàn 99 rất linh hoạt cho xe quay về Huế đưa dầm, ván gỗ ra kết cấu thành một nhịp mặt cầu gỗ trên cầu đường sắt, đảm bảo thông các loại xe quân sự và phục vụ nhân dân đi lại.

Ngày 29 tháng 3, Đà Nẵng - một căn cứ lớn nhất miền Trung được giải phóng; tổ tiên phương đã vượt Đà Nẵng cách 30 kilômét thì gặp cầu Câu Lâu qua sông Thu Bồn bị không quân địch ném bom phá một trục cầu dài 50 mét tiếp đó cầu Bà Rén là cầu lớn cũng bị phá sập. Chúng tôi quay về Chỉ huy sở Quân đoàn 2 đóng tại đồn Hòa Khánh, báo cáo với Tư lệnh Quân đoàn Nguyễn Hữu An về kết quả đã làm từ Quảng Trị vào Đà Nẵng và tình hình các cầu phía Nam Đà Nẵng bị phá hoại. Chúng tôi đã nhận được giấy phép vào tổng kho quân sự để tiếp nhận các vật tư cầu và đến chỉ huy sở liên đoàn công binh ngụy để tìm tài liệu cần thiết.

Trung đoàn 99 được giao nhiệm vụ bắc cầu Câu Lâu. Địa hình ở đây gần biển nên sông rất rộng, gió to, từ mặt cầu xuống nước cao tới 15 mét. Lần đầu tiên bắc nhịp cầu quá dài, cán bộ, chiến sĩ có những băn khoăn về tổ chức và kỹ thuật. Đồng chí Vũ Viết Thường - Trung đoàn trưởng tốt nghiệp trường trung

cấp giao thông và đồng chí Nguyễn Đình Mẫn - Trung đoàn phó tốt nghiệp trường sĩ quan công binh đã thức rất khuya để đọc tài liệu của công binh ngụy, nghiên cứu biện pháp kéo nhịp cầu dài và nặng làm sao được an toàn và kịp yêu cầu của chiến dịch.

Công binh Quân khu 5 đưa hai phà quân dụng bảo đảm qua sông Thu Bồn nhưng với sông rộng, xe quân sự đã nhiều, xe của dân di tản muốn trở về Đà Nẵng cũng không ít, hai chiếc phà chỉ giải quyết xe đi chiến đấu. Tất cả phải chờ vào sự khôi phục cầu Cầu Lâu. Nhịp cầu 50 mét phải kết cấu khoang bê-lây kép 3 và cao 3 tầng, phải có 50 mét làn đối trọng khi kéo cầu nên khối lượng vật tư rất lớn. Việc đi tìm các loại chốt cầu cũng rất vất vả. Cuối cùng sau 4 ngày chuẩn bị, nhịp cầu đã được kéo vào vị trí an toàn trong tiếng reo mừng của cán bộ, chiến sĩ và các lái xe chờ đợi mấy ngày liền. Đoàn của Bộ Giao thông vận tải do tổng công trình sư Đỗ Hữu đi xem xét giao thông vùng mới giải phóng, nhiệt liệt khen ngợi công binh Trường Sơn bắc cầu trong điều kiện rất khó khăn, Bộ Tư lệnh Trường Sơn cũng kịp thời gửi điện biểu dương đơn vị.

Từ đó trở vào các cầu trên địa bàn các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định... bị phá hoại thì trung đoàn phân công cầu nhỏ giao cho một đại đội, cầu lớn giao cho 2 đại đội làm liên tục 24 giờ/24 giờ. Ban đêm nhân dân cho mượn máy phát điện gia đình thắp sáng cho Quân giải phóng bắc cầu.

Từ Huế trở vào có nhiều đèo, có những đèo cao như đèo Hải Vân, Cù Mông... Để bảo đảm giao thông được chắc chắn, Bộ Tư lệnh Trường Sơn đã điều Trung đoàn 531 công binh bảo đảm sửa chữa các đèo.

Căn cứ Chu Lai được giải phóng, nhưng cầu An Tân dài 150 mét phía Bắc căn cứ bị phá sập. Đơn vị Trung đoàn 99 đã rải quá dài nên Trung đoàn công binh 8 Trường Sơn được điều vào khôi phục cầu An Tân và làm một số

cầu tiếp theo. Đội hình khôi phục cầu bị phá cứ cuốn chiếu theo chiều thẳng lợi của chiến dịch. Nhưng đến Phan Rang là tuyến chặn từ xa của chính quyền Sài Gòn không quân địch oanh tạc dữ dội, chặn bước tiến của quân ta, chúng ném bom phá hỏng cầu Ba Ngòi phía bắc Phan Rang và cầu Phan Rí, nam Phan Rang. Đội hình xe tấn công phải dừng lại mấy tiếng đồng hồ sửa chữa cầu Cầu Ba Ngòi thấp nhưng ở địa hình sinh lầy, đồng chí Nguyễn Hạnh, Phó phòng kế hoạch công binh đã rất linh hoạt tìm ra kho thanh dầm MI chuyên dùng sửa chữa cầu thấp, đã điều hành việc lắp ráp các thanh, chữa lại cầu dưới làn đạn của máy bay địch, vài giờ sau đã thông cầu. Đồng chí Hạnh, quê ở Gò Vấp, thành phố Sài Gòn, học sinh tập kết ra Bắc, tốt nghiệp Đại học Bách khoa, sau đó vào công tác tại Cục Công binh Trường Sơn. Vì lòng dũng cảm của một sĩ quan và lòng yêu quê hương, anh đã lập một chiến công như trên và được Bộ Quốc phòng thưởng Huân chương Chiến công ngay trong chiến dịch. Tiếp sau đó, một đại đội của Trung đoàn 99 đã kịp thời đưa be-lây đến bắc lại cầu Phan Rí; tuyến giao thông chiến dịch lại thông suốt, chúng tôi vẫn bám sát bước chân thần tốc của Quân đoàn 2.

Thành phố Đà Lạt được giải phóng, nhưng hai đường đến Đà Lạt có hai cầu lớn đều bị phá. Đường từ Phan Rang lên thị trấn Đơn Dương thì cầu Phù Mỹ dài 120 mét bị phá sập; đường 20 từ ngã ba Dầu Dây lên Đơn Dương thì cầu La Ngà dài 100 mét cũng bị phá. Sẽ không biết có bao nhiêu khó khăn cho công tác quân quản vào bảo đảm thành phố mới được giải phóng, nếu cả hai đường không có xe ô tô hoạt động. Được lệnh của Bộ Tư lệnh Trường Sơn, hai đơn vị thuộc Trung đoàn 99 đã chở vật tư đến làm lại hai cầu trên.

Hai tuyến đường được thông suốt, Ủy ban Hành chính huyện Đơn Dương và Ủy ban quân quản thành phố đến tận nơi bắc cầu, ủy lạo Quân giải phóng.

Trung đoàn trưởng Vũ Việt Thường chỉ đạo đơn vị làm xong cầu La Ngà trên đường về Dầu Dây bị thương phải về tuyến sau điều trị. Trung đoàn phó Nguyễn Đình Mẫn và Chính ủy Nguyễn Văn Tâm tiếp tục tổ chức và động viên đơn vị hoàn thành nhiệm vụ tiếp theo. Tốc độ chiến dịch phát triển càng

gần Sài Gòn càng khẩn trương, để đạt mục đích cuối cùng kết thúc thắng lợi trước mùa mưa 1975. Chiều 30 tháng 4, tiền phương công binh đến thành phố Biên Hòa, tại đây sáng nay tối đi đầu của Quân đoàn 2 đã tiêu diệt các ổ đề kháng canh gác ba cầu qua sông Đồng Nai.

Cầu giữa là cầu Ghềnh loại cầu liên hợp cả đường sắt và đường bộ, hai cầu còn nguyên vẹn. Bởi công binh địch sau khi buộc xong 8 khối thuốc nổ vào các thành cầu, các kíp điện đã lắp vào xong đến lô cốt đầu cầu phía Nam, nhưng vì hốt hoảng quá nên chúng không kịp quay máy phát điện phá cầu. Đại úy Nguyễn Đình Tiên cùng tổ trinh sát cho ngừng ngay việc đi lại trên cầu và với động tác rất nhẹ nhàng, cẩn thận, tháo hết kíp nổ, phá hủy 8 khối thuốc nổ trong ánh mắt khâm phục của nhân dân đứng chờ để qua cầu.

Cầu bê tông ở thượng lưu là cầu đôi bị phá hỏng một trụ, hai nhịp cầu 30 mét gãy gục xuống sông. Điều kiện khôi phục lại cầu cần số lượng lớn bê-lây như cầu Cầu Lâu (Đà Nẵng) nên phải đưa được lực lượng vào tổng kho Long Bình lấy đủ vật tư. Hạ lưu cầu Ghềnh là xa lộ, cầu còn nguyên vẹn nhưng địch đặt các ụ chướng ngại vật hình chữ chi trên mặt cầu để hãm tốc độ xe nếu ta chọc thủng phòng tuyến Biên Hòa. Chúng tôi tìm đến mỏ đá Biên Hòa huy động hai xe cầu lớn giải phóng mặt cầu xa lộ. Từ Biên Hòa vào Sài Gòn địch không kịp phá hoại gì cả.

Chiều 1 tháng 5 chúng tôi đến báo cáo đồng chí Phan Khắc Hy, Phó tư lệnh bộ đội Trường Sơn tại sở chỉ huy để xin giấy phép vào tổng kho Long Bình nhận cầu bê-lây khôi phục cầu đôi Biên Hòa và ngày 10 tháng 5 hoàn thành. Tại đây, đoàn Ủy ban quân quản thành phố Biên Hòa đã đến tặng quà cho đơn vị.

Về hướng đường 1B từ Biên Hòa, Vũng Tàu, địch phá sập cầu Ô May là cầu lớn nhất, dài 150 mét. Một đơn vị thuộc Trung đoàn 99 đã được điều đến

khôi phục tại Bà Rịa, sau 5 ngày xong. Đơn vị còn dùng xe tải kéo những xe đi trước ngày 30 tháng 4 nhưng vì trục trặc phải dừng lại, gây tắc cầu đến nay được thông tuyến đường như cũ.

Cuộc Tổng tiến công kết thúc thắng lợi hoàn toàn. Các đơn vị công binh Trường Sơn đã đảm bảo giao thông đường 1A từ Đông Hà - Sài Gòn dài 1.262 kilômét, quốc lộ 20 từ ngã ba Dầu Dây - Đà Lạt dài 230 kilômét, quốc lộ 15 từ Biên Hòa - Vũng Tàu dài 90 kilômét, riêng trên đường 1A đã khôi phục 18 cầu loại vừa và lớn với tổng chiều dài 3.300 mét đáp ứng yêu cầu của tổng tiến công. Trong lễ mừng chiến thắng của bộ đội Trường Sơn gồm các đơn vị vận tải, công binh, cao xạ, v.v. tham gia cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975. Trung đoàn công binh 99 được Nhà nước tặng thưởng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Các đơn vị khác cũng được khen thưởng.

Trong chiến công của công binh Trường Sơn có phần đóng góp rất quan trọng của các Ủy ban quân quản, các thành phố và nhân dân ven các tuyến quốc lộ nói trên.

Sau cuộc Tổng tiến công, công binh Trường Sơn đã trưởng thành thêm một bước.

THẦN TỐC VÀ TOÀN THẮNG1

Trung tướng ĐỒNG SỸ NGUYỄN

Nguyên Tư lệnh Đoàn 559 bộ đội Trường Sơn

Hội nghị cán bộ cao cấp toàn quân bế mạc chiều ngày 23 tháng 4. Cùng lúc, tôi được thông báo ngày hôm sau làm việc với các anh Lê Duẩn, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Văn Tiến Dũng.

Thêm một điều gì? Một nhiệm vụ gì hệ trọng, mà Trường Sơn có được may mắn này? Mừng, lo lẫn lộn là tâm trạng bám đuổi tôi cả đêm 23 và sáng ngày 24 trên đường từ nhà vào Thành nội làm việc. Bởi hôm nói chuyện với hội nghị cán bộ cao cấp toàn quân, các anh Lê Duẩn, Lê Đức Thọ, Võ Nguyên Giáp... đã phân tích rất sâu sắc một số điểm trong nhận định, đánh giá tình hình của Trung ương Đảng, chỉ ra những khả năng phát triển của cách mạng miền Nam và những việc cần làm để giành thắng lợi trong những năm tới.

Vào làm việc, theo yêu cầu của các anh, tôi báo cáo khái quát hoạt động vận chuyển chi viện chiến trường, tiến độ xây dựng đường tiêu chuẩn Đông Trường Sơn, xây dựng đường ống xăng dầu, đường thông tin tải ba; tiếp nhận hàng ở các cảng Hòn La, Nhật Lệ, sông Gianh, Đông Hà... Mọi lĩnh vực đều suôn sẻ, khả quan.

Anh Duẩn, anh Đồng, anh Văn và anh Dũng đều lưu ý tôi: Tình hình đã có nhiều thuận lợi; với thế và lực đã tạo được, tuyến chi viện chiến lược Trường Sơn cần tính toán chính xác, tổ chức chỉ đạo thật chặt chẽ để đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch năm 1974.

Anh Duẩn còn dặn thêm:

- Ngoài chỉ tiêu kế hoạch năm 1974, các anh cần bàn tính, chuẩn bị sớm kế hoạch năm 1975. Lưu ý, các chỉ tiêu tăng hơn kế hoạch thông thường. Tình hình sẽ có những bước nhảy vọt mà ta chưa thể lường trước được.

Những điều anh Ba gợi ý làm tôi liên tưởng tới những chủ trương đầy tính dự

báo của Đảng ta kể từ Cách mạng tháng Tám năm 1945. Vậy sau Mậu Thân 1968, xuân hè 1972, lần này “bước đột biến” sẽ là gì đây?

Tiếp những ngày sau đó, tôi làm việc với các cơ quan Bộ Quốc phòng chuẩn bị cho việc xây dựng kế hoạch năm 1975, trực tiếp nghe các anh Văn Tiến Dũng, Đinh Đức Thiện... trao đổi về hai phương án của kế hoạch chi viện chiến trường.

1. Trích hồi ký.

Hôm làm việc với Tổng cục Hậu cần, anh Đinh Đức Thiện nói:

- Phương án 1, như Bộ Tổng tham mưu và các tổng cục đã làm việc với anh. Phương án 2 nay chưa chuẩn bị kịp. Nhưng anh nhớ là có phương án 2. Khi phương án đó xảy ra thì khó mà nói trước được là tăng bao nhiêu quân và vật chất kỹ thuật.

Trước sự quả quyết gần như “đinh đóng cột” của anh Thiện về phương án thời cơ, tôi trả lời:

- Báo cáo anh, chúng tôi mong cho phương án đó đến càng nhanh càng tốt, không ngại khó khăn, vất vả. Theo tôi, những ngày khó khăn nhất của tuyến chi viện Trường Sơn đã vĩnh viễn qua rồi, qua lâu rồi.

Ra Hà Nội, ngoài công việc, tôi còn được gần gũi gia đình. Mặc dù lúc này ở

nhà chỉ có vợ và hai con gái. Sĩ Hưng - con trai cả đã là phi công lái máy bay chiến đấu, Quân là sĩ quan pháo binh, Bắc và Việt cũng đi học xa. Hôm lên thăm Sĩ Hưng tại sư đoàn không quân đóng ở Sóc Sơn, tôi vô cùng xúc động khi chứng kiến sức mạnh của một sư đoàn không quân tiêm kích hiện đại và sự trưởng thành “bằng anh, bằng em” của con trai mình.

Chưa tròn tuần làm việc ở Hà Nội, với những thông tin nóng hổi vừa lĩnh hội, tôi trở về đơn vị trong tâm trạng phấn chấn tột đỉnh. Lòng tự bảo, với những gì mà đường Hồ Chí Minh tạo dựng trong 15 năm qua, dù tình hình có phát triển đột biến, chúng tôi cũng không vì thế mà bị động.

Cơ quan Bộ Tư lệnh Trường Sơn lúc này đang rộn rục khí thế kỷ niệm 15 năm ngày thành lập tuyến chi viện chiến lược. 15 năm đạn bom và máu lửa, 15 năm thăng trầm luyện rèn, mưa nguồn suối lũ... Nhưng bất chấp mọi thử thách, hy sinh, từ hơn 400 con người đã phát triển thành một binh đoàn hùng mạnh. Những lối mòn giao liên nhỏ nhoi cũng đã nhường chỗ cho một thế trận cầu đường - một “trận đồ bát quái xuyên rừng rậm”, một tuyến chi viện chiến lược, một căn cứ hậu cần chiến lược... Nói sao hết những xúc cảm, tự hào! Cũng dịp này, bộ đội Trường Sơn vinh dự được đón thư khen của Chủ tịch nước Tôn Đức Thắng. Bác Tôn động viên, căn dặn chúng tôi: “Hãy xứng đáng là những cán bộ, chiến sĩ vinh dự được lao động và chiến đấu trên tuyến đường chiến lược mang tên Bác Hồ vĩ đại!”.

Một trong những sự kiện có ý nghĩa lớn trong thời điểm này là vào cuối tháng 5, Bộ Tư lệnh quyết định chuyển sở chỉ huy vào khu vực Bến Tắt, ngay bờ nam sông Bến Hải.

Cũng khu vực này, nhưng ở bờ Bắc, vào buổi “sơ sinh” của tuyến chi viện chiến lược Trường Sơn, anh Võ Bẩm đã bí mật cho đặt sở chỉ huy tiền phương Đoàn 559. Cũng bầu trời này, cũng dòng sông ấy, nhưng giờ đây trời

như xanh cao hơn, sông lại một mực hiền hòa, đằm thắm; không còn trào sôi nổi đầu chia cắt, cảnh một con sông mà nước chảy đôi dòng. Sau này suy ngẫm lại, tuy lúc đó quyết định của Bộ Tư lệnh đâu có tính đến sự lặp lại của lịch sử, nhưng chính sự ngẫu nhiên đó, cho phép tôi nghĩ rằng lịch sử thật công bằng, “Có trước có sau!”.

Để nâng tầm thế của một địa danh lịch sử giàu ý nghĩa này, từ cuối năm 1973 chúng tôi đã cho xây dựng cầu treo Bến Tắt nối hai bờ sông Bến Hải. Đây là chiếc cầu treo đầu tiên trên tuyến Đông Trường Sơn.

Cũng tại địa bàn này, trong quá trình xây dựng đường tiêu chuẩn Đông Trường Sơn, lần đầu tiên chúng tôi cùng chuyên gia Cu Ba sử dụng thiết bị làm đường hiện đại của Chủ tịch Phi-đen Cát-xơ-rô gửi tặng bộ đội Trường Sơn rải nhựa sáu cây số trên đường 15 mới, kéo dài đến Cam Lộ, nối với đường 9.

Công trình có tầm vóc và ý nghĩa lịch sử lớn nhất được xây dựng ở đây là nghĩa trang liệt sĩ Trường Sơn.

Chọn vị trí có ý nghĩa xây dựng một nghĩa trang có quy mô, tầm thế tương xứng với sự hy sinh của biết bao đồng chí, đồng đội vì sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, vì nghĩa vụ quốc tế cao cả, vì sự sống còn, lớn mạnh không ngừng của tuyến đường mang tên Bác Hồ kính yêu là một chủ trương lớn được Đảng ủy, Bộ Tư lệnh Trường Sơn và đông đảo cán bộ, chiến sĩ trên tuyến đặc biệt quan tâm.

Từ giữa năm 1974, tôi cùng các anh trong Bộ Tư lệnh tranh thủ mọi nơi, mọi lúc tìm chọn vị trí khắp địa bàn hai tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị. Cuối cùng,

cũng chính khu vực Bến Tắt được xem là nơi hội tụ khá đầy đủ những gì chúng tôi muốn. Ngoài ý nghĩa là điểm lưu giữ dấu ấn về buổi phôi thai đường Trường Sơn, gần trục giao thông xuyên Việt Bắc - Nam, chúng tôi còn muốn những đồng chí, đồng đội yêu quý của mình được yên nghỉ bên dòng Bến Hải - ranh giới cắt chia hai miền Bắc - Nam thời đánh Mỹ.

Từ cuối năm 1974, nghĩa trang liệt sĩ Trường Sơn chính thức được khởi công. Toàn bộ công trình được bố trí trên ba quả đồi, có diện mạo cảnh quan khá đẹp, rộng chừng 100 héc-ta, sát đường 15 - đoạn mới mở thuộc hệ thống đường Hồ Chí Minh.

Vào thập kỷ bảy mươi, nghĩa trang liệt sĩ Trường Sơn có quy mô lớn nhất so với các nghĩa trang liệt sĩ trong cả nước; về kiến trúc, bố cục, cho đến nay vẫn là một nghĩa trang độc đáo, không giống đa phần nghĩa trang liệt sĩ mà tôi thấy trên cả nước, thường như bản sao của nhau.

Biết rằng cuộc kháng chiến chống Mỹ sẽ kết thúc, hòa bình được thiết lập ở hai nước Việt - Lào, khi đó việc đi lại khó khăn hơn, nên từ đầu năm 1974, Bộ Tư lệnh đã chỉ thị cho Cục Chính trị tổ chức năm đội tìm kiếm, cất bốc hài cốt của các liệt sĩ được chôn cất rải rác trên tuyến hành lang Tây Trường Sơn, quy tập về đây.

Một quyết định đáp ứng tình cảm, nguyện vọng của hết thảy mọi người, nên được sự hưởng ứng, ủng hộ của nhiều đơn vị, các ngành, các cấp.

Tới đầu năm 1976, nghĩa trang liệt sĩ Trường Sơn hoàn thành về cơ bản. Về sau, được sự trợ giúp, đóng góp của các địa phương, ban ngành, đoàn thể trong cả nước, công trình này được tôn tạo đúng tầm cỡ nghĩa trang liệt sĩ cấp

quốc gia, với hơn 10 nghìn ngôi mộ. Trên ba ngọn đồi, với ngàn thông, phi lao đón gió suốt ngày đêm tạo nên bản hòa âm vĩ đại, bất tử, làm ấm lòng những người con đã hy sinh vì sự nghiệp cách mạng, vì sự sống của “con đường huyền thoại”¹.

Mỗi lần viếng thăm hương hồn những liệt sĩ đã yên nghỉ nơi đây, tôi không khỏi bồi ngùi xúc động trước cảnh quan bi hùng của nghĩa trang, trước tấm bia tưởng niệm đã được chúng tôi cho khắc ghi đôi câu đối:

“Vạn thuở lưu danh liệt sĩ.

Ngàn đời tạc sử Trường Sơn”.

1. Đính chính:

Trong tập hồi ký “Với cả cuộc đời” của đồng chí Đồng Sỹ Nguyên - Nxb Quân đội nhân dân xuất bản năm 2007, do sơ suất về biên tập (trang 328, dòng 21) có ghi số lượng thương vong là 223 nghìn; xin đọc là hơn 22 nghìn. Thành thật cáo lỗi cùng bạn đọc!

*

Trung tuần tháng 6 năm 1974, Quân ủy Trung ương thông qua kế hoạch công tác năm 1975 của Bộ Tư lệnh Trường Sơn, gồm những chỉ tiêu cụ thể về vận chuyển chi viện chiến trường, xây dựng đường cơ bản Đông Trường Sơn. Quân ủy Trung ương đặc biệt lưu ý chúng tôi cần chuẩn bị một khối lượng lớn hàng dự trữ chiến lược, xây dựng ba cụm kho dự trữ chiến lược: một ở

đường số 9, một ở Sa Thầy, một ở Bù Đốp. Những nội dung này được cụ thể bằng Nghị quyết số 25/QUTW, ngày 17 tháng 6 của Quân ủy Trung ương.

Từ ngày 28 đến ngày 31 tháng 8 năm 1974, tại sở chỉ huy Bến Tắt, Đảng ủy - Bộ Tư lệnh Trường Sơn họp, hạ quyết tâm và thống nhất các biện pháp thực hiện các chỉ tiêu nhiệm vụ trên giao; bảo đảm và phối hợp cùng các chiến trường tạo thời cơ quyết định. Cụ thể:

- Tập trung xây dựng, sớm thông tuyến đường Đông Trường Sơn, nối dài đường ống xăng dầu vào Bù Gia Mập; đồng thời cải tạo đường Tây Trường Sơn, để tận dụng cả hai tuyến đông - tây trong mùa khô tới.

- Chuyển hệ thống kho tàng dự trữ sát các tuyến chiến dịch, cải tiến hệ thống kho tàng đảm bảo đủ năng lực cấp phát, giải phóng một lúc một trung đoàn xe.

Anh Đinh Đức Thiện, thay mặt Quân ủy Trung ương và Tổng cục Hậu cần vào dự, hoàn toàn nhất trí với những chủ trương và giải pháp kể trên.

Hơn mười ngày sau hội nghị Đảng ủy, hội nghị quân chính toàn tuyến được triệu tập nhằm quán triệt nghị quyết đảng ủy, bàn triển khai kế hoạch mùa khô 1974-1975. Đây là hội nghị cán bộ có quy mô lớn, đông đủ các đồng chí trong Bộ Tư lệnh: Chính ủy Hoàng Thế Thiện; các Phó chính ủy: Lê Xy, Lê Nghĩa Sỹ, Trần Quyết Thắng; các Phó tư lệnh: Nguyễn Lang, Phan Khắc Hy, Lê Đình Sum, Nguyễn Lệnh, Hoàng Kiện và đông đảo cán bộ chủ trì các cơ quan Bộ Tư lệnh, 8 sư đoàn, 11 trung đoàn trực thuộc; đại diện Ban 67 và đoàn trưởng các đoàn thanh niên xung phong...

Thay mặt Bộ Tư lệnh, tôi báo cáo khái quát tình hình trên hai miền đất nước, tập trung đi sâu công việc của tuyến; dự kiến phương hướng nhiệm vụ năm 1975 với hai phương án theo chỉ thị của Quân ủy Trung ương và những gì lĩnh hội được qua làm việc với các anh Lê Duẩn, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Văn Tiến Dũng, Đinh Đức Thiện...

Đại biểu dự hội nghị thảo luận sôi nổi, thống nhất, phản ánh khí thế đoàn kết xốc tới của bộ đội Trường Sơn. Và, không hẹn mà gặp, cả trong hội nghị cũng như khi chuyện trò ngoài “hành lang”, mọi người chỉ mong sao Phương án 2 sớm xuất hiện.

Sau gần ba ngày làm việc, chia tay anh em về đơn vị tôi đọc được trong ánh mắt, nụ cười của họ niềm tin mãnh liệt ngày toàn thắng của cuộc kháng chiến đang đến gần.

Rồi cơ sở, nền tảng cho niềm tin ấy tiếp tục được củng cố: Ngày 30 tháng 9 năm 1974, Bộ Chính trị Trung ương Đảng họp bàn nhiệm vụ quân sự hai năm 1975-1976 nhận định: Đã xuất hiện thời cơ để quân và dân ta mở cuộc tiến công và nổi dậy cuối cùng, đưa chiến tranh cách mạng phát triển đến bước cao nhất, giải phóng hoàn toàn miền Nam, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước.

Thực hiện chủ trương chiến lược của Bộ Chính trị Trung ương Đảng, Bộ Tư lệnh Trường Sơn bước vào mùa khô 1974-1975 với quyết tâm cao độ thực hiện sớm kế hoạch năm 1975, gồm cả kế hoạch cơ bản và kế hoạch thời cơ.

Nội dung chính của kế hoạch cơ bản là vận chuyển chi viện bảo đảm yêu cầu hoạt động của các lực lượng vũ trang trên chiến trường trong năm 1975. Nội dung chính của kế hoạch thời cơ là vận chuyển một khối lượng lớn vật chất kỹ thuật dự trữ tập kết tại một số điểm cơ động ở Trị - Thiên, Khu 5, Tây Nguyên và Nam Bộ, để khi thời cơ đến chủ lực của Bộ được tung vào chiến trường thực hành đánh lớn, chúng ta không bị động về bảo đảm vật chất kỹ thuật.

Dự kiến ban đầu khối lượng vật chất mà bộ đội Trường Sơn vận chuyển chi viện cho các chiến trường trong mùa khô 1974-1975 là 510.000 tấn; nhưng quá trình thực hiện đã lên tới 560.000 tấn.

Để hoàn thành được khối lượng vật chất khổng lồ đó, Bộ Tư lệnh chỉ đạo, động viên nỗ lực cao độ của các binh chủng trên tuyến, đặc biệt chú trọng ưu tiên phát triển thế trận cầu đường và lực lượng vận tải cơ giới.

Bước vào mùa khô, ở tuyến Đông Trường Sơn, sau khi một bộ phận chủ lực Tây Nguyên, Khu 5 và Quân đoàn 2 phối hợp giải phóng chi khu Măng Đen, Măng Bút; đặc biệt là hai cụm Cứ điểm Đắc Pét (Công Tum) trên đường 14 và Thượng Đức thuộc Đại Lộ (tây Quảng Đà) thì những “cái gai” cuối cùng ở tuyến “điểm” Đông Trường Sơn đã được nhổ xong. Trên tuyến này, Sư đoàn công binh 473 dốc sức hoàn thành đoạn từ Ngọc Hồi vào Bù Gia Mập, Sư đoàn 470 vừa làm nhiệm vụ sư đoàn khu vực, vừa làm đường và bảo đảm giao thông.

Sư đoàn 472 đảm trách hành lang Tây Trường Sơn, sửa chữa nâng cấp cầu đường, bảo đảm giao thông các đoạn từ Bản Đông vào Plây Khốc, Bản Đông đi Mường Phin, Sa Ra Van, A Tô Pơ, Xiêm Pạng...

Cùng ra quân và hiệp đồng chặt chẽ với công binh, bốn trung đoàn đường ống tập trung lực lượng và phương tiện “lao” nhanh tuyến đường ống từ Plây Khốc (khu vực ba biên giới) xuống Bù Gia Mập. Đi liền với hai tuyến ống liên hoàn Đông và Tây Trường Sơn là lấp hơn 27 nghìn mét khối kho và trên 100 cây xăng, trạm bơm được xây dựng ở những vị trí thuận tiện cho việc cấp phát. Lúc này tuyến đường ống xăng dầu Trường Sơn không chỉ là “động mạch chủ” của tuyến chi viện chiến lược mà còn của cả chiến trường miền Nam, Trung - Hạ Lào và một phần Cam-pu-chia.

Lực lượng phát triển nhảy vọt trên toàn tuyến lúc này là bộ đội vận tải cơ giới. Sau khi chuyển Sư đoàn 471 khu vực thành Sư đoàn 471 ô tô cơ động vận tải, trước mùa khô, ngoài hơn 4.500 xe - máy đã có, chúng tôi tiếp nhận thêm hơn 5.500 xe - máy do Bộ bổ sung, đưa tổng số xe máy toàn tuyến lên hơn 10.000 chiếc; trong đó có hơn 7.000 xe vận tải.

Có được “vốn liếng” quý giá này, ngoài việc chăm lo đầu tư của Nhà nước, Bộ Quốc phòng, Bộ Tư lệnh Trường Sơn luôn biết ơn sự trợ giúp hết lòng của Tổng cục Hậu cần. Không chỉ lúc này cả nước dồn sức chuẩn bị cho một chủ trương chiến lược mới của Đảng, mà trước đó cũng vậy, Tổng cục Hậu cần luôn tạo điều kiện để Bộ Tư lệnh 559 có đủ xe và xe tốt, cũng như các yêu cầu khác.

Lực lượng xe máy hùng hậu, thế trận cầu đường ngày càng vững chắc, bộ đội vận tải cơ giới được tập huấn chu đáo về chiến thuật binh chủng, cho phép chúng tôi thực hiện chiến thuật vận tải đội hình trung đoàn, chạy cung dài. Hai sư đoàn ô tô cơ động vận tải đảm trách hai cung. Sư đoàn 571 đứng ở tuyến ngoài, chủ yếu chạy cung Đông Hà - Xê Sụ giao quân, giao hàng cho Trị - Thiên, Khu 5, Trung - Hạ Lào, lập chân hàng cho Sư đoàn 471.

Sư đoàn 471 chủ yếu đứng ở tuyến trong, nhận hàng, nhận quân ở Xê Sụ để chuyển giao cho Nam Bộ, Cam-pu-chia, Tây Nguyên.

Thế trận toàn tuyến triển khai đồng bộ, các lực lượng binh chủng tràn đầy dũng khí. Ngày 25 tháng 11 năm 1974, chúng tôi phát lệnh mở màn chiến dịch vận tải mùa khô 1974-1975.

Phát lệnh xong, Bộ Tư lệnh phân công anh em mỗi người một hướng trực tiếp kiểm tra, đôn đốc hoạt động vận chuyển, làm đường...

Lúc này, địch vẫn cho máy bay trinh sát, chặn đánh các đoàn xe của ta. Nhưng mức độ đánh phá không đáng kể. Môi trường công tác, sinh hoạt của bộ đội, thanh niên xung phong khá hơn trước rất nhiều. Từ rừng sâu ẩm thấp, các lực lượng chuyển ra dựng lán trại ở những bìa rừng thưa thoáng; môi trường sinh hoạt, điều kiện nuôi dưỡng được cải thiện; hoạt động chủ yếu ban ngày... Đây là những thuận lợi mà trước đó không thể nào có được.

Dọc những cung đường tôi qua, những đơn vị tôi đến, từ công binh, bộ đội vận tải cơ giới tới thanh niên xung phong... hoạt động rất đều tay, khẩn trương. Hàng hóa - đa phần là đạn pháo tầm xa được chuyển vào cấp tập. Các cụm kho dự trữ dọc đường 9, quãng từ Đông Hà đến Tân Lâm chật ních hàng, nhưng được bố trí hợp lý, thuận tiện cho các trung đoàn xe vào ra nhận hàng vừa nhanh, vừa an toàn. Cụm kho ở Sa Thầy cũng vậy. Tuy nhiên do lực lượng xe - máy hoạt động trên đường quá lớn, thường xuyên có tới trên dưới 5.000 chiếc, lại có nhiều đơn vị xe tăng, pháo lớn..., nên đã gây ùn tắc cục bộ ở những “nút” xung yếu, như ngầm Cha Ky, ngã ba Bản Đông...

Căn cứ từng tình huống, từng điểm cụ thể, chỉ huy các sư đoàn, trung đoàn công binh, ô tô vận tải và cán bộ cơ quan tham mưu vận tải được tung xuống chỉ huy giải tỏa kịp thời.

Sau mấy ngày kiểm tra thực địa, trở về sở chỉ huy, vào cuối tháng 11, tôi được đón các anh Nguyễn Văn Linh - Bí thư Trung ương Cục miền Nam, Phạm Hùng, Võ Văn Kiệt ra họp Trung ương trở về, vào thăm và làm việc với Bộ Tư lệnh Trường Sơn.

Các anh cho chúng tôi biết những biến chuyển lớn trên chiến trường Nam Bộ, về chủ trương của Bộ Chính trị đẩy mạnh hoạt động quân sự sắp tới của ta trên các chiến trường và nhu cầu chi viện vật chất đảm bảo cho những hoạt động đó.

Anh Phạm Hùng còn bảo:

- Ngoài kế hoạch chung, Bộ Tư lệnh Trường Sơn cố gắng tăng cơ số đạn pháo lớn cho B2, chuyển vào càng sớm càng tốt.

Chúng tôi hứa thực hiện sớm chỉ tiêu trên giao. Và, quay về phía anh Phạm Hùng, tôi nói vui:

- Anh Bảy không khi nào quên được “đặc sản” đạn pháo lớn!

Anh Phạm Hùng cười, hể hả:

- Các cậu đừng cho bọn mình “máu đánh đấm”. Quả thực, về hậu cần - kỹ thuật, nhiều thứ B2 có thể xoay sở được. Riêng đạn pháo lớn, từ trước tới giờ vẫn chờ nguồn của Bộ.

Khi đoàn cán bộ Miền trở về cứ, Bộ Tư lệnh bố trí anh Nguyễn Lang tiên theo đường Đông Trường Sơn.

Chia tay đoàn, tôi phấn khởi nói:

- Bữa nay đường Đông Trường Sơn đã khá rồi. Trên đường vào các anh tha hồ ngắm sông núi, mây trời suốt một dải Trường Sơn hùng vĩ. Và cũng chỉ cần một tuần là các anh, vào tới căn cứ Trung ương Cục.

Anh Phạm Hùng hỏi, pha chút ngờ ngợ:

- Lần trước, chúng mình ra, đi mất 12 ngày cơ mà?

- Báo cáo anh - tôi đáp - đường mỗi ngày mỗi khác.

Anh Linh phấn khởi nói:

- Thật tuyệt! Tình hình phát triển lẹ thế này, nếu ta không dồn sức bảo đảm cho cầu đường đi trước một bước, một ngày bằng năm - bằng mười, sẽ rất dễ bị động, lúng túng.

Gặp gỡ rồi chia tay các anh lãnh đạo Trung ương Cục miền Nam, những khái niệm thời cơ, tình thế lại nung nấu, ám ảnh trong tôi.

Quả vậy, cục diện chiến trường miền Nam vào những tháng cuối 1974 - đầu 1975 diễn biến hết sức mau lẹ, ngày càng có lợi cho ta. Nếu như trước đó

mấy tháng, chiến thắng Đắc Pét, Thượng Đức khẳng định bộ đội chủ lực của ta hoàn toàn ở vào thế áp đảo quân chủ lực ngụy, thì nay chiến thắng Phước Long là một đòn “trình sát chiến lược” giúp Bộ Chính trị Trung ương có thêm cơ sở khẳng định thời cơ chiến lược đến sớm.

*

Trong lần thăm và làm việc với Bộ Tư lệnh Trường Sơn cuối tháng 11 năm 1974, các anh Nguyễn Văn Linh, Phạm Hùng, Võ Văn Kiệt... đã trao đổi với chúng tôi rằng Bộ Chính trị có ý định và chỉ thị cho Bộ Tổng tham mưu chuẩn bị kế hoạch mở một chiến dịch đánh vào nơi hiểm yếu nhất mà mình muốn. Trước mắt, nhanh chóng nhổ hết các cứ điểm còn lại của địch dọc biên giới Việt Nam - Cam-pu-chia, tạo điều kiện cho Bộ Tư lệnh Trường Sơn mở nhanh đường Đông Trường Sơn từ Đắc Mìn đi Lộc Ninh.

Sau khi có được những thông tin đó, ngoài tập trung thực hiện nhiệm vụ chi viện chiến lược của năm 1975 với hai phương án, Bộ Tư lệnh Trường Sơn cũng đã tính đến và chuẩn bị tham gia đòn tiến công chiến lược mới.

Điều chúng tôi đón đợi đã đến!

Ngày 15 tháng 12 năm 1974, Bộ Tư lệnh Trường Sơn nhận được chỉ thị của Bộ Tổng tham mưu: Tham gia chiến dịch Tây Nguyên. Nhiệm vụ cụ thể là làm đường chiến dịch, bảo đảm đạn, lương thực, thuốc quân y, xăng dầu... và tham gia tác chiến chiến dịch.

Do dự kiến trước, nên khi nhận lệnh của Bộ, một mặt chúng tôi vẫn chủ động

tiếp tục kế hoạch vận chuyển chi viện chiến lược, đồng thời khẩn trương triển khai các hoạt động chuẩn bị tham gia chiến dịch Tây Nguyên.

Ngày 30 tháng 12 năm 1974, tôi trực tiếp xuống Sư đoàn 968 ở Nam Lào phổ biến quyết định của Bộ điều sư đoàn tăng cường cho B3 chuẩn bị tham gia chiến dịch Tây Nguyên.

Chúng tôi xuống đột ngột. Tư lệnh sư đoàn Hoàng Biền Sơn và Chính ủy Trần Trác thoáng một chút thấp thỏm, chờ đợi. Nhưng khi được phổ biến quyết định của Bộ, nét mặt từng người phấn chấn, rạng rỡ hẳn lên. Sau khi giao nhiệm vụ, tôi lưu ý các anh trong Bộ Tư lệnh sư đoàn một số vấn đề về tổ chức hành quân, giải quyết thật tốt các mối quan hệ giữa đơn vị với bộ đội và nhân dân bạn.

Trước một sự kiện có tính chất bước ngoặt của sư đoàn, tôi xúc động nói với các anh trong Bộ Tư lệnh:

- Kể từ năm 1968, là một thành viên của Bộ Tư lệnh Trường Sơn, Sư đoàn 968 đã cùng các lực lượng trên tuyến đường Hồ Chí Minh phối hợp chặt chẽ với quân và dân bạn ở Trung - Hạ Lào tiêu diệt nhiều sinh lực địch, giải phóng nhiều vùng đất đai rộng lớn; cùng đoàn chuyên gia 565 giúp bạn xây dựng nhiều cơ sở cách mạng, xây dựng vùng giải phóng; bảo vệ vững chắc hành lang Tây Trường Sơn.

Được tăng cường cho Mặt trận Tây Nguyên tham gia chiến dịch mở đầu cho chủ trương chiến lược mới của Đảng là một vinh dự lớn đối với sư đoàn, đồng thời cũng khẳng định một bước trưởng thành của đơn vị.

Thay mặt Bộ Tư lệnh Trường Sơn, tôi chúc sư đoàn phát huy truyền thống bộ đội Trường Sơn - đường Hồ Chí Minh, lập nhiều thành tích mới trên chiến trường mới.

Chia tay các anh trong Bộ Tư lệnh Sư đoàn 968, tôi chợt nhớ lại hơn hai tháng trước đó, Bộ Tư lệnh Trường Sơn vinh dự được đón đồng chí Khăm-tày Xi-phăn-đon, Phó thủ tướng kiêm Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Lào sang thăm và làm việc. Trong lần gặp gỡ đó, đồng chí Khăm-tày đã xúc động nói: Bộ đội Trường Sơn - đường Hồ Chí Minh đã có công lớn trong việc xây dựng căn cứ chiến lược Trường Sơn như mái nhà chung của hai dân tộc Việt - Lào, góp phần quan trọng củng cố liên minh đoàn kết chiến đấu giữa quân đội và nhân dân hai nước.

Sau hôm chúng tôi từ Sư đoàn 968 trở về, Thường vụ Đảng ủy Bộ Tư lệnh họp bàn thực hiện mệnh lệnh của Bộ, quyết định chuyển Bộ Tư lệnh Sư đoàn 470 khu vực thành tiền phương Bộ Tư lệnh Trường Sơn. Sư đoàn 470 vừa làm nhiệm vụ vận tải chiến lược, vừa trực tiếp phục vụ chiến dịch Tây Nguyên và là lực lượng tác chiến tại chỗ. Phó tư lệnh Nguyễn Lang được phân công kiêm Tư lệnh tiền phương. Đồng thời, anh Lang cũng được Quân ủy Trung ương chỉ định làm Phó tư lệnh chiến dịch Tây Nguyên, phụ trách hậu cần (anh Hoàng Minh Thảo là Tư lệnh chiến dịch, anh Đặng Vũ Hiệp là Chính ủy). Phương án sử dụng lực lượng làm đường, vận chuyển bảo đảm cho chiến dịch nhanh chóng được Thường vụ Đảng ủy thông qua.

Trước khi vào phụ trách Bộ Tư lệnh tiền phương, anh Nguyễn Lang có trao đổi thêm với tôi một số vấn đề. Với tầm nhìn sắc sảo, có cân nhắc của một cán bộ cao cấp có bề dày kinh nghiệm, anh quả quyết:

- Thời gian quá gấp, nhiệm vụ bảo đảm phục vụ chiến dịch khối lượng lớn,

nhưng gấp đến mấy, chúng ta cũng phải củng cố căn cứ hậu cần ở Sa Thầy thành một căn cứ lớn. Vì đây là địa bàn rộng, an toàn, thuận lợi cho việc cơ động đi các hướng: Đông Nam Bộ, Khu 5, Trung - Hạ Lào và Đông Bắc Cam-pu-chia.

- Nhất trí với anh - Tôi trả lời. Đây là vấn đề có tính chiến lược. Không chỉ có vậy, một mặt củng cố căn cứ Sa Thầy; mặt khác, phải mở rộng căn cứ Bù Đốp, Lộc Ninh - căn cứ tiếp giáp chiến trường Nam Bộ. Anh vào đó, việc đầu tiên là cho mở nhanh tuyến đường Đông Trường Sơn từ Đắc Min vào Bù Đốp. Bởi hiện ta đang phải sử dụng một quãng vòng trên đất bạn quá xa.

Sau khi tổ chức cho đoàn anh Nguyễn Lang vào Tây Nguyên, tôi dành gần trọn tháng 1 vào kiểm tra, đôn đốc việc mở đường tuyến điểm Đông Trường Sơn của Sư đoàn công binh 473 và việc ổn định tổ chức biên chế cũng như hoạt động vận chuyển của Sư đoàn ô tô 471. Kiểm tra cung phía nam, từ Xê Sụ vào khu vực ba biên giới, tôi được Bộ Tư lệnh Sư đoàn 471 báo cáo về sự cố đèo Am Pun. Đây là một đèo dài, hẹp, nằm trên trục đường ngang 88 vắt từ tây sang đông Trường Sơn. Đường hẹp, lưu lượng xe qua lại đông - có nhiều đơn vị binh chủng kỹ thuật, gây ách tắc trầm trọng.

Qua nghiên cứu cụ thể tôi quyết định tăng cường cho Sư đoàn 471 một trung đoàn công binh để mở đường tránh. Sau khi thông đường, vấn đề cơ bản là làm tốt khâu chỉ huy. Đường thông, xe - máy lại nối đuôi nhau vào Nam, ra Bắc. Yêu cầu chiến trường hối thúc, không khí những ngày giáp Tết Nguyên đán trên đường sôi lên sùng sục.

Trở về sở chỉ huy, chiều ngày 5 tháng 2 năm 1975, chúng tôi được đón anh Văn Tiến Dũng - Ủy viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng, Tổng tham mưu trưởng, thay mặt Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương vào trực tiếp chỉ đạo chiến dịch Tây Nguyên, thăm và làm việc với Bộ Tư lệnh Trường Sơn. Cùng

đi với anh Văn Tiến Dũng có anh Đinh Đức Thiện và một số cán bộ cao cấp cơ quan Bộ Quốc phòng, quân binh chủng.

Trước đó, theo điện báo của Bộ Tổng tham mưu, tôi đã cho đặt “ba-ri-e” đón mời anh Lê Ngọc Hiền - Phó Tổng tham mưu trưởng từ Mặt trận Tây Nguyên ra, dừng nghỉ lại chỗ chúng tôi, chờ anh Dũng, anh Thiện vào làm việc.

Đêm xuống, dưới mái tranh, bên chiếc bàn đơn mộc, chúng tôi tập trung nghe anh Dũng, anh Thiện phổ biến chủ trương của Bộ Chính trị mở chiến dịch Tây Nguyên và nhiệm vụ cụ thể của Bộ Tư lệnh Trường Sơn.

Anh Dũng nhẹ nhàng nói:

- Về nhiệm vụ cụ thể của Bộ Tư lệnh Trường Sơn cơ bản vẫn như điện chỉ thị của Bộ Tổng tham mưu ngày 15 tháng 12 năm 1974. Tôi muốn biết những công việc mà các anh cho triển khai từ đó đến nay.

- Báo cáo anh - Tôi trả lời. Theo chỉ thị của Bộ, chúng tôi đã cho chuyển ngay Bộ Tư lệnh Sư đoàn 470 đứng chân ở địa bàn Tây Nguyên thành Tiền phương Bộ Tư lệnh Trường Sơn. Sư đoàn 470 vừa thực hiện nhiệm vụ vận chuyển chiến lược, vừa tham gia chiến dịch Tây Nguyên, kể cả làm đường, vận chuyển phục vụ và tác chiến chiến dịch. Anh Nguyễn Lang đã được phân công vào đó hơn tháng nay, vừa phụ trách Tiền phương Bộ Tư lệnh Trường Sơn vừa kiêm chức Phó tư lệnh chiến dịch Tây Nguyên. Anh Nguyễn Lang là một cán bộ kiên định, dũng cảm, làm việc có cân nhắc; sống rất mực nghĩa tình với đồng chí, đồng đội.

Tháng qua, Bộ Tư lệnh Trường Sơn, mà trực tiếp là anh Lang đã cùng Bộ Tư lệnh B3 đưa hai trung đoàn công binh mở một số trục đường chiến dịch, dự kiến ngày 16 tháng 2 sẽ thông đường đến các điểm quy định, bảo đảm cho xe tăng, pháo hạng nặng cơ động được. Đồng thời, hai tiểu đoàn thông tin Trường Sơn cùng lực lượng thông tin của Bộ và B3 đang tập kết phương tiện vật chất, sẵn sàng hoàn chỉnh mạng thông tin chiến dịch khi có lệnh.

Chúng tôi cũng đã cho cơ động Sư đoàn 968 bộ binh từ Hạ Lào về địa bàn phía tây hai tỉnh Công Tum, Gia Lai; chuẩn bị dự phòng một trung đoàn ô tô cơ động vận tải thuộc Sư đoàn 471; tăng cường đủ y - bác sĩ, cơ sở thuốc cho Bệnh viện 46 đứng chân ở khu vực ba biên giới và các đội phẫu cơ động.

Đúng kế hoạch, ngày 20 tháng 2, toàn bộ lương thực, thực phẩm, vũ khí - đạn, thuốc quân y... mà Bộ yêu cầu sẽ được tập kết đầy đủ, chu đáo tại các vị trí quy định. Trường hợp đột xuất, Bộ cần tăng khối lượng vật chất so với kế hoạch, chúng tôi đã có nguồn dự trữ ở Sa Thầy, phía tây Công Tum. Hai trung đoàn xe đang bí mật cơ động hai sư đoàn bộ binh 320 và 312 vào vị trí tập kết chiến dịch...

Nghe tới đó, không nén được sự phấn khởi, anh Đinh Đức Thiện ngắt lời tôi:

- Đại tướng thấy quân hậu cần làm ăn có bài bản không?

Đã hiểu phần nào cá tính mạnh của anh Đinh Đức Thiện, nhưng quả thực khi đó tôi cũng hơi ái ngại với cách ứng khẩu bộc trực của anh. Còn anh Văn Tiến Dũng lại vui vẻ nói:

- Vâng! Biết rồi. Tôi đã từng thấy quân Trường Sơn làm ăn rất chính quy, bài bản trong chiến dịch Đường 9 - Nam Lào. Hôm nay, qua báo cáo của anh Nguyên, tôi thật sự yên tâm về công tác bảo đảm hậu cần - kỹ thuật cho chiến dịch Tây Nguyên...

Đêm ra trận là đêm không ngủ. Sau cuộc họp “bàn tròn”, đêm xuống đã lâu nhưng mọi người vẫn thao thức. Khi phòng khách chỉ còn hai chúng tôi, anh Dũng nói:

- Bộ Chính trị chọn Tây Nguyên làm “đột phá khẩu” cho chủ trương chiến lược mới, bởi đây là một vị trí chiến lược cực kỳ quan trọng. Bên nào chiếm được Tây Nguyên, bên đó sẽ chiếm được ưu thế tuyệt đối, khống chế được miền Trung, miền Đông Nam Bộ, Trung - Hạ Lào và Đông Bắc Cam-pu-chia. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp và những năm đầu kháng chiến chống Mỹ, cán bộ quân sự chúng ta mỗi lần giờ bản đồ tác chiến ra là thấy “thèm” Tây Nguyên. Đó là mơ ước mà trước đây ta muốn cũng chưa được. Nay chúng ta đã hội đủ các yếu tố: tương quan lực lượng trên chiến trường, ta trội hơn hẳn; chủ lực miền Bắc - những “quả đấm” chiến lược đã sẵn sàng, tuyển vận tải quân sự chiến lược Trường Sơn - đường Hồ Chí Minh đủ sức thỏa mãn yêu cầu đánh lớn...

Trong một thời gian ngắn, Bộ Tư lệnh Trường Sơn đã phát huy được thời cơ, chuẩn bị mọi mặt thúc đẩy thời cơ phát triển lên một tầm cao mới, tình thế mới. Hoạt động của tuyến chi viện chiến lược đường Hồ Chí Minh là một trong những yếu tố quyết định để Bộ Chính trị hoạch định kế hoạch giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Sự phát triển và hoàn thiện mau lẹ của tuyến đường Hồ Chí Minh là cơ sở vững chắc để Bộ Tư lệnh chủ động mở các chiến dịch quy mô lớn theo ý muốn.

Anh Dũng nhấn mạnh:

- Một vấn đề tuyệt mật, anh cũng cần biết là: cuối tháng 12 năm 1974, Bộ Chính trị đã dự kiến phương án giải phóng miền Nam trong năm 1975. Đây là vấn đề thuộc về nghệ thuật quân sự, nghệ thuật tạo thời cơ và nắm bắt thời cơ để giành thắng lợi quyết định. Ngay cả phương án cho năm 1975 cũng không phải bất biến mà phải nhạy bén, kịp thời điều chỉnh theo các tình thế trên chiến trường.

Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương quyết định mở chiến dịch Tây Nguyên trong mùa xuân này là chọn đúng thời cơ và điểm đúng “huyệt” của đối phương. Từ hôm nay, Bộ Tư lệnh Trường Sơn hãy nắm chắc tình hình mà thực hiện xuất sắc nhiệm vụ của mình, đáp ứng lòng tin của Bộ Chính trị và các chiến trường.

- Báo cáo anh - Tôi nói: Là người trực tiếp phụ trách tuyến vận tải quân sự chiến lược Trường Sơn, khi thấy khả năng thỏa mãn vật chất cho một chiến dịch lớn ở chiến trường Tây Nguyên trở thành hiện thực, chúng tôi vẫn ngày đợi, đêm mong. Với thế và lực có được, tôi tin chắc bộ đội Trường Sơn sẽ không để phụ lòng tin của trên.

Ngày mai, anh Phan Khắc Hy - Phó tư lệnh sẽ đưa anh và đoàn vào Tây Nguyên theo đường Đông Trường Sơn. Tôi đã điện báo anh Nguyễn Lang đón và bố trí các anh nghỉ, ăn Tết với Bộ Tư lệnh tiền phương ở Sa Thầy, tây Công Tum trên ba chục cây số. Chỉ ba ngày thôi là anh vào tới đó.

Anh Dũng phần khởi nói:

- Thế thì quá lý tưởng! Càng có thêm thời gian để chuẩn bị. Nhưng lúc này cả

nước đang lên đường, liệu đường sá có bảo đảm không? Có ùn tắc không?

- Báo cáo anh, đường quăng mở mới, quăng vừa cho cải tạo, công tác chỉ huy giao thông tốt, chúng ta lại đi ban ngày, sẽ không có ách tắc.

Sáng hôm sau, Đoàn A75 lên đường. Các biển số xe con của Đoàn đã được thay biển mới T.S-601. Khi Đoàn vào tới Tiền phương Bộ Tư lệnh Trường Sơn tại Sa Thầy, anh Dũng gọi điện cho tôi bằng ký hiệu mật mã, rằng: Đường ra trận như ngày hội lớn; người và xe pháo đều hồi hả, sôi động vô cùng. Đông ý ăn Tết ở Bộ Tư lệnh 470.

Qua kiểm tra thực địa và những lời nhắn gửi, động viên của anh Văn Tiến Dũng, trong tôi trào dâng ý nghĩ: giá chi có được phép màu để có thể khắc họa toàn cảnh bức tranh hoành tráng, kỳ vĩ của đường Trường Sơn - đường Hồ Chí Minh trước một mùa xuân lịch sử, mùa xuân đại thắng.

*

Hai ngày sau khi tiễn Đoàn A75 vào Tây Nguyên, tôi nhận được điện của anh Võ Nguyên Giáp triệu tập ra Hà Nội làm việc.

Sáng ngày 8 tháng 2, anh Lê Văn Tri - Tư lệnh Quân chủng Phòng không - Không quân cho máy bay lên thẳng vào đón, kết hợp khánh thành sân bay trực thăng tại sở chỉ huy Bộ Tư lệnh Trường Sơn. Cũng từ đó, sở chỉ huy của chúng tôi có riêng một sân bay lên thẳng dành đón - đưa các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Quân đội từ miền Bắc vào chiến trường và trong chiến trường ra.

Chứng kiến sự kiện này, tôi chợt nhớ về lời dạy của Bác Hồ vào đầu năm 1961 với bộ đội hải quân, rồi nói vui cùng anh em trong Bộ Tư lệnh:

- Trước đây bộ đội Trường Sơn chỉ có đêm và rừng, giờ ta làm chủ cả ban ngày, mặt đất và bầu trời. Có chứng kiến những ngày khó khăn, ác liệt, đạn chặn, bom vùi, đói gạo, đói muối, vượt lũ... mới thấy giờ đây ta lớn mạnh gấp biết bao lần...!

Sau hơn một giờ bay, chiếc trực thăng bay hạ cánh xuống sân bay Bạch Mai. Tôi vào thẳng “Tổng hành dinh” gặp anh Võ Nguyên Giáp.

Anh Văn hồ hỏi, thân tình nói:

- Anh Nguyên đây rồi! Nhanh quá! Đúng là “Đi mây về gió”.

Liền đó, anh vào việc luôn:

- Bộ Chính trị đã hạ quyết tâm, nay các anh chuẩn bị gấp phương án vận chuyển chi viện bảo đảm cho kế hoạch giải phóng miền Nam trong năm 1975.

Đề cập những công việc cụ thể, anh nói tiếp:

- Mỹ - nguyệt hiện có những mâu thuẫn sâu sắc, nội bộ rất lúng túng. Xét mọi phương diện, Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương chọn Tây Nguyên làm điểm đột phá của chủ trương chiến lược mới. Kế hoạch chuẩn bị cho chiến dịch Tây Nguyên mà Bộ Tư lệnh Trường Sơn triển khai, theo báo cáo của anh Văn Tiến Dũng, là rất xuất sắc. Bây giờ nếu có lệnh, lực lượng xe của Bộ Tư lệnh Trường Sơn có cơ động một lúc cả quân đoàn vào chiến trường được không? Có thể cơ động được tên lửa không?

Tôi trả lời, không giấu vẻ tự tin:

- Báo cáo anh, hiện Bộ Tư lệnh Trường Sơn có hai sư đoàn và hai trung đoàn ô tô cơ động vận tải, biên chế trên 8.000 xe, đủ sức chở cả quân đoàn có trang bị vũ khí, khí tài hạng nặng. Từ đường 9 vào Tây Nguyên đi mất năm ngày. Vừa qua xe tăng và pháo tầm xa 130 ly đều cơ động được trên hai trục Đông và Tây Trường Sơn. Nay nếu tên lửa vào, vẫn đi thoải mái.

- Vậy là tốt rồi - anh Văn phấn khởi nói. Sau đây, anh làm việc luôn với anh Hoàng Văn Thái, tranh thủ thăm gia đình chút xíu rồi vào ngay sở chỉ huy chờ lệnh.

Lúc này, anh Hoàng Văn Thái cũng mới từ Bộ Tư lệnh Miền về lại Bộ Tổng tham mưu được một thời gian. Với tôi anh Thái là bậc đàn anh, là một vị tướng có phong cách và tác phong làm việc chan hòa, dễ gần. Đã nhiều năm, tôi làm việc dưới sự chỉ đạo trực tiếp của anh.

Chiều đó, sau khi làm việc với anh Hoàng Văn Thái, tôi ngược cống Bắc, theo đường Phan Đình Phùng, ghé chợ hoa. Đã chiều 27 Tết. Mưa giăng mờ bụi nước. Vườn hoa Hàng Đậu thắm sắc đào Nhật Tân, Quảng Bá... Phố Hàng Lược như suối hoa trôi chậm chậm. Tôi xuống xe, hòa vào dòng người, dòng hoa; tận hưởng chút hương sắc Tết Hà Nội mà đã bao năm chỉ có qua tưởng tượng.

Thấy tôi xuất hiện đường đột chiều giáp Tết, vợ và các con mừng quýnh lên. Nhưng khi tôi bảo phải vào ngay Vĩnh Linh, lập tức một kế hoạch “thời cơ” được bà “nội tướng” đề xuất ngay:

- Biết là quá gấp, nhưng anh đã về đây, ta tổ chức lễ cưới cho thằng Hưng. Đơn giản thôi! Nhà cũng đã chuẩn bị mấy thứ. Chỉ cần xin cho con nghỉ một ngày là ổn.

Tôi đồng ý, và lên ngay Sóc Sơn đón con. Rồi đám cưới “thần tốc” của con trai cả Sĩ Hưng được tổ chức. Chẳng ông bố, bà mẹ nào không mừng bởi ngày vui của con. Nhưng thú thật cả tôi và con tôi đều thấp thỏm, bồn chồn, bởi tình riêng và công việc.

Tổ chức cưới cho con xong, sáng hôm sau tôi vào sở chỉ huy. Sĩ Hưng cũng lên ngày đơn vị; phi công chiến đấu không thể vắng mặt lâu lúc này.

Tôi vào sở chỉ huy, đã là 29 Tết. Cái Tết mà anh em chúng tôi vẫn gọi vui là “Tết Quang Trung”. Dù gấp gáp, bận bịu công việc, nhưng cơ quan Bộ Tư lệnh vẫn tổ chức cho bộ đội vui Tết khá tươm tất. Bánh chưng, thịt lợn, thuốc lá, kẹo... mỗi thứ một chút, nhưng đủ món.

Tôi vào hôm trước, chiều hôm sau, Bộ Tư lệnh Trường Sơn được đón anh Lê Đức Thọ và anh Lê Văn Lương vào làm việc. Không khí Tết của cơ quan càng rộn rịp hơn.

Từ trên trực thăng bước xuống, anh Lê Đức Thọ tươi cười, nắm chặt tay tôi và nói:

- Chắc chắn được đón giao thừa với các cậu rồi, bọn mình sợ vào muộn mất. Đông đủ thế này, ta làm việc luôn.

Thế là cả “khách” và “chủ” vào ngay phòng họp.

Sau khi tôi báo cáo tóm tắt tình hình hoạt động của tuyến, anh Thọ nói:

- Bộ Chính trị cử tôi và anh Lương vào bàn với các anh một số công việc liên quan đến chiến trường Cam-pu-chia và kết hợp chúc Tết bộ đội Trường Sơn.

Về diễn biến tình hình trên chiến trường miền Nam, anh Văn đã nói với anh Nguyên khả năng xuất hiện phương án 2. Tôi nói để các anh nắm thêm: Hiện nay tình hình Cam-pu-chia đang phát triển tốt. Lực lượng vũ trang cách mạng bạn đang tiến sát thủ đô Phnôm Pênh. Với tinh thần quốc tế, cùng chung kẻ thù, chung chiến trường, chúng ta phải hết sức giúp đỡ để bạn tự giải phóng đất nước, đồng thời cũng là đòn tiến công phối hợp với chiến trường miền Nam, Lào.

Tôi trả lời:

- Báo cáo hai anh, từ trước tới nay chúng tôi vẫn bố trí hai binh trạm, một tiểu đoàn thuyền máy, hai tiểu đoàn ô tô vận tải chuyên lo vận chuyển bảo đảm cho hướng Cam-pu-chia. Theo chỉ thị của Bộ, chúng tôi đã chuyển một khối lượng lớn pháo 85 ly, 105 ly, cao xạ 37 ly cho bạn để chuẩn bị đánh vào Phnom Pênh. Hiện đang chuyển đạn sang theo yêu cầu của bạn.

- Vậy là tốt rồi! Anh Thọ nói ngay.

Về hoạt động giúp bạn tôi nhớ lại, cuối năm 1973 - đầu năm 1974, sau khi chuyển sở chỉ huy vào Thạch Bàn, Bộ Tư lệnh Trường Sơn có đón Iêng-xa-ry, khi đó là Ủy viên Bộ Chính trị Đảng bạn. Iêng-xa-ry có nhờ chúng tôi chuyển giao cho bạn ba tiểu đoàn pháo 85 ly và cao xạ 37 ly do Trung Quốc viện trợ. Sau khi xin ý kiến Bộ Tổng tư lệnh, chúng tôi phân công Tham mưu trưởng tác chiến và Trưởng phòng giao liên hành quân tổ chức thực hiện. Công việc suôn sẻ, chu đáo. Bạn rất cảm ơn.

Sáng mừng 2 Tết, chúng tôi mời anh Thọ và anh Lương xuống thăm, chúc Tết Sư đoàn ô tô 571, kết hợp dự lễ xuất quân của Trung đoàn 57 anh hùng chờ hàng cho Nam Bộ.

Toàn đội hình Trung đoàn 57 dàn quân trên một bãi cỏ rộng, bằng phẳng, như một sân bóng đẹp.

Trước hàng nghìn cán bộ, chiến sĩ Trường Sơn với đội hình xe bồng bồng khí thế xung trận, anh Lê Đức Thọ xúc động nói:

- “Công lao của bộ đội Trường Sơn trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là niềm tự hào của nhân dân Việt Nam, là niềm kính phục của bạn bè trên thế giới và cũng là nỗi khiếp sợ kinh hoàng của kẻ địch...”.

Sau những vòng diễu duyệt biểu dương sức mạnh, chào đón các đồng chí lãnh đạo của Đảng, hàng trăm “Tuần mã Trường Sơn” mình chất đầy hàng, kín dàn ngụy trang, nối đuôi nhau lao nhanh về phía trước.

Quan sát đội hình xe hành quân, anh Lương quay sang hỏi tôi:

- Trung đoàn có bao nhiêu xe? Xe chạy với mật độ dày đặc, nối đuôi nhau như vậy, liệu có ùn tắc không?

Tôi trả lời:

- Báo cáo anh, đội hình vận chuyển của chúng tôi hiện nay là trung đoàn xe. Từ đường 9 vào Tây Nguyên và miền Đông Nam Bộ, cả hai trục Đông - Tây Trường Sơn, xe - pháo vẫn nối đuôi nhau như vậy, không có ách tắc lớn. Vào tới miền Đông mất chừng sáu ngày.

- Tuyệt quá! - Anh Lương thốt lên.

Anh Thọ nói thêm:

- Thật khó tưởng tượng nổi. Trước đây bọn mình đi bộ vào Nam Bộ mất gần 5 tháng. Có trải những ngày cơ cực, đếm bước đường rừng, bạn cùng sốt rét và đói... mới thấy hết sự vĩ đại của đường Trường Sơn - đường Hồ Chí Minh bây giờ.

Theo đội hình xe, tôi đưa anh Thọ và anh Lương thăm một số cụm kho dọc đường số 9 và cảng sông Đông Hà. Đến đâu cũng thấy gạo, đạn, thuốc quân y, quân trang... chất thành đống ngất ngưỡng.

Anh Thọ ái ngại hỏi:

- Hàng hóa chất như núi thế kia, nếu địch đánh thì xoay xử làm sao?

- Báo cáo anh - Tôi trả lời - trông có vẻ ghê gớm thế, nhưng chỉ đủ hàng cho hai sư đoàn xe chuyển từng ngày. Hàng dự trữ chúng tôi để nơi khác. Nếu không làm thế này thì xe lấy hàng chậm, lãng phí thời gian. Mùa mưa cũng chưa tới. Đề phòng máy bay địch, ở các cụm kho, chúng tôi đều bố trí cao xạ bảo vệ.

Tiến anh Thọ và anh Lương ra Vĩnh Linh, tôi quay về sở chỉ huy Bộ Tư lệnh Sư đoàn 571 ở Cam Lộ, giao nhiệm vụ cho sư đoàn tập trung lực lượng vận chuyển hàng vào Xê Sụ, vừa lập chân hàng cho Sư đoàn 471, vừa bảo đảm cho chiến dịch Tây Nguyên. Xong việc, tôi trao đổi thêm với Sư đoàn trưởng

Hoàng Trá và Chính ủy sư đoàn Phan Hữu Đại:

- Phương thức vận tải cơ giới được đưa vào Trường Sơn từ năm 1965, đến nay đã 10 năm. Ở bước khởi đầu, lực lượng vận tải ô tô của ta chỉ vèo vèo hơn trăm chiếc thuộc Đoàn 265 của anh Thiết Cương. Do chuẩn bị chưa tốt, chưa có kinh nghiệm đối phó với hoạt động đánh phá của địch, nên lần đầu xuất quân đã gặp khó khăn, tổn thất. Cũng vì vậy mà nảy sinh tư tưởng hoài nghi: tiếp tục phát triển vận tải cơ giới hay chỉ gùi thồ? Nhưng chính trong lúc tuyến 559 tưởng như không vượt nổi chính mình thì Quân ủy Trung ương khẳng định lấy vận tải cơ giới là chính. Từ đó đến nay, bộ đội vận tải ô tô đã chiến đấu kiên cường, liên tục; vượt qua biết bao khó khăn, thử thách ác liệt. Và đã xuất hiện nhiều tập thể, cá nhân anh hùng.

Mọi lực lượng trên tuyến đều xứng danh anh hùng. Nhưng với truyền thống “Gan vàng dạ ngọc”, bộ đội vận tải ô tô Trường Sơn đã tạo được sự mến mộ, ưu ái hết mực của các binh chủng anh em.

Chúng ta đã chấp nhận sự trả giá để thực hiện bằng được mục tiêu giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Đến đây, công cuộc chi viện cho các chiến trường đang đạt tới đỉnh điểm. Trên cơ sở xác định nhiệm vụ vận tải là trung tâm, chúng ta đã không ngừng tạo mọi điều kiện để phát triển nhanh lực lượng và thực hiện vận tải từ quy mô đại đội, tiểu đoàn lên trung đoàn, sư đoàn xe. Bộ đội vận tải ô tô đã thật sự trở thành một binh chủng chủ lực của bộ đội hợp thành trên tuyến chi viện chiến lược Trường Sơn.

Nhiệm vụ yêu cầu sinh ra tổ chức. Sư đoàn ô tô vận tải là một tổ chức chưa có tiền lệ trong lịch sử quân đội ta. Khi Bộ Tư lệnh Trường Sơn đề nghị cho tổ chức hai sư đoàn ô tô vận tải, nhiều người lấy làm lạ. Có người không đồng tình. Nhưng vào thời điểm này, nếu chúng ta không có hai “át chủ bài” này trong tay, liệu tình hình sẽ đi đến đâu!

Với thể trận cầu đường liên hoàn ngày càng vững chắc, binh chủng hợp thành lớn mạnh, thiện chiến, đặc biệt là hai sư đoàn ô tô cơ động vận tải hùng mạnh, Bộ Tư lệnh Trường Sơn đã chủ động chuyển được tổ chức phù hợp, chủ động đón thời cơ, phát huy được yếu tố thời cơ, chứ không bị động “vuốt đuôi”.

Dăm ba lời trao đổi, để anh em ý thức sâu sắc hơn vấn đề thời cơ. Nhiệm vụ lúc này đang chạy đua với thời gian. Chưa phải lúc ngồi luận với nhau cái hay, cái được.

Trước khi rời Bộ Tư lệnh Sư đoàn 571, tôi lưu ý anh Đại, anh Trá:

- Tình hình phát triển nhanh, cần tổ chức chỉ huy thật hợp lý, khoa học. Có bám nắm, đôn đốc đơn vị, nhưng nhất thiết phải có cán bộ chủ trì trực chỉ huy để giải quyết những tình huống đột xuất. Có những tình huống đòi hỏi cán bộ phải hết sức linh hoạt, chủ động, nếu quá máy móc sẽ nhờ thời cơ...

II

Tết đến rồi ào qua như cơn gió. Trở về sở chỉ huy, tôi trực tiếp liên lạc với Tiền phương Bộ Tư lệnh. Anh Nguyễn Lang phấn khởi báo cáo: Từ cuối tháng 1, trên hướng bắc Buôn Ma Thuột, theo yêu cầu của Bộ Tư lệnh chiến dịch, Trung đoàn 575 - đơn vị vừa được thành lập lâm thời để làm đường chiến dịch, đã tập trung mở mới các trục trường 48, 50, 50B... với tổng chiều dài 60 cây số, đảm bảo cơ động được cả xe tăng, pháo hạng nặng.

Đường được mở theo kiểu “lấn dũi” từ ngoài vào, làm đến đâu nguy trang cần mật đến đó. Đến ngày 4 tháng 3, trục đường do Trung đoàn 575 mở từ hướng bắc đã vào đến bản Kơ Hia, cách thị xã Buôn Ma Thuột chừng 20 cây số, mà kẻ địch không hay biết gì. Lực lượng, thiết bị kỹ thuật đã chuẩn bị để hoàn thành 20 cây số còn lại trong khoảng một ngày đêm, khi có lệnh.

Cùng thời gian này, Sư đoàn ô tô 571 dốc toàn lực gồm 17 tiểu đoàn xe với hơn 2.600 chiếc vận chuyển 20.000 tấn hàng, chủ yếu là gạo, đạn pháo vào cụm kho ở Phi Hà (khu vực ba biên giới).

Ở tuyến trong, Sư đoàn 471 huy động tổng lực xe chuyển hơn 10 nghìn tấn vật chất vào các cụm kho K20, K40, phía tây bắc và tây nam Buôn Ma Thuột (chủ yếu là đạn pháo, phụ tùng xe tăng, pháo, khí tài, thông tin...) phục vụ chiến dịch Tây Nguyên; cơ động Sư đoàn 968 vào tây nam Plây Cu thay Sư đoàn 10, làm nhiệm vụ tác chiến nghi binh chiến dịch.

Theo yêu cầu của Bộ Tư lệnh chiến dịch Tây Nguyên, vào đầu tháng 3, Bộ Tư lệnh Trường Sơn điều động Trung đoàn 232 và Trung đoàn 546 pháo cao xạ, Trung đoàn 49 thông tin, Tiểu đoàn 55 ô tô trực tiếp phục vụ chiến dịch. Và trước giờ mở màn chiến dịch, Sư đoàn phòng không 377 cũng được tung

vào dàn đội hình bảo vệ lực lượng của ta tham chiến ở các khu vực Công Tum, Plây Cu, Đức Lập, cầu 14 Buôn Ma Thuột.

Bộ đội xăng dầu Trường Sơn - chủ lực quân là Trung đoàn đường ống 537 khẩn trương thi công tuyến ống dài 28 cây số, từ Đắc Đam (phía tây) sang Đức Lập, đồng thời lắp đặt tại Đức Lập một trạm cấp phát có trữ lượng 100 mét khối. Mục tiêu bảo đảm xăng dầu cho chiến dịch là không dưới 1.000 tấn.

Như vậy là, vào đầu tháng 3, các lực lượng thuộc Bộ Tư lệnh Trường Sơn tham gia chiến dịch Tây Nguyên đã sẵn sàng cao độ. Cơ sở vật chất hậu cần - kỹ thuật, đã chuyển giao cánh Nam chiến dịch 10.000 tấn; cánh Bắc là 15.000 tấn. Anh Nguyễn Lang gọi điện thông báo với tôi rằng: Bộ Tư lệnh B3, Bộ Tư lệnh chiến dịch Tây Nguyên đánh giá cao công tác chuẩn bị của Bộ Tư lệnh Trường Sơn cả về bảo đảm đường chiến lược, chiến dịch; cả về bảo đảm vật chất hậu cần - kỹ thuật, cả lực lượng chiến đấu. Với lượng vật chất hiện có, Bộ Tư lệnh Tây Nguyên có thể yên tâm tới hết năm 1975.

Cũng trong thời điểm này, tôi nhận điện của anh Đinh Đức Thiện “mật báo”: Anh Tuấn (anh Văn Tiến Dũng) đã gửi điện cho Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương, khen quân hậu cần làm ăn giỏi. Sau này tôi có được xem nội dung bức điện đó. Anh Dũng nói: Tuyến 559 đã xây dựng được mạng đường chiến lược và đường chiến dịch liên hoàn; tạo được khối lượng vật chất để bảo đảm cho năm 1975 và cả cho khi thời cơ phát triển. Đồng thời lại xây dựng được lực lượng phòng không, bộ binh mạnh, để tham gia chiến dịch.

Do công tác chuẩn bị tốt, giữ được bí mật mà ta có đủ yếu tố cần thiết để giữ quyền chủ động trong quá trình tiến công chiến lược. Đó là lực lượng vật chất hùng hậu, hậu cần đầy đủ và nhanh, đường sá và phương tiện bảo đảm khả năng cơ động lớn.

Phần khởi trước những kết quả bước đầu của toàn tuyến. Nhưng dấu sao cũng mới chỉ là bước chuẩn bị. Tất cả nén lòng chờ ngày nổ súng.

Cũng chính vào thời khắc căng thẳng trong sôi động này, ngày 5 tháng 3, Bộ Tư lệnh Trường Sơn chia tay anh Hoàng Thế Thiện được Bộ Chính trị điều vào giữ chức Chính ủy Quân đoàn 4 - lúc đó anh Hoàng Cầm là Tư lệnh.

Có quyết định, anh Thiện vào quân đoàn ngay. Chia tay chúng tôi, anh hóm hỉnh nói: Mấy năm Bộ Tư lệnh Trường Sơn đã qua mấy đời Chính ủy, nhưng Tư lệnh Nguyên thì vẫn còn nguyên.

Siết chặt tay anh Thiện, tôi xúc động nói:

- Đời hoạt động cách mạng của anh em ta là tiếp nối những chuyến ra đi. Chẳng cuộc chia tay nào giống cuộc chia tay nào. Nhưng có đi mới có đến. Mong chóng đến ngày gặp anh tại Sài Gòn.

Sau khi anh Thiện vào Quân đoàn 4, anh Lê Xy được trên bổ nhiệm giữ chức Chính ủy Bộ Tư lệnh Trường Sơn.

Với Mặt trận Tây Nguyên trước ngày “trở dạ”, lúc này dẫu cho Sư đoàn 968 đã chuyển thuộc Bộ Tư lệnh chiến dịch. Nhưng chúng tôi vẫn dõng theo từng “đường đi nước bước” của những cán bộ, chiến sĩ yêu quý của mình.

Mười ngày đầu tháng 3, Sư đoàn 968 đã thực hiện xuất sắc vai trò nghi binh chiến dịch thay Sư đoàn 10, hút lực lượng địch về hướng bắc Tây Nguyên. Bằng nhiều hình thức nghi binh lừa địch, đặc biệt với đòn tiến công uy hiếp tuyến phòng thủ của địch ở Plây Cu, Công Tum, Sư đoàn 968 và các lực lượng vũ trang địa phương không chỉ giam chân một lực lượng lớn của địch ở bắc Tây Nguyên, mà còn góp phần “củng cố thêm nhận định “sai lầm chết người” của đội ngũ tướng tá quân đội Sài Gòn, đặc biệt là bộ tư lệnh quân đoàn 2 ngụy rằng: hướng tiến công chính của ta là Plây Cu, Công Tum. Trên cơ sở đó, ta có điều kiện và thời cơ tiến công Buôn Ma Thuột theo phương án địch không có lực lượng phòng ngự dự phòng.

Ở hướng chính, thực hiện yêu cầu của Bộ Tư lệnh chiến dịch, đúng 23 giờ ngày 9 tháng 3 năm 1975, Trung đoàn 575 khai thông trục đường 50B, hai nhánh 50C, 50D chọc thẳng vào thị xã Buôn Ma Thuột và tổ chức xong đội hình công binh hộ tống xe tăng.

Ngày 10 tháng 3, ta nổ súng tiến công thị xã Buôn Ma Thuột. Theo yêu cầu tác chiến chiến dịch, cán bộ, chiến sĩ Trung đoàn công binh 575 hợp sức cùng Trung đoàn công binh 7 Mặt trận Tây Nguyên bảo đảm cho đội hình binh chủng hợp thành tiến công địch, giành thắng lợi.

Bộ đội vận tải vừa cơ động bộ đội, vừa vận chuyển kịp thời đạn pháo cho các đơn vị chiến đấu.

Bộ đội xăng dầu vừa cấp phát, giải phóng xe ở những trạm cây xăng, vừa bố trí một số xe xi-téc cơ động bảo đảm xăng dầu cho các lực lượng xe - pháo tham gia chiến dịch.

Cuộc tiến công đồng loạt của ta trên khắp chiến trường Tây Nguyên, đặc biệt là đòn “điểm huyết” Buôn Ma Thuột đã làm cho quân địch ở Tây Nguyên tan vỡ nhanh chóng. Để bảo toàn lực lượng, địch quyết định bỏ Tây Nguyên, rút thật nhanh theo đường số 7 về co cụm giữ duyên hải miền Trung.

Nhận lệnh của anh Văn Tiến Dũng, Bộ Tư lệnh chỉ thị cho Sư đoàn 471 tổ chức lực lượng cơ động Sư đoàn 10 truy kích địch rút chạy theo đường số 7 và cơ động Sư đoàn 320 tiến theo đường 14 đuổi địch đến Buôn Hồ, Đạt Lý.

Ngày 25 tháng 3 năm 1975, chiến dịch Tây Nguyên - đòn công phá của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 toàn thắng. Tây Nguyên hoàn toàn được giải phóng. Chiến thắng vang dội Tây Nguyên đã tạo nên sự sụp đổ đột biến cả về tinh thần và thế bố trí chiến lược của địch. Từ đây, địch bị dồn vào thế bị tiêu diệt và tan rã không sao cứu vãn nổi.

Lúc này, theo chỉ thị của Bộ Tổng tư lệnh, tôi gọi điện cho anh Nguyễn Lang, giao cho Tiền phương Bộ Tư lệnh nhanh chóng tổ chức tiếp quản vùng giải phóng, sở chỉ huy tiền phương chuyển vào đóng ở thị xã Buôn Ma Thuột, trực tiếp chỉ đạo Sư đoàn 470 tiếp thu kho hàng - chủ yếu là cụm kho Mai Hắc Đế của quân ngụy, khai thác chiến lợi phẩm bổ sung cho chiến trường; đồng thời triển khai ngay lực lượng bảo vệ vùng giải phóng Công Tum, Plây Cu.

Sau khi vào tiếp quản vùng giải phóng, anh Nguyễn Lang đã huy động ngay ô tô chuyển gắp một số hàng hóa dân sinh cứu tế cho đồng bào gặp khó khăn.

Theo chỉ thị của Bộ, chúng tôi kịp thời thành lập Trung đoàn 655 làm nhiệm vụ quản giáo hàng vạn sĩ quan, binh lính ngụy bị ta bắt trong chiến dịch Tây

Nguyên.

Điện giao nhiệm vụ cho Tiền phương Bộ Tư lệnh xong, tôi trao đổi với các anh trong Bộ Tư lệnh: Với chiến dịch Tây Nguyên, bộ đội Trường Sơn thật sự là những người “đi trước về sau”. Chúng ta có mặt từ những ngày đầu mở đường, vận chuyển bảo đảm vật chất hậu cần - kỹ thuật, tham gia tác chiến chiến dịch, tiếp quản vùng giải phóng và giải quyết hậu quả sau chiến dịch. Sau này cần nghiên cứu, tổng kết như một chiến dịch điển hình.

*

Khi “tiếng sấm Tây Nguyên” - tiếng sấm tháng 3 rền vang, thì ở chiến trường Trị - Thiên và Khu 5, Quân đoàn 2 - Binh đoàn Hương Giang và lực lượng vũ trang hai quân khu cũng đồng loạt nổ súng mở màn chiến dịch Xuân - Hè, phối hợp với hướng tiến công chủ yếu.

Trung tuần tháng 3, sau khi Buôn Ma Thuột được giải phóng, Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương phán đoán địch có thể co cụm chiến lược. Ngay lập tức, lực lượng vũ trang Trị - Thiên và Quân đoàn 2 được lệnh tiến công từ tây nam Huế theo đường 14B đánh tràn xuống đồng bằng ven biển, cắt đường số 1, chia cắt chiến lược giữa Trị Thiên - Huế với Đà Nẵng.

Ngày 18 tháng 3, Bộ Chính trị hạ quyết tâm giải phóng miền Nam trong năm 1975. Cùng với các chiến trường, Mặt trận Trị - Thiên và Khu 5 chuyển từ kế hoạch cơ bản sang kế hoạch thời cơ, với nhiệm vụ trước mắt là tiêu diệt quân đoàn 1 nguy, không cho chúng rút về Sài Gòn; giải phóng Huế, Đà Nẵng và các tỉnh duyên hải miền Trung.

Thực hiện quyết tâm chiến lược của Bộ Tổng tư lệnh, ngay sau khi kết thúc chiến dịch Tây Nguyên, Bộ Tư lệnh Trường Sơn khẩn trương tổ chức ngay một bộ phận gồm các sĩ quan phòng không, công binh, vận tải có năng lực, do Tham mưu phó tác chiến và Cục phó Cục Tham mưu công binh Dương Đình Tạc phụ trách trinh sát nắm tình hình cầu đường dọc theo tuyến đường 1 từ Quảng Trị trở vào.

Nhạy cảm trước diễn biến hết sức mau lẹ của chiến sự, ngày 18 tháng 3, được tin địch rút khỏi thị xã Quảng Trị, chạy về Huế, Bộ Tư lệnh Trường Sơn chỉ thị cho Cục trưởng Cục Tham mưu công binh Phan Quang Tiệp và Tham mưu trưởng phòng không đưa ngay một số trung đoàn cao xạ, trung đoàn công binh có đủ khí tài vượt sông cơ động gấp đến những vị trí trọng yếu bảo đảm cầu đường cho bộ binh, cơ giới vượt sông Thạch Hãn, sông Mỹ Chánh, truy kích địch. Tiểu đoàn 7 Trung đoàn 99 cũng có mặt kịp thời bắc cầu phao qua sông Quảng Trị, đủ cho hai làn xe qua lại.

Cùng lúc, tôi điện chỉ thị cho Trung đoàn công binh 99 thiện chiến bàn giao nhiệm vụ làm cầu treo Đắc Rông cho Trung đoàn 509, cơ động ngay về phía nam cùng với một trung đoàn công binh hiện có tập trung bảo đảm giao thông trục đường số 1 từ Quảng Trị trở vào. Một sở chỉ huy tiền phương Cục Tham mưu công binh do Cục phó Đỗ Xuân Diễn phụ trách được thành lập, đi cùng Trung đoàn 99.

Theo yêu cầu của anh Nguyễn Hữu An - Tư lệnh Quân đoàn 2, tôi điều ngay Trung đoàn công binh 8 do Trung đoàn trưởng Nguyễn Việt Phúc chỉ huy, phối hợp với Lữ đoàn công binh 219 Quân đoàn 2 bảo đảm giao thông cho Quân đoàn từ tây nam Huế theo các trục đường 74, 10C, 14B đánh tràn xuống chia cắt địch trên đường số 1.

Đồng thời cũng theo đề nghị của anh An, tôi lệnh cho Sư đoàn 571 tổ chức cơ động gấp Sư đoàn 325 từ Cam Lộ, Hướng Hóa vào Ly Tôn - ngã ba đường 74 hợp sức với Sư đoàn 324 đánh xuống Huế từ hướng tây nam.

Ngày 21 tháng 3, Mặt trận Trị - Thiên nổ súng tiến công địch, chia cắt chiến lược đường số 1, bao vây tiêu diệt địch ở Huế. Trung đoàn 99 công binh Trường Sơn khẩn trương rà phá bom, mìn bắc cầu qua sông Thạch Hãn, An Lộ, bảo đảm cho bộ binh cơ giới tiến công Huế từ hướng bắc.

Ở hướng tây nam, Trung đoàn công binh 8 Trường Sơn đã cùng Lữ đoàn 219 mở đường vòng khắc phục nhiều bãi mìn lớn; khắc phục cầu Truồi, cầu Thừa Lưu, bắc cầu phao qua Bến Tuần đã bị địch phá hủy.

Ngày 26 tháng 3 từ nhiều hướng, Quân đoàn 2 cùng chủ lực Trị - Thiên và lực lượng phòng không Trường Sơn tiến công dũng mãnh, ào ạt, kết hợp với quần chúng nổi dậy, giải phóng hoàn toàn cố đô Huế. Thừa thắng, ngày 28 tháng 3, Quân đoàn 2 và chủ lực Khu 5 tiến công căn cứ liên hiệp quân sự Đà Nẵng. Sau 33 giờ chiến đấu, với tinh thần tiến công dũng mãnh, mưu trí, sáng tạo của các lực lượng tham gia chiến dịch, chiều ngày 29 tháng 3, Đà Nẵng hoàn toàn được giải phóng.

Vậy là tròn 20 ngày, kể từ khi ta nổ súng tiến công Buôn Ma Thuột, toàn bộ quân đoàn 1, quân khu 1, quân đoàn 2 ngụy đã bị xóa sổ.

Thắng lợi của chiến dịch Tây Nguyên và chiến dịch Huế - Đà Nẵng là cơ sở khẳng định thời cơ chiến lược để giải phóng Sài Gòn, giải phóng hoàn toàn miền Nam đã chín muồi.

Ngày 31 tháng 3 năm 1975, Bộ Chính trị họp hạ quyết tâm: “Năm vững thời cơ chiến lược hơn nữa, với tư tưởng thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng, thực hiện Tổng công kích, tổng khởi nghĩa trong thời gian sớm nhất, tốt nhất là trong tháng 4, không để chậm”.

Để thực hiện quyết tâm đó, Bộ Chính trị quyết định mở chiến dịch giải phóng Sài Gòn - Gia Định - lấy tên là chiến dịch Hồ Chí Minh. Một Bộ chỉ huy chiến dịch được thành lập. Tư lệnh chiến dịch là anh Văn Tiến Dũng, Chính ủy là anh Phạm Hùng. Phó tư lệnh có các anh Lê Đức Anh, Đinh Đức Thiện, Trần Văn Trà; sau bổ sung anh Lê Trọng Tấn là Phó tư lệnh và anh Lê Quang Hòa làm Phó chính ủy. Anh Lê Đức Thọ được Bộ Chính trị phân công vào trực tiếp chỉ đạo chiến dịch. Đúng là một tập thể những nhà chính trị xuất sắc, những tướng lĩnh tài ba được tung vào trận quyết chiến chiến lược cuối cùng.

Về lực lượng, ngoài quân chúng, cơ sở cách mạng tại chỗ, bốn quân đoàn và Đoàn 232 tương đương quân đoàn được huy động tham gia chiến dịch. Đại quân phía bắc, gồm: Quân đoàn 1 (thiếu Sư đoàn 308 - Quân tiên phong làm lực lượng dự bị chiến lược của Bộ), Quân đoàn 2 và Quân đoàn 3.

Hội đồng Chỉ viện chiến trường được thành lập do Thủ tướng Phạm Văn Đồng làm Chủ tịch, các Phó thủ tướng Lê Thanh Nghị, Đỗ Mười làm Phó chủ tịch. Tổng lực cơ sở vật chất hậu cần - kỹ thuật hậu phương miền Bắc cũng được dồn cho miền Nam. Các phương tiện vận tải thủy, bộ của Tổng cục Hậu cần, của Bộ Giao thông vận tải... tập trung cơ động binh lực, vật chất vào chiến trường.

Cùng với cả nước, bộ đội Trường Sơn - đường Hồ Chí Minh dốc hết lực lượng và quyết tâm cho chiến dịch mang tên Bác. Không chỉ lúc này, mà trong khi đang dồn sức chuẩn bị cho chiến dịch Tây Nguyên, ngày 26 tháng

2, theo yêu cầu của Bộ, tôi đã điều gần 400 xe của Sư đoàn 571 cơ động gấp Sư đoàn 341 Quân khu 4, từ Vĩnh Linh vào Nam Bộ bổ sung cho Quân đoàn 4. Sau 12 ngày kể từ lúc xuất phát, toàn bộ đội hình Sư đoàn 341 đã vượt 1.200 cây số đường Đông Trường Sơn vào vị trí quy định. Thắng lợi này mở ra khả năng cơ động đội hình quân đoàn vào chiến trường tham gia chiến dịch hiệp đồng binh chủng quy mô lớn.

Rồi cơ hội để bộ đội Trường Sơn “thử sức” đã đến. Vào những ngày đang tập trung phục vụ chiến dịch Huế - Đà Nẵng, chúng tôi nhận lệnh đột xuất của Bộ Tổng tư lệnh sử dụng một lực lượng lớn ô tô cơ động gấp Quân đoàn 1, Quân đoàn 3 vào tham gia giải phóng Sài Gòn và chuyển một khối lượng lớn đạn pháo tầm xa vào Nam Bộ.

Hội nghị bất thường, chớp nhoáng của Bộ Tư lệnh có các anh: Lê Xy, Phan Khắc Hy, Nguyễn Lệnh, Hoàng Kiện, Trần Quyết Thắng, cơ quan tham mưu vận tải, công binh... đã quyết định sử dụng Sư đoàn 571 cơ động Quân đoàn 1 và Sư đoàn 471 tập trung cơ động Quân đoàn 3.

Ngày 26 tháng 3, tôi trực tiếp vào giao nhiệm vụ cho Bộ Tư lệnh 571 tập trung 1.000 xe phối hợp với lực lượng vận tải ô tô của Cục Vận tải Tổng cục Hậu cần cơ động Quân đoàn 1 từ Vĩnh Linh vào Đồng Xoài. Chậm nhất là ngày 24 tháng 4 Quân đoàn 1 phải có mặt ở vị trí tập kết chiến dịch.

Nhận lệnh gấp, nhiệm vụ hết sức nặng nề, trong khi phần lớn xe của sư đoàn đang phân tán chuyển hàng đi các hướng, nhưng Sư đoàn trưởng và Chính ủy sư đoàn rất tự tin, hứa thu quân ngay để thực hiện nhiệm vụ.

Theo các anh, thì Bộ Tư lệnh sư đoàn đã quy định các đơn vị nếu nhận được

“tín hiệu đặc biệt” phải khẩn trương trả hàng, thu quân ngay.

Liên sau đó, Bộ Tư lệnh phân công Chính ủy Lê Xy xuống trực tiếp cùng chỉ huy Sư đoàn 571 tổ chức lực lượng và động viên bộ đội trong cuộc ra quân đầy ý nghĩa này.

Ngày 29 tháng 3, từ sở chỉ huy, tôi nhận điện của anh Lê Xy báo về: bộ phận thứ nhất gần 300 xe của Sư đoàn 571 đã được lệnh xuất phát. Bộ phận này cơ động Sư đoàn 320 từ Vĩnh Chấp - Vĩnh Linh tiến theo đường số 9 qua đường 22, đường 14 vượt Plây Cu, Công Tum, Buôn Ma Thuột vào Đồng Xoài.

Cùng ngày, một cánh quân khác của Sư đoàn 571 cũng lên đường vào Huế cơ động Trung đoàn 27 Sư đoàn 320 đang tập kết ở Huế theo đường số 1 vào Quy Nhơn, ngược đường 19 lên Buôn Ma Thuột, nhập vào đội hình Quân đoàn 1. Tiếp theo là cánh quân thứ hai, thứ ba... của Sư đoàn 571 lên đường.

Ngày 19 tháng 4, toàn bộ đội hình Quân đoàn 1 tham gia chiến dịch Hồ Chí Minh đã tập kết đủ ở Đồng Xoài, Lộc Ninh. Trong vòng 20 ngày, một sư đoàn huy động hơn 1.000 đầu xe, cơ động gọn đội hình quân đoàn binh chủng hợp thành với trang bị khí tài mạnh, vượt 1.200 cây số đường Trường Sơn, tới đích sớm hơn 6 ngày so với thời gian quy định. Đây thực sự là một chiến công, một kỳ tích của bộ đội vận tải Trường Sơn.

Cùng với chỉ đạo, tổ chức Sư đoàn 571 cơ động Quân đoàn 1, đầu tháng 4 Bộ Tư lệnh giao nhiệm vụ cho Sư đoàn 471 cơ động toàn bộ Quân đoàn 3 từ Tây Nguyên vào Nam Bộ và chuyển hơn 6.000 tấn đạn pháo “theo lưng” bộ đội vào phục vụ chiến dịch.

Làm một phép tính đơn giản, để cơ động đội hình quân đoàn đủ biên chế với biết bao khí tài trang bị, ít nhất cũng cần 1.500 xe. Vậy mà đã qua gần trọn mùa khô “Tổng công kích”, hoạt động với cường độ cao, xe không khỏi xuống cấp và người thì xuống sức.

Không còn phương cách nào hơn, Bộ Tư lệnh 471 phát lệnh thu quân, dồn dịch đội hình. Thiếu xe thì tập trung thợ sửa chữa. Thiếu phụ tùng thì chia nhau theo các trục đường tháo các xe hỏng mang về dồn dịch, lắp ráp. Bằng mọi cách, cố gắng nỗ lực hết mình, Sư đoàn 471 cũng có đủ đầu xe. Tất cả lại hòa cùng dòng xe, dòng người cuộn chảy. Núi rừng Trường Sơn rừng rùng chuyển động theo bánh xe lăn. Nhưng lượng xe pháo cơ động trên đường như nước chảy đã gây ách tắc cục bộ. Tại đèo Am Pun trên đường ngang 88 qua cao nguyên Bu Prăng ách tắc. Thời điểm gay cấp nhất, xe pháo dồn lại chừng 4-5 cây số.

Trong tình thế nước sôi lửa bỏng, ta đang chạy đua với thời cơ từng giây, từng khắc, cũng đồng thời đua đuổi với mùa mưa đang “gõ cửa”, được tin từ trong tuyến báo về, tôi gọi điện ngay cho Sư đoàn trưởng 471 - Phạm Thái và Chính ủy sư đoàn - Nguyễn Văn Lạn: Bám đường đèo, hiệp đồng chỉ huy giao thông hai đầu chân đèo thật tốt và tập trung mọi cố gắng giải tỏa ngay ách tắc, bằng mọi giá không để chậm bước tiến của Quân đoàn 3.

Tuy có khó khăn, nhưng do cung độ hành quân ngắn hơn Sư đoàn 571, nên chỉ 10 ngày đầu tháng 4, Sư đoàn 471 đã cơ động toàn bộ đội hình Quân đoàn 3 và Sư đoàn 2, Sư đoàn 3B Khu 5 vào Lộc Ninh, đúng thời gian quy định. Giao quân xong, đội hình xe lập tức quay về cụm kho dự trữ chiến lược KG4, Xê Sụ, Buôn Ma Thuột, chuyển gấp 6.000 tấn đạn pháo theo yêu cầu chiến dịch.

Để đảm bảo cho các quân đoàn hành quân thần tốc, Bộ Tư lệnh Trường Sơn đã tung hết lực lượng công binh cho mặt trận cầu đường. Từ cuối tháng 3, sau khi hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ phục vụ chiến dịch Tây Nguyên, Sư đoàn 470 tập trung bảo đảm giao thông trục đường 14 từ Buôn Ma Thuột vào Đồng Xoài, Lộc Ninh và bảo đảm các đường ngang 7, 19, 21... phục vụ các đơn vị truy kích địch. Phần lớn Sư đoàn 473 tiếp tục xây dựng đường cơ bản Đông Trường Sơn từ Quảng Bình đi Thạch Mỹ.

*

Như vậy, với việc huy động lực lượng xe vận tải cơ động Quân đoàn 1, Quân đoàn 3 hành quân từ sau chiến dịch Tây Nguyên, thì đường Trường Sơn - đường Hồ Chí Minh là hướng tiến quân chủ yếu của các quân đoàn chủ lực cơ động trực thuộc Bộ Tổng tư lệnh vào tham gia chiến dịch giải phóng Sài Gòn - Nam Bộ.

Nhưng, vào đầu tháng 4, sau khi chiến dịch Huế - Đà Nẵng toàn thắng, một tình thế mới xuất hiện. Tình thế đó là cơ sở để Bộ Chính trị quyết định thành lập cánh quân Duyên Hải có nhiệm vụ cơ động thần tốc theo đường số 1, đánh địch trong hành tiến, đập nát các tuyến phòng thủ từ xa của địch dọc duyên hải miền Trung, tiến vào hợp vây Sài Gòn - Gia Định từ hướng đông, đông nam.

Bộ Tư lệnh cánh quân Duyên Hải do anh Lê Trọng Tấn làm Tư lệnh, anh Lê Quang Hòa làm Chính ủy và tôi là Phó tư lệnh.

Đầu tháng 4, nhận được điện của anh Võ Nguyên Giáp thông báo quyết định của Bộ Chính trị, tôi vào ngay Hòa Khánh, Hòa Vang, Quảng Nam (sở chỉ

huy của sư đoàn 3 ngay trước đây), dự cuộc họp chớp nhoáng của Bộ Tư lệnh cánh quân Duyên Hải. Dọc đường 1 từ Quảng Trị vào Đà Nẵng, người và xe như mắc cửi.

Dự họp còn có anh Võ Chí Công - Bí thư Khu ủy Khu 5, anh Chu Huy Mân - Tư lệnh Quân khu 5. Đây là buổi họp mặt đầu tiên và cũng là cuối cùng của Bộ Tư lệnh cánh quân Duyên Hải. Bởi sau đó, tình hình chiến trường phát triển như vũ bão. Anh em chúng tôi mỗi người ở cương vị của mình đều cuốn vào “dòng xoáy” của công việc.

Hợp thành cánh quân Duyên Hải gồm Quân đoàn 2 (thiếu Sư đoàn 324) được tăng cường Sư đoàn 3 (Quân khu 5). Ngoài các loại vũ khí, khí tài trang bị đồng bộ, quân số của chiến dịch hành quân đại quy mô này lên tới gần 33.000.

Để cơ động được ngần ấy quân và khí tài trang bị kèm theo, tôi nhẩm tính sơ bộ, ít nhất cũng phải có hơn hai nghìn ô tô. Vậy mà, gộp số xe của Quân đoàn 2 và lượng xe chiến lợi phẩm Quân đoàn tận thu của địch ở Huế, Đà Nẵng cũng mới chỉ đáp ứng được một nửa.

Anh Lê Trọng Tấn, anh Giáp Văn Cương - Phó tổng tham mưu trưởng vừa vào và anh Nguyễn Hữu An đang bàn cách gỡ thế bí. Điện báo Bộ Tổng tư lệnh, xe của Tổng cục Hậu cần sẽ vào. Nhưng không thể nào vào sớm được. Yếu tố thời cơ không còn. Đúng lúc đó 600 xe của Sư đoàn 571 chuyển gạo bảo đảm cho Quân đoàn 2 đang vào Đà Nẵng. Không chần chừ, anh Giáp Văn Cương đáp ngay máy bay ra sở chỉ huy Bộ Tư lệnh Trường Sơn và Bộ Tư lệnh Sư đoàn 571 bàn tìm giải pháp tình thế. Chúng tôi quyết định sử dụng luôn số xe chuyển gạo vào Đà Nẵng để cơ động Quân đoàn 2 vào Sài Gòn. Đồng thời, tôi cũng đề nghị anh Giáp Văn Cương cho huy động phương tiện vận tải của nhân dân từ Huế, Đà Nẵng trở vào để chuyển quân. Sau đó,

cánh quân Duyên Hải đã huy động được hàng trăm xe, lái xe trong nhân dân các vùng mới giải phóng tham gia chiến dịch cơ động thần tốc này.

Trưa ngày 7 tháng 4 năm 1975, cùng lúc, sở chỉ huy cơ bản và sở chỉ huy tiền phương Bộ Tư lệnh Trường Sơn nhận được điện tối khẩn số 157-H-TK của anh Võ Nguyên Giáp:

“Thần tốc, thần tốc hơn nữa,
Táo bạo, táo bạo hơn nữa,
Tranh thủ từng giờ từng phút,
Xốc tới mặt trận, giải phóng miền Nam.
Quyết chiến và toàn thắng!”.

Mệnh lệnh hành quân, mệnh lệnh chiến đấu được anh thể hiện dồn dập, thúc giục như lời thơ giàu vần điệu, chỉ đọc một lần mà nhớ mãi!

Chỉ sau hai ngày nhận điện của anh Văn, 669 xe của Sư đoàn 571 do Sư đoàn trưởng Hoàng Trá trực tiếp chỉ huy dàn đội hình từ nam đèo Hải Vân vào tới sân bay Đà Nẵng, tổ chức tiếp nhận các lực lượng của Quân đoàn 2, chờ lệnh xuất phát. Thành xe, cửa buồng lái, vành mũ người chiến sĩ giải phóng sáng trắng khẩu hiệu “Thần tốc - táo bạo - tất thắng”. Có được kết quả này, ngoài tinh thần, sĩ khí của cán bộ, chiến sĩ lái xe, phải kể đến vai trò tích cực, chủ động của Bộ Tư lệnh Sư đoàn 571, vai trò công binh Trường Sơn bắc cầu, sửa đường số 1.

Nghĩ đến chiến dịch hành quân đại quy mô của cánh quân Duyên Hải dọc theo đường số 1 vào Nam, đánh địch mà đi, tiến quân thần tốc, tôi bỗng liên tưởng đến cuộc hành binh của vị tướng lĩnh tài ba, lỗi lạc, người Anh hùng dân tộc Quang Trung - Nguyễn Huệ năm Kỷ Dậu 1789, ngược đường Thiên lý ra Bắc Hà đại phá 20 vạn quân Thanh xâm lược. Có điều, thay cho cánh khiên, cạm; thay cho những thốt voi của những chiến binh xưa, giờ đây đại quân của ta cưỡi trên hơn hai nghìn xe pháo, hùng dũng thẳng hướng Sài Gòn.

Trên hướng tiến của cánh quân Duyên Hải, thuận lợi lớn là đường tốt. Nhưng, cản trở lớn ngoài các tuyến phòng thủ của địch là nhiều cầu cống quan trọng đã bị chúng phá hỏng hòng cản bước tiến của ta.

Theo tài liệu của địch mà chúng tôi thu thập được, thì trên 1.000 cây số đường số 1 từ Quảng Trị vào Xuân Lộc có tới 569 cây cầu lớn nhỏ. Nhưng chiếc nào còn, chiếc nào mất, hiện chưa rõ. Còn theo Cục Công binh Trường Sơn báo cáo, chỉ riêng 640 cây số đường 1 từ Đà Nẵng vào Nha Trang, địch đã cho phá hầu hết các cầu lớn, như cầu Cao Lâu, Kế Xuyên, Bà Bầu, An Tâm... Trong khi, khí tài vượt sông của Lữ đoàn công binh 219 Quân đoàn 2 chỉ đủ ghép bốn phà.

Trước tình hình đó, Bộ Tư lệnh Trường Sơn điều gấp ba trung đoàn công binh cơ động thiện chiến là: Trung đoàn 8, Trung đoàn 99, Trung đoàn 531 tăng cường bảo đảm cho cánh quân Duyên Hải dọc đường số 1 từ Huế vào Nha Trang. Đồng thời lệnh cho Sư đoàn 470 ngoài nhiệm vụ bảo đảm đường Đông Trường Sơn từ Công Tum đi Buôn Ma Thuột và trực ngang từ Plây Cu xuống Quy Nhơn, phải đưa ngay lực lượng xuống bảo đảm đường số 1 từ Quy Nhơn vào Phan Rang.

Ý thức được khó khăn về bảo đảm giao thông trên đường số 1, tôi cùng tiền

phương Cục Tham mưu công binh trực tiếp đôn đốc, động viên các trung đoàn 99, 8, 531 bám đường, bám cầu. Với cương vị Phó tư lệnh cánh quân Duyên Hải và Tư lệnh bộ đội Trường Sơn, tôi toàn quyền cho các đơn vị công binh được lấy đầm cầu be-lây và vật tư thiết bị trong các kho của địch mà ta vừa chiếm được, sử dụng kịp thời khắc phục những cầu cống bị địch phá hỏng, quyết không để bánh xe ngừng quay.

Chưa bao giờ ta thu được nhiều chiến lợi phẩm như lúc này. Mặc dầu sau khi Mỹ rút, tướng tá ngụy có lúc đã hô hào binh sĩ “đánh theo kiểu con nhà nghèo”, song nguồn vật chất ta thu được ở khu kho Mai Hắc Đế (Buôn Ma Thuột), ở Huế, Đà Nẵng... không phải là ít. Nào máy bay, tăng - thiết giáp, nào súng pháo, đạn pháo. Hấp dẫn đối với bộ đội vận tải là xe ô tô; với công binh cầu đường là cầu be-lây, những khung cầu thép lắp sẵn... Nguồn vật chất mới tạo cho hỏa lực và sức cơ động của các binh đoàn chủ lực của ta tăng lên ghê gớm.

Trên hai hướng tiến quân - đường số 1 và đường Trường Sơn, đây là lần đầu tiên trong lịch sử của mình, công binh Trường Sơn được tung hết trí lực, vật lực bảo đảm cho cùng một lúc ba quân đoàn binh chủng hợp thành hành quân thần tốc đường dài.

Dốc toàn lực, sử dụng tối đa khí tài tận thu của địch, huy động nhân tài vật lực trong nhân dân và triệt để khai thác số xe - máy do Cuba trợ giúp, công binh Trường Sơn đã khôi phục kịp thời 96 cầu trên các trục đường 1, 14, 19, 26, 57, với tổng chiều dài hơn 3.000 mét, trong đó có 68 cầu be-lây, 15 cầu đầm thép, 5 cầu phao..., bảo đảm được tốc độ hành quân của bộ binh, cơ giới, binh khí kỹ thuật.

Có xe, cầu, đường tốt chưa đủ, “Thần tốc, thần tốc hơn nữa!” lúc này còn là nhịp đập của con tim những người lính xăng dầu, thông tin, phòng không,

giao liên... trên đường Trường Sơn!

Cùng với việc chỉ đạo Cục Xăng dầu vận hành tốt tuyến đường ống xăng dầu Trường Sơn lúc này đã áp sát đại bản doanh Bộ Tư lệnh chiến dịch Hồ Chí Minh, bảo đảm cho trục hành quân phía tây; sau khi ta giải phóng Đà Nẵng, chúng tôi phái ngay một bộ phận vào tiếp quản kho xăng Liên Chiểu dưới chân đèo Hải Vân, tổ chức cấp phát bảo đảm cho cánh quân Duyên Hải. Cũng từ đó, bộ đội xăng dầu áp sát đội hình bộ binh cơ giới, tổ chức tiếp các trạm cấp phát ở Quy Nhơn, Cam Ranh, Phan Thiết; chưa kể một lực lượng khá lớn xe xi-téc chở xăng dầu từ các kho nội tuyến cơ động theo đội hình xe chở quân... tiếp xăng kịp thời. Hơn 4.000 tấn xăng dầu huy động bảo đảm cho chiến dịch là một chiến công không nhỏ của những người lính xăng dầu Trường Sơn.

Trước sự phát triển dồn dập của tình hình, Bộ Tư lệnh khẩn trương xốc lại thế trận phòng không toàn tuyến. Sư đoàn phòng không 377 vươn sâu, rải lực lượng dọc hành lang Đông Trường Sơn bảo vệ đội hình hành quân của Quân đoàn 1 và Quân đoàn 3. Hai trung đoàn phòng không 527, 528 cơ động vào khu vực Cam Ranh, Nha Trang, tham gia bảo vệ đội hình hành quân của cánh quân Duyên Hải.

Phối hợp nhịp nhàng với các binh chủng chủ lực trên tuyến, bộ đội thông tin, giao liên, kho tàng, hậu cần luôn bám sát đội hình chiến dịch, phục vụ hết mình cho các mũi hành quân, cho trận thắng cuối cùng.

Sau 18 ngày vượt hơn 1.000 cây số xuyên qua ba quân khu, đập tan các cụm phòng ngự của địch ở Phan Rang, Phan Thiết, Hàm Tân..., được sự hỗ trợ của công binh Trường Sơn khắc phục hàng chục cầu lớn bị phá hỏng, ngày 21 tháng 4, cánh quân Duyên Hải tràn đầy dũng khí tiến qua thị xã Xuân Lộc còn nghi ngút khói lửa vào tập kích ở rừng cao su Ông Quế, phía nam Xuân

Lộc.

Như vậy, trên cả hai hướng tiến quân, đường Trường Sơn và đường số 1, các lực lượng binh chủng của Bộ Tư lệnh Trường Sơn đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình.

Nhận nhiệm vụ cơ động các binh đoàn chủ lực vào tham gia chiến dịch Hồ Chí Minh, đặc biệt là cơ động Quân đoàn 1, Quân đoàn 3 theo đường Trường Sơn khi mùa mưa đã “gõ cửa”, chúng tôi không khỏi bồn chồn, lo lắng. Trong cuộc đua tranh giữa bộ đội Trường Sơn với thời gian, tôi thầm mong mưa đừng đến vội...

Khi được tin Quân đoàn 1, Quân đoàn 3 vào Lộc Ninh trót lọt, an toàn; Quân đoàn 2 vượt “cánh cửa thép” Xuân Lộc, khó ai thấu nổi vui mừng của những người lính Trường Sơn, đặc biệt là lực lượng vận tải.

*

Sau khi cánh quân Duyên Hải phá vỡ tuyến phòng thủ của địch ở Phan Rang, giải phóng Nha Trang, Bộ Tư lệnh Trường Sơn quyết định chuyển sở chỉ huy vào Nha Trang, bám sát đội hình các đơn vị phục vụ chiến dịch trên cả hai hướng đường số 1 và đường Đông Trường Sơn, tiện liên lạc với Tiền phương Bộ Tư lệnh ở Buôn Ma Thuột. Sở chỉ huy lần này được đặt tại Trường hạ sĩ quan thông tin của địch ở Đồng Đế mà ta vừa tiếp quản.

Tại đây, ngày 22 tháng 4, Bộ Tư lệnh triệu tập hội nghị cán bộ chủ trì các đơn vị trực thuộc thông báo tình hình phát triển của chiến trường, của chiến dịch

Hồ Chí Minh, phổ biến nhiệm vụ cụ thể của từng đơn vị. Đối với các sư đoàn ô tô vận tải, ngoài lực lượng cơ động bộ binh tác chiến chiến dịch, phải tập trung xe chuyển gấp đạn pháo, vật chất hậu cần - kỹ thuật từ các cụm kho dự trữ ở Tây Nguyên, Đông Hà - Quảng Trị vào bảo đảm kịp thời theo yêu cầu chiến dịch; đặc biệt lưu ý chọn những đơn vị vận tải cơ giới thiện chiến nhất cơ động lực lượng bộ binh đột kích thọc sâu của các quân đoàn. Công binh, phòng không, xăng dầu, thông tin, giao liên... tập trung bảo đảm giao thông, bảo đảm tốc độ tiến quân của các cánh chiến dịch.

Trong thế thắng như “chẻ tre” của ta trên chiến trường, chỉ huy các đơn vị nhận nhiệm vụ với tâm trạng phấn chấn tột độ, quyết tâm cao. Kết thúc hội nghị, ai nấy lập tức về ngay đơn vị. Thời gian mở màn chiến dịch đang hối thúc tất cả.

Lúc này, ở Buôn Ma Thuật, Tiền phương Bộ Tư lệnh do Phó tư lệnh Nguyễn Lang vẫn tiếp tục chỉ đạo các đơn vị hoạt động trên tuyến hành lang Đông - Tây Trường Sơn. Đồng thời, chúng tôi quyết định tổ chức một bộ phận gồm Sư đoàn phó 470 Trần Quốc Khiêm, Sư đoàn phó 471 Phạm Lê Hoàng và một số sĩ quan tham mưu do anh Phan Khắc Hy phụ trách đại diện cho Bộ Tư lệnh Trường Sơn bên cạnh Bộ Tư lệnh chiến dịch Hồ Chí Minh, trực tiếp nhận chỉ thị và tổ chức giải quyết kịp thời những yêu cầu cấp thiết nhất của chiến dịch.

17 giờ ngày 26 tháng 4 năm 1975, trận tổng công kích vào Sài Gòn - thủ phủ của chính quyền Sài Gòn, bắt đầu.

Trên hướng đông và đông nam, ở mũi chủ yếu, Trung đoàn xe 512 Sư đoàn 571 - một trung đoàn ô tô vận tải thiện chiến - đơn vị Anh hùng, cơ động Sư đoàn 304 Quân đoàn 2 tiến công từ Nước Trong - Long Bình và phát triển theo xa lộ Biên Hòa - Sài Gòn. Ở mũi thứ yếu, một đơn vị khác của Sư đoàn

xe 571, tham gia cơ động Sư đoàn 325 bộ binh tiến công Long Thành - Thành Tuy Hạ, phát triển về bến phà Cát Lái để vượt sông Lòng Tàu.

Cùng thời gian, trên hướng bắc chiến dịch, Sư đoàn xe 471 cơ động nhanh chóng Quân đoàn 1 tiến công vào nội đô Sài Gòn theo hai mũi. Một, cơ động Sư đoàn 320 bộ binh qua Tân Uyên, vượt cầu Bình Triệu đánh chiếm bộ tổng tham mưu nguy. Một, cơ động lực lượng còn lại của Quân đoàn 1 đánh chiếm Bến Cát, vượt cầu sông Bé phát triển vào nội đô.

Ở hướng tây bắc, các trung đoàn ô tô vận tải 17, 32, 536, sau khi dồn đủ đạn pháo lớn và các loại vật chất hậu cần - kỹ thuật khác theo yêu cầu của chiến dịch, đã kịp thời cơ động Quân đoàn 3 băng qua Đồng Dù, Củ Chi, Hóc Môn..., đánh chiếm sân bay Tân Sơn Nhất...

Từ sở chỉ huy, chúng tôi được tin Sư đoàn 304 gặp địch kháng cự quyết liệt ở ngã ba đường 15, Nước Trong, Long Bình; Trung đoàn 66, Lữ đoàn 203 gặp khó khăn ở cầu sông Buông; địch tập trung tàu thuyền, pháo hạm khống chế Sư đoàn 325 ở bến phà Cát Lái... Quân đoàn 2, lực lượng đột kích thọc sâu của Quân đoàn gặp khó khăn có nghĩa là Sư đoàn ô tô 571 gặp khó khăn, lái xe Trường Sơn gặp khó khăn... Không khí sở chỉ huy Bộ Tư lệnh Trường Sơn các ngày 28 - 29 tháng 4 có những lúc căng thẳng tột độ. Anh Lê Xy không giấu được lo lắng nói:

- Trong cơn giã chết, sợ chúng liều mạng. Chẳng gì cũng gây cho ta tổn thất.

- Đúng vậy - Tôi nói. Lúc này, chỉ cần chúng ta vào thành phố sớm một giờ là đồng bào, chiến sĩ đỡ tổn biết bao xương máu.

Nói tới đó, trong tôi lại hiển hiện hình ảnh máu những người lính công binh Trường Sơn loang đỏ dòng Thạch Hãn khi rà vớt bom mìn, bắc cầu cho bộ binh cơ giới tiến vào giải phóng Huế; gương dũng sĩ lái xe Phạm Văn Chuyên hy sinh bên vành tay lái trong khi cơ động bộ binh đột phá tuyến phòng thủ Phan Rang và một số cán bộ, chiến sĩ lái xe hy sinh trong hành tiến dọc duyên hải miền Trung. Còn giờ đây, trước cửa ngõ Sài Gòn...?

Nhưng, mọi phản ứng của kẻ thù chỉ là cơn giãy chết tuyệt vọng. Giờ cáo chung của chính quyền, quân đội Sài Gòn đã đến. Với thế và lực áp đảo kẻ thù, đòn tiến công của các binh đoàn chủ lực kết hợp với phong trào nổi dậy của quân và dân Sài Gòn - Gia Định đã đè bẹp mọi sự phản kháng cuối cùng của quân đội Sài Gòn.

Sáng 30 tháng 4, từ nhiều hướng, các quân đoàn 1, 2, 3, 4 đồng loạt tiến công dũng mãnh vào nội đô Sài Gòn, lần lượt đánh chiếm, làm chủ những mục tiêu trọng yếu.

Đúng 11 giờ 30 ngày 30 tháng 4, Trung đoàn bộ binh 66, Lữ đoàn 203 xe tăng tiến công làm chủ dinh Độc Lập. Tổng thống Dương Văn Minh cùng hầu hết những nhân vật chủ chốt nội các chính quyền Sài Gòn đầu hàng vô điều kiện.

Điện từ Bộ Tư lệnh chiến dịch, điện từ đại diện Bộ Tư lệnh Trường Sơn báo về. Ra-đi-ô lớn bé bật hết cỡ, truyền đi bản tuyên bố đầu hàng không điều kiện của Dương Văn Minh... Tin vui dồn nén đến nghẹt thở!

Vào giờ phút vô cùng thiêng liêng ấy, trong tôi hiển hiện bóng dáng đoàn “Tuấn mã Trường Sơn”, những người lính Trường Sơn làn da dãi dầu nắng

gió, quân phục nhuộm đỏ bụi đường chờ quân tiến công dũng mãnh, cùng lực lượng đột kích thọc sâu của Quân đoàn 2 làm chủ dinh Độc Lập, hàng ố cuối cùng của địch.

Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng, miền Nam hoàn toàn được giải phóng. Các lực lượng bộ đội Trường Sơn - đường Hồ Chí Minh tham gia chiến dịch đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ vô cùng quan trọng là bảo đảm cầu đường, bảo đảm hậu cần - kỹ thuật, và đặc biệt là đã cơ động các binh đoàn chủ lực đánh địch trong hành tiến, thần tốc vượt lộ trình hàng nghìn cây số; kịp thực hiện chiến dịch hiệp đồng binh chủng quy mô lớn nhất trong lịch sử chiến tranh giải phóng của dân tộc ta.

Bằng nỗ lực cao độ của mình, cán bộ và chiến sĩ bộ đội Trường Sơn đã góp phần to lớn thực hiện một sáng tạo trong nghệ thuật quân sự - cơ giới hóa bộ binh, tạo nên khả năng cơ động cao, sức đột kích mạnh của các binh đoàn chủ lực, nhanh chóng đè bẹp mọi sự phản kháng của kẻ thù, giành toàn thắng trong trận quyết chiến chiến lược cuối cùng.

Vấn đề cơ giới hóa bộ binh - tôi vẫn nghĩ là một trong những nội dung có tính quy luật trong tổ chức lực lượng vũ trang theo yêu cầu tác chiến hiện đại. Quân đội ta cũng không nằm ngoài quy luật đó. Dĩ nhiên vận dụng quy luật đó vào điều kiện Việt Nam như thế nào lại thuộc về tài nghệ của Đảng ta. Điều hết sức lý thú, tuyệt vời đối với bộ đội vận tải ô tô Trường Sơn là: Từ vận chuyển vật chất phục vụ chiến đấu - tiến lên cơ động các binh đoàn chủ lực thần tốc vượt chặng đường hàng nghìn cây số vào tham gia chiến dịch và cao trào là vào giai đoạn cuối - khi tình huống xuất hiện đã Bất thần chuyển thành lực lượng cơ động bộ binh chiến đấu, tiến công dũng mãnh vào sào huyệt kẻ thù. Một sáng tạo trong quá trình vận động tất yếu, trong tính quy luật, là ở chính hai tiếng Bất thần ấy.

Là một người lính Trường Sơn, tôi không khỏi xúc động, tự hào, bởi bộ đội Trường Sơn - đường Hồ Chí Minh đã góp sức lực, trí tuệ, máu xương cùng toàn dân tộc thực hiện được nguyện ước nung nấu từ 16 năm về trước là mở những con đường, đưa những đoàn quân tiến về cùng với nhân dân nổi dậy giải phóng Sài Gòn, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Cùng với đại thắng của dân tộc ta, nhân dân và lực lượng vũ trang cách mạng Cam-pu-chia đã chủ động đón thời cơ giải phóng Phnôm Pênh; tiếp đó cuộc kháng chiến của nhân dân các bộ tộc Lào cũng giành thắng lợi trọn vẹn vào tháng 12 năm 1975.

Cuộc kháng chiến của ba dân tộc Việt - Miên - Lào chống đế quốc Mỹ xâm lược toàn thắng. Hòa bình được thiết lập trên bán đảo Đông Dương. Đường Hồ Chí Minh - đường Trường Sơn đã hoàn thành xuất sắc sứ mạng lịch sử tổ chức thực hiện nhiệm vụ chi viện chiến lược cho chiến trường miền Nam và chiến trường nước bạn.

Trung tuần tháng 5, giữa những ngày tràn ngập niềm vui chiến thắng, tại sở chỉ huy ở Đồng Đế, Nha Trang, Bộ Tư lệnh Trường Sơn tổ chức hội nghị tổng kết bước đầu hoạt động phục vụ, tham gia Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975; xác định nhiệm vụ, bàn biện pháp thực hiện trong thời kỳ mới. Hội đủ về đây vẫn những khuôn mặt, giọng nói, tiếng cười gần gũi, mà sao thấy ai cũng trẻ trung, thanh thản lạ thường.

Trong cái sôi động ồn ào phút giây đầu gặp mặt, vẫn có một khoảng yên lặng đến khôn cùng - Khoảng lặng dành cho những đồng chí, đồng đội, bạn bè vĩnh viễn nằm lại với cánh rừng, con suối, đất trời Trường Sơn.

Cũng dịp này, chúng tôi vinh dự được đón các anh Lê Duẩn, Võ Nguyên Giáp, Võ Chí Công, Chu Huy Mân, Đinh Đức Thiện, Tố Hữu, Hoàng Anh, Đặng Thĩ, Song Hào, Hoàng Minh Thảo... lần lượt vào thăm, chia vui cùng những người lính Trường Sơn.

Một sáng tháng 5, khi phân tích với tôi về tư tưởng chỉ đạo của Bộ Chính trị trong chiến dịch Hồ Chí Minh, anh Lê Duẩn khẳng định:

- Mọi ý tưởng, từng con chữ đều được Bộ Chính trị cân nhắc kỹ trong phiên họp có tính lịch sử ngày 31 tháng 3 năm 1975. Không khẳng định được thế thắng như “chè tre” của ta từ sau đòn “điểm huyết” Buôn Ma Thuột, không tính đến thực lực bộ đội vận tải cơ giới và thế trận cầu đường trên chiến trường. thì “Thần tốc” không thể đặt lên hàng đầu...

- Vâng, thưa anh - Tôi đáp - anh Văn cũng có nói với tôi điều này. Nhưng có một triết gia đã nói: “Cái tồn tại là cái hợp lý”. Kết cục là chúng ta đã đúng, và chúng ta đã thắng.

Anh Duẩn cười vang - tiếng cười chưa một lần tôi thấy ở anh!

Hết